

ALISTAIR MACLEAN

Tiểu thuyết hình sự

Người dịch: Nguyễn Trọng Thế



TỘI PHẠM

MA TÚY

Ở AMSTERDAM

NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG

Tội Phạm Ma Túy Ở Amsterdam

Tác giả: Alistair Mac Lean

Người dịch: Nguyễn Trọng Thế

Nhà xuất bản Hải Phòng 2003



ebook©vctvegroup

18/10/2019

Lời giới thiệu

Alistair Mac Lean đã thành công ở một loạt tiểu thuyết trinh thám đầy ắp tình tiết hấp dẫn và gay cấn. Và có lẽ thành công nhất khi ông viết về Paul Sherman với những con rối khủng khiếp của đường dây ma túy xuyên quốc gia ở Amsterdam.

Ma túy đang là vấn nạn trên toàn thế giới. Nó hủy hoại con người ta hơn tất cả mọi loại độc dược, nó giăng bẫy khắp nơi, nó thao túng mọi góc ngách của đời sống xã hội và những ai đã vướng vào nó hầu như không có đường lui. Nhưng ghê tởm nhất, đáng lên án nhất và phải quyết tâm tiêu diệt nhất, bởi ngày càng có nhiều kẻ vì lợi nhuận siêu ngạch của nó đã biến đến cả những người dân lương thiện ở những làng quê thật hiền hòa thành những con quỷ mặt người.

Theo chân Paul Sherman - thiếu tá trưởng phòng cảnh sát điều tra tội phạm ma túy của Interpol trong “Tội phạm ma túy ở Amsterdam” của Alistair Mac Lean - bạn sẽ ngập trong cảm giác ngạc nhiên, sửng sốt và không thiếu những giây phút bàng hoàng, ghê sợ.

Đương nhiên là phải trả những bài học đắt giá, nhưng Sherman đã dần dần nhận ra chân tướng đường dây ma túy nguy hiểm này.

Một vụ án ma túy được phá trong thời gian rất ngắn. Cái thông điệp phải cùng nhau loại trừ triệt để ma túy trên toàn thế giới này hiện lên thật rõ nét. Đó là những gì bạn cảm nhận khi lật đến trang cuối của “Tội phạm ma túy ở Amsterdam”.

NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG

1

“Chúng ta sắp đến sân bay Schiphol, Amsterdam trong vài phút nữa” - giọng nói của cô tiếp viên hàng không Hà Lan ngọt ngào, giống hệt như giọng các cô tiếp viên của một hãng hàng không bất kỳ nào trong hàng chục nước châu Âu. “Xin quý khách vui lòng siết chặt thắt lưng và tắt đèn thuốc lá cho. Chúng tôi hy vọng quý khách đã có được niềm vui trong chuyến bay này, và mong rằng quý khách cũng sẽ có niềm vui trong thời gian lưu lại Amsterdam.”

Tôi nói với nữ tiếp viên khi cô đi ngang qua chỗ tôi ngồi. Một cô gái duyên dáng nhưng đã có thói quen lạc quan hơi tùy tiện trong cách cô nhìn cuộc sống nói chung, và tôi đã không đồng ý với cô về hai điểm: tôi không có niềm vui thích khi được bay và cũng không mong đợi được hưởng niềm vui khi lưu lại Amsterdam. Tôi cũng chẳng có niềm vui khi ngồi trên máy bay, vì tôi không hề thấy thích thú gì khi lên một máy bay bất kỳ nào kể từ hồi ấy, vào một ngày cách đây hai năm trước, khi một chiếc máy bay DC-8 đâm sầm xuống đất chỉ có vài giây sau khi nó cất cánh, và tôi đã phát hiện ra hai điều: nó không làm cho hành khách đủ tin cậy khi bắt đầu lăn trên đường băng bê tông lúc chuẩn bị cất cánh và rằng phẫu thuật tạo hình có thể tiến hành rất lâu, vừa đau, lại vừa tốn kém và thường thì ít khi thành công. Và lại tôi không hề trông đợi được hưởng niềm vui ở Amsterdam, cho dù có lẽ đó là thành phố đẹp nhất thế giới với những người dân mến khách mà bạn có thể gặp họ ở bất cứ nơi đâu: bởi vì bản chất các chuyến đi công việc của tôi ra nước ngoài vốn dĩ phải loại trừ bất kỳ niềm vui nào.

Dù chiếc phi cơ KLM DC-8 to lớn - nhưng tôi cũng không mê tín hay hoài nghi rằng một máy bay nào đó đang bay cũng có thể thành

lình rơi từ trên bầu trời xuống mặt đất. Tôi trầm ngâm liếc nhìn quanh đám đông hành khách trong máy bay. Tôi quan sát thấy số đông hành khách dường như cũng chia sẻ suy nghĩ của tôi về những điều rủi ro không may vốn có trong các chuyến bay: những ai đó nếu không dùng móng tay để bấu chặt đến mức xuyên thành lỗ thủng trên chiếc ghế êm họ đang ngồi thì cũng có vẻ dăm chiêu cố không biểu lộ sự lo lắng, người thì ngả lưng thoải mái trên ghế có vẻ thờ ơ, người thì nói chuyện luôn miệng, vui vẻ một cách vô tư trước cái số phận bất hạnh treo lơ lửng trên đầu với một vài lời châm biếm trên đôi môi đang mỉm cười của họ. Tóm lại, đó là một mẫu tiêu biểu khá công bằng của nhân loại.

Tôi nhìn vào ba chiếc ghế đằng sau ở dãy ghế phía bên kia. Hầu như không có ai chú ý đến tôi, vì phần lớn những người đàn ông trong phạm vi tầm mắt của họ vẫn chẳng khác gì như khi tôi nhìn họ kể từ lúc rời sân bay Heathrow: không nhìn người ta chút nào sẽ hầu như là một phương pháp đảm bảo không thu hút sự chú ý của họ.

Hai cô gái đó ngồi cạnh nhau. Có gì lạ đâu, bạn có thể thấy hai cô gái ngồi cạnh nhau ở nhiều chỗ, nhiều nơi, nhưng tôi cam đoan bạn không dễ tìm kiếm được hai cô gái như thế. Một cô tóc đen nhánh như cánh quạ, một cô tóc vàng hoe hơi ngả màu bạch kim óng ánh dưới nắng mặt trời, hai cô đều mặc váy ngắn, cô tóc đen mặc toàn đồ lụa trắng, còn cô tóc hoe thì mặc toàn đồ đen. Cả hai cô, ở một chừng mực nào đó, làm cho bạn và có thể nhiều người khác nữa nhận thấy là khuôn mặt xinh đẹp và dáng đi với những bước chân sải dài về phía trước thường có ở số ít loại phụ nữ được kén chọn kể từ thời Vệ nữ thành Milo. Song, trên hết cả là hai cô gái xinh đẹp một cách hấp dẫn, nhưng hoàn toàn không nhạt nhẽo, và trông rộng giống như những nét đẹp chưa phát triển đầy đủ của các cô hoa hậu thế giới: nghĩa là giống nhau lạ kỳ, họ có cấu trúc xương hoàn hảo, và phẩm chất thông minh nên rất ít khi phạm sai lầm. làm cho họ vẫn cứ đẹp mãi cho đến hai

mười năm sau, trong khi sắc đẹp của hoa hậu thế giới đã nhạt phai, không thể cạnh tranh với *típ* phụ nữ như hai cô nói trên...

Cô tóc vàng hoe mỉm cười với tôi, nụ cười vừa có phần hơi sỗ sàng lại vừa khêu gợi, nhưng thân mật. Tôi đã nhìn cô bằng cái nhìn dừng dừng, và như một bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ đang thực tập đã không làm được như ý, cho nên vẻ mặt dừng dừng của tôi có thể nhận thấy là thiếu sự khuyên khích, nhưng cô vẫn mỉm cười với tôi. Cô tóc đen thúc bạn bằng khuỷu tay, không nhìn tôi. Cô cau mày không tán thành nên cô bạn không cười nữa. Tôi nhìn đi nơi khác.

Khi chúng tôi đã lướt trên đường băng chưa đầy hai trăm mét thì đầu óc tôi hầu như không còn nghĩ gì đến bộ bánh của máy bay chun lại ngay khi nó chạm vào đường băng rải nhựa. Tôi ngả người trên ghế, nhắm mắt lại và nghĩ về hai cô gái. Tôi nghĩ, dù cho tôi có sơ xuất nào đó nhưng không ai có thể nói rằng tôi đã chọn các trợ lý của mình mà không chú ý đến những khía cạnh sắc đẹp của các cô. Maggie, cô gái tóc đen, hai mươi bảy tuổi, đã làm việc cùng tôi được năm năm, cô là người thông minh, và một điểm nổi bật, cô là người cần cù, kín đáo, khôn ngoan, đáng tin cậy, hầu như chẳng bao giờ phạm sai lầm - bởi trong công việc của chúng tôi không có những cái được hiểu theo nghĩa thông thường là người ta ai mà không có sai lầm. Quan trọng hơn, Maggie và tôi đã yêu nhau được nhiều năm, một phẩm chất hầu như là thiết yếu, đặc biệt trong công việc của chúng tôi, dù cho chỉ nhất thời mất lòng tin vào nhau cũng có thể gây ra những hậu quả tồi tệ, nhưng chúng tôi không như thế, cho đến chừng mực như hiện nay.

Belinda, tóc vàng hoe, hai mươi hai tuổi, người Paris, lai nửa Pháp, nửa Anh. Đối với cô thì đây là lần nhận nhiệm vụ chiến đấu đầu tiên, và cô là một ẩn số hoàn toàn chưa biết đối với tôi. Không phải là điều bí ẩn, nhưng đúng là một người mà tôi chưa mấy hiểu biết, khi Cơ quan an ninh Pháp phải phái một trong những điệp viên của họ đi thì họ đã cử Belinda đến cho tôi, kèm theo hồ sơ cá nhân rằng điệp

viên này rất thông minh sáng ý. Về nền tảng cá nhân, theo tất cả những gì tôi có thể thu thập được cho đến nay thì, cô vẫn còn thiếu kinh nghiệm về phương diện hoạt động điệp vụ, nhưng đó là điều dĩ nhiên - một đàn em nên nghe theo các bậc đàn anh là các cấp trên của họ, và trong trường hợp này là bản thân tôi. Nhưng cô là người có tài năng biết bình tĩnh xoay sở hơn là những điều chỉ dẫn chờ đợi ở cấp trên trực tiếp của mình.

Hai cô đều chưa từng đến Hà Lan lần nào trước đây, nên đó là một trong những lý do tại sao họ phải đi cùng tôi, ngoài điều đó ra, các cô gái trẻ đẹp trong cái nghề nghiệp không đáng yêu này của chúng tôi, có thể nói còn hiếm hơn cả những áo choàng làm bằng da lông thú ở xứ Congo nóng nực và do đó lại càng không thể thu hút sự chú ý gây nghi ngờ của những người tò mò.

Chiếc DC-8 bắt đầu hạ thấp độ cao để hạ cánh, bộ bánh máy bay vẫn còn chưa mở ra, vì vậy tôi mở mắt và bắt đầu nghĩ về những vấn đề trực tiếp khẩn cấp hơn. Duclos, Jimmy Duclos đang chờ gặp tôi tại sân bay Schiphol và chắc chắn anh ấy có chuyện gì đấy quan trọng và khẩn cấp cần chuyển cho tôi. Cũng do nó rất quan trọng, thậm chí dù có mã hóa, để chuyển qua các kênh liên lạc bình thường cũng không thể, và cũng không thể chuyển qua đường liên lạc ngoại giao từ Sứ quán của chúng tôi ở Hague. Phải tuyệt mật. Nội dung thông điệp có lẽ không làm tôi lo ngại bởi vì tôi sẽ biết nó trong vòng năm phút nữa. Nguồn thông tin của Duclos thì không thể chê vào đâu được, anh luôn chuyển thông tin một cách chính xác, có thể nói là một trăm phần trăm chính xác. Jimmy Duclos chưa bao giờ phạm sai lầm - không, ít ra là loại thông tin thuộc nghiệp vụ chúng tôi.

Chiếc DC-8 chậm chậm hạ thấp độ cao nữa và tôi đã có thể nhìn thấy chỗ hành khách xuống máy bay, bên cạnh ngôi nhà chính của sân bay gần lối cửa ra, khi máy bay còn chưa dừng hẳn lại. Tôi tháo thắt lưng ở chỗ ngồi, đứng dậy, liếc nhìn Maggie và Belinda mà nét mặt

không biểu lộ gì như những người hoàn toàn không quen biết, rồi tiến về phía cửa ra trong khi máy bay vẫn còn đang chuyển động. Và cùng với tôi cũng có một vài hành khách cũng sốt ruột như vậy. Sự hơi vội vàng đó không được các nhà chức trách hàng không tán thành, trong trường hợp này, thì các hành khách khác trong máy bay cũng tỏ ra rằng họ đang chứng kiến những người không biết tôn trọng quy định và phần nào lỗ mãng, vì tại sao những hành khách đó không thể chờ để cùng mọi người thong thả xuống máy bay một cách trật tự rồi xếp hàng ra ngoài. Nhưng tôi cứ tỉnh bơ, không chú ý đến họ. Đã từ lâu tôi căm ghét cái tính đại chúng đó, khi hiểu ra rằng cái sự được mọi người ưa thích ấy chẳng bao giờ hợp với tôi.

Cô tiếp viên mỉm cười với tôi, có vẻ như tôi được cô tặng một nụ cười duyên không biết là cho vẻ bề ngoài của tôi hay là cho bản thân tôi. Người ta cười với người khác khi họ muốn gây ấn tượng hoặc e ngại điều gì hoặc là vì cả hai. Nhưng dù thế nào thì tôi cũng đã đi ra nước ngoài trên một máy bay không kể vào ngày nghỉ - khoảng năm năm một lần. Tôi trao tay cô tiếp viên một phong bì nhỏ dán kín để chuyển cho phi công trưởng đội bay, và anh ta có vẻ khó chịu khi một người đàn ông gây ấn tượng với một cô gái đẹp trong đội bay của mình, nhất là lại cứ tán tỉnh và thể hiện sự ngưỡng mộ thái quá đối với người đẹp. Mặc dù nhiều vấn đề đã trở thành những đặc quyền mà một vài bạn đồng nghiệp của tôi và tôi có vinh dự được hưởng - giống như các nhà ngoại giao được miễn trừ đối với những xét hỏi của Hải quan. Mà thật ra hành lý của tôi cũng chỉ gồm có hai khẩu súng ngắn nhỏ nhưng rất tốt, trông có vẻ như những công cụ chống trộm cắp, nhưng nói chung chả mấy khi nó được tán thành của các nhà chức trách nhập cư của các nước tiên tiến. Tôi chẳng bao giờ đeo khẩu súng bên ngoài khi đi máy bay, vì bất kỳ ai chộp mắt một chút trên máy bay cũng có thể vô tình để lộ ra một bên vai đeo súng cho người bên cạnh nhìn thấy, vì thế mà gây nên những lo âu hoặc kinh ngạc không cần thiết, có lẽ chỉ có một anh chàng điên thì mới nổ súng trong buồng có điều

áp của một máy bay hiện đại. Còn đối với những thành công lạ lùng của những bọn không tặc, thì quả có thể, các vụ nổ súng là chuyện rất thường xuyên.

Cửa ra đã mở, tôi bước ra ngoài. Hai hay ba nhân viên hàng không lễ độ đứng về một phía trong khi tôi đi qua họ và hướng về phía trả hành lý cho hành khách, đó là chỗ thoáng nhất và là nơi đưa đón khách ở sân bay, có hai bục di động chuyển động ngược chiều đưa hành khách đến và đi khỏi khu vực đăng ký nhập cư.

Có một người đàn ông đang đứng ở một đầu sát ngay cạnh băng tải chuyển động. Người đó có vóc dáng cao trung bình, hơi gầy và rất ít có gì gây ấn tượng, tóc đen, mặt ngăm đen, đôi mắt đen lạnh lùng và có một đường rạch nhỏ ở miệng, không thể đoán được ngay là thuộc loại tính cách nào. Nhưng anh ta ăn vận đứng đắn trong một bộ com lê đen, áo khoác ngoài cũng đen và mặc dù đó không phải là tiêu chí để đánh giá sự đáng kính - người đó mang một cái túi hàng không to và mới toanh.

Tôi đã đi đủ xa, bây giờ tôi đang tìm kiếm đầu kia của cái bục chuyển động dẫn đến nhà đưa đón khách của sân bay, nơi tôi đang đứng. Đã có bốn người trên băng tải và người đầu tiên trong số đó, vóc dáng cao, gầy mặc bộ com lê xám, hàng ria đen và tất cả những dáng vẻ bên ngoài giống như một kế toán viên thành đạt. Tôi nhận ra ngay tức khắc đó là Jimmy Duclos. Suy nghĩ đầu tiên của tôi là, chắc hẳn anh ấy đã phải suy xét thông tin này rất quan trọng và khẩn cấp cho nên anh mới đi đến tận sân bay để gặp tôi. Suy nghĩ thứ hai là Duclos chắc chắn phải giả mạo làm một cảnh sát mới đi vào được tận tòa nhà của khách xuống máy bay và chỉ riêng điều đó anh ta cũng đáng là bậc thầy của giả mạo. Suy nghĩ thứ ba là tôi cũng nên lịch thiệp và thân mật vẫy chào và cười với anh ngay khi anh nhận ra tôi, và tôi đã làm như vậy. Anh cũng vẫy chào rồi cười với tôi.

Nụ cười chỉ kéo dài độ một giây thì hầu như ngay lập tức đã biến thành một cảm giác bị sốc hoàn toàn. Đó là những gì tôi đã quan sát

được, hầu như từ tiềm thức, tôi cảm thấy hướng nhìn của anh đã thay đổi dù chỉ là rất nhỏ.

Tôi quay người rất nhanh. Người đàn ông da ngăm đen mặc bộ com lê màu sẫm và một áo choàng ngoài không còn đứng đó, hẳn đã quay 180 độ và bây giờ đối mặt với cái bọc chuyển động, chiếc túi hàng không của hẳn không còn đu đưa trên tay nữa mà kẹp dưới cánh tay trông rất kỳ lạ.

Tuy rằng không biết có điều gì đã xảy ra bất ổn, nhưng tôi đã phản ứng theo bản năng và nhảy đến chỗ người đàn ông mặc áo choàng đen đó. Ít ra thì tôi đã bắt đầu nhảy, nhưng tôi cũng phải mất đến một giây để phản ứng và người đàn ông đã như cùng một lúc - ý tôi muốn nói là ngay lập tức - đã hành động để chứng minh cho cả hai, hẳn và tất cả nhận thức của tôi rằng một giây đối với hẳn là đã dư dật thời gian để thực hiện một thủ đoạn bạo lực bất kỳ nào mà hẳn muốn. Hẳn đã được chuẩn bị. Tôi thì không, và hẳn đã tỏ ra rất hung bạo, thật vậy. Vì tôi chỉ hầu như vừa mới bắt đầu di chuyển thì hẳn đã nhún nhảy trong cái vòng người náo động hỗn loạn và đánh tôi rất mạnh vào đầu bằng cái vật cứng trong túi hàng không của hẳn giữa tình trạng lộn xộn của đám đông đang hốt hoảng.

Những cái túi hàng không thường là mềm và dễ ép. Nhưng đây không phải cái túi như thế. Tôi chưa bao giờ bị đánh bằng cái thứ tựa như dụng cụ đóng cọc và thật ra tôi không nghĩ đến điều đó, nhưng bây giờ tôi có thể phỏng đoán một cách công bằng về những gì mà tôi cảm thấy có lẽ là đúng. Cố gắng hết sức cũng không làm tôi đứng được trên đôi chân mình. Tôi ngã quy xuống nền nhà, dường như có một cánh tay khổng lồ nào đột ngột nắm căng chân tôi kéo ngược lên và tôi nằm đấy bất động. Song tôi vẫn hoàn toàn có ý thức, tôi có thể nghe, có thể thấy, ở một mức độ nào đó tôi có thể đánh giá đúng những gì đang diễn ra xung quanh mình, thậm chí tôi không bị đau quằn quại, đó là tất cả những gì tôi cảm thấy có thể làm được vào lúc

đó. Tôi chết lạng đi vì cú sốc tinh thần, đây là lần đầu tiên tôi trải qua một cú sốc làm tê liệt hoàn toàn cơ thể.

Mọi thứ dường như xảy ra trong phần lớn cử động chậm chạp kỳ lạ. Duclos đang thảng thốt nhìn xung quanh anh nhưng không có cách nào để anh có thể ra khỏi điểm nguy hiểm đó. Để di chuyển về phía sau là không thể nào thực hiện được, ba người đàn ông áp sát đằng sau anh. Ba tên đó nhìn bên ngoài có vẻ như hoàn toàn không biết đến những gì đang xảy ra xung quanh chúng - vì cuối cùng, ngay sau đó, tôi nhận thấy chắc chắn chúng phải là tông phạm của người đàn ông mặc bộ com lê màu sẫm, được cài ở đây để đảm bảo cho Duclos không còn có lựa chọn nào khác hơn là đi về phía trước trên băng tải đang di chuyển để chúng dễ giết anh. Hồi tưởng lại, thì đó là một vụ giết người bình tĩnh nhưng quý quái tinh ma nhất. Trong cuộc đời hoạt động tôi đã nghe nhiều câu chuyện về những người đã không được chết theo như cách Chúa Trời dự định.

Mắt tôi vẫn bình thường, do đó tôi quan sát được xung quanh. Tôi nhìn chiếc túi của công ty hàng không, từ dưới cái nắp túi thò ra một cái chao đỡ ống giảm thanh của khẩu súng, đây chính là cái mà tôi cứ nghĩ là một dụng cụ đóng cọc đập vào đầu làm cho tôi bị thương - tôi hy vọng chỉ là tạm thời - và với cái lực mà hắn đã đánh tôi, tôi tự hỏi, tại sao vật đó còn chưa cong lên thành dạng chữ U. Tôi nhìn người đàn ông mang khẩu súng, tay phải hắn giấu dưới nắp túi. Không có niềm vui cũng không có vẻ gì biểu cảm trên nét mặt của tên giết người da ngăm ngăm đen đó, đúng là sự bình tĩnh của một tay nhà nghề biết rõ việc làm của mình đã thực hiện tốt ra sao. Lúc này đã vang lên giọng nói thông báo chuyển bay của máy bay KL 132 đã đến từ Luân Đôn - máy bay chúng tôi đã đến. Tôi suy nghĩ mơ hồ và không mạch lạc rằng, tôi sẽ chẳng bao giờ quên số chuyển bay đó, nhưng xét cho cùng thì bây giờ chuyển bay nào đã đưa tôi đến gặp Duclos còn có nghĩa gì nữa vì anh đã bị chết trước khi chúng tôi có thể gặp nhau.

Tôi nhìn Jimmy Duclos, trông anh có nét mặt của người đàn ông bị kết án tử hình. Nét mặt đó biểu lộ sự tuyệt vọng, nhưng anh bình tĩnh và dù tuyệt vọng nhưng là nổi tuyệt vọng kiểm soát được, bởi khi anh thọc tay phải vào nách bên trái thì tay của anh đã bị vướng vạt áo khoác của mình nên anh đã bị chậm, không phản ứng kịp. Ba tên đàn ông đằng sau anh nhảy sang băng tải chuyển động và một lần nữa nó đã quá muộn khi điều này xảy ra đối với tôi. Súng của Duclos vẫn còn trong áo khoác và vì hành động ám sát của tên sát nhân chỉ phát ra một tiếng ạch khẽ, nhưng trúng tim, đủ để xuất hiện một lỗ trên vạt bên trái chiếc áo khoác. Anh đã bị một cú giật mạnh thành lình, sau đó nghiêng về phía trước rồi ngã sấp mặt xuống, băng tải đang chuyển động mang anh đến tòa nhà chờ khách xuống và lên, nên thi thể của anh lăn lại phía tôi.

Tôi thật sự không biết tình trạng ì của mình trong vài giây trước cái chết của Duclos là do trạng thái tê liệt thể chất hay là tôi đã bị áp chế bởi biết rõ là anh không thể nào tránh khỏi bị ám sát. Đó không phải là một suy nghĩ thường ám ảnh tôi, vì tôi không có súng và không có gì để tôi có thể hành động. Đúng là tôi thấy hơi lạ, bởi việc không đụng chạm đến thi hài của anh ấy đã có một hiệu quả phục hồi lại ngay lập tức đối với tôi.

Nhưng không thể có sự phục hồi thần diệu. Sự buồn nôn liên tục đã nhấn chìm tôi và bây giờ thì cú choáng quá mạnh ban đầu đã qua đi, dạ dày tôi bắt đầu đau, còn trán tôi đau nhức, chắc tôi đã đập đầu vào đầu đó trên nền nhà khi ngã xuống. Nhưng tôi đã dần điều khiển được cơ bắp, và gắng đứng lên một cách thận trọng, rất thận trọng, bởi vì hiện tượng buồn nôn và hoa mắt đã được tôi chuẩn bị chịu đựng để sẵn sàng trở lại tòa nhà chờ của sân bay vào bất cứ lúc nào. Toàn bộ khu vực nhà này đang náo động, mọi người đều có vẻ lo lắng, và tôi thấy mắt mình không nhìn được rõ, có lẽ vì cú đánh mạnh vào đầu đã ảnh hưởng đến mắt tôi, nhưng sức nhìn của tôi đã rất kỳ lạ, vì tôi đã nhìn rất rõ khi bị ngã nằm trên nền nhà. Sau đó tôi nhận thấy mi mắt

của mình như là đang dính lại với nhau, và bàn tay tôi đã phát hiện ra lý do này: máu, tôi đã mất nhiều máu, và máu cứ chảy ri rỉ từ vết thương trên trán. “Kính chào quý khách đến Amsterdam” - tôi nghĩ, và rút một chiếc mù soa từ túi ra: hai cú đánh và tầm nhìn của tôi lại là hai mươi - hai mươi.

Từ đầu cho đến cuối tất cả sự việc xảy ra không quá mười giây, nhưng đã có một đám đông những người lo âu đứng quanh, như người ta thường thấy xảy ra trong trường hợp tương tự: chết đột ngột, chết vì bạo lực, chẳng khác gì thi thể người đàn ông đang nằm đó là hũ mật ong và những người xúm quanh là những con ong.

Tôi không biết họ, cũng giống như tôi không biết Duclos. Bây giờ thì không có chuyện là tôi làm cho anh ấy hay là anh ấy làm cho tôi, vì sự tìm kiếm quần áo của anh ấy cũng sẽ chẳng phát hiện được điều gì: và như tất cả những điệp viên giỏi, Duclos chẳng bao giờ cam kết điều gì giá trị trên giấy tờ hoặc là cuộn băng, hay một chiếc đĩa mềm mà anh đã đưa nó vào tập tin trong bộ nhớ của não được đào tạo ở trình độ cao.

Kẻ giết người cùng với khẩu súng giết người, tất cả đều đã tẩu thoát dễ dàng lúc này. Đó chỉ là chuyện thông thường và bây giờ là việc kiểm tra cũng thế thôi, chuyến bay đi đến nơi nào mà chả phải kiểm tra, nhưng nó vẫn làm cho tôi liếc nhìn về phía khu vực phòng nhập cư để xem xem liệu chúng đã biến đi thật sự chưa?

Tên mặc comlê màu sẫm còn chưa thoát hẳn. Hắn đang đứng đó, khoảng hai phần ba đoạn đường về phía phòng nhập cư, hắn bước đi ung dung thong thả có vẻ vô tư về phía băng tải chuyển động, thỉnh thoảng còn đung đưa cái túi của công ty hàng không và có vẻ như không biết gì đến sự náo động phía sau hắn. Tôi đã chăm chăm nhìn hắn, cố hiểu hắn, nhưng chỉ một lúc thôi: đây là cách mà một người chuyên nghiệp biết cách thoát ra khỏi hoàn cảnh hiểm nghèo. Ví như một tên móc túi ở Ascot cảm thấy bất căng thẳng trước một quý ông đội mũ chóp cao đứng bên cạnh hắn khi hắn thọc tay vào túi để kẹp

cái ví tiền của ông ta ra mà không phải cuống cuồng chạy qua đám đông, giữa những tiếng kêu thất thanh “Kẻ cắp, bắt lấy nó!”. Một sự vô tình, một trạng thái bình thường hoàn toàn, đó là những tay chuyên nghiệp từng trải đã biết hành động ra sao trong trường hợp tội ác xảy ra như vậy. Đến chừng mực mà tôi quan tâm thì tôi chỉ là một nhân chứng đối với hành động của hắn và bây giờ tôi nhận ra là đã quá muộn trong những giây phút đầu tiên đối với một trong ba tên đàn ông đã giết chết Duclos - chúng vẫn đứng lẫn lộn trong đám đông dân chúng vây quanh thi hài Duclos, nhưng chúng vẫn vô can như mọi người khác, và ngay cả tôi hoặc bất kỳ ai khác cũng chẳng thể chứng minh được điều gì chống lại chúng. Còn đối với tên đàn ông mặc bộ com lê màu sẫm thì hắn đã làm cho tôi rơi vào một trạng thái mà tôi hoàn toàn không có khả năng gây cho hắn một sự rắc rối bất kỳ nào trong thời gian tới.

Tôi đã đi theo hắn.

Việc đi theo hắn phải là bình thường không gây chú ý cho hắn cũng như những người xung quanh, tuy nhiên tôi không còn được nhanh nhẹn như khi chưa bị thương, tôi đã yếu. Tôi chóng mặt do đầu óc choáng váng, cơ hoành thì đau nhức và cảm thấy mình không thể đủ sức để cứ lảo đảo dọc theo cái băng tải chuyển động trong khi người tôi cứ phải cúi về đằng trước đến ba mươi độ, chắc chắn làm cho tôi trông giống như là một ông lão ở tuổi chín mươi có chứng đau lưng đang theo đuổi ai đó.

Tôi đã ở nửa đường của cái bục di động, còn tên mặc com lê sẫm thì ở một đầu kia của cái bục đó, khi mà bản năng của hắn hoặc là tiếng động của bước chân tôi có vẻ như đã thúc giục hắn dồn bước giống như tốc độ di chuyển của con mèo, mặc dù hắn biết rõ chính hắn đã làm cho tôi bị què đi cách đây có vài phút trước. Tôi cũng thấy rõ là hắn chẳng khó khăn gì để phân biệt tôi với một ông già chín mươi tuổi và có thể hắn đã biết, vì tay trái hắn cứ đung đưa cái túi của công ty hàng không trong khi tay phải hắn sờ lần vào dưới cái nắp túi. Tôi có

thể hình dung được những gì đã xảy ra với Duclos rồi sẽ xảy ra với tôi - cái băng tải sẽ hất xuống dưới hoặc là tôi hoặc là những gì của tôi còn lại trên nền nhà ở cuối đường chuyển động của nó, một cách chết đáng hổ thẹn.

Tôi tự hỏi rằng điều gì đã thúc đẩy tôi một cách ngu xuẩn như vậy, một người không có vũ khí cứ tìm cách đuổi theo sau một kẻ giết người có súng giảm thanh, và tên giết người mặc comlê sẫm cứ nhìn chằm chằm về phía bên trái. Không quan tâm đến khả năng là có thể bị bắn vào sau đầu, tôi vẫn bám theo tầm nhìn của hắn.

Nhóm người vây quanh Duclos đã tạm thời tản ra, không quan tâm đến anh ấy nữa mà lại chuyển sự chú ý sang chúng tôi, bởi vì họ nhận thấy sự bối rối của tôi khi đứng trên băng tải, chắc hẳn trông rất kỳ quặc. Chỉ cần liếc nhìn nhanh tôi đã thấy những khuôn mặt của họ, những biểu thị trên nét mặt họ, từ ngạc nhiên đến khó hiểu, đúng là họ không thể hiểu. Nhưng họ hiểu rõ một ý định quyết tâm trên nét mặt của ba người đàn ông đã theo dõi Duclos để giết anh ấy, bây giờ chúng đang bước nhanh, không nghi ngờ gì nữa, chúng sẽ còn muốn giết tôi.

Tôi nghe thấy một tiếng động ục ịch phía sau và quay lại. Băng tải đã chạy đến cuối đường hành trình, và nó đã che khuất làm tôi không nhìn thấy tên mặc comlê sẫm nữa, vài giây sau tôi lại nhìn thấy hắn dang lảo đảo lấy lại thăng bằng, nhưng đúng như tôi nghĩ, hắn đã lấy lại cân bằng rất nhanh, quay lưng lại phía tôi và bắt đầu chạy. Vấn đề là, giết một người trước hàng chục nhân chứng là một chuyện khác, hoàn toàn khác với việc giết một người trước một nhân chứng không có ai ủng hộ, dù rằng tôi cảm thấy chắc chắn là hắn sẽ làm, hắn sẽ khử tôi, một nhân chứng duy nhất, nhưng tôi lại bắt đầu chạy, lần này thì với ý thức rõ ràng hơn và trông tôi lúc này có phong độ hơn tí chút, chắc là giống với một ông già ở tuổi bảy mươi.

Tên giết người vẫn bình tĩnh rảo bước rồi hắn chạy về phía phòng nhập cư, rõ ràng là hắn muốn làm lộn xộn, gây cản trở cho các viên chức nhập cư, vì đối với những người không có nhiệm vụ chạy xô vào

khu vực này, đều bị ngăn lại, xuất trình hộ chiếu, rồi có những lời giải thích tóm tắt về bản thân, đó là điều cần làm trước các viên chức phòng nhập cư. Vào lúc đó thì tôi đã gắng sức chịu đựng nỗi đau thể xác để gần đuổi theo kịp hẳn, sự rời khỏi phòng nhập cư vội vã của tên giết người có nước da ngăm ngăm đen, kết hợp với bộ dạng chạy loạng choạng của tôi trong khi trên mặt còn nhiều vết máu rõ ràng là đã làm cho các viên chức phòng nhập cư lo lắng và ngạc nhiên về điều gì đấy chẳng lành, vì vậy hai viên chức nhập cư đã dang tay cố gắng ngăn tôi lại, nhưng tôi đã gạt họ ra - “bị gạt ra” không phải là lời họ đã phát biểu về sau này, và tôi cố đi qua lối cửa mà tên đàn ông tôi đang truy đuổi đã thoát ra.

Đáng lẽ là tôi đã qua được rồi, nhưng cái cửa chết tiệt đó lại bị chặn ngang bởi một người đang cố gắng chen vào. Một cô gái vô tình cản trở việc rượt đuổi của tôi, tôi nghiêng người về bên phải thì cô ta nghiêng người về bên trái, tôi nghiêng người về bên trái thì cô ta nghiêng về bên phải, tôi thoáng một cảm giác là mình đang bị cản đường một cách cố tình. Bạn đã từng nhìn thấy cùng cảnh tượng có thể diễn ra vào một lúc nào đó trên vỉa hè thành phố không, khi hai vị khách đi đường vì quá lịch sự, nên mỗi người đều nghiêng mình nhường bên phải đường cho người kia, bước ra bên cạnh với cử chỉ vụng về, mà vì thế chỉ tổ làm vướng đường của nhau, quả là hai tâm hồn quá nhạy cảm gặp nhau và thế là điệu múa fandango của Tây Ban Nha có thể cứ tiếp tục.

Tôi như là người ngưỡng mộ đôi chân trình diễn đẹp nhưng *pas de deux*^[1] cho đến lúc tôi sốt ruột không chịu nổi quát lên, “Đứng lui về một bên cho tôi ra.” Và để cô ta không che khuất tầm nhìn của mình tôi đã thẳng tay xô đẩy rất mạnh cô gái ra một bên. Tôi nghe thấy tiếng bịch và tiếng kêu của cô khi cô bị va vào đâu đó, nhưng lúc này tôi đâu có chú ý đến chuyện vật đó, có thể sau này tôi sẽ xin lỗi cô...

Nhưng tôi đã quay lại cửa vào sớm hơn là mong đợi. Cô gái đó làm chậm của tôi mất vài giây, nhưng vài giây đó cũng quá đủ cho tên sát nhân mặc comlê sẫm biến mất. Khi tôi đi đến chỗ đám đông tụ tập thì tại đây đã chật ních người, và tôi đã bị mất dấu vết, không có dấu hiệu gì về hãn cả, giống như thật khó mà nhận diện ra một thủ lĩnh một bộ tộc da đỏ bắc Mỹ giữa đám đông thổ dân đó một khi họ muốn tránh mặt bạn, và sẽ thật là vô nghĩa khi đi trình bày chuyện này với cảnh sát an ninh sân bay. Vào lúc này thì tôi hoàn toàn tỉnh táo để hiểu rằng hãn đã đi được nửa chặng đường đến Amsterdam, cho dù bây giờ tôi có khả năng hành động ngay tức khắc thì cơ hội để bắt kịp tên sát nhân đó cũng sẽ không còn nữa: những tay chuyên nghiệp sừng sỏ đã làm ăn ở đây, và chúng luôn luôn có những lựa chọn bằng nhiều con đường để thoát thân. Tôi chán ngán, lần này thì tôi lê bước nặng nề, và cảm thấy toàn thân rã rời, trong người rất khó chịu, chả cần phải nhìn vào gương tôi cũng biết là mặt tôi dính bết máu và xanh xao như thế nào.

Tôi trở lại với màn trình diễn múa balê của mình, nơi có hai người đàn ông mặc đồng phục, đeo súng ngắn, họ túm lấy tôi trông bộ có vẻ cương quyết lắm.

“Các ông bắt không đúng người,” - tôi mệt mỏi nói - “Giá như các ông vui lòng cho tôi vào chỗ nào đó để tôi thở thì tốt.” Họ do dự nhìn nhau, để mặc tôi và họ cũng đi, nhưng chúng tôi mới đi chỉ vài bước, tôi bỗng nhìn thấy cô gái đang nói chuyện với ai đó chắc hẳn là một viên chức quan trọng của sân bay này vì ông ta không mặc đồng phục. Tôi lại nhìn cô gái bởi vì đầu và mắt tôi đau và nhìn cô ta dễ hơn là nhìn người đàn ông đứng bên cạnh.

Cô gái mặc bộ quần áo màu sẫm, áo choàng màu sẫm. Cô khoảng hai mươi năm tuổi, mái tóc đen, đôi mắt nâu có vẻ như là những đặc điểm của phụ nữ Hy Lạp và nước da màu ôliu hồng rõ ràng làm cho người ta nhận ra cô không phải người dân ở xứ này.

Nếu như đặt cô bên cạnh Maggie và Belinda thì bạn chắc chắn phải mất nhiều thời gian để tìm ra được một bộ ba xinh đẹp hoàn hảo như vậy, mặc dù tôi phải thừa nhận là cô gái lúc này trông mặt tái mét và cô ta đang chầm chầm nhẹ trên má bằng chiếc khăn tay trắng rộng, có lẽ là cô mượn của người đàn ông đứng bên cạnh. Cô thận trọng chầm khăn vào chỗ bị sưng tấy lên ở thái dương bên trái.

“Lạy Chúa, Lạy Chúa!” - tôi nói, tỏ ra hối hận và cảm thấy mình có lỗi là đã làm xước xước hư hỏng một tác phẩm nghệ thuật.” Tôi đã gây ra cho cô như thế này ư?”

“Không phải ông.” Cô nói khẽ và bằng một giọng khàn khàn, nhưng có lẽ đó chính là vì tôi đã xô đẩy cô ngã. “Tôi bị dao cạo xước vào khi cạo mặt sáng nay.”

“Tôi hết sức xin lỗi. Lúc đó tôi đang đuổi theo người đàn ông vừa giết ai đó và cô vô tình chặn đường tôi. Nhưng thật tiếc là hăn đã thoát mất rồi.”

“Tên tôi là Schroeder. Tôi làm việc ở sân bay này.” Người đàn ông đứng bên cạnh cô gái trông có vẻ cứng rắn và khôn ngoan sắc sảo, khoảng ngoài năm mươi tuổi. Ông ta hơi buồn và vẻ mặt khắc khổ, và cái vẻ khắc khổ đó không thể giải thích được đối với nhiều người đàn ông nắm giữ những chức vụ có trách nhiệm đáng kể. “Chúng tôi đã được thông báo về một vụ giết người. Rất đáng tiếc, đáng tiếc vô cùng, vì chuyện đó lại xảy ra ngay tại sân bay Schiphol!”

“Từ trước đến nay thanh danh của các vị vẫn tốt.” - Tôi nói - “Tôi cho rằng linh hồn người chết không được siêu thoát vì cảm thấy mình bị chết oan.”

“Ông không nên nói như thế.” Schroeder phát biểu gay gắt và hỏi tôi - “Ông có biết người chết?”

“Ông hỏi tôi cái quái quỷ gì vậy? Tôi vừa mới xuống máy bay xong. Ông hãy hỏi mấy cô tiếp viên, hỏi phi hành đoàn và hỏi cả một chục người trên máy bay KL 132 từ Luân Đôn đến, thời gian đến sân

bay này là mười lăm giờ năm mươi lăm phút.” - Tôi nhìn đồng hồ -
“Lạy Chúa! Mới chỉ có sáu phút trước.”

“Ông chưa trả lời câu hỏi của tôi.” Schroeder không chỉ trông có vẻ sắc sảo, mà sắc sảo thật sự.

“Tôi không biết ông ta, cho dù bây giờ tôi có nhìn thấy ông ấy.”

“Điều này đã từng xảy ra với ông bao giờ chưa, ông... à...”

“Sherman.”

“Đã xảy ra đối với ông đấy, ông Sherman! Một người dân bình thường không cố tình theo đuổi một tên giết người có vũ khí, phải không?”

“Có thể là tôi không bình thường.”

“Hoặc có lẽ ông cũng mang một khẩu súng?”

Tôi cởi các khuy áo vét tông và mở rộng hai vạt áo.

“Có phải, ông đã tình cờ, nhận mặt được tên giết người?”

“Không, nhưng tôi chẳng bao giờ quên hẳn, dẫu cho...” - Tôi quay sang cô gái - “tôi có thể hỏi cô một câu không thưa cô...”

“Cô Lemay,” - Schroeder nói cộc lốc.

“Cô có nhận ra tên giết người? Chắc là cô đã nhìn rõ mặt hẳn. Lúc đó có mấy người đàn ông chạy để đánh lạc hướng chú ý.”

“Tại sao tôi lại biết hẳn?”

Tôi không cố gắng để trở nên sắc sảo như Schroeder, nên tôi nói “Cô có nhìn người đàn ông bị giết không? Biết đâu, cô có thể nhận ra ông ta cũng nên.”

Cô ta rùng mình và lắc đầu sợ hãi.

Tuy nhiên, vẫn tỏ ra mình là người ngờ ngẩn, tôi hỏi, “Cô gặp ai?”

“Tôi không hiểu!”

“Thì cô đang đứng ở lối ra của phòng nhập cư đấy thôi.”

Cô gái lại lắc đầu. Nếu nhìn một cô gái đẹp bị tái mét mặt đi như thế nào, thì lúc này trông cô đang tái mét khủng khiếp.

“Thế thì tại sao cô lại ở đây? Để ngắm thẳng cảnh à? Tôi nghĩ rằng phòng nhập cư ở sân bay Schiphol là nơi khó coi nhất ở Amsterdam.”

“Phải đó,” Schroeder đột ngột nói, “Các câu hỏi của ông đã làm cho cô gái này lo lắng.” Ông ta cau mày nhìn tôi như muốn nhắc tôi rằng, tôi phải chịu trách nhiệm về việc đã làm cho cô ta lo lắng. “Việc thăm vấn là của các nhân viên cảnh sát điều tra.”

“Tôi là một sĩ quan cảnh sát,” - tôi đưa cho ông ta xem hộ chiếu và thẻ chứng thực và khi tôi đang làm như vậy thì hai cô Maggie và Belinda xuất hiện ở cửa ra. Hai cô liếc nhìn về phía tôi, họ dừng bước và dăm dăm nhìn tôi bằng con mắt vừa lo lắng vừa kinh ngạc, có thể hai cô cũng đang suy xét cách mà tôi cảm thấy và nhìn tôi một cách tin tưởng. Nhưng tôi lại quắc mắt cau có nhìn các cô, như là một người bị làm hại và có ý thức về bản thân mình sẽ trừng mắt với bất cứ ai nhìn họ, do đó hai cô quay mặt đi không nhìn tôi nữa và đi theo đường của họ. Tôi chuyển sự chú ý của mình sang Schroeder, lúc này ông ta đang nhìn tôi với một vẻ mặt hoàn toàn lạnh lùng.

“Thiếu tá Paul Sherman, cơ quan Interpol, Luân Đôn. Tấm thẻ này đã tạo ra một sự khác nhau đáng kể. Tôi phải nói. Nó cũng giải thích tại sao anh đã ứng xử như một sĩ quan cảnh sát và thăm vấn như một nhân viên cảnh sát điều tra. Nhưng tôi sẽ vẫn phải kiểm tra giấy ủy nhiệm của anh, tất nhiên.”

“Cứ việc kiểm tra bất kể cái gì ông thích, và với bất kỳ ai ông thích” - tôi nói - “Tôi gợi ý ông nên bắt đầu với Đại tá Van de Graff tại chỉ huy sở trung tâm.”

“Anh biết Đại tá?”

“Đó chỉ là cái tên tôi chợt nhớ đến thôi. Ông sẽ tìm tôi trong quán bar nhé.” Nói dứt lời tôi đi ra. Nhưng hai nhân viên cảnh sát to lớn đi theo tôi ngay. Tôi nhìn Schroeder và nói: “Tôi không có ý định mua đồ uống cho hai người của ông đâu.”

“Được thôi” - Schroeder nói với hai nhân viên - “Thiếu tá Sherman sẽ không chạy đâu.”

Không, khi ông đang giữ hộ chiếu và chứng minh thư sĩ quan cảnh sát của tôi.” - Tôi nhìn sang cô gái - “Tôi lấy làm tiếc, cô Lemay. Việc này chắc đã làm cho cô bị cú sốc và lỗi là tại tôi. Cô sẽ đi cùng tôi và uống một chút gì chứ. Trông cô cứ như là cô đang cần một người.”

Cô vẫn đang chấm chấm nhẹ trên má và nhìn tôi như thể là tôi đã phá hỏng hết những suy nghĩ thân ái vừa có.

“Thậm chí tôi sẽ không cùng sang qua đường với ông đâu,” cô nói khẽ và giọng nghe có vẻ buồn. Cách cô nói làm tôi có cảm giác cô sẽ sẵn sàng đi cùng tôi một nửa đường qua phố đông và rồi cô bỏ tôi ở đấy, nếu như tôi là một anh mù.

“Hoan nghênh các quý khách đến Amsterdam,” tôi nói một cách chán ngán và lê bước đến một quán bar gần nhất.

2

Bình thường, tôi không mấy khi lưu lại các khách sạn năm sao, vì nó sang trọng nên tôi không có đủ tiền. Còn khi tôi ra nước ngoài, tôi có thể chi tiêu không hạn chế, rất hiếm khi có những câu hỏi về tiêu tiền và chẳng bao giờ tôi phải trả lời, và vì các chuyến đi ra nước ngoài đó thường là những công việc tôi phải làm đến kiệt sức, cho nên tôi thấy không có lý do gì mà bản thân mình phải từ chối một đôi lúc yên tĩnh và thư giãn trong các khách sạn sang trọng và tiện nghi nhất.

Khách sạn Excelsior không nghi ngờ gì là một khách sạn như vậy. Đó là một tòa nhà lộng lẫy, trang trí công phu, tọa trên một góc của một trong những con sông đào ở tận trong cùng của cái thành phố cổ. Các ban công chạm trổ công phu trông thật nguy nga, được thiết kế nhô ra ngoài sông đào, để cho các quý khách dù có bất cẩn ngủ gật rơi xuống thì ít ra cũng được đảm bảo là không bị gãy cổ, nếu như họ bị ngã từ ban công xuống, trừ phi họ không may rơi xuống đúng vào những tàu thuyền du lịch có cạnh bằng thủy tinh đang dạo trên sông đào, mà mật độ tàu thuyền trên sông thì khá đông, một cảnh tượng thật tuyệt vời diễn ra ngang tầm mắt nhìn khi bạn ngồi ở tầng trệt khách sạn nhìn ra, mà chỉ có Excelsior mới có lợi thế này so với tất cả các khách sạn khác ở Hà Lan.

Chiếc taxi Mercedes màu vàng của tôi đã đỗ ngay ở trước cửa chính của khách sạn và trong khi tôi chờ cho người gác cửa trả tiền xe và lấy túi hành lý, thì sự chú ý của tôi bị thu hút bởi âm thanh nghe không thuận tai của một “điệu Valse của những người trượt tuyết” đang được chơi hết sức *faux*^[2] và cực kỳ lạc điệu, với cái tiếng kim và

giọng buồn tẻ mà tôi được nghe. Âm thanh phát ra từ một cái đàn hộp có tay quay chắc là rất cổ và có lẽ phải to lắm, tiếng khá to, thường dùng để xin tiền những người đi đường. Tiếng nhạc phát ra từ bên kia đường và người chơi đàn đã biết chọn một vị trí để làm nghẽn tối đa lượng giao thông luôn đông đúc trên đường phố hẹp đó. Bên dưới cái màn trướng của cây đàn hộp, một màn trướng được tạo nên từ những mảnh vải thừa của rất nhiều những chiếc ô che trên bãi biển đã hết mốt, có một dãy các con rối, trông cũng đẹp đối với con mắt không khó tính của tôi, trang phục thanh nhã trong các bộ quần áo theo truyền thống Hà Lan rất đa dạng, chúng đang được đưa đẩy nhẹ trên những đầu của các lò xo bọc cao su. Động lực làm cho chúng nhún nhẩy thuần túy chỉ do sự dao động vốn có trong hoạt động của bản thân bộ phận cổ lỗ này.

Người chủ, hoặc là người điều khiển cái cỗ máy tra tấn tai người nghe này này là một ông già, lưng còng. Trông ông ta có vẻ đủ già để lo cho bản thân có được cái đàn hộp khi ông ta đang còn sung sức. Nhưng không, rõ ràng là khi đang còn sung sức ông ta là một nhạc công. Tay ông cầm một chiếc gậy dài, có gắn một chiếc hộp sắt tây tròn, cứ rung lách cách liên tục và không thèm biết đến những người đi qua đường, mà liên tục nài xin tiền, tôi đi qua đường phố và vứt mấy đồng tiền vào hộp cho ông. Nhưng trong lòng cảm thấy không thoải mái lắm khi ông ta liếc nhìn tôi rất nhanh và cười để cảm ơn, tuy là cười toé toét nhưng miệng ông không còn răng cho nên trông hơi khác thường, bỗng ông ta đột ngột chuyển sang số cao nhất và bắt đầu một bài hát buồn “Bà quả phụ Mery”. Tôi vội vã rút lui, đi theo người phục vụ mang hành lý bước lên các bậc cấp vào tiền sảnh khách sạn. Khi bước lên bậc trên cùng, tôi quay người lại nhìn ông già thì thấy ông ta vẫn đang nhìn theo. Tôi quay đầu lại và đi vào khách sạn.

Trợ lý giám đốc đứng đằng sau bàn tiếp tân là một người đàn ông cao, ngăm ngăm đen, có hàng ria mỏng, mặc chiếc áo choàng đẹp không chê vào đâu được, đón tôi bằng một nụ cười rộng mở với tất cả

nhiệt tình và ân cần của một con cá sấu đói. Cái kiểu cười mà có thể bạn đã biết, nghĩa là nó sẽ tắt ngấm ngay khi bạn quay đầu đi, nhưng ngay lập tức nụ cười đó sẽ lại xuất hiện đúng chỗ và thành thật hơn bao giờ hết, dù cho bạn có quay lại đối mặt với anh ta nhanh bao nhiêu cũng vậy.

“Hoan nghênh ngài Sherman đến với Amsterdam,” anh ta nói, “Chúng tôi hy vọng ông sẽ luôn vui vẻ khi lưu lại khách sạn này.”

Không có bất kỳ câu trả lời nào cho cái cách lạc quan ngu ngốc này, do đó tôi giữ im lặng và tập trung điền vào thẻ đăng ký. Khi tôi viết xong, anh ta cầm lấy rồi lại tặng tôi một nụ cười rất tươi sau đó bật ngón tay cái vào ngón tay trở kêu đánh tách ra hiệu cho một anh hầu phòng đến để mang vali của tôi lên gác. Anh ta nghiêng người về một bên khoảng hai mươi độ để chào tôi.

“Cậu đưa ngài Sherman lên phòng sáu trăm mười sáu.”

Nhưng tôi đi lại chỗ đặt hành lý và xách lấy vali của mình từ tay anh hầu phòng đang tỏ ra rất hăng hái. Trông anh ta giống như là em trai ông đang quay hộp đàn organ ngoài kia.

“Cảm ơn,” tôi cho anh ta một đồng tiền,” tôi nghĩ tôi có thể tự lo liệu được.”

“Nhưng chiếc vali đó trông rất nặng, thưa ngài Sherman.” Sự sốt sắng của anh trợ lý giám đốc thậm chí còn tỏ ra nhiệt tình và ân cần hơn cả tấm thịnh tình khi anh ta đón tiếp tôi. Thực tế thì đúng như vậy, chiếc vali của tôi rất nặng vì trong đó có mấy khẩu súng, đạn dược và các công cụ kim loại để mở ra được đủ các loại khóa và đồ vật chẳng khác chi một cái xưởng nhỏ, vì vậy tôi không muốn bất kỳ ai đụng chạm đến, nhất là lại có ý định mở ra để xem xét kiểm tra bên trong túi thì dứt khoát không được. Một khi đã ở trong một dãy phòng khách sạn thì có rất ít chỗ để có thể cất giấu kín được các vật nhỏ này và rủi ro có thể bị phát hiện thì việc tìm kiếm điều tra vừa đơn độc lại vừa phiền phức, cho nên tốt nhất là vẫn cứ để nó nằm nguyên tại chỗ và vẫn còn khóa an toàn, không cho một ai đụng đến.

Tôi cảm ơn trợ lý giám đốc về sự quan tâm của anh ta, rồi bước đến cạnh cầu thang máy và bấm nút tầng sáu. Ngay khi thang máy vừa chuyển động, tôi liếc nhìn qua một trong những cái ô kính ở lỗ cửa tròn, nhỏ, lồng vào trong cửa ra vào thang máy. Tay trợ lý giám đốc bây giờ đang cười mỉm, nói chuyện điện thoại với vẻ mặt nghiêm túc với ai đó.

Tôi bước ra khỏi thang máy đặt chân lên hành lang tầng sáu. Lồng vào trong một hốc tường nhỏ đối diện đúng với cửa cầu thang là một chiếc bàn nhỏ trên đó đặt một máy điện thoại và sau bàn là một chiếc ghế tựa đang có một thanh niên mặc chế phục thêu hoa văn màu vàng ngồi đấy. Anh ta là người trông bề ngoài không dễ gây thiện cảm, với một vẻ mặt lơ đãng nhưng thể hiện vừa lười biếng vừa xác láo, với kinh nghiệm của mình tôi nhận thấy ngay đó là một thằng cha quá quắt, khó chơi, nhưng cũng làm cho người ta thấy nó có chút lỗ bịch vì ở lứa tuổi thanh niên như thế thì thường là những tay sừng sỏ và có tay nghề cao trong nghệ thuật làm cho người lương thiện bị xúc phạm.

“Sáu một sáu đâu?” - Tôi hỏi.

Hắn ưỡ oải chìa ra một ngón tay cái chĩa về phía bên phải hắn, “Cửa thứ hai?” “Không, thưa ông.” Hắn không có ý định nhấc chân lên. Tôi bỏ qua ý định muốn đập vào mặt hắn ngay lúc này, thay vì, tôi tự nhủ sẽ dành cho nó trong một dịp khác.

Tôi hỏi, “Anh là người phục vụ tầng này?”

Hắn nói, “Vâng, thưa ông”, rồi ưỡ oải đứng dậy. Tôi cảm thấy hết sức chán ngán.

“Đem cho tôi cà phê.”

Tôi không phàn nàn gì về phòng số sáu một sáu. Đó không phải là một căn phòng mà đúng hơn là đó là dãy phòng xa hoa và khá rộng rãi. Nó gồm có một phòng lớn, một căn bếp nhỏ nhưng rất tiện dụng, một phòng khách, phòng ngủ và phòng tắm. Cả hai phòng khách và phòng ngủ đều có cửa dẫn ra một ban công. Tôi có thể ra ngoài từ đây.

Trừ những ánh đèn neon quảng cáo một điều thuốc lá trên trời cao trông kỳ quái, màu sắc rực rỡ của những ánh đèn màu lập lòe trong các phố đêm và hình dáng chúng in lên nền trời Amsterdam như là một câu chuyện thần tiên kể cho trẻ em. Thế nhưng các ông chủ của tôi không chi tiền để cho tôi thưởng ngoạn những cảnh tiên đó và tôi cũng không có đặc quyền thơ thần dạo chơi ở bất cứ đường phố đẹp nổi tiếng của một thành phố nào, dù cho nó có đẹp đến bao nhiêu. Thế giới tôi đang sống khác xa với thế giới của những câu chuyện tiên như phần lớn dải ngân hà trải ra trên một diện tích rộng trên vầng vũ trụ bao la có thể quan sát được. Giờ đây tôi phải chú ý hơn đến các vấn đề trước mắt.

Tôi nhìn xuống đường, hướng về nguồn gốc của những tiếng ồn, tiếng ầm ầm của các loại xe cộ làm náo động cả không khí xung quanh. Thẳng bên dưới là một đường quốc lộ rộng và bên dưới tôi khoảng hai mươi hai mét là cảnh tượng xe cộ tắc nghẽn như dính vào nhau, ô tô lớn nhỏ và xe gắn máy và cả xe đạp nữa, tất cả đều hồi hải. Chen chúc nhau, cứ như là họ nhất quyết muốn tự tử ngay tức khắc. Thật không thể nào hiểu được nhất là các đấu sĩ lái xe hai bánh có thể yên tâm trông đợi vào một hợp đồng bảo hiểm sẽ chi trả cho cái tuổi thọ trung bình ngắn ngủi. Nhưng có vẻ như họ không quan tâm đến cái chết sắp xảy ra và cứ tỏ ra ta đây là những người can đảm và luôn luôn gây kinh ngạc cho những người mới đến Amsterdam. Như một ý nghĩ nảy ra quá muộn, tôi hy vọng rằng nếu có ai đó không may bị rơi xuống hay bị đẩy từ trên ban công này xuống, thì không phải là tôi.

Tôi nhìn lên. Suy nghĩ của tôi đã đúng, khi tôi đoán về khách sạn này, nhất là tầng trên cùng của khách sạn. Phía trên bức tường gạch, phân cách ban công của tôi với ban công của dãy phòng bên cạnh, có một bức tượng của loại sư tử đầu chim tạc bằng đá trông kỳ quái đặt trên một trụ đá. Bên trên đó nữa, có lẽ là cao hơn bảy mét, là mái được viền bê tông xung quanh. Tôi đi vào trong phòng mình.

Tôi lôi từ trong vali ra tất cả các thứ mà chúng không dễ bị phát hiện bởi người khác. Tôi đã thử một bao súng ngắn bằng ni đeo ở cánh tay ngay dưới nách. Sau đó, đút một ổ đạn dự phòng vào túi quần sau. Tuy rằng tôi chưa bao giờ phải bắn hơn một phát súng, nhưng chẳng bao giờ có thể biết trước điều gì, bởi luôn luôn xảy ra những điều hết sức tồi tệ mà không ai lường trước được. Sau đó tôi mở một gói bọc bằng tấm vải bạt trải ra toàn những dụng cụ chuyên để làm cái việc trộm cắp, và với những trang bị này, tôi có thể tháo mặt sau của một cái tủ lạnh nhỏ ở trong bếp. Với cái không gian rộng phía sau một tủ lạnh nhỏ đã làm người ta ngạc nhiên biết bao, vì ở đây có thể giấu được tất cả những cái tôi muốn cất giấu. Sau đó, tôi mở cửa để ra hành lang. Người phục vụ tầng này vẫn ngồi ở bàn anh ta.

“Cà phê của tôi đâu?” - Tôi hỏi. Không thật sự là một tiếng quát tức giận, nhưng cũng gần như vậy.

Lần này thì tôi đã làm cho hấn rời cái ghế và đứng lên ngay.

“Thật là xúi quẩy, vợ ngay phải một thằng hầu câm,” - tôi nghĩ. “Tốt hơn cả là anh đi đem ngay cà phê đến cho tôi.” Tôi đóng cửa lại. Có những người chẳng bao giờ nghiên cứu cái đức tính tốt của sự đơn giản, những nguy hiểm của sự soạn thảo quá tỉ mỉ. Tôi lấy một chùm chìa khóa vạn năng đủ các dạng kỳ quặc ở trong túi ra và thử chúng, lần lượt đưa vào ổ khóa cửa ở phía ngoài. Đến cái thứ ba thì vừa. Tôi bỏ vào túi những chiếc khác, sau đó đi vào buồng tắm và mở vòi gương sen đến tối đa, vừa lúc đó thì có tiếng chuông rung từ cửa bên ngoài và tiếp theo là tiếng động của cánh cửa mở. Tôi tắt vòi gương sen buồng tắm, nói với người phục vụ tầng cứ đặt cà phê trên bàn, rồi lại mở vòi tắm. Tôi hy vọng rằng sự kết hợp cà phê và vòi hoa sen phun nước có thể làm giảm sự nghi ngờ của bất kỳ ai đang điều tra tôi để họ yên trí mà kết luận rằng ở đây, trong cái phòng này có một vị khách đáng kính đang chuẩn bị một cách nhàn nhá cho buổi tối rảnh rang nhàn hạ, tuy nhiên dầu người ta có nghĩ như thế thì tôi cũng sẽ không chi một xu nào cho buổi tối đó.

Tôi nghe tiếng cửa ngoài đóng lại, nhưng vẫn để cho vòi tắm chảy nước ào ào trong trường hợp giả sử tên phục vụ tầng đang áp tai vào cánh cửa. Hẳn có bộ mặt của một tên dành nhiều thời gian để áp tai vào cánh cửa nghe ngóng hoặc nhìn trộm cố sẫm soi qua lỗ khóa. Tôi đi đến cửa trước và khom người. Song hẳn đã không soi mói qua lỗ khóa đặc biệt này. Tôi mở cửa từ từ, thò đầu ra, nhưng không thấy ai ở hành lang, như thế có nghĩa là không có người nào theo dõi tôi hoặc là có nhiều người đến mức mà hẳn chẳng cần bất kỳ một mạo hiểm nào để phát hiện về tôi. Tôi đóng cửa rồi khóa lại, bỏ túi cả chùm chìa khóa khách sạn, rót cà phê vào bồn rửa bát trong bếp, khóa vòi hoa sen buồng tắm và đi qua cửa ban công. Tôi phải mở rộng cửa, ngăn giữ đúng vị trí bằng một chiếc ghế nặng, vì những lý do rất rõ là có rất ít những cửa ra ban công khách sạn nào mà lại có tay nắm bên ngoài.

Tôi liếc nhanh xuống đường phố, sang phía cửa sổ của tòa nhà đối diện, sau đó cúi xuống hàng lan can bê tông và nhìn qua bên trái bên phải để kiểm tra xem liệu những người thuê các dãy phòng bên có nhòm ngó theo hướng tôi không. Nhưng không có ai. Tôi nhảy lên hàng lan can bám lấy con quái vật hình sư tử đầu chim trang trí cầu kỳ, nó được tạc và chạm trổ kỳ lạ nhưng vì thế mà lại có một số chỗ để bấu tay rất thuận tiện, sau đó tôi trèo lên nóc viền bê tông xung quanh của mái nhà.

Mái nhà là một lớp kính dày, trong chừng mực tôi có thể nhìn thấy thì nó trống trơn. Tôi đứng thẳng người và đi sang phía bên kia, rải rác có những cột ăng-ten của tivi, các cửa thoát khí của hệ thống thông gió, và những cái nhà kính nhỏ và kỳ quặc đó ở thành phố Amsterdam này được dùng như là những cửa sổ nóc nhà, rất tiện để quan sát mọi phía và cũng thận trọng khi nhìn ngó xuống dưới. Phía dưới là một lối đi, có lẽ là một cái phố rất hẹp và tối tăm, ít ra vào lúc này thì cũng không có người. Cách bên trái tôi một vài mét là lối thoát khẩn cấp khi xảy ra hỏa hoạn và tôi bước xuống tầng hai. Nhưng cửa thoát ra đã bị khóa, hầu như tất cả những cửa như thế này đều khóa từ

bên trong, và bản thân các khóa đó là loại khóa tác dụng kép, nhưng dù có thế thì cũng chẳng thấm vào đâu so với chùm chìa khóa vạn năng và những dụng cụ bằng sắt thép tinh vi mà tôi mang theo người.

Hành lang trống vắng không người. Tôi đã xuống tầng dưới cũng bằng cầu thang chính, bởi vì thật khó có thể giữ được thận trọng khi tôi đi ra từ một cầu thang máy mà lại mở ra chính giữa nơi tiếp tân. Nhưng tôi không cần phải băn khoăn, bởi chẳng có dấu hiệu gì của tay trợ lý giám đốc, người phục vụ hay người gác cửa, hơn nữa, ở tiền sảnh khách sạn lúc này đang đông người, với các chuyến máy bay mới đến thì nhiều người đang bao quanh bàn tiếp tân. Tôi đứng luôn cùng với đám đông lễ phép vỗ nhẹ vào vai một người, giơ cánh tay ra với tới bảng treo chìa khóa buồng tôi rồi ung dung đi đến quầy bar, và chậm rãi ra khỏi quầy bar, đi ra ngoài bằng lối vào bên cạnh của khách sạn.

Trời mưa nặng hạt suốt cả buổi chiều và đường phố vẫn còn ướt, nhưng không cần mặc áo khoác che mưa. Tôi mang nó theo nhưng chỉ khoác ở cánh tay và đi dạo không đội mũ, nhìn con đường nọ, đường kia, dừng lại, và lại bắt đầu như là còn do dự chưa biết nên tản bộ hướng nào. Tôi hy vọng người ta cho tôi là du khách đi dạo chơi lần đầu tiên để thưởng ngoạn phong cảnh và những âm thanh sôi động của Amsterdam ban đêm. Và trong khi tôi đang bước đi nhẹ nhàng thông thả, ngắm nhìn và ngưỡng mộ mặt tiền của những ngôi nhà của các thương gia giàu có từ hồi thế kỷ thứ mười bảy, thì tôi bỗng có cảm giác hơi ngứa ngứa ở gáy. Nếu như không được đào tạo chu đáo hoặc có kinh nghiệm thì chẳng bao giờ phát triển được cái cảm giác này. Và tôi biết chắc chắn mình đang bị theo dõi.

Những người Amsterdam đặc biệt hiếu khách theo các cách khác nhau. Người ta hờ hững đến lạ lùng, họ không nghĩ đến chuyện đặt những ghế ngồi cho các du khách mệt mỏi của họ - hoặc những công dân mệt mỏi của mình dọc theo hai bên bờ sông đào. Bởi vậy nếu bạn

muốn ngắm nhìn và trầm ngâm biểu lộ cảm xúc hay muốn yên tĩnh, nhìn xuống mặt nước lấp lánh màu sáng sẫm của những con sông đào về đêm thì chỉ còn một cách tốt nhất là dựa vào thân cây nào đó hai bên bờ, và châm một điếu thuốc.

Tôi đứng ở đấy vài phút, suy nghĩ, thỉnh thoảng đưa điếu thuốc lên miệng, nhưng vẫn đứng bất động. Chắc là không ai bắn súng giảm thanh vào tôi, cũng không ai đến gần tôi với một túi cát được chuẩn bị sẵn, để quàng vào người tôi và xô tôi xuống sông đào. Tôi đã cho tên theo dõi mình nhiều cơ hội, nhưng hẳn đã không lợi dụng được cơ hội đó. Và ngay cả tên đàn ông da ngăm ngăm đen ở Schiphol đã có tôi ngay trong tầm ngắm bắn của hắn nhưng hắn đã không bóp cò. Như thế là không ai muốn làm tôi biến đi. Đúng. Chưa có ai muốn làm tôi biến đi, ít ra thì đó cũng là một chút an ủi.

Tôi đứng thẳng người, vươn vai và ngáp dài. Đang liếc nhìn vu vơ về phía tôi, là một người đàn ông, xuất hiện như trong một giấc mộng lãng mạn. Hắn đứng đấy, không dựa lưng vào thân cây như tôi, nhưng một bên vai hắn tựa vào thân cây để cho cây đứng giữa hắn và tôi, nhưng là một cây rất mảnh khảnh và tôi có thể phân biệt rõ ràng cả trước và sau hắn.

Tôi rời đi và quay sang phải để vào phố Leidsestraat và la cà giết thời gian ghé vào các tủ kính bày hàng để mua vài thứ lặt vặt khi tôi đi. Tôi bước vào trong ô cửa một cửa hàng có những vật trưng bày giá trị nghệ thuật cao, chủ cửa hàng đứng sau quầy nhìn ra. Thú vị hơn, tủ kính đã tạo nên một tấm gương hầu như hoàn hảo. Lúc này hắn đã đứng cách tôi chừng hai mươi mét cũng đang chăm chú nhìn vào tủ kính và cửa hàng hắn đang ngắm là một cửa hàng hoa quả. Hắn mặc bộ quần áo màu xám và một áo len dài tay màu xám, và đó là tất cả những gì có thể nói về hắn: một người đàn ông không biết tên trong bộ quần áo màu xám rất khó tả.

Tại một góc phố tiếp đó tôi lại quay sang phải, đi qua chợ hoa trên bờ con sông đào Singel. Dọc đường, tôi dừng lại một sạp hàng

ngắm nghĩa và mua một bông hoa cẩm chướng, nhưng cách tôi khoảng ba mươi mét, người đàn ông trong trang phục màu xám cũng đang ngắm nghĩa tương tự tại một sạp bày hàng, nhưng hoặc là hẳn không thích mua hoặc là không muốn giống như tôi nghĩa là mua nhưng chẳng để làm gì, cho nên chỉ đứng nhìn vu vơ.

Tôi đứng cách hẳn ba mươi mét, và khi tôi lại quay sang bên phải để đi sang phố Vijzelstraat rồi đột ngột sai chân bước những bước dài mạnh mẽ, và cứ như vậy, tôi rảo bước cho đến khi đứng trước lối vào của một quán ăn Indonesia. Tôi đi vào, đóng cửa phía sau lưng. Người gác cửa, chắc là một ông về hưu gật đầu chào tôi một cách lịch sự, nhưng ông ta không có ý định đứng lên khỏi chiếc ghế đang ngồi.

Tôi nhìn qua cửa nhà hàng và trong phạm vi đúng có vài giây, người đàn ông trong trang phục màu xám cũng đã vào trong quán ăn. Bây giờ thì tôi có thể nhìn thấy rõ người đó trông già hơn là tôi nghĩ, có lẽ chừng sáu mươi. Và tôi phải thừa nhận rằng một người đàn ông ở độ tuổi đó mà thích ứng được với việc thay đổi đột ngột tốc độ đi bộ như vậy là rất khá. Nhưng ông ta có vẻ không vui.

Tôi mặc áo khoác và lầm bầm lời xin lỗi ông gác cửa. Ông ta cười và nói “Tạm biệt!” cũng lịch sự như khi ông ta nói “Xin chào” khi tôi mới vào. Tôi đi ra ngoài, đứng ở ô cửa.

Bây giờ ông ta cách tôi độ ba mươi mét, nhưng hành động có vẻ hấp tấp kỳ lạ cứ như là muốn chạy trốn vội vã, thỉnh thoảng lại dừng lại nhìn chăm chú vào một ô cửa. Tôi nghĩ mình đã sẵn sàng, tôi đi nhanh qua bên kia đường phố ít người đi lại hơn. Và vẫn để mắt đến phía sau nhưng tôi nhận thấy cách tôi chừng một trăm mét thì ông ta dừng lại. Ông ta do dự, sau đó đột ngột trở lại con đường cũ, hầu như giờ đây ông ta chạy, thế nhưng lần này thỉnh thoảng lại dừng lại để đi vào những nơi đang mở rộng cửa. Ông ta bước vào khách sạn mà tôi đã vào trước đó, nhưng chưa đầy một phút sau đã đi ra. Sau đó, đi vào lối cửa bên của khách sạn Carlton rồi lại xuất hiện ở cửa chính. Một sự đi sai đường có thể không làm cho ông ta bị chú ý vì khách sạn

Carlton không quan tâm nhiều lắm đến một ông già ăn mặc xoàng xĩnh, đang sử dụng tiền sảnh khách sạn như một con đường tắt. Sau đó ông đi vào trong một quán ăn Indonesia khác ở cuối khu nhà cao tầng và lại xuất hiện một cách mệt mỏi, kìm nén sự bộc lộ cảm xúc của một người luống tuổi đang bị săn đuổi bởi chính người mà ông đã bám theo ban đầu. Ông ta biến vào một kiốt điện thoại và khi xuất hiện, tôi nhận thấy rõ trạng thái tinh thần ông ta còn bị ức chế nhiều hơn trước. Từ đấy, ông đến ga xe điện ở Muntplein. Tôi cũng đứng gần ông ta chờ cùng với vài người nữa.

Xe điện đã đến kéo ba toa khách, mang số “16” và ga đến là “Ga Trung tâm”. Người đàn ông trang phục màu xám lên ngồi trong toa thứ nhất, tôi bước vào trong toa thứ hai và ngồi vào hàng ghế trên cùng, vì ở đây tôi có thể dễ mắt theo dõi ông ta, đồng thời xác định vị trí bản thân để sao cho lộ mình ra càng ít càng tốt đối với tầm nhìn của ông già và xem ông có chú ý đến những hành khách nào không. Nhưng tôi không cần phải lo vì ông ta không quan tâm đến bất cứ hành khách nào. Từ sự thay đổi liên tục, biểu hiện những cảm xúc khác nhau, tất cả đều bất ổn, thể hiện trên nét mặt và cử chỉ luôn đan hai bàn tay vào nhau rồi lại buông tay ra, ở đây chắc là còn có những điều quan trọng mà ông được giao nhưng chưa thực hiện được, nhất là mức độ thông cảm mà ông có thể trông đợi từ những người chủ của ông.

Người mặc trang phục xám xuống tàu điện ở quảng trường Dam, Dam là quảng trường chính ở Amsterdam, nơi đây có nhiều cái mốc lịch sử như là Cung điện Hoàng gia và Nhà Thờ mới, lâu đời đến mức người ta đã phải chống đỡ để phòng chúng bị đổ sụp, vậy mà chúng cũng chẳng được đến một cái liếc nhìn của người đàn ông mặc đồ xám tối hôm đó. Ông già chạy vội vào một phố bên, cạnh khách sạn Krasnapolsky, rồi rẽ sang trái về hướng bến tàu, men theo sông đào Oudezijds Voorburgwal, sau đó lại rẽ sang phải và rồi biến mất tăm trong cái mê lộ của các phố bên, rõ ràng ông ta đã thâm nhập ngày

càng sâu hơn vào khu vực các nhà kho của thành phố, đây là một trong vài khu vực không có tên trong danh sách những nơi hấp dẫn du lịch của Amsterdam. Thật ra ông này là người dễ theo dõi nhất mà tôi tình cờ gặp. Và lúc này ông ta không nhìn sang trái hay sang phải nữa, mà cứ cắm cổ đi, trong khi đó tôi vẫn theo sau. Nếu như tôi có cưỡi một con voi đi đằng sau thì ông ta cũng chẳng lưu ý.

Tôi dừng lại ở một góc phố theo dõi ông ta đi trên những đường phố hẹp, những phố nghèo, tối tăm, nhà cửa không đáng chú ý. Tiếp đến con đường chỉ toàn là nhà kho hai bên, những tòa nhà cao năm tầng có các mái nhà đầu hồi nghiêng về phía khác của phố đó, gây nên một bầu không khí đe dọa đáng sợ, làm cho người ta có linh cảm về một điềm gở và phải cảnh giác đề phòng.

Từ thực tế là một người đàn ông đang lóng ngóng chạy, tôi kết luận là sự tỏ ra sốt sắng này chỉ có thể có nghĩa ông ta đã kết thúc một chặng đường và tôi đã đúng. Chạy đến một nhà kho giữa phố, ông già leo lên các bậc cầu thang có tay vịn, rút từ túi quần ra một chìa khóa mở cửa rồi biến mất vào trong nhà kho. Tôi đã theo dõi người này một cách không vội vàng, nhưng cũng không quá chậm, và liếc nhìn vào tấm biển gắn trên cánh cửa nhà kho, có mấy chữ “Hãng Morgenstern & Muggenthaler.” Tôi chẳng bao giờ nghe thấy tên công ty này, mặc dù đã có một thời gian làm việc ở Amsterdam không ngắn. Nhưng đó là một cái tên mà tôi không thể nào quên. Tôi đi tiếp mà không dừng lại một bước.

Không có nhiều phòng trong khách sạn đó. Tôi phải thừa nhận như thế, nhưng cũng không có nhiều khách sạn để bắt đầu. Bề ngoài khách sạn thì nhỏ, nước sơn không đẹp nên chẳng dễ gây cảm tình, còn bên trong phòng này có vài đồ gỗ như một chiếc giường một, một đi văng có thể chuyển thành giường nằm trông nó cũ kỹ bởi từ lâu không được sử dụng kể từ thuở ban đầu, nếu như chúng từng có cái thuở ban đầu. Chiếc thảm cũ mòn xác xơ, gần như chẳng có gì cũ mòn

hơn là chiếc màn cửa và khăn trải giường, buồng tắm nhỏ và có một máy điện thoại. Nhưng căn phòng được cứu thoát hoàn toàn khỏi tai họa bởi đôi điểm đặc trưng bù lại là có một hương thơm toát ra rất đáng ao ước thậm chí nó trông vắng như các xà lim nhà tù. Maggie và Belinda đang ngồi cạnh nhau trên mép giường, nhìn tôi không lấy gì làm nhiệt tình khi tôi mệt mỏi ngồi xuống đi vắng.

“Hai người giống nhau như đúc.” - Tôi nói. - “Tất cả chúng ta đơn độc trong thành phố Amsterdam tinh quái. Mọi thứ đều ổn cả chứ?”

“Không.” Có cái chất khẳng định trong giọng nói của Belinda.

“Không?” Tôi biểu lộ ngạc nhiên.

Cô phác một cử chỉ rồi chỉ vào căn phòng: “Ý em muốn nói là anh nhìn xem.”

“Anh đã nhìn rồi. Làm sao?”

“Anh có muốn sống ở đây không?”

“Thăng thản mà nói thì không. Nhưng các khách sạn năm sao là để cho các sếp lãnh đạo giống như bản thân tôi. Còn đối với hai nữ nhân viên đánh máy sống chật vật thì loại khách sạn như thế này là hết sức phù hợp. Đối với hai cô gái mà không phải là nhân viên đánh máy đời sống chật vật thì hình như điều này chỉ chứng tỏ sự giấu giếm nhân thân như khi người ta có thể hy vọng đạt được ý muốn.”

Tôi ngừng một lát, “ít ra, tôi hy vọng,” tôi *làm ra vẻ* như là cả hai cô đã rõ. “Không có một ai trên máy bay nhận ra các cô chứ?”

“Không.” - Hai cô đồng thanh nói và cùng lắc đầu xác nhận.

“Không có ai ở sân bay Schiphol đã nhận ra các cô chứ?”

“Không.”

“Có ai ở Schiphol có chú ý đặc biệt đến các cô?”

“Không.”

“Phòng này có bị đặt máy nghe trộm không?”

“Không.”

“Không ai bị lộ chứ?”

“Vâng.”

“Có bị theo dõi không?”

“Không.”

“Phòng này có bị tìm kiếm gì khi các cô đi vắng không?”

“Không.”

“Trông cô có vẻ thích thú nhỉ, cô Belinda.” Tôi nói. Không hẳn là cô cười rúc rích vì cô đã có một chút khó khăn với các cơ ở mặt mình. “Nào, nói đi, tôi cần động viên cô.”

“Vâng.” Bỗng nhiên cô trầm ngâm, có lẽ cô nhớ lại là chỉ vừa mới biết tôi thôi. “Không có gì, em xin lỗi.”

“Xin lỗi về cái gì chứ, Belinda?” - Một giọng nói khuyến khích và như chú như bác đã có một hiệu quả kỳ lạ nó làm cho cô cảm thấy khó chịu.

“Vâng, tất cả những phòng ngừa đó giống như là tiểu thuyết trinh thám đối với hai cô gái như chúng em. Em không thấy như thế là cần thiết.”

“Bình tĩnh nào, Belinda.” Đó là Maggie của tôi luôn luôn rất hiểu động như là sự phòng thủ của ông già, tuy nhiên có Chúa mới biết tại sao. Tôi đã có những thành công trong nghề nghiệp của mình, mà kết quả cũng là một danh sách rất ấn tượng, một danh sách mà so với những lần thất bại thì dường như tốt nhất là nên quên những điều vô nghĩa ấy đi. “Thiếu tá Sherman,” - Maggie tiếp tục nói một cách nghiêm túc, “luôn luôn biết những gì anh ấy đang làm.”

“Thiếu tá Sherman,” tôi nói một cách chân thật, “đúng như vậy.” Tôi nhìn cô một cách suy đoán. “Tôi không thay đổi chủ đề, nhưng còn có ái ngại nào đó cho ông thầy bị thương?”

“Chúng em biết vị trí của mình,” Maggie nói nghiêm túc. Cô đứng lên, nhìn kỹ vào trán tôi rồi lại ngồi xuống, “Xin anh nhớ kỹ, có vẻ như là một đầu gậy thúc mạnh vào nên anh bị chảy nhiều máu.”

“Các sếp dễ bị chảy máu lăm, vì da của họ nhạy cảm. Tôi hiểu. Thế nhưng các cô có nghe nói đã xảy ra chuyện gì chưa?”

Maggie gật đầu. “Vụ giết người dễ sợ này, chúng em có nghe nói anh đã cố gắng...”

“Để can thiệp. Đã cố gắng, đúng như các cô nói.” - Tôi nhìn Belinda - “Chắc là cô đã có một ấn tượng khủng khiếp, lần đầu tiên đi làm việc cùng một sếp mới, và anh ta đã bị đánh bại hoàn toàn vào thời điểm khi mới đặt chân ở nước ngoài.”

Cô liếc nhìn Maggie đỏ mặt vì thẹn - những cô gái tóc hoe màu bạch kim thường dễ đỏ mặt - và cô nói đề phòng “Vâng, hẳn đã quá nhanh đối với anh.”

“Hẳn đã sẵn sàng cho chuyện đó,” - tôi đồng ý - “Hẳn cũng quá nhanh đối với Jimmy Duclos.”

“Jimmy Duclos.” Hai cô hầu như đồng thanh thốt lên.

“Là người bị giết. Một trong những điệp viên giỏi của chúng ta và là bạn của tôi đã nhiều năm. Tôi nghĩ là anh ấy có chuyện khẩn cấp, chắc là một thông tin quan trọng mà anh ấy muốn trao cho đích thân tôi ở Schiphol. Tôi là người duy nhất ở Anh quốc biết anh ấy sẽ đến đây. Nhưng có ai đó trong thành phố này cũng biết. Việc hẹn gặp giữa tôi và Duclos được sắp xếp thông qua hai kênh hoàn toàn không có quan hệ với nhau. Nhưng có người nào đó không chỉ biết tôi đang đến đây mà còn biết chính xác chuyến bay và thời gian, nên nó rất dễ bố trí để sát hại Duclos trước khi anh ấy có thể gặp tôi. Belinda này, cô có đồng ý là tôi sẽ không thay đổi chủ đề? Cô cũng đồng ý rằng nếu chúng nó biết nhiều về tôi và một trong những người cộng tác của tôi, như thế thì có lẽ chúng đã được thông báo khá đầy đủ về một số những cộng tác viên của tôi.”

Hai cô nhìn nhau một lúc, sau đó Belinda nói khẽ “Duclos là một trong những người của chúng ta?”

“Cô có nghễnh ngãng không đấy?” - Tôi phát cáu, nói.

“Em hiểu rồi.”

Dường như hai cô vẫn có cảm giác cuộc sống của họ bị đe dọa, chắc là các cô sẽ không được yên, nhưng mà chính họ đã được đào tạo để làm một công việc ẩn chứa nhiều rủi ro và các cô có mặt ở đây để làm công việc như thế và đừng có ngắt đi như một thiếu nữ mới lớn.

Maggie nói, “Em lấy làm tiếc cho bạn của anh.”

Tôi gật đầu.

“Và em xin lỗi nếu như em ngốc nghếch,” Belinda nói. Cô nhìn tôi với đôi mắt xanh bao la rợp bóng hai hàng mi, dưới đôi lông mày đen thanh nhã và nói chậm chậm, “Họ đang theo dõi anh, phải không?”

Tôi gật đầu.

“Lo lắng cho sếp của cô. Về tôi ư? Được lắm. Nếu như chúng không theo dõi thì đã có đến nửa tá nhân viên tại khách sạn Excelsior luôn theo dõi tôi. Thậm chí những cửa bên vào khách sạn cũng bị theo dõi. Tôi đã bị bám sát khi ra ngoài vào buổi tối.”

“Hắn đã không đi theo anh được xa.” Sự trung thành của Maggie đã tỏ ra hơi lúng túng.

“Hắn kém cỏi và điều đó đã rõ. Dĩ nhiên còn có những người khác ở đây. Mặt khác có lẽ chúng đang cố gắng có những tính toán để kích thích một phản ứng. Nếu như đó là sự thật thì chúng sẽ hết sức thành công.”

“Khiêu khích ư?” - Maggie có vẻ buồn và cam chịu, cô rất hiểu tôi.

“Chuyện bất tận, đi bộ, chạy, với hai con mắt nhắm chặt.”

“Điều này có vẻ như không khôn ngoan lắm hoặc không phải là một cách điều tra có khoa học đối với tôi,” Belinda nói một cách quả quyết. Sự ăn năn của cô đã xẹp đi nhanh chóng.

“Jimmy Duclos là người khéo léo. Người khéo léo nhất mà chúng ta có, và hành động một cách khoa học. Anh ấy đang nằm trong nhà xác thành phố.”

Belinda nhìn tôi có vẻ hơi lạ, “Thế thì từ bây giờ anh sẽ trong tình trạng bị chúng nó theo dõi không phút nào lơ là?”

“Sẽ căng thẳng lắm, phải không cô em thân mến.” - Maggie nói một cách lơ đãng - “Đừng có tiếp tục nói với sếp mới của cậu về những gì anh ấy có thể và không thể làm.” Tuy nói ra như vậy nhưng trái tim cô đã không nghe theo lời cô, mà nỗi lo lắng cho tôi vẫn biểu hiện trong đôi mắt cô.

“Như thế có khác chi mục tiêu nhằm bắn của chúng.” - Belinda cứ khăng khăng.

“Cô nói sao? Đi qua các phố của Amsterdam là tự dẫn mình vào cõi chết? - Hay có vẻ là như thế? Mười nghìn người qua lại như vậy hàng ngày.” Tôi đã không nói với hai cô rằng tôi có lý do để tin là có thể chết sớm vì những điều tồi tệ ở Amsterdam này, không phải vì tôi muốn cải tiến hình ảnh quả cảm, mà là vì nó sẽ chỉ dẫn đến thêm những câu hỏi cần giải thích mà bây giờ không phải lúc tôi muốn giải thích.

“Nhưng anh không đưa bọn em đến đây để chẳng làm gì.” Maggie nói.

“Phải phải. Nhưng bất kỳ một kiểu như mỗi nào cũng là việc của anh. Các cô không nên để mắt đến. Tối hôm nay các cô được tự do. Ngày mai cũng thế, không kể là tôi muốn Belinda cùng đi tản bộ với tôi tối ngày mai. Sau đó thì, nếu cả hai cô đều là những cô gái ngoan thì tôi sẽ đưa đi chơi một hộp đêm thuộc loại hư đốn ở Hà Lan.”

“Anh được người ta biết như là khách từ Paris đến mà lại đi chơi ở hộp đêm loại hạng bét?” - Belinda đã vui đùa trở lại. “Tại sao?”

“Tôi sẽ nói với cô sau, là tại sao. Và sẽ nói với cô một vài điều về cái hộp đêm mà cô không biết. Đồng thời sẽ cho cô biết tại sao chúng ta lại ở đây,” tôi đã nói một cách cởi mở. “Tôi sẽ nói với em tất cả.” Bằng cái đại từ ‘tất cả’ này là ý tôi muốn nói đến cái quan trọng bậc nhất mà tôi nghĩ họ cần phải biết thế nhưng không phải là tôi đã có tất cả để mà nói: những khác nhau là đáng kể. Belinda nhìn tôi mong đợi.

Maggie thì hoài nghi một cách trù mẫn và mệt mỏi, nhưng Maggie lúc nào cũng hiểu tôi. “Song, trước tiên, chúng ta uống ly Scotch đã.”

“Chúng tôi không có Scotch, thưa thiếu tá.” - Maggie nói. Tôi biết, Maggie thường hay khắt khe trong những trường hợp tương tự.

“Thậm chí *au fait*^[3] với những nguyên tắc tình báo cơ bản. Em phải tìm cách đọc những quyển sách đúng.” - Tôi gật đầu với Belinda - “Kể cả các sếp thì thỉnh thoảng cũng phải thư giãn.”

Belinda đứng dậy, vuốt phẳng bộ quần áo màu sẫm và nhìn tôi với vẻ khó hiểu và không tán thành... Cô nói chậm rãi: “Khi anh nói về bạn anh nằm trong nhà xác, em dõi theo anh và không thấy anh biểu lộ một cảm xúc nào. Anh ấy vẫn nằm đấy và bây giờ thì anh nói những lời suông sã không thích hợp với hoàn cảnh hiện nay. Anh nói thư giãn, vậy anh có thể làm những gì để thư giãn nào?”

“Theo thói quen thì chỉ một cốc-tai thôi.”

3

Đêm hôm đó là một đêm bình thường như những đêm khác, và ở khách sạn Exelsior vẫn nghe vang lên âm thanh của cây đàn thùng, đang được nghệ sĩ đường phố thể hiện một trích đoạn bản giao hưởng số năm của Bêthoven, người nhạc sĩ thiên tài đã để lại cho đời nhiều kiệt tác trong khi ông đã bị điếc hoàn toàn. Cho dù cách xa năm mươi mét, tôi vẫn thận trọng quan sát, trên đường phố lúc này trời đang mưa phùn, hiệu quả thật kinh hoàng: đó là quà tặng hay là cái để tỏ lòng tôn kính đối với sự chịu đựng và khoan dung của người dân Amsterdam, vốn là một thành phố của những người yêu âm nhạc và là ngôi nhà của những người mê đi nghe hòa nhạc cổ điển nổi tiếng thế giới, thế mà cũng không quyến rũ được người chơi đàn luống tuổi vào trong một quán rượu và nếu ông ta vắng mặt, thì cây đàn organ to đó sẽ được lặn vào bờ con sông đào gần nhất.

Tôi rẽ sang một phố ngang cạnh lối vào quầy bar. Không có bóng người thấp thoáng nấp nơi các ô cửa hoặc ở lối vào quầy bar. Tôi đi quanh phố hẻm đó và rời từ lối thoát hiểm khi xảy ra hỏa hoạn, nhảy lên trên tường nhà qua đường viền bằng bê tông rồi leo lên ban công phòng tôi bằng cái phần nhô thẳng ra ngoài của nó.

Tôi nhìn kỹ xung quanh nhưng không trông thấy gì, tuy nhiên lại thoang thoảng ngửi thấy mùi khói thuốc lá, nhưng không phải mùi thuốc sản xuất bởi một trong những công ty thuốc lá nổi tiếng. Vì các hãng này không có loại thuốc lá cuốn tay, tẩm cần sa bán ra thị trường cùng với các loại thuốc thông thường. Tôi vươn người ra xa hơn hầu như đến điểm mất cân bằng để có thể nhìn thấy mọi thứ, tuy không thấy nhiều, nhưng cũng đủ: hai mũi giày nhọn và một đầu thuốc lá

đang cháy sáng hồng, rõ ràng là đang kẹp trong hai ngón tay của một kẻ lạ mặt.

Tôi thận trọng rút lui, và rất im lặng tôi đứng lên nhẹ nhàng đi trở lại chỗ cửa thoát khẩn cấp khi có hỏa hoạn rồi bước xuống tầng sáu, tôi luồn qua cánh cửa thoát hiểm đó, rồi khóa lại và nhẹ nhàng đi dọc theo hành lang đến phòng số sáu trăm mười sáu, lắng nghe. Nhưng không có gì. Tôi mở cửa rất êm bằng chìa khóa vạn năng không để phát ra một tiếng động nào, sau đó bước vào phòng, đóng cửa lại cũng hết sức nhanh, nếu không thì gió lùa có thể xoáy khói thuốc lá, theo đó dễ thu hút sự chú ý của người hút thuốc. Những tay nghiện ma túy luôn tỉnh táo đề phòng chúng bị phát hiện.

Nhưng đây là một trường hợp ngoại lệ, điều có thể đoán trước được đó là người phục vụ tầng. Hắn đang ngồi thoải mái trên chiếc ghế, chân gác trên ngưỡng ban công, điếu thuốc lá đang hút cầm trên bàn tay trái, tay phải hắn cầm một khẩu súng ngắn đặt trên đầu gối.

Thông thường thì người ta rất khó có thể đến gần ai đó từ phía sau dù là không gây ra một tiếng động nào bởi giác quan thứ sáu luôn báo cho họ biết là có người đang đến gần. Nhưng nhiều chất ma túy có ảnh hưởng làm suy nhược cái bản năng này và tên phục vụ tầng đang hút thuốc là một trong số người đó.

Tôi đã đứng đằng sau hắn với khẩu súng của mình dí vào tai bên phải mà hắn chưa nhận biết điều gì. Tôi vỗ vào vai bên phải hắn. Bị bất ngờ, hắn bật dậy thành linh, người hắn như bị co giật rồi kêu lên đau đớn khi tôi đập nòng súng của mình vào mắt phải của hắn. Ngay lập tức hắn đưa hai tay lên ôm lấy bên mắt bị thương, trong khi đó tôi giật lấy khẩu súng trong tay hắn mà không hề có kháng cự, và nhét nó vào túi, nắm vai hắn đánh một cú rất mạnh. Tôi đâm mạnh vào mặt làm hắn bị hất mạnh về phía sau, như thể hắn thực hiện một cú nhảy lộn nhào và ngã ngửa rất nặng nề đập đầu xuống đất. Có lẽ phải đến mười giây hắn nằm như vậy, hoàn toàn choáng váng và sững sờ, sau đó gắng gượng tựa người trên một cánh tay, hắn nhăn mặt rên lên vì

đau, đôi môi tái nhợt của hắn méo mó để lộ hai hàm răng ám khói thuốc lá trong tiếng cắn nhả chửi rủa và đôi mắt hắn tối sầm vì căm thù. Tôi thấy không thể nào có cơ hội để tôi và hắn có thể trở nên quen biết nhau.

“Ông đã đối xử quá thô bạo với tôi, quá đáng quá,” - hắn thì thào. Dân nghiện ma túy thường rất thích các phim bạo lực, và đối thoại của chúng hầu như không bao giờ sai lầm.

“Thô bạo?” - Tôi ngạc nhiên - “ôi, ông bạn thân mến, không... sau này rồi ta sẽ chơi thô bạo với nhau, nếu như mày không nói.” Có lẽ tôi đã đi cùng một rạp xiê giống như hắn. Tôi nhặt điều thuốc lá đang cháy dở rơi trên chiếc thảm, mùi rất ghê tởm, di di mũi giày rồi quẳng nó vào gạt tàn. Tên phục vụ phòng gắng gượng đứng dậy, vẫn còn lảo đảo và chưa đứng vững trên đôi chân, tuy nhiên tôi không tin nó. Bây giờ khi hắn nói, tiếng cắn nhả đã không còn trong giọng nói và vẻ mặt hắn cũng hết cau có. Hắn đã quyết định chơi trò lạnh lùng và bình tĩnh trước cơn dông, một kịch bản cũ mèm - “có lẽ cả hai chúng ta nên thay đổi bằng cách đi nghe một vở opera thôi,” - tôi nói.

“Ông muốn tôi nói về cái gì?” - Hắn hỏi.

“Về những gì mà mày làm trong phòng tao từ lúc đầu, và ai cử mày đến đây.”

Hắn mỉm cười mệt mỏi. “Luật đã buộc tôi phải giữ kín mọi điều. Tôi biết luật. Bởi vậy ông không thể bắt buộc tôi nói. Tôi có quyền của tôi. Luật đã khẳng định như vậy.”

“Luật của mày là đứng ngay ở trước cửa phòng tao nghe ngóng? Như thế tức là đã phạm luật. Mày biết điều đó chứ, ở một trong những thành phố văn minh cỡ nhất thế giới này, thế nhưng mày và tao giờ đây đang như sống trong rừng rậm đấy. Tuy nhiên cũng có một luật đấy. Giết hay là bị giết.”

Có thể đó là lỗi tại tôi đã gieo những ý tưởng đó vào trong đầu hắn. Cho nên rất nhanh, hắn lao đầu vào tôi và đè lên súng của tôi, nhưng không đủ thấp để cho cằm hắn đè lên đầu gối tôi. Tuy vậy, hắn

đã làm cho đầu gối tôi rất đau, tôi kịp xô hẳn ra ngoài, nhưng hẳn khá khỏe, hẳn chộp lấy một chân tôi, rồi kéo tôi ngã xuống, rồi đè lên người, tôi và hẳn vật lộn nhau. Súng của tôi bị văng ra, hẳn và tôi ghì chặt nhau nằm lăn trên nền nhà và nện nhau một trận nên thân. Hẳn khỏe và dai sức, nhưng đã bị hai điều bất lợi khi quần nhau với tôi: tuy là khỏe nhưng ma túy đã làm cho hẳn không còn được sung sức đúng với tuổi của mình và dù cho hẳn có một bản năng phát triển cao để thường xuyên đâm đá hoặc chém giết nhau thì hẳn cũng chẳng bao giờ được đào tạo có bài bản và tập luyện thường xuyên. Và bây giờ thì bàn tay trái của tôi đã nắm chặt cổ tay phải hẳn và đè lên vai hẳn.

Tôi đã vặn cổ tay hẳn cao lên, cho đến khi hẳn thét lên đau đớn như thể hẳn bị đau đớn cực độ, và từ vai hẳn phát ra một tiếng kêu rắc kỳ lạ... Nhưng tôi không biết là có phải tôi đã bẻ tay nó mạnh quá hay không, sau đó tôi đẩy mạnh hẳn ra ngoài ban công rồi bắt hẳn nằm vắt người qua hàng lan can, cho đến khi chân hẳn không chạm đất, vắt ngang người qua hàng lan can, để cho bàn tay trái hẳn được tự do như thể là mạng sống của hẳn phụ thuộc vào đó.

“Mày là thằng nghiện hay là bán ma túy rong?” - Tôi hỏi.

Hẳn nói to và chửi bậy bằng tiếng Hà Lan, nhưng tôi biết tiếng Hà Lan, kể cả những từ tục tĩu. Tôi dùng tay phải bịt mồm hẳn để cho tiếng gào to của hẳn không làm cho ai nghe thấy và tôi cũng không muốn cho các công dân Amsterdam đang đi lại trên đường phố biết chuyện này cho dù chúng tôi đang trên tầng sáu. Tôi buông tay mình ra.

“Thế nào?”

“Bán ma túy,” - giọng hẳn rên rỉ thốn thức - “Tôi đi bán.”

“Ai đưa cho mày?”

“Không, không, không!”

“Nói đi! mày biết là tao có thể bẻ gãy tay mày, nói đi!”

“Đó là một tên giết người!” - Hẳn vẫn còn rên rỉ nhưng giọng hẳn bây giờ chỉ như tiếng thì thầm khàn khàn.” - Ông muốn gì?”

“Tao muốn gì? Người của bọn mày đã giết chết bạn tao chiều hôm nay. Tiêu diệt bọn vô lại như chúng mày cũng là một niềm vui. Rơi từ độ cao hai mươi hai mét xuống đất, và không có dấu vết của bạo lực. Không kể là mỗi chiếc xương trong thân thể mày sẽ bị gãy hết. Hai mươi hai mét cao. Nhìn xem!”

Tôi lôi người hấn ra ngoài hàng lan can thêm chút nữa để hấn có thể nhìn được rõ hơn xuống dưới đất rồi phải dùng cả hai tay để kéo mạnh hấn trở lại.

“Nói đi!”

Từ cổ họng hấn phát ra một giọng khàn khàn, tôi lại lôi người hấn hầu như gần ra ngoài hàng lan can, rồi lại kéo rất mạnh người hấn trở vào giữa phòng. Tôi nói, “Ai phái mày đến đây?”

Tôi đã nói hấn khỏe và dai sức, nhưng hấn thật sự dẻo dai và khỏe hơn là tôi nghĩ. Hấn tỏ ra sợ và đau đớn và tôi không nghi ngờ điều này. Nhưng trong khi tôi cứ nghĩ là hấn đau đớn và đã khuất phục thì bỗng nhiên hấn xoay người thật mạnh thành một vòng tròn rồi nhẹ nhàng thoát khỏi miếng đòn tôi khóa tay hấn. Sau đó hấn xông đến tôi và trong bàn tay trái hấn đã xuất hiện một con dao vung thẳng về phía trước nhắm vào một điểm ngay dưới xương ức tôi. Bình thường có lẽ hấn đã làm cái động tác này khá thuần thục, tuy nhiên trong hoàn cảnh này lại không bình thường. Và lại phản ứng của tôi còn nhanh hơn. Tôi chộp được cổ tay cầm dao của hấn và nắm chặt bằng hai tay của mình, vặn rất mạnh, trong khi hấn còn oằn người lại để đỡ đau, thì tôi dang thẳng chân đá vào bụng hấn, thành linh tôi giật mạnh tay hấn làm hấn chới với ngã ụch xuống nền nhà gây nên tiếng động khá mạnh có lẽ hai phòng bên cạnh đều nghe rõ.

Hấn nằm trên nền nhà, đầu tựa trên ngưỡng ban công. Tôi túm hai ve áo hấn nâng lên, đầu hấn uể oải oặt xuống chạm đến vai. Tôi lại hạ hấn nằm xuống nền nhà, nhưng tiếc thay... hấn đã chết, bởi vì tôi nghĩ có lẽ hấn có thông tin vô cùng quý báu đối với tôi, và đó là lý do duy nhất mà tôi lấy làm tiếc.

Tôi lần tìm trong các túi của hắn xem có gì đáng quan tâm, nhưng chỉ có hai thứ làm tôi chú ý: một hộp thuốc lá cuốn tay trong có tấm cần sa, nhưng chỉ còn một nửa hộp và hai mẫu giấy thừa. Một giấy có in chữ MOO 144 còn mảnh giấy kia có hai chữ số 910020 và 2797. Lúc này chúng chẳng có nghĩa gì đối với tôi, ngoài một giả định có lý là tên phục vụ tầng sẽ không còn giữ chúng trong người hắn, trừ phi chúng chẳng còn ý nghĩa gì đối với hắn nữa, vì vậy tôi tạm để chúng vào một nơi an toàn, có thể coi là rất an toàn, vì trong bộ quần áo tôi đang mặc, có cái túi nhỏ được may một cách kín đáo vào ống quần bên phải, cao hơn mắt cá chân khoảng mười ba centimét.

Tôi dọn dẹp và làm cho sạch sẽ không để lại dấu vết gì của cuộc ẩu đả nhau vừa xong, lấy khẩu súng của người chết, rồi đi ra ban công, nghiêng người trên hàng lan can, ném mạnh khẩu súng sang phía bên trái. Sau đó leo qua đường viền bê tông trên mái nhà xuống dưới cách sáu mét rưỡi không gây một tiếng động nào. Tôi đi vào bên trong, vứt bỏ những điều thuốc lá tấm ma túy vào toa lét rồi xối mạnh nước cho cuốn đi, rửa sạch gạt tàn thuốc lá, rồi mở tất các cửa ra vào cũng như cửa sổ để cho mùi khó chịu bay đi càng nhanh càng tốt. Sau đó tôi kéo tên phục vụ tầng sang một phòng nhỏ và mở cửa ra vào trên lối đi.

Hành lang không có người. Tôi chăm chú lắng nghe, nhưng chẳng nghe được gì, không có tiếng động của các bước chân đến gần. Tôi đến cầu thang máy, ấn nút bấm, chờ cho thang máy xuất hiện rồi mở hé cửa, chèn một hộp diêm giữa rầm cửa và cửa để cho không thể đóng được cửa và mạch điện, sau đó vội vã trở về dãy phòng mình. Tôi kéo xác tên phục vụ tầng đến thang máy, mở cửa rồi bình thản đưa hắn vào buồng cầu thang một cách tự nhiên, rút hộp diêm ra và để cho cửa ra vào đu đưa. Thang máy thì vẫn ở nơi nó đứng, rõ ràng không có ai bấm nút cái thang máy đặc biệt tại cái thời điểm đặc biệt đó.

Tôi khóa cửa ngoài của dãy phòng mình bằng một chìa khóa vạn năng rồi đi trở lại cửa thoát hiểm khi có hỏa hoạn, lúc này đã trở thành một người bạn tin cậy của tôi. Tôi đã ra đến ngoài phố mà không bị ai

theo dõi và tôi lại ung dung trở lại vào lối cửa chính. Ông già chơi đàn hộp vẫn đang biểu diễn một tác phẩm của Verdi. Ông ấy quay lưng về phía tôi khi tôi ném mấy đồng xu vào trong cái vỏ đồ hộp. Ông ta quay lại cảm ơn tôi và nhoẻn một nụ cười để lộ hai hàm răng hầu như chỉ còn vài cái, nhưng khi nhìn thấy tôi thì lập tức ông há hốc mồm kinh ngạc, rồi sững sờ ngây người như trời trồng vì không có ai buồn báo cho ông ta rằng Sherman đã có mặt ở Hà Lan. Tôi nhìn ông ta cười rồi đi vào trong tiền sảnh khách sạn.

Có hai nhân viên mặc đồng phục đứng sau bàn cùng với giám đốc khách sạn đang quay lưng về phía tôi. Tôi nói to: “Cho tôi chìa khóa phòng sáu một sáu.”

Giám đốc khách sạn đột ngột quay lại, ông ta ngược lông mày nhìn tôi nhưng vẫn còn chút kiềm chế chứ không ngược lên thật cao. Tôi đã tặng ông ta một nụ cười đầy nhiệt tâm của cá sấu.

“Thưa ông Sherman, tôi không biết ông đã đi ra ngoài.”

“Ồ vâng, đúng vậy. Đi tản bộ cho khỏe người trước bữa ăn tối. Theo tập quán của người Anh, ông cũng biết đấy.”

“Vâng, vâng, tất nhiên.” Ông ta nhìn tôi cười một cách tinh quái như thể là có điều gì đấy đáng bị khiển trách một cách mơ hồ về cái tập quán lâu đời này của người Anh, sau đó thì ông lại nhìn tôi với vẻ lúng túng thay cho một nụ cười. Ông ta giả bộ nói: “Tôi không nhớ là đã nhìn thấy ông ra ngoài.”

“Phải rồi,” - tôi nói - “ông chẳng thể trông đợi tự mình lúc nào cũng quan tâm đến tất cả các vị khách của khách sạn được, phải không?” Tôi cũng lại mỉm cười với ông ta đúng như kiểu cười giả bộ mà ông ta đã tặng tôi, sau đó lấy chìa khóa và đi về phía thang máy. Mới bước đi được vài bước thì nghe có tiếng kêu thất thanh dễ sợ vang đến tiền sảnh khách sạn rồi lại im lặng ngay, tiếng thét ghê sợ đó chỉ kéo ra đủ dài để cho một người phụ nữ đã kêu thét, hít một hơi dài và lại bắt đầu kêu thất thanh lần nữa. Tiếng kêu thét đó là của một quý bà trung niên, mặc bộ váy áo sắc sỡ, một bức tranh biếm họa của một

khách du lịch Mỹ ở nước ngoài, bà ta đang đứng trước cầu thang máy, miệng há to và tròn như chữ O, đôi mắt cũng tròn tròn. Bên cạnh bà là một nhân vật trông đầy đà trong bộ com lê bằng vải sọc nhẵn, đang cố gắng khuyên bà này bình tĩnh lại, nhưng ông ta đã không có vẻ gì là đang khuyên nhủ làm cho người ta có cảm giác là ông ta không sẵn lòng làm cho bà ta đừng kêu thét nữa.

Tay trợ lý giám đốc chạy xô lại, vượt qua tôi và tôi đã đi theo anh ta một cách thông dong. Vào lúc tôi đi đến cầu thang thì tay trợ lý giám đốc đang quì trên một đầu gối nhìn tên phục vụ tầng đã chết nằm giang tay ra.

“Lạy Chúa tôi,” - tôi hỏi - “anh ta bị ốm ư, ông có nghĩ là anh ta bị ốm không?”

“Ốm? Ốm?” Tay trợ lý giám đốc trừng trừng nhìn tôi, “Ông nhìn vào cổ anh ta xem, người đàn ông này đã chết!”

“Lạy Chúa lòng lành, tôi nghĩ là ông nói đúng,” - tôi dừng lại và cúi xuống nhìn gần hơn vào mặt tên phục vụ phòng - “hình như trước đây tôi đã nhìn thấy anh này ở đâu đó.”

“Anh ấy là người phục vụ ở tầng của ông đấy,” tay trợ lý giám đốc nói mà không thể có một nhận xét gì khi hai hàm răng còn nghiến chặt lại.

“Tôi nghĩ, trông anh ta quen quen, chắc tuổi chỉ ngoài ba mươi,” tôi lắc đầu buồn bã và hỏi, “Quán ăn ở đâu?”

“Quán ăn ở đâu! - Quán ăn ở đâu!”

“Không sao cả,” - tôi nói nhẹ nhàng - “Tôi nhận thấy ông đang bối rối. Tôi sẽ tự tìm nó vậy.”

Quán ăn của khách sạn Excelsior có lẽ không thể như những người chủ khẳng định là nấu ăn ngon nhất Hà Lan, nhưng tôi không quan tâm về việc đem chúng ra khen để tranh thủ tình cảm. Từ món trứng cá cho đến những quả dâu tây tươi trái mùa. Tôi bắn khoản một

cách vẫn vợ không biết mình nên thanh toán những hóa đơn đặt tiền này vào khoản chiêu đãi ngoại giao cần thiết hay là hối lộ đây. Nhưng các món ăn quả là tuyệt vời. Tôi nghĩ như vậy thôi, chứ không có vẻ như là mình có lỗi khi nghĩ về Maggie và Belinda. Chiếc đi vắng bằng nhung lông màu đỏ mà tôi đang ngồi là sự thoải mái cuối cùng trong bữa ăn chiều, do đó tôi ngả người dựa lưng và duỗi dài chân nâng cốc rượu brandy lên và nói, “Chào Amsterdam!”

“Amsterdam!” Đại tá Van de Graaf nói. Đại tá là Phó Giám đốc Sở cảnh sát thành phố đã cùng với tôi, thật ra không có mời mọc gì trước mà chỉ mời ông trước bữa ăn có năm phút. Ông vẫn đang ngồi trên một cái ghế rộng, nhưng dường như quá nhỏ so với ông, một người to ngang nhưng chỉ có chiều cao trung bình. Ông có mái tóc màu xám, một khuôn mặt rám nắng với những nếp nhăn hằn sâu, một tính cách quyền lực không thể sai lầm và một dáng điệu làm tăng khả năng áp đảo tinh thần của các đối tượng phạm pháp. Ông tiếp tục một cách khô khan: “Tôi vui vì thấy anh cũng vui vẻ thoải mái, thiếu tá Sherman, sau một ngày có nhiều sự kiện quan trọng như thế.”

“Cảm ơn đại tá, cuộc sống thường quá ngắn ngủi. Ngài nói những sự kiện gì cơ?”

“Chúng tôi đã không có khả năng phát hiện được nhiều điều về người đàn ông tên là James Duclos, người đã bị bắn và chết tại sân bay ngày hôm nay,” - ông nói tiếp - “Chúng tôi chỉ được biết là ông ấy từ Anh đến đã được ba tuần nay, đã ghi tên là khách trọ ở khách sạn Schiller một đêm rồi sau đó biến mất. Ông ta dường như, thiếu tá Sherman ạ, có một cuộc hẹn gặp khi chuyến máy bay của anh đến Schiphol, liệu đây có phải là một sự trùng khớp?”

“Anh ấy đến để gặp tôi,” Đại tá De Graaf cho rằng nhất định sớm hay muộn cũng phát hiện ra. “Đó là một trong những người của tôi, tôi nghĩ chắc là anh ấy phải giả mạo là một cảnh sát ở đâu đó được phái đến - ví dụ như vào trong bộ phận nhập cư.”

“Anh làm tôi ngạc nhiên,” - ông ta thở dài nặng nề và chẳng có gì chứng tỏ tôi đã làm cho ông ngạc nhiên.

“Bạn tôi đã làm cho chúng tôi gặp nhiều khó khăn, nếu chúng tôi không biết những thông tin anh ấy định chuyển. Tôi cần nói về Duclos. Khi chúng tôi có những chỉ thị từ Interpol ở Paris về giúp đỡ ông mọi sự hỗ trợ có thể được thì ông có nghĩ rằng tốt hơn cả là ta nên phối hợp với nhau cùng hành động không?”

“Chúng tôi có thể giúp ông.”

“Ông có thể giúp chúng tôi.”

Ông uống một ngụm brandy. Đôi mắt màu xám của ông trông rất thẳng thắn. “Người ta cho rằng người đàn ông bị ám sát ở sân bay có thông tin - và bây giờ chúng ta mất thông tin đó.”

“Được rồi, có lẽ nên bắt đầu bằng cách ông giúp tôi. Ông có thể hiểu nếu như có một cô Astrid Lemay trong hồ sơ của ông. Cô ta làm việc trong một hộp đêm nhưng trông không có vẻ một cô gái Hà Lan và cũng không giống phụ nữ Hà Lan, vì vậy ông có thể có gì đấy về cô ấy.”

“Có phải cô gái mà anh xô ngã ở sân bay? Làm thế nào mà anh biết là cô ta làm việc ở một hộp đêm?”

“Cô ấy nói với tôi,” - tôi nói tình bơ không chút ngượng.

Ông ta cau mày - “Các viên chức sân bay không nói cho tôi biết có nhận xét như thế.”

“Các viên chức sân bay Schiphol đều là các bà già.”

“A, à, thế thì có thể có điều gì đấy có ý nghĩa đây. Thông tin này tôi có thể nhận được. Còn gì nữa không?”

“Không còn gì nữa.”

“Một sự việc nhỏ khác nữa, là chúng tôi sẽ không trao đổi với ai chứ?”

“Nói với tôi.”

“Người phục vụ tầng sáu, một ông bạn khó chịu, không phải là một trong những người của ông chứ?”

“Đại tá!”

“Tôi không nghĩ anh ta là đại tá một chút nào cả. Ông có biết anh ấy đã chết do bị gãy cổ?”

“Chắc là anh ấy đã bị ngã từ trên cao,” - tôi nói với vẻ thông cảm. De Graaf uống nốt ngụm brandy rồi đứng dậy.

“Chúng tôi không biết anh, thiếu tá Sherman, nhưng anh đã làm việc cho Interpol rất lâu, mà quan hệ của chúng tôi với Interpol là rất mật thiết, tuy chúng tôi chưa làm quen với các phương pháp của anh. Nhưng tôi có thể nhắc anh rằng những gì đang gieo rắc hủy hoại ở Istanbul, ở Marseille và Palermo, chỉ mới kể một số nơi mà thôi - thì cũng khó tấn công vào Amsterdam đấy, phải không?”

“Chu cha ơi,” - tôi nói - “ông có thông tin tốt quá.”

“Ở đây, tại Amsterdam này, tất cả chúng ta đều phải tuân theo luật. Anh ấy có thể đã không nghe tôi. Bản thân tôi kết luận như vậy. Và anh cũng không phải là ngoại lệ.”

“Tôi cũng không trông đợi như thế,” - tôi nói một cách nghiêm túc - “Được rồi, thế thì chúng ta hợp tác. Mục đích chuyến thăm này, khi nào thì tôi có thể nói với ông?”

“Tại văn phòng tôi. Lúc mười giờ.” Ông nhìn quanh quán ăn không chút thiện cảm. “Đây là lúc khó khăn và là một nơi khắc nghiệt.”

Tôi ngược lông mày.

“Khách sạn Excelsior,” - đại tá De Graaf nói nặng nề - “là một địa điểm nghe ngóng của địch đã nổi tiếng thế giới.”

De Graaf đã đi. Tôi tự hỏi không biết quý quái nào xui khiến mà ông ta lại nghĩ tôi đã chọn khách sạn Excelsior này để lưu lại.

Văn phòng của đại tá De Graaf không hề giống một chút nào với khách sạn Excelsior. Một căn phòng đủ rộng nhưng lạnh lẽo và trống trải, không có chút trang trí, chỉ có vài tủ đựng hồ sơ bằng thép xám, một bàn làm việc và mấy cái ghế cũng bằng sắt, tất cả đều cứng như thép. Nhưng ít ra thì việc trang trí cũng có hiệu quả làm cho bạn tập trung vào những vấn đề cần thiết. Không có gì làm lơ đãng tâm trí hoặc phân tán đôi mắt De Graaf và tôi, sau mười phút thảo luận sơ bộ khá tập trung, mặc dù tôi nghĩ là đối với De Graaf sẽ dễ dàng hơn đối với tôi. Tôi nói dối là mình đã tỉnh dậy từ một giờ đêm trước và tôi chẳng bao giờ dậy trước mười giờ vào một buổi sáng lạnh lẽo và có gió thổi dữ dội.

“Tất cả ma túy.” - De Graaf đồng ý - “Tất nhiên, chúng ta phải quan tâm đến tất cả các loại ma túy - thuốc phiện, ma túy từ cây gai dầu, amphetamine, cocain, amyl acetat. Anh cũng biết rõ rồi, thiếu tá Sherman, và chúng ta đã tập trung vào chúng. Tất cả chúng đều phá hủy hoặc dẫn đến sự phá hủy. Nhưng trong trường hợp này, chúng ta đang giới hạn ở heroin. Đồng ý không?”

“Đồng ý.” - Một giọng nói mạnh và rõ ràng vang lên ở ngưỡng cửa. Tôi quay đầu lại và thấy một người đàn ông đang đứng đấy, anh ta mặc một bộ comlê để đi giao dịch cắt may rất khéo, đôi mắt xám sắc sảo nhưng lạnh lùng, một vẻ mặt dễ thương nhưng cũng sẵn sàng ngừng ngay cái vẻ dễ thương đó lại rất nhanh, trông rất chuyên nghiệp. Có thể tin được là không thể có sai lầm trong nghề nghiệp của anh. Đây là một cảnh sát và là một cảnh sát không nông nổi và khinh suất.

Anh ta đóng cửa lại và đi ngang qua tôi với bước đi nhẹ và nhanh của một người đàn ông trẻ hơn cái tuổi ngoài bốn mươi của mình. Anh chìa tay ra và nói, “Van Gelder. Tôi đã nghe nói nhiều về anh, thiếu tá Sherman.”

Tôi mỉm cười và bắt chặt tay anh.

“Đây là thanh tra Van Gelder,” đại tá De Graaf giới thiệu “trưởng phòng chống ma túy của chúng tôi. Anh ấy sẽ cùng làm việc với anh, Sherman ạ. Anh ấy sẽ nêu ra với anh một sự hợp tác tốt nhất có thể được.”

“Tôi hoàn toàn hy vọng chúng ta có thể cùng nhau làm việc tốt,” Van Gelder mỉm cười và ngồi xuống, “Anh cho tôi biết đi, công việc của anh tiến triển đến đâu rồi, anh có nghĩ rằng mình sẽ phá tan được cái băng cung cấp ma túy vào nước Anh không?”

“Tôi nghĩ, chúng ta có thể. Đó là một đường dây phân phối được tổ chức ở mức độ rất cao, đã hòa nhập khá tinh vi và hầu như không có giới hạn - và cũng vì thế mà chúng ta có thể nhận diện đến hàng tá những tên bán ma túy cho chúng và đến nửa tá những ổ phân phối chính.”

“Anh có thể phá vỡ một ổ ma túy, nhưng anh sẽ không thể. Rồi sau đó anh có để mặc nó hoàn toàn vì yên trí nó đã tan rã chưa?”

“Còn gì nữa, ông thanh tra? Chúng ta đã phá chúng, và sắp tới thì các ổ phân phối sẽ rút xuống dưới mặt đất mà chúng ta sẽ chẳng bao giờ tìm thấy nó. Và như vậy thì chúng ta sẽ chộp chúng như thế nào nếu ta muốn chúng. Điều mà ta thật sự muốn phát hiện là cái thứ ghê tởm đó đã len lỏi vào nhiều nước ra sao và ai cung cấp nó.”

“Và anh nghĩ - một cách rõ ràng, hoặc là anh sẽ không ở đây - các nguồn cung cấp đến từ đây? Hoặc gần đây?”

“Không phải gần đây, mà ở đây. Và tôi không nghĩ, mà tôi biết. Tám mươi phần trăm chúng nó đang dưới sự giám sát và tôi nói đến các ổ phân phối và những người trung gian của chúng có những mối liên lạc với đất nước này. Nói cho chính xác, với Amsterdam - gần như tất cả bọn chúng. Chúng có những người thân thích ở đây, hoặc bạn bè. Chúng có những cuộc gặp gỡ công việc ở đây, hoặc đích thân chúng tiến hành giao dịch kinh doanh ở đây, hoặc đơn giản là chúng đến đây để nghỉ ngơi. Chúng tôi đã mất đến năm năm để xây dựng được hồ sơ này.”

Đại tá De Graaf mỉm cười, “Nơi này đã được gọi là ‘ở đây’.”

“Vâng, Amsterdam.”

Van Gelder hỏi, “Có các bản sao hồ sơ này?”

“Một.”

“Anh có mang theo?”

“Có.”

“Anh để đâu?”

“Ở một nơi an toàn duy nhất.” - Tôi vỗ nhẹ vào đầu.

“Một nơi an toàn như bất kỳ nơi nào,” De Graaf tán thành, sau đó ông trầm ngâm nói thêm: “Tất nhiên, với điều kiện là anh không gặp phải những người mà họ nghiêng về xử sự với anh theo cách anh xử sự với họ.”

“Tôi không hiểu, thưa đại tá.”

“Tôi nói những điều bí ẩn khó hiểu.” - De Graaf nói một cách lịch sự. “Phải phải, tôi đồng ý, bây giờ thì ngón tay chĩa vào Hà Lan. Không đặt quá chính xác một điểm trên đó, khi anh không đặt một điểm quá chính xác trên nó, ở Amsterdam này. Chúng tôi cũng biết mình đang có điều tiếng. Chúng tôi mong rằng điều đó không đúng sự thật, nhưng không được. Chúng tôi biết cái thứ đó đến cả đồng. Chúng tôi biết, khi được đưa ra ngoài thì chúng lại bị phá tan tác, nhưng chúng đến từ đâu và đến theo cách nào thì còn chưa nắm được.”

“Đó là phạm vi hoạt động của các anh.” - Tôi ôn tồn nói.

“Đó là gì?”

“Đó là thành phố của các anh, là Amsterdam. Anh điều hành luật ở Amsterdam.”

“Trong thời gian một năm, anh có kết bạn được với nhiều người không?”

“Anh đang làm công việc triệt những tên phá hủy con người,” De Graaf nói nhẹ nhàng. “Chúng tôi biết về anh. Chúng tôi có hồ sơ rất tốt về anh. Anh có muốn xem qua?”

“Chuyện cũ làm tôi thêm chán.”

“Có thể đoán trước được,” De Graaf thở dài, “Này, Sherman, lực lượng cảnh sát tốt vào loại nhất thế giới cũng có thể chột thấy mình đụng đầu vào một bức tường bê tông. Đó là những gì chúng tôi đã làm - nói như thế không phải là tôi khẳng định chúng tôi là tốt nhất. Tất cả những gì chúng ta đòi hỏi là một sự lãnh đạo, chỉ một sự lãnh đạo duy nhất... Có lẽ anh có một vài ý tưởng hay một kế hoạch nào đó chẳng?”

“Tôi chỉ vừa mới đến đây ngày hôm qua,” tôi moi ở mặt trong phần giữa của ống quần bên phải và đưa cho đại tá hai mảnh giấy mà tôi đã tìm thấy trong các túi của tên phục vụ tầng sáu khách sạn Excelsor đã chết. “Những chữ cái này, những con số đó, chúng có nghĩa gì đối với ông không?”

Đại tá liếc nhanh hai mảnh giấy, ông đặt chúng trước ngọn đèn bàn sáng chói, ông nhìn đi nhìn lại rồi trả lời, “Không.”

“Anh có thể phát hiện được điều gì? Nếu như chúng có một ý nghĩa nào đó.”

“Tôi có một nhân viên rất có năng lực. Nhân tiện tôi muốn biết là anh đã lấy được chúng ở đâu?”

“Một người đàn ông đã đưa chúng cho tôi.”

“Anh muốn nói là anh đã có chúng từ một người đàn ông.”

“Thì có gì khác nhau đâu?”

“Có thể có khác nhau rất lớn đấy.” - De Graaf cúi người về phía trước, giọng ông rất nghiêm túc. “Này, thiếu tá Sherman, chúng tôi biết kỹ thuật của anh tiếp cận những người mất thăng bằng và ghim họ lại đấy. Chúng tôi biết xu hướng của anh là bước ra ngoài vòng pháp luật.”

“Đại tá De Graaf!”

“Một điểm lý thú đấy. Hầu như chắc là anh chẳng bao giờ ở bên trong để bắt đầu một việc. Chúng tôi biết rõ về cái chính sách có tính toán này - phải thừa nhận là nó có hiệu quả không khác chi tự sát -

một sự khiêu khích bất tận, để chờ cái gì đấy, chờ ai đó để phá vỡ. Nhưng thôi nào, thiếu tá Sherman, mong rằng anh đừng cố gắng kích thích quá nhiều người ở Amsterdam. Chúng tôi có quá nhiều những con sông đào.”

“Tôi sẽ không kích thích bất kỳ ai,” - tôi nói - “Tôi sẽ rất thận trọng.”

“Tôi tin là anh sẽ như thế,” De Graaf thở dài, “Và bây giờ thì Van Gelder có vài điều cần bàn với anh.”

Van Gelder đưa tôi vào chiếc xe Opel màu đen của anh từ Sở chỉ huy cảnh sát ở Marnixstraat phóng đến nhà xác của bệnh viện thành phố vào lúc mà trước đó tôi đã rời đây và tôi mong muốn anh Duclos không chết.

Nhà xác thành phố thiếu cái sức mê hoặc ma quái của thời cổ, vẻ đẹp lãng mạn và luyến tiếc quá khứ của thành phố Amsterdam cổ kính. Nó giống như những nhà xác trong các thành phố lớn, lạnh, rất lạnh lẽo, cho ta một cảm giác khó chịu, và thoáng cái mùi bệnh tật chết chóc. Khu nhà trung tâm chia thành hai dãy nhà có tường làm bằng những phiến đá trắng, trông tựa tựa như cẩm thạch trong khi đó thì mỗi phòng đều có những cánh cửa lớn bằng kim loại. Người đàn ông trông nom chính ở đây có dáng bộ cứng nhắc trong chiếc áo choàng ngoài màu trắng hồ bột, trắng toát không chút tì vết, sắc mặt ông ta hồng hào, thái độ vui vẻ chào mừng và hơi điệu bộ cứ như không phải là chúng tôi đến nhà xác mà là đến buổi dạ hội nào đó làm cho tôi suýt nữa thì phì cười.

Chỉ một lời của Van Gelder, người coi nhà xác đã dẫn chúng tôi đến một trong những cửa ra vào rất lớn bằng kim loại, ông ta mở cửa, và kéo ra một cái cáng lặn rất êm trên các con lăn thép. Một xác người phủ kín vải trắng nằm trên cái cáng đó.

“Con sông đào mà người này được tìm thấy gọi là Qroquius Kad.” - Van Gelder nói. Anh ta dường như hoàn toàn không xúc động

về chuyện này. “Không phải đã tìm thấy xác người này trong một công viên mà là dưới đáy sông bên cảng. Tên là Hans Gerber, mười chín tuổi. Tôi sẽ không để cho anh xem mặt cậu ấy, xác đã bị ngâm dưới sông quá lâu. Đội cứu hỏa đã tìm thấy người này khi họ trực vớt một ô tô lên. Cậu ta có khi đã nằm dưới đáy đến một năm hoặc lâu hơn cũng nên. Có ai đó đã xoắn một vài ống chì cũ vào ngang người cậu ta.”

Anh ta nâng một góc tấm vải phủ xác chết để lộ một cánh tay gầy và nhũn, cứ như là ai đó đã giẫm đạp lên nó bằng một đôi giày có mấu nhọn. Những dây buộc màu tím tía kỳ lạ buộc vào những vết chém và tất cả cánh tay đã bị biến màu trông xám ngoét. Van Gelder đẩy khăn lại mà không nói một lời rồi quay đi. Người phục vụ lại đẩy chiếc giường chở tử thi vào trong một cách êm ả, ông ta đóng cửa lại, sau đó dẫn chúng tôi sang một cửa khác và lặp lại cái công việc lôi chiếc giường có bánh xe lăn mà bên trên là một xác chết khác ra, ông ta cười có vẻ vui thích, giống như là một công tước người Anh phá sản đang giải thích cho công chúng đứng xung quanh biết cái lâu đài lịch sử của mình.

“Tôi cũng sẽ không để anh nhìn thấy mặt người này.” - Van Gelder nói - “Chẳng nên nhìn một thanh niên hai mươi ba tuổi đã có khuôn mặt của một ông già bảy mươi tuổi.”

Anh quay sang người phục vụ: “Người này tìm thấy ở đâu?”

“Ở Oosterhook,” ông ta tươi cười trả lời, “Trên một xà lan than.”

Van Gelder gật đầu, “Đúng đấy. Cùng với một chai thủy tinh, một chai rượu gin không còn rượu bên cạnh hẳn. Rượu gin đã được hắt nốc hết vào bụng. Anh có biết một sự kết hợp rất đẹp và hiệu quả giữa heroin và rượu gin không.” Anh ta nhắc một đầu tấm vải phủ để thấy được rõ cánh tay tử thi, cũng giống như là cánh tay của xác chết mà họ vừa xem: “Tự tử hay bị giết.”

“Cái đó còn tùy.”

“Tùy thuộc vào cái gì?”

“Liệu hẳn có tự mình mua rượu hay không. Điều đó trả lời là hẳn tự sát hay là chết vì tai nạn. Có người nào đó có thể đặt một chai rượu đầy vào trong tay hẳn, như thế sẽ làm cho hẳn chết. Chúng tôi đã có một vụ, giống như thế này, vào tháng trước ở cảng Luân Đôn. Nhưng sẽ chẳng bao giờ biết rõ nguyên nhân.”

Với một cái gạt đầu ra hiệu của Van Gelder, người phục vụ lại vui vẻ dẫn chúng tôi đi đến một dãy ở giữa phòng, rồi cũng lôi ra một tử thi. Nhưng lần này thì Van Gelder kéo tấm vải phủ từ trên đầu xác chết xuống. Đó là một cô gái còn rất trẻ và xinh đẹp, có mái tóc vàng.

“Đẹp lắm, có phải không?” - Van Gelder hỏi - “Không có một vết gì trên mặt cô ấy. Tên là Rosermeyer từ tây Đức đến. Tất cả chúng tôi đều biết cô. Theo dự đoán của bác sĩ thì cô mười sáu tuổi.”

“Đã xảy ra chuyện gì với cô ấy?”

“Bị rơi từ tầng sáu xuống hè đường bằng bê tông.”

Tôi nghĩ về người phục vụ trên tầng sáu ở khách sạn Excelsior đã chết còn tốt hơn bao nhiêu là cứ nhìn vào cái tử thi trong nhà xác này, sau đó hỏi, “Bị đẩy à?”

“Bị rơi, có nhân chứng. Họ ở trên cao. Cô ấy đã nói chuyện suốt đêm về chuyến bay đến Anh. Cô ấy có nỗi ám ảnh về gặp gỡ với Nữ hoàng. Bỗng nhiên cô ta trèo lên lan can của ban công nói rằng cô đang bay đi Anh quốc để gặp Nữ hoàng - và thế là, cô bay. Thật may là không có người nào đi qua hè đường bên dưới vào lúc đó. Anh có muốn xem thêm?”

“Tôi muốn uống một chút gì đấy tại một quán nào ở gần đây nhất, nếu anh không phản đối.”

“Không,” - anh ta cười, nhưng chẳng có gì đáng cười với việc này - “Nhà tôi ở cách đây không xa. Xin mời. Và tôi có những lý do của mình.”

“Lý do của anh?”

“Rồi anh sẽ thấy.”

Chúng tôi nói lời tạm biệt và cảm ơn người trông coi nhà xác đang cười vui vẻ y như thể là ông ta muốn nói “mong các ông sớm trở lại” tuy rằng không bật ra thành lời. Lúc này bầu trời đã tối, nhưng thật ra nó đã tối kể từ lúc sáng sớm và mưa đã rơi nặng hạt rồi càng lúc càng âm u hơn. Ở chân trời phía đông đậm một màu tím tía, mơ hồ báo trước một sự đe dọa và một điềm gở. Cảnh tượng đó không thường thấy trên bầu trời, nhưng nó đã phản ánh một cách chính xác tâm trạng của tôi lúc này.

Gia đình của Van Gelder có thể đã ghi được những điểm hơn phần lớn các quán rượu ở Anh. Tôi biết một nơi nghỉ ngơi thoải mái và vui vẻ so với ngoài trời âm u và mưa không ngớt thành những dòng nước gợn sóng chảy xuống cửa sổ. Một không khí ấm cúng thoải mái và không khách sáo, trong phòng có sẵn đồ gỗ tiện dụng kiểu Hà Lan trông khá nặng nề, với những chiếc ghế bành bọc quá nhiều. Nhưng tôi lại rất thích những chiếc ghế bành bọc quá nhiều đó, chúng không làm cho bạn chú ý nhiều đến sự bọc quá nhiều như những thứ khác. Một chiếc thảm màu nâu đỏ nhạt trên nền nhà và các bức tường được sơn theo những sắc thái khác nhau của màu tùng lam ấm áp. Tôi ngồi tựa lưng thoải mái vào ghế bành, mắt nhìn đăm đăm vào ngọn lửa xanh cháy đều đều trong lò sưởi mà trong đầu thì không ngừng suy nghĩ trầm ngâm.

“Thôi được rồi,” - tôi nói - “anh đưa tôi đến cái nhà xác chết tiệt đó để giải thích cho tôi điều gì. Tôi chắc là anh đã đạt được mục đích. Nó là gì?”

“Không có gì đặc biệt. Điều đầu tiên tôi muốn để anh tin rằng chúng tôi ở đây đang đứng trước và đương đầu với một vấn đề xấu xa đòi bại hơn là vấn đề ở đất nước anh. Có cả tá con nghiện ma túy khác đã nằm trong nhà xác ấy và bao nhiêu người trong số chúng đã chết một cái chết tự nhiên theo phỏng đoán của bất cứ ai. Thật ra thì không phải luôn tồi tệ như vậy, vì những cái chết đó dường như xảy ra theo

từng đợt, nhưng nó vẫn tiêu biểu cho sự mất mát và uổng phí cuộc sống, và chủ yếu là cuộc đời của những thanh niên, và đối với mỗi người ở đây, đã có biết bao người, hàng trăm hay hàng nghìn con nghiện tuyệt vọng trên đường phố?”

“Như vậy thì cách làm của anh thậm chí còn có vẻ như khuyến khích, khác với tôi là tìm kiếm và tiêu diệt những người đó, và đó là chúng ta đang tấn công một kẻ thù chung, một nguồn trung tâm cung cấp ma túy?”

“Mỗi nước chỉ có một quốc vương thôi.”

“Và còn gì khác nữa?”

“Để nhấn mạnh lời báo trước của đại tá Van De Graaf với anh, là những người đó hết sức tàn nhẫn. Nếu kích thích họ quá nhiều, dồn chúng quá gần vào chân tường, thì rồi... chỉ có thêm những xác chết trong nhà xác mà thôi.”

“Thế còn về cái thứ rượu đó?” - Tôi hỏi.

Có tiếng chuông điện thoại vang lên ngoài hành lang. Van Gelder lẩm bầm một câu xin lỗi rồi đi trả lời điện thoại. Ngay sau khi cánh cửa đóng lại sau lưng anh ta thì một cửa ra vào thứ hai dẫn đến một phòng khác mở ra và một cô gái bước vào, cô có dáng mảnh mai, cao và chỉ trạc hai mươi mốt, hai mươi hai, mặc bộ quần áo khít người màu vàng sáng và một áo khoác giản dị nhưng đẹp mắt, dài gần đến mắt cá chân, mái tóc màu nâu vàng nhạt, một khuôn mặt trái xoan và đôi mắt to tím biếc biểu lộ một tính cách hài hước và khả năng nhận thức sâu sắc, tất cả vẻ bề ngoài rất gây ấn tượng đến mức mà trước đó khá lâu, tôi mới nhớ ra cần phải thế nào cho thái độ của mình thích hợp và đôi chân tôi quả thật không dễ gì nhanh nhẹn khi đang ngồi lún sâu trong ghế bành.

“Helo,” - tôi lên tiếng - “Paul Sherman.” Nghe có vẻ không nhiều lời, nhưng tôi không nghĩ được gì thêm để nói.

Có vẻ như hơi bị lúng lúng nên cô gái vụng về mút ngón tay cái, sau đó cười để lộ một hàm răng tuyệt đẹp.

“Tôi là Trudi. Tôi nói tiếng Anh không tốt.” Giọng của cô rất hay nhưng đang nói thứ tiếng Anh tồi. Tôi bước lên vài bước, giơ bàn tay phải ra, nhưng cô vẫn đứng một chỗ không nắm lấy tay tôi mà lại lấy tay che miệng và cười e thẹn. Tôi hơi lúng túng vì không quen với cách những cô gái đã lớn nhưng lại xử sự như thế với tôi, may mà cũng bớt đi sự lúng túng khi tôi nghe thấy ống nghe đã đặt vào chỗ và giọng Van Gelder từ phòng lớn bước vào.

“Một báo cáo thường nhật về công việc ở sân bay. Không có gì đặc biệt.”

Van Gelder nhìn cô gái, ngừng sững lại, cười, rồi bước đến đặt tay quanh vai cô.

“Tôi nghĩ là hai người đã gặp nhau.”

“Phải, phải,” - tôi nói - “nhưng không hoàn toàn...” Vừa lúc đó Trudi nghiêng đầu thì thầm điều gì đó vào tai Gelder, trong khi cô vẫn liếc nhìn tôi từ khóe mắt. Van Gelder mỉm cười gật đầu, sau đó Trudi đi nhanh ra khỏi phòng. Tình trạng bối rối chắc là phải thể hiện trên nét mặt tôi, nhưng Van Gelder lại mỉm cười và có vẻ như anh cười với tôi không lấy gì làm vui.

“Cô ấy sẽ trở lại ngay thôi, thiếu tá. Cô ấy nhút nhát và bẽn lẽn trước những người lạ. Đúng là lần đầu tiên.” Như Van Gelder đã nói. Trudi đã trở lại ngay lập tức. Cô mang theo một con rối rất lớn, nó làm tôi ngạc nhiên đến nỗi thoát mới nhìn cứ tưởng đó là một em bé thật. Nó dài đến hơn chín mươi phân, đội khăn trùm đầu trắng bằng lanh phủ lên những lọn tóc quăn màu nâu vàng nhạt cùng sắc màu như mái tóc Trudi và một bộ áo quần lụa lượn sóng dài đến mắt cá chân, vạt áo trên được thêu thùa rất đẹp. Trudi ôm chặt lấy con rối cứ y như là cô đang bế một em bé thật. Van Gelder lại quàng tay qua vai cô.

“Đây là con gái tôi, Trudi. Còn Trudi này, đây là một người bạn của ba, thiếu tá Sherman từ nước Anh đến.” Tôi thoáng chút ngạc nhiên, nhưng vẫn giữ vẻ mặt bình thường.

Lần này thì cô bước lên trước không một chút do dự rồi hơi khẽ nhún đầu gối cúi chào và mỉm cười.

“Ông có khỏe không, thưa thiếu tá Sherman?”

Không vượt quá mức lịch sự mà cô đã dành cho tôi, tôi mỉm cười và hơi cúi chào: “Chào cô Van Gelder, tôi rất vui.”

“Tôi cũng rất vui,” - cô quay đầu và nhìn Van Gelder dò hỏi.

“Tiếng Anh không phải là điểm mạnh của Trudi.” - Van Gelder nói như có vẻ xin lỗi - “Ngồi xuống đi, thiếu tá, ngồi xuống.”

Van Gelder cầm lấy chai Scotch trong tủ búp phê, rót vào cốc cho tôi và cho anh rồi đưa cốc rượu cho tôi, sau đó ngồi dựa lưng vào ghế và thở dài. Anh nhìn con gái mình đang theo dõi tôi theo cách làm cho tôi mơ hồ cảm thấy không còn thoải mái.

“Con không ngồi sao, con thân yêu?”

Cô quay sang Van Gelder cười rất tươi, gật đầu rồi đưa con rối khổng lồ cho bố. Gelder nhận lấy nó sẵn sàng đến mức rõ ràng là anh ta đã quen với chuyện này rồi.

“Vâng, thưa ba,” - cô nói, và không hề báo trước nhưng lại thản nhiên hết sức cứ như thế đó là điều tự nhiên nhất trên đời, cô ngồi lên đầu gối tôi, quàng một tay qua cổ tôi và cười với tôi. Tôi cũng mỉm cười với cô, dù rằng, cái chốc lát bất ngờ đó đã làm cho tôi phải cố gắng một cách phi thường để chịu đựng, chẳng khác gì lực sĩ Hecquin đỡ lấy nữ thần xinh đẹp đang ngồi trên đầu gối.

Trudi nhìn tôi một cách trang nghiêm và nói: “Cháu thích chú.”

“Và chú cũng thích cháu, Trudi.” Tôi quàng vai cô để chứng tỏ cho Trudi biết tôi cũng thích cô nhiều lắm. Cô mỉm cười với tôi, ngả đầu vào vai tôi rồi nhắm mắt lại. Tôi nhìn cái đầu có mái tóc vàng hoe một lúc sau đó liếc nhìn qua Van Gelder dò hỏi. Anh ta cười, một nụ cười buồn bã.

“Tôi không muốn làm anh bị tổn thương, thiếu tá Sherman, nhưng Trudi thì ai cũng yêu.”

“Tất cả những cô gái ở độ tuổi ấy đều như thế.”

“Anh là người rất am hiểu và sáng suốt.”

Tôi không nghĩ là mình có nhận thức sâu sắc gì, nên tôi không trả lời mà chỉ mỉm cười và quay đầu lại với Trudi rồi nói nhẹ nhàng: “Phải không Trudi?”

Cô không nói gì mà chỉ động đậy người trên đùi tôi và lại cười, một nụ cười vừa lòng một cách hiếu kỳ, có phần nào đó nó mơ hồ khó hiểu làm cho tôi cảm thấy trong đó có nhiều chất gian trá, nhưng Trudi nhắm mắt lại, thậm chí còn xích lại quá gần với tôi hơn.

Tôi lại thử - “Trudi, chú tin rằng cháu có đôi mắt đẹp lắm, chú có thể nhìn đôi mắt cháu không?”

Cô suy nghĩ về ý kiến của tôi một chút, rồi lại cười, ngời thẳng dậy, dang thẳng cánh tay mình trên vai tôi, sau đó mở to đôi mắt, như là một đứa trẻ được người lớn bảo làm như thế. Đôi mắt màu tím, to, rất đẹp, điều đó thật rõ ràng. Nhưng chúng cũng còn là cái gì đấy khác. Chúng đờ đẫn, trống rỗng và dường như không phản xạ ánh sáng. Chúng lấp lánh, một thứ lấp lánh trông rất dễ tưởng lầm là một đôi mắt sáng long lanh và sắc sảo, nhưng thật ra cái vẻ lấp lánh đó chỉ là hơi hợt bởi đằng sau là sự mờ đục lạ lùng.

Vẫn nhẹ nhàng, tôi nhắc tay phải cô khỏi vai tôi, rồi kéo ống tay áo lên đến khuỷu tay. Nếu như phần còn lại của cánh tay cô cũng trắng trẻo và nhẵn nhụi thì là sẽ là một cánh tay rất đẹp, nhưng không, bởi nó đã để lại cực kỳ nhiều những vết thâm do vô số các vết kim tiêm dưới da. Đôi môi Trudi run lên nhìn tôi mất hết tinh thần như thể là cô sợ bị trách móc và giật lấy ống tay áo kéo xuống, và giấu mặt mình vào cổ tôi rồi bắt đầu kêu khóc. Cô kêu khóc thảm thiết như thể là trái tim cô đang tan nát. Tôi vỗ về nhẹ nhàng như người ta thường vỗ về ai đó trong trường hợp tương tự, và nhìn Van Gelder.

“Bây giờ tôi biết lý do của anh rồi,” - tôi nói - “vì sao anh lại nài nỉ tôi đến đây.”

“Tôi lấy làm tiếc. Bây giờ thì anh biết rồi.”

“Anh nêu rõ điểm thứ ba chứ?”

“Tôi đã nêu một vấn đề thứ ba. Chỉ có Chúa mới biết tôi mong muốn sao cho mình không phải như vậy. Nhưng anh sẽ hiểu rằng vì tất cả sự công bằng đối với các đồng nghiệp của mình tôi phải để cho họ biết những chuyện này.”

“Đại tá De Graaf có biết?”

“Tất cả các sĩ quan cảnh sát cấp cao ở Amsterdam đều biết,” Van Gelder buồn rầu nói, “Trudi.”

Phản ứng duy nhất của Trudi là cứ bám lấy tôi, thậm chí còn chặt hơn. Tôi đang bắt đầu mắc chứng thiếu oxy huyết.

“Trudi!” - Van Gelder lần này còn khăng khăng hơn - “Đi ngủ trưa đi. Con biết là bác sĩ đã nói những gì rồi. Đi ngủ đi!”

“Không, con không ngủ!”

Van Gelder thở dài và cất cao giọng gọi, “Herta!”

Cứ như thể là cô chỉ chờ cho bố kêu lên như vậy và chắc là cô đã nghe tiếng động nào đó bên ngoài cửa ra vào - một người đàn bà trông kỳ dị lạ lùng bước vào phòng. Đến một chừng mực có liên quan đến sức khỏe thì bà ta là một thách thức để kết thúc mọi thách thức. Là một phụ nữ có dáng đi núng nính, béo khủng khiếp, trông cao lớn lừng lững - để mô tả cách chuyển động của bà khi đi sẽ là hết sức không chính xác. Bà ta mặc quần áo, nói chính xác là giống y như quần áo mà con rối của Trudi đang mặc. Tóc thắt bím đuôi sam màu vàng hoe dài buộc bằng dải ruy băng màu xanh tươi bỏ thõng xuống phía trước. Khuôn mặt bà trông già nua, ít ra cũng phải ngoài bảy mươi, những nét nhăn hằn sâu, còn lớp da và vẻ bề ngoài giống như một tấm da nâu bị rạn vỡ. Sự tương phản giữa quần áo có màu sắc vui vẻ và sáng sủa mà mặt già xấu đến mức ma chê quỷ hờn đang mặc trên người, với mái tóc thắt bím đuôi sam màu vàng hoe trông thật là lạ lùng, sao mà kinh khủng và kệt cỡm, hầu như trở nên tục tũn, nhưng sự tương phản đó dường như không gợi lên một chút gì trong cả Van Gelder và Trudi.

Bà già đã đi qua phòng - với tất cả sự đồ sộ và béo ghê gớm, thế nhưng bà ta đã chuyển động rất nhanh, gật đầu chào chúng tôi một cách cộc lốc, không nói một lời, đặt một bàn tay thân ái nhưng dứt khoát lên vai của Trudi. Ngay lập tức Trudi nhìn lên, nước mắt cô ngừng chảy cũng nhanh như khi nó bắt đầu lăn trên má, rồi cô cười gật đầu ngoan ngoãn, buông tay khỏi cổ tôi và đứng lên. Cô đi qua chỗ ghế Van Gelder ngồi, lấy lại con rối của mình, hôn bố, rồi đi qua chỗ tôi đang ngồi, hôn tôi không một chút cảm xúc giống như một đứa trẻ rồi nói “Chúc ngủ ngon,” sau đó hầu như cô chạy khỏi buồng. Herta to béo đi ngay phía sau. Tôi trút một tiếng thở dài và đúng là phải cố sức kìm nén để không nhú lông mày lại.

“Anh có thể cảnh báo tôi,” - tôi phàn nàn - “về Trudi và Herta. Thế nhưng Herta là người như thế nào? Một bà y tá?”

“Một bà quản gia,” - anh nói bằng tiếng Anh. Van Gelder nâng cốc rượu whisky uống một ngụm cứ như là anh rất cần uống, và tôi cũng giống như anh tợp một ngụm, thậm chí còn nhiều hơn anh. “Cha mẹ tôi cũng là quản gia trên đảo Huyler ở Zuider Zee. Như anh đã lưu ý, họ rất bảo thủ trong cách trang phục. Bà Herta cũng chỉ mới ở với chúng tôi được vài tháng nay, nhưng như anh đã thấy, bà ta có ảnh hưởng đối với Trudi như thế nào.”

“Thế còn Trudi?”

“Trudi tám tuổi. Nói cho đúng là con bé đã tám tuổi cách đây mười lăm năm, nhưng với tôi nó luôn luôn sẽ là tám tuổi. Nó không phải là con gái tôi như tôi đã nói. Nhưng tôi chẳng bao giờ có thể thương yêu một đứa con gái nào hơn nó. Trudi là con nuôi của anh trai tôi. Anh ấy và tôi cùng làm việc ở Curacao cho đến gần đây. Tôi chuyên về chống ma túy còn anh ấy là sĩ quan an ninh cho một công ty dầu lửa Hà Lan. Vợ anh tôi đã chết từ vài năm trước, rồi tiếp đến là anh ấy và vợ tôi cùng bị chết trong một tai nạn ô tô. Đương nhiên là phải có ai đó nuôi dưỡng Trudi. Nhiệm vụ đó rơi vào tôi, phải nói rằng lúc đó tôi không thích nó chút nào, còn bây giờ thì quả thật là tôi

không thể sống nếu thiếu nó. Nó sẽ không bao giờ lớn cả, anh Sherman ạ.”

“Và thường là lúc nào cũng vậy, nhân viên cấp dưới của ông anh tôi luôn nhận xét rằng anh ấy là một người chỉ huy tuyệt vời, bởi anh tôi không có suy nghĩ hay quan tâm nào khác trong tâm trí ngoài việc làm sao cho càng nhiều bọn người độc ác vào tù càng tốt.”

Tuy nhiên những lời an ủi tỏ vẻ thông cảm hay ái ngại thương xót không phải là sở trường của tôi, do đó tôi nói. “Cô bé bắt đầu nghiện ngập từ bao giờ?”

“Có Chúa mới biết. Nhiều năm trước. Có thể từ mấy năm trước khi anh tôi phát hiện ra.”

“Một số những vết tiêm chích là mới đây thôi.”

“Con bé đang trong thời gian cai nghiện, quá nhiều vết tiêm chích, như anh đã thấy đấy. Bà Herta theo dõi nó như một con điều hâu. Sáng nào cũng vậy, bà ấy đưa nó đến công viên Vondel - nó rất thích cho chim ăn. Buổi chiều thì Trudi ngủ. Nhưng đôi khi, có buổi tối Herta mệt mỏi, thì tôi thường ở nhà những tối đó.”

“Anh đã phải trông nom cô bé?”

“Một đôi lần, nhưng thật ra tôi không biết mình đã làm ra sao.”

“Chúng đã vươn tay tới cô ấy để với tới anh?”

“Để gây sức ép với tôi. Còn gì khác nữa nào. Chúng là những thằng ngu nên không nhận thấy rằng tôi phải nhìn thấy con bé chết chậm trước mắt tôi, trước khi tôi có thể làm hại mình. Do đó, chúng phải thử.”

“Anh có thể cử người gác nó được suốt hai mươi bốn giờ?”

“Và sau đó thì... chắc là phải báo cho cơ quan y tế biết, và sau đó nữa thì...”

“Một tổ chức từ thiện,” - tôi gật đầu - “dành cho những người chậm phát triển về tinh thần, và con bé chẳng bao giờ vượt lên được những thử thách.”

“Cô bé chẳng bao giờ vượt lên được thử thách.”

Tôi không biết nói gì ngoài lời chào tạm biệt và chia tay với Gelder.

4

Tôi đã mất cả buổi chiều ngồi lì trong phòng khách sạn của mình để xem xét tỉ mỉ các tài liệu và lập mục lục hồ sơ và lịch sử các vụ mà Văn phòng Đại tá Graaf đã trao cho tôi. Chúng bao gồm tất cả các vụ buôn bán ma túy và khởi tố ma túy, thành công và không thành công ở Amsterdam từ hai năm qua. Đọc chúng thật thú vị, nếu như là bạn quan tâm đến những vụ chết người vì sức lực kiệt quệ và tự tử, tan nát các gia đình và sự nghiệp bị hủy hoại. Nhưng không có gì cho tôi. Tôi đã mất một giờ uống công, muốn cố gắng sắp xếp lại và tập hợp lại cái mớ lộn xộn, nhưng không có một mẫu hình nào có ý nghĩa thậm chí bắt đầu nổi lên. Tôi đành bỏ. Những trí óc được đào tạo ở trình độ cao như đại tá Graaf và Van Gelder chắc là đã mất rất nhiều thời gian vào cái trò tiêu khiển vô bổ này, và nếu như họ đã không thể thiết lập được một dạng hoặc mẫu hình nào, thì có lẽ cũng chẳng có hy vọng gì cho tôi.

Đầu buổi chiều, tôi đi xuống tiền sảnh khách sạn và đưa chìa khóa của mình. Tay trợ lý giám đốc đứng sau bàn trông thấy tôi, anh ta cười rất tươi, rất tôn kính, thậm chí có vẻ như biết lỗi: rõ ràng là anh ta đang thể hiện một chiến thuật mới đối với tôi.

“Xin chào ngài Sherman, chúc một buổi tối tốt lành.” Một sự lấy lòng niềm nở, thật ra tôi thậm chí còn ít quan tâm hơn là cách làm quen bình thường. “Rất tiếc là tối hôm qua tôi chỉ nghe nhạc được quá ít vì có việc phải vội vã ra đi, như anh biết đấy...”

“Xin ông đừng để tâm đến chuyện đó, ông bạn tôi cũng không lấy thế làm phật lòng.” Tôi sẽ không để cho một người quản lý khách sạn nào vượt tôi về tính ân cần và niềm nở. “Điều đó hoàn toàn có thể

hiếu được trong những hoàn cảnh này. Chuyện xảy ra hôm qua chắc đã gây nên sự sững sốt lớn đối với ngài.” - Tôi liếc nhìn qua các cửa ra vào tiền sảnh thấy trời đang mưa - “Các sách hướng dẫn du lịch không thấy nói đến điều này.”

Anh ta cười ngoác miệng cứ như là mình chẳng nghe thấy gì cái nhận xét ngớ ngẩn vô nghĩa này trước đó cả ngàn lần, sau đó anh ta nói một cách láu cá - “Hình như đối với người Anh thì đi tản bộ ban tối là rất cần để duy trì sức khỏe, phải không thưa ông Sherman?”

“Dẫu sao chẳng nữa cũng không có cơ hội. Tôi có việc tối hôm nay với Zaandam.”

“Zaandam,” - anh ta nhăn mặt - “tôi ái ngại quá, thưa ông Sherman.” Rõ ràng là anh ta biết rất nhiều về Zaandam hơn là tôi, và hầu như hoàn toàn không ngạc nhiên khi tôi tìm cái tên đó trên bản đồ.

Tôi đi ra ngoài. Dù mưa hay không mưa thì âm thanh cây đàn hộp vẫn cứ vang lên và tiếng đàn đôi khi rít lên chói tai. Đó là âm nhạc của Puccini tối nay đang vang lên, ông ta đang tập trung tinh thần trên cây đàn và đang thể hiện một nhịp điệu khủng khiếp. Tôi đi đến chỗ trình diễn của cây đàn hộp và đứng lại đấy một lúc, không phải để thưởng thức âm nhạc, cũng chẳng có gì để nói, song tuy nhìn vào đấy, nhưng mà dường như chẳng thấy gì ngoài một đám thanh thiếu niên ăn mặc tồi tàn và gầy gò hốc hác. Cảnh tượng này quả thật cũng hiếm thấy ở Amsterdam vì ở đây họ không thích người gầy quá, không theo cái mốt dáng dầy. Nhưng suy nghĩ của tôi bị gián đoạn bởi một giọng nói to cất lên từ phía sau.

“Ông có nhận thấy người Hà Lan chúng tôi thích âm nhạc không?” - Tôi quay lại. Ông già mỉm cười với tôi theo cách ngập ngừng để thăm dò.

“Tôi yêu âm nhạc.”

“Tôi cũng vậy, tôi cũng vậy.” - Tôi nhìn kỹ vào mặt ông ta hơn bởi vì những cái kiểu bắt chuyện thuộc loại này buộc tôi phải chú ý và

không thể thờ ơ với nhận xét đó. Tôi cười với ông ta, như hai người cùng yêu âm nhạc cười với nhau.

“Tôi sẽ nghĩ về ông tối hôm nay. Tôi sẽ đi xem opera.”

“Người Hà Lan thật tốt bụng.”

Tôi ném hai đồng tiền vào chiếc can mông đang khua khua trước mũi tôi mà trong lòng cảm nhận thấy cái không khí khó hiểu bí ẩn vẫn lớn vờn theo mình.

“Người Hà Lan rất tốt bụng.”

Tôi thấy nghi ngờ ông ta, tôi nghĩ về bản thân mình, nhưng tôi cười độ lượng và đi qua phố, gạt đầu với người gác cửa, những cái trò lộn sòng lường gạt đại khái như thế này thì chỉ các ông gác cửa mới biết rõ. Người lạ lúc này lái một taxi từ ở đâu đó đến cạnh tôi. Tôi nói với ông ta - “Sân bay Schiphol” và bước vào trong xe.

Xe chúng tôi đã lăn bánh trên đường, nhưng không chỉ có một mình. Tại tín hiệu giao thông đầu tiên, cách khách sạn hai mươi mét, tôi liếc qua kính chiếu hậu. Một taxi Mercedes có sọc vàng chạy sau chúng tôi hai xe, một taxi, tôi dễ nhận ra là vì nó thường xuyên đỗ ở nơi không cách xa khách sạn. Nhưng biết đâu có thể có sự trùng khớp thì sao, ánh sáng đỏ đã chuyển sang xanh, và xe tôi đang trên đường vào phố Vijzelstraat, và chiếc Mercedes sọc vàng cũng theo sau.

Tôi vỗ vai ông lái xe, “Thôi, dừng lại đây, tôi muốn mua gói thuốc lá,” tôi bước ra. Chiếc Mercedes cũng dừng lại ngay đằng sau xe chúng tôi. Tôi lững thững đi vào tiền sảnh một khách sạn, mua vài gói thuốc mà tôi không hề cần, rồi lại đi ra. Xe Mercedes vẫn đứng đấy. Taxi của tôi lại phóng đi và sau một lúc, tôi nói với người lái xe, “Về phải, đi theo đường Prinsengracht.”

Ông ta phản đối, “Đó không phải là đường đi đến sân bay Schiphol.”

“Nhưng đó là đường tôi muốn, về phải đi.”

Ông ta đành nghe lời tôi, và xe Mercedes cũng bám theo.

“Dừng lại”, người lái xe dừng lại. Chiếc Mercedes cũng dừng lại. Sự trùng khớp vẫn là trùng khớp, nhưng trường hợp này thật lố bịch. Tôi bước ra khỏi xe mình, đi trở lại xe Mercedes và mở cửa. Lái xe là một người đàn ông nhỏ, béo mặc bộ comlê màu xanh sáng trông có vẻ bất hảo. “Xin chào, ông cho thuê xe à?”

“Không,” hắn ta nhìn tôi từ trên xuống dưới, trước hết muốn thử xem có dễ tỏ ra vô tâm được không, sau đó mới tỏ ra thờ ơ xác lác, nhưng hắn chẳng tỏ ra được gì hết.

“Thế thì tại sao anh dừng lại?”

“Có một luật nào cấm người ta dừng xe lại để hút điếu thuốc đâu?”

“Không có. Chỉ có điều là anh không hút thuốc. Anh có biết Sở cảnh sát ở Marnixstraat?” - sự thiếu nhiệt tình đột ngột trong nét mặt hắn đã cho người ta thấy rõ là hắn biết tất cả và biết rất rõ - “Tôi gợi ý anh đến đây và yêu cầu gặp đại tá Van de Graaf hoặc thanh tra Van Gelder và nói với họ là anh có lời than phiền muốn kiện ông Paul Sherman, bùng sáu trăm mười sáu, khách sạn Excelsior.”

“Lời than phiền?” - hắn nói có vẻ mệt mỏi - “Than phiền về cái gì?”

“Nói với họ là ông ta lấy chìa khóa bộ phận mồi lửa xe ô tô của anh,” - tôi dang tay rút chiếc chìa khóa đang cắm trên bảng điều khiển - “và ném xuống sông đào, và ông ta rất thỏa mãn khi nghe tiếng chùm chìa khóa rơi tòm xuống nước và nhìn chúng vĩnh viễn biến sâu xuống đáy sông Prinsengracht.”

“Cút đi, đừng có bám theo tao nữa, rõ chưa?” - Tôi nói, rồi đóng cửa xe đến sầm như cách kết thúc cuộc đối thoại ngăn giữa tôi và hắn, nhưng chiếc Mercedes sang trọng thì tạm thời không thể chạy được nữa.

Trở lại taxi của mình, tôi chờ cho đến khi xe chạy trở lại con đường chính thì yêu cầu taxi dừng lại. “Tôi quyết định đi bộ.” - Tôi nói với lái xe và trả tiền cho ông ta.

“Thế nào, ông đến Schiphol cơ mà?”

Tôi cười với ông ta, một nụ cười thể hiện sự chịu đựng, chỉ có thể trông đợi nhận được nụ cười đó từ người đi bộ đường dài, mà năng lực của họ đã bị nghi ngờ. Và chờ cho đến khi xe chạy khuất khỏi tầm nhìn, tôi nhảy lên xe điện số 16 rồi lại xuống tại Dam. Belinda, mặc chiếc áo khoác màu sẫm và với chiếc khăn choàng màu sẫm trên mái tóc vàng hoe đang chờ tôi ở nơi chờ xe điện có mái che. Trông cô có vẻ lạnh lắm.

“Anh đến muộn,” cô nói với vẻ tố cáo.

“Không bao giờ chỉ trích sếp của mình, thậm chí chỉ là ẩn ý. Các sếp luôn có những việc cần phải chăm lo.”

Chúng tôi đi qua quảng trường, trở lại con đường cũ mà người đàn ông mặc bộ com lê xám đã đi, và tôi đã theo dõi tối hôm trước, đi xuống phố hẻm cạnh đường Krasnapolsky rồi đi dọc theo con đường có hai hàng cây Oudezijds Voorburgwal, một khu vực được coi như là điểm nổi bật nhất về văn hóa của Amsterdam. Nhưng Belinda dường như không còn tâm trạng nghĩ đến văn hóa. Một cô gái trông lạnh lợi nhưng thờ ơ trong đêm hôm đó và sự im lặng hầu như không dễ làm bạn. Belinda có gì đấy trong tâm trí mình và nếu như tôi bắt đầu là người am hiểu cô, thì phỏng đoán của tôi đó là cô sẽ cho tôi biết về điều này sớm chứ không phải sau này. Và tôi đã đúng.

Cô bỗng nói “Bọn em thật sự là không tồn tại đối với anh, phải không?”

“Ai không tồn tại?”

“Em và Maggie, tất cả những người làm việc cho anh. Chúng em là những người chẳng có giá trị gì ư?”

“Tại sao em lại nói như thế?” - tôi nhẹ nhàng nói - “Thuyền trưởng chẳng bao giờ hòa lẫn cuộc sống thường nhật và thân quen cùng các thủy thủ.”

“Đó là những gì em muốn nói - chúng em thật sự không còn tồn tại đối với anh. Chúng em đúng là những con rối cần phải được điều

khiến sao cho khéo léo để cho người điều khiển con rối có thể đạt được mục đích nào đó. Và những con rối khác cũng làm theo.”

Tôi nói nhẹ nhàng “Chúng ta ở đây để làm công việc rất kinh tởm và không dễ chịu và để có kết thúc thành công, chúng ta sẽ gặp không ít các vấn đề rắc rối. Những nhân cách trong sạch không đi vào đó. Cô quên rằng anh là sếp của cô, Belinda! Anh thật sự không nghĩ rằng cô lại nói với anh những điều như vậy.”

“Em sẽ nói với anh bất kỳ cách nào em thích.”

Không chỉ là một cô gái lạnh lợi mà còn dửng dưng. Maggie thì chẳng bao giờ, không bao giờ nói năng với tôi như thế. Cô đã suy xét về chỉ trích vừa xong của mình, sau đó Belinda nói có vẻ bình tĩnh hơn - “Em xin lỗi, em không nên nói với anh như vậy. Nhưng anh đã xử sự với chúng em theo cách này - tách rời và xa cách và chẳng bao giờ gặp bọn em sao? Chúng em là những con người, anh biết đấy - nhưng có vẻ như không đang cùng làm việc với anh. Có lẽ là ngày mai anh đi qua mặt em trên phố mà không nhận ra em. Anh không chú ý đến chúng em.”

“Ô... ồ... anh luôn chú ý các em đấy chứ, ví dụ như bây giờ anh đang đi làm việc cùng em đấy thôi.” Tôi thận trọng cố gắng không nhìn Belinda khi chúng tôi đi cùng nhau mặc dù tôi biết cô đang quan sát tôi rất kỹ. “Một cô gái mới vào nghề, một nhân viên điều tra buôn lậu ma túy. Kinh nghiệm còn hạn chế của Deuxieme Bureau, Paris. Mặc một chiếc áo khoác hải quân, một khăn choàng cổ hải quân có đốm những cây nhung tuyết trắng, đôi bít tất dài đan bằng len màu trắng, đôi giày hải quân gót phẳng vừa phải, một khuôn mặt trái xoan thanh tú, lông mày đen, đôi mắt to màu xám, rất sáng, và mẫn cảm, mái tóc vàng hoe pha màu bạch kim trông giống như tơ óng ánh khi mặt trời chiếu vào, và giờ đây cô đang bắt đầu lo lắng về sếp của mình, đặc biệt là sự thiếu lòng nhân đạo của anh ấy. Ôi, tôi quên. Móng tay đánh bóng bị rạn, ngón tay thứ ba, bàn tay trái và một nụ

cười gầy ản tượng - nếu, nói cách khác, đó là điều có thể thực hiện được - bởi một chiếc răng nanh bên trái hơi cong lên một chút.”

“Ôi chào!” - Cô chẳng nói được nên lời, tôi cho rằng điều đó không giống với tính cách của cô chút nào. Cô liếc nhìn cái móng tay đang nói đến và lớp màng bóng đã rạn, sau đó quay sang tôi mỉm cười rất ản tượng như tôi đã nói - “Có thể anh đã làm đúng.”

“Làm đúng cái gì?”

“Quan tâm đến bọn em.”

“Tất nhiên anh quan tâm.” Cô đang bắt đầu nhàm lẩn tôi với ngài Galahad, và điều đó có thể lại không tốt. “Tất cả những thám tử của tôi là loại cấp một phải trẻ, phụ nữ, xinh đẹp như những cô gái cùng đi với tôi.”

Im lặng hồi lâu, sau đó Belinda lẩm bẩm điều gì đó rất khẽ, thật vậy, nhưng tôi nghe có vẻ như là “Vâng, Papa.”

“Cái gì thế?” - Tôi hỏi vẻ nghi ngờ.

“Không, không có gì.”

Chúng tôi rẽ sang đường phố có cơ ngơi của Morgenstern & Muggenthaler. Đây là chuyến thăm thứ hai của tôi đến nơi này, nó củng cố thêm ản tượng đã hình thành trong tôi từ tối hôm trước. Đường như nó tối tăm hơn, trống trải và hoang vắng hơn và đe dọa hơn, mặt lát sàn cũng rạn nứt nhiều hơn trước, các máng nước có thêm nhiều rác phủ. Thậm chí những nhà có đầu hồi thì cái nọ đã nghiêng ngả sang cái kia nhiều hơn, chẳng bao lâu nữa chúng sẽ dựa hẳn vào nhau.

Belinda dừng lại đột ngột và nắm chặt lấy cánh tay phải tôi. Tôi liếc nhìn cô. Cô đang nhìn chăm chăm lên phía trên, mắt mở to. Và tôi nhìn theo cô, nơi đang thu hút cô là các nhà kho có những đầu hồi xô nghiêng, những cái tời nâng, mà bóng của chúng in rõ trên nền trời đêm. Tôi biết Belinda đang cảm thấy đâu đây có điều ác. Bản thân tôi cũng cảm thấy như vậy.

“Chắc là ở chỗ này đây,” cô thì thầm.

“Chỗ này đây,” - tôi cũng nói - “Có gì không ổn chẳng?”

Cô nắm chặt tay tôi, rồi lại buông tay ra có vẻ xúc động.

“Điều đó thật khủng khiếp. Những chuyện kinh tởm đang diễn ra nơi đầu hồi nhà kia.”

“Những cái tời nâng lên. Ngày xưa, những ngôi nhà ở đây được chú ý nhất đến chiều rộng mặt tiền, do đó những người Hà Lan tận tiện đã làm cho nhà của họ hẹp đi một cách không bình thường. Thật không may, điều này lại làm cho cầu thang nhà của họ thậm chí còn hẹp hơn nữa, do đó những cái tời kéo lên - dùng cho những thứ to lớn kèn càng: ví dụ như đưa cây đàn piano lên hay cho một quan tài xuống để ra nghĩa trang... đều phải cấu lên hay thả xuống.”

“Thôi đi!” - Cô dướn vai lên và rùng mình run bần lên một cách không cố ý - “Đây là một nơi kinh tởm quá. Những cái tời đó - chúng giống như là những cái giá treo cổ đang lừ lừ treo cổ người ta lên. Đây đúng là một nơi mà người ta đến để chết.”

“Chuyện vô lý, em gái thân mến.” Tôi nói như sắp nổi cáu. Tôi có thể cảm thấy những ngón tay thon-nhọn lạnh như băng không phải lướt trên bàn phím piano mà là trên từng đốt xương sống của tôi thể hiện một bản “Nhạc truy điệu” của Chopin và rồi bỗng nhiên tràn đầy niềm khát khao đối với âm nhạc nhớ quê hương của ông già chơi đàn hộp cũ kỹ bên ngoài khách sạn Excelsior. Chắc là cảm giác vui vui khi tôi nắm chặt tay Belinda và cô siết chặt tay tôi. “Em hẳn không phải là nạn nhân đối với những hình ảnh thuộc về xứ sở Gôloa của em.”

“Em không tưởng tượng hình ảnh nào cả,” - cô nói buồn rười rượi, và sau đó lại rùng mình - “Chúng ta phải đến cái nơi ghê tởm này làm gì?”, cô lại rùng mình, rùng mình một cách liên tục với vẻ ghê tởm.

“Em có nhớ con đường chúng ta đến đây?” - tôi hỏi. Cô gật đầu bối rối và tôi tiếp tục. “Em hãy trở lại con đường của em đến khách sạn, rồi anh sẽ gặp em sau.”

“Trở lại khách sạn?” - Cô vẫn còn bối rối.

“Em sẽ không sao đâu, nào em đi đi!”

Cô buông tay ra khỏi tay tôi và trước khi tôi có thể nhận thấy điều gì xảy ra thì cô đã búi chặt lấy cả hai ve áo tôi trong hai bàn tay cô và nhìn tôi giận dữ như thể muốn vò nát tôi ra ngay lập tức. Nếu bây giờ cô đang lắc tôi hết sức giận dữ thì cũng là lúc mà chưa bao giờ tôi nhận thấy cô đẹp đến thế, đẹp vô cùng, khi cô giận dữ cô rất đẹp. Belinda không phải là cô gái tính khí đồng bóng, còn rất trẻ nhưng tính cách chững chạc. Tôi nhìn xuống năm tay cô đang túm chặt hai ve áo tôi, các khớp đốt ngón tay cô trắng bợt ra. Cô đang cố gắng thật sự để lắc tôi thật mạnh.

“Đừng bao giờ nói điều gì đấy tương tự như thế đối với tôi một lần nữa!” Không nghi ngờ gì nữa, cô giận dữ về điều ấy. Thoáng có một mâu thuẫn giữa cái bản năng thâm căn cố đế đối với vấn đề kỷ luật và mong muốn được vòng đôi bàn tay mình quanh người cô, nhưng rồi kỷ luật đã thắng. Tôi nói nhún nhường “Anh sẽ không bao giờ nói điều gì tương tự như thế lần nữa.”

“Đúng vậy.” Cô buông tay nắm chặt hai ve áo tôi rồi nắm lấy tay tôi.

Chúng tôi đi thêm khoảng năm mươi bước nữa về phía trước rồi tôi dừng lại - “Chúng ta đứng đây thôi.”

Belinda đọc tên biển hiệu, “Morgenstern & Muggenthaler.”

Tôi leo lên các bậc cấp và bắt đầu mở khóa theo kiểu của mình và nói với Belinda - “theo dõi đường phố.”

“Thế sau đó tôi làm gì?”

“Theo dõi phía sau tôi.”

Một con sói con quả quyết với một đường quanh chữ chi, đã nhận thấy rằng dù có khóa loại gì cũng không thể cản trở. Chúng tôi đã đi vào bên trong và đóng cửa ra vào sau lưng mình. Chiếc đèn pin của tôi nhỏ nhưng rất mạnh, không phải dùng đến nó nhiều ở tầng một. Ở đây, chất từng đống một cao lên gần đến trần nhà toàn là những cái hòm bằng gỗ rỗng, hòm bằng giấy, bằng cactông và những kiện hàng bằng

rom, bằng bông và máy đóng sách. Một trạm bao bì, ngoài ra chẳng có gì khác.

Chúng tôi nhảy lên các bậc gỗ hẹp uốn khúc sang tầng tiếp theo. Nửa đường leo lên tôi nhìn quanh và nhận thấy Belinda cũng đang liếc nhìn khắp xung quanh cô, chiếc đèn pin của cô lia đi lia lại rất nhanh theo hàng chục hướng khác nhau. Tầng bên chứa một số lượng lớn những đồ dùng bằng thiếc của Hà Lan như cối xay gió, các còng buộc vào chân ngựa cho nó khỏi chạy, các loại đường ống và hàng chục đồ vật khác, chỉ để buôn bán các vật lưu niệm du lịch. Có cả đến chục ngàn mặt hàng như thế trên các giá đặt dọc theo các bức tường hoặc trên các giá song song trên khắp nhà kho, và dù tôi không thể nào xem xét được hết tất cả, nhưng chắc là chúng cũng thuộc loại vô thường vô phạt đối với tôi. Tuy nhiên còn những gì có vẻ như không được coi là vô thường vô phạt, đó là mười lăm, hai mươi buồng được chiếu sáng từ một góc nhà kho, hoặc nói chính xác hơn, là cửa ra vào dẫn vào buồng đó, mặc dù đã rõ là nó sẽ không dẫn vào buồng đó tối nay. Tôi gọi Belinda và soi đèn pin của mình vào cửa ra vào. Cô nhìn chăm chăm vào nó rồi lại nhìn tôi trân trân, và tôi có thể nhìn thấy sự bối rối của cô dưới ánh sáng đèn pin.

“Một cái khóa hẹn giờ,” - cô nói - “tại sao người ta phải cần một cái khóa hẹn giờ cho cánh cửa một phòng làm việc đơn giản thế này?”

“Đây không phải là một cửa phòng làm việc đơn giản đâu,” tôi nói, “Cửa làm bằng thép, vì lẽ ấy mà anh có thể dự đoán những bức tường gỗ đơn giản đó được chạy dọc theo thép và rằng từ cái cửa sổ thô sơ cũ kỹ ấy quan sát từ trên này xuống phố được che bằng những chấn song mắt lưới đặt trong bê tông. Vâng, nếu như trong một nhà kho kim cương, thì còn có thể hiểu được. Nhưng còn ở đây? Tại sao, không có gì để cất giấu ở đây cả.”

“Có vẻ như là chúng ta đã đến đúng nơi rồi.” - Belinda nói.

“Em đã từng nghi ngờ anh?”

“Không, thưa ngài Sherman, rất nghiêm túc. Dù sao chẳng nữa, thì nơi này là gì?”

“Quá rõ, phải không - một nhà kho của công ty bán buôn đồ lưu niệm. Các nhà máy hoặc các xưởng thủ công hoặc là cơ sở gì đấy đã gửi hàng hóa của họ nhiều đến mức chòng đống trong các kho ở đây, và nhà kho thì cung cấp đến các cửa hàng theo yêu cầu. Đơn giản, phải không? Vô hại, phải không?”

“Nhưng không được vệ sinh.”

“Tại sao nào?”

“Mùi ghê tởm quá.”

“Mùi ma túy làm từ cây gai dầu.”

“Mùi cây gai dầu!”

“Em và cuộc sống của em phải được bảo vệ. Nào...”

Tôi dẫn đường lên trên tầng ba, chờ cho Belinda cùng đi với tôi. “Vẫn phải trông chừng sau lưng sếp đấy nhé.” - Tôi yêu cầu.

“Vẫn phải trông chừng cho sau lưng sếp.” - Cô nhắc lại một cách máy móc. Trung thành với nghi thức, và hơi thở xúc động của Belinda một vài phút trước đây cũng đã biến mất. Tôi không trách cô. Có một điềm gỡ nào đó và một sự ác ý không thể nào giải thích được về tòa nhà cũ này. Mùi tanh làm buồn nôn của cây gai dầu bây giờ thậm chí còn mạnh hơn, khó ngửi, nhưng dường như không có gì trên tầng này thậm chí có quan hệ với nó ở mức rất nhỏ, rất mơ hồ. Ba mặt của toàn bộ tầng này cùng với một số giá nằm theo chiều ngang được dành toàn bộ cho những chiếc đồng hồ quả lắc, tất cả chúng, may thay đều không chạy. Chúng bao gồm toàn bộ kiểu dáng, thiết kế, kích thước và đa dạng về chất lượng từ nhỏ, rẻ, các màu sơn dẹt hay lòe loẹt sặc sỡ, đủ các model cho thương mại du lịch. Hầu như tất cả đều làm bằng gỗ thông vàng. Đối với những đồng hồ rất lớn được thiết kế một cách trang nhã và làm bằng kim loại trông rất đẹp thì rõ ràng là rất cổ và dĩ nhiên đắt tiền hoặc là bản sao hiện đại đúng như thật của các đồng hồ đó, nhưng chắc là cũng không thể rẻ hơn.

Cạnh thứ tư của tầng đó, nghĩa là mặt cuối cùng đã gây cho người ta một sự sửng sốt, vì chỉ toàn là Kinh thánh, hết hàng nọ đến hàng kia, dãy nọ đến dãy kia đều là Kinh thánh. Tôi băn khoăn tự hỏi không biết Kinh thánh đang giữ vai trò gì trong cái nhà kho trữ hàng lưu niệm du lịch này, nhưng duy nhất một điều, đó là có quá nhiều điều mà tôi không hiểu.

Tôi cầm một quyển lên và xem. Chạm nổi bằng vàng trên nửa dưới của lớp ngoài bọc da có chữ “Kinh thánh Gabriel...” Tôi mở sách ra thì thấy trên trang giấy trắng ở đầu cuốn sách có câu đề tặng bằng chữ in: “Với những lời chúc mừng Nhà thờ tin lành đầu tiên của Hội những người Pháp theo đạo Tin lành ở Mỹ.”

“Một trong những cái đó có trong khách sạn của bọn em.” - Belinda nói.

“Tôi cũng chẳng nên ngạc nhiên nếu như có một vài quyển Kinh thánh như thế này ở phần lớn các buồng khách sạn trong thành phố. Vấn đề là chúng đang làm gì ở đây? Tại sao chúng lại không ở trong một nhà xuất bản hoặc trong nhà kho của người bán đồ dùng văn phòng, nơi mà bạn sẽ trông đợi tìm thấy chúng, thật lạ lùng và đáng ngờ, phải không?”

Belinda rùng mình - “Mọi thứ ở đây đều đáng ngờ.”

Tôi vỗ vào lưng cô - “Em sẽ bị cảm lạnh đấy. Anh cảnh báo em trước về những cái váy mini này. Lên tầng trên!”

Tầng trên cũng dành toàn bộ cho phần lớn những sưu tập trông lạ lùng và kinh dị về những con rối. Tổng gộp tất cả, số lượng của chúng phải có đến hàng nghìn. Chúng được sắp xếp theo kích thước từ những con bé tí xíu đến những model thậm chí còn lớn hơn cả con rối của Trudi vẫn mang theo, nghĩa là phải cao hơn một mét, tất cả, không có ngoại lệ đều được tạo mẫu rất trang nhã, tất cả đều mặc quần áo rất đẹp và đa dạng theo trang phục truyền thống của Hà Lan. Những con rối lớn hơn thì hoặc là đứng tự do hoặc là được dựa vào một cái tựa bằng kim loại, những con nhỏ hơn thì đu đưa bằng những sợi dây treo

trên xà ngang cao quá đầu người. Ánh đèn pin của tôi cuối cùng tập trung vào một nhóm búp bê, tất cả được mặc quần áo đặc biệt theo truyền thống Hà Lan.

Belinda đã quên mất tầm quan trọng của việc bảo vệ cho phía sau tôi, hơn nữa, lại như bị kích thích trở lại, nên hai bàn tay cô nắm chặt và thốt lên.

“Kỳ lạ, rất kỳ lạ. Có người đang sống ở đây, vì thế cần theo dõi.” Cô nhìn những con búp bê đang lấp lánh dưới ánh đèn pin của tôi - “Có điều gì đặc biệt về các con búp bê đó?”

“Không cần phải thì thầm, có lẽ là chúng đang nhìn em, nhưng anh đảm bảo với em là chúng không thể nghe em. Thật sự là không có gì đặc biệt, đúng là chúng được đưa đến từ đảo Huyler thuộc Zuider Zee. Người quản gia của Van Gelder, một mục phù thủy già duyên dáng, đã dùng cán chổi để cưỡi lên mà bay trong không trung, mặc quần áo cũng giống như những con búp bê đó.”

“Giống như những con búp bê đó?”

“Cũng khó tưởng tượng.” - Tôi thừa nhận. “Và Trudi có một con rối to được mặc quần áo giống hết mấy con này.”

“Cô gái ốm ấy à?”

“Chính cô gái đó.”

“Có cái gì đấy gây buồn nôn khủng khiếp ở chỗ này.” Cô lại chú ý đến việc theo dõi sau lưng tôi. Vài giây sau, tôi nghe có tiếng hơi thở nặng của cô và quay lại. Cô đứng cách tôi không quá một mét hai và khi tôi dõi theo thì cô bắt đầu đi chậm chậm và lặng lẽ lùi lại, mắt cô chăm chú vào một điểm mà đèn pin của cô đang chiếu vào, bàn tay không cầm đèn của cô vươn ra sờ soạng phía sau. Tôi nắm lấy tay cô và kéo vào gần mình, nhưng cô vẫn không quay đầu lại.

Cô nói thì thầm vội vã - “Có ai đang ở đấy, có ai đó đang theo dõi chúng ta.”

Tôi liếc nhanh theo tia sáng chiếc đèn của Belinda, nhưng không nhìn thấy gì, có lẽ cũng vì đèn pin của cô không còn được sáng như

đèn của tôi mang theo. Tôi nhìn đi nơi khác và siết chặt lấy tay cô để thu hút sự chú ý của cô và khi cô quay lại tôi thấy nét mặt cô biểu hiện nghi ngờ.

“Có ai đó ở đây.” - Và cùng với tiếng thì thầm khăng khăng, đôi mắt xanh mở to - “Em đã nhìn thấy chúng, đúng là em đã nhìn thấy chúng.”

“Chúng nào?”

“Những con mắt, em đã nhìn thấy chúng.”

Tôi chẳng bao giờ nghi ngờ Belinda. Một cô gái giàu tưởng tượng, nhưng cô đã được đào tạo và được đào tạo kỹ càng không phải chỉ để tưởng tượng trong các vấn đề quan sát. Tôi đưa đèn pin của mình, không cẩn thận như tôi thường dùng mà chiếu một tia sáng như cách tình cờ vào mắt cô, nhất thời làm cho cô lóa mắt và khi cô giơ bàn tay theo phản xạ tự nhiên để che mắt mình lại thì tôi lia một tia sáng đúng vào nơi cô đã chỉ cho tôi. Tôi không thể thấy những con mắt nào đó, nhưng những gì tôi đã nhìn thấy là hai con rối kế bên nhau đang đứng đưa mà sự chuyển động của chúng hầu như là không thể nhận thấy. Hầu như, nhưng không hoàn toàn và không có một sức kéo nào gây nên chuyển động, một dòng không khí lưu thông nào để khuấy động trên tầng bốn của nhà kho này.

Tôi lại siết chặt tay cô và mỉm cười - “Thôi nào Belinda.”

“Anh đừng có ‘thôi nào Belinda với tôi’.” Liệu đây có phải là tiếng rít lên do giận dữ hay là tiếng thì thầm run rẩy trong lời cô, thì tôi cũng không biết chắc chắn. “Em đã nhìn thấy chúng. Những con mắt nhìn chòng chọc khủng khiếp. Em thề là mình đã nhìn thấy chúng. Em xin thề đấy.”

“Phải, phải, tất nhiên rồi Belinda.”

Cô bước lại mặt đối mặt với tôi, tâm trạng thất vọng trong đôi mắt sôi nổi, như thể là cô nghi ngờ khi thăm dò ý kiến tôi cứ như là tôi đã đùa dai với cô. Tôi nói - “Anh tin em, Belinda. Tất nhiên, anh tin em.” - Tôi không thay đổi giọng mình.

“Thế thì tại sao anh không làm gì cả?”

“Những gì tôi sẽ làm ư? Em muốn biết không, đó là tôi sẽ đưa cái địa ngục này ra khỏi đây,” - tôi đã thực hiện một kiểm tra không vội vã cuối cùng bằng chiếc đèn pin của mình, như thể là đã chẳng có chuyện gì xảy ra, sau đó quay đi và cầm lấy tay cô theo cách để che chở cho cô. “Không có gì cho chúng ta ở đây - và cả hai chúng ta đã ở đây quá lâu. Một cốc rượu, tôi nghĩ, cho cái tâm trạng thần kinh bị kích thích của chúng ta.”

Cô nhìn tôi đăm đăm, mặt cô phản ánh một mẫu hình của sự tức giận đang thay đổi, tâm trạng thất vọng và hoài nghi và tôi ngờ rằng còn pha lẫn một chút khuây khỏa. Nhưng nỗi tức giận bây giờ vẫn đang ngự trị: phần lớn người ta trở nên tức giận khi họ cảm thấy vừa đang bị không tin vừa được chiều theo ý.

“Nhưng tôi đã nói với anh...”

“Ôi chao...!” - tôi đặt đứng ngón tay trở lên môi mình - “Em không nói với tôi điều gì cả. Nên nhớ rằng người sắp luôn luôn hiểu rõ nhất...”

Cô còn quá trẻ để có thể đỏ mặt vì tức giận, nhưng những cảm xúc vội vã cũng luôn giống như vậy. Cô liếc nhìn tôi, có vẻ như đã quyết định không nói với tôi lời nào nữa trong tình huống này, và bắt đầu xuống cầu thang gác, không tôn trọng nguyên tắc đề phòng phía sau. Tôi đi theo và đằng sau tôi cũng không thể coi là bình thường, một cảm giác ngứa ran kỳ lạ như kiến bò nơi lưng và gáy, và cứ như vậy cho đến khi tôi đi đến cửa trước của nhà kho một cách an toàn và khóa cửa lại phía sau tôi.

Chúng tôi đi nhanh trên đường phố, giữ cho khoảng cách giữa hai người là một mét, chính là Belinda đã duy trì khoảng cách ấy, thái độ của cô rõ ràng là dứt khoát không có nắm tay nhau hay túm chặt cánh tay khi đi trong đêm và đã tuân thủ đúng như vậy. Tôi hăng giọng.

“Người nào chiến đấu mà bỏ chạy thì cuộc đời buộc họ phải chiến đấu vào một ngày khác.”

Belinda như người đang sôi sục tức giận nên đã tỏ vẻ như không nghe.

“Yêu cầu đừng nói với tôi nữa”, cô đã ngắt lời, nên tôi không nói nữa, không nói, ít ra, cho đến khi tôi đi đến cái quán rượu đầu tiên trong khu phố các thủy thủ, một cửa hàng ở tầng hầm thiếu không khí, hoan hỉ với cái tên *Con mèo chín đuôi*. Hải quân chắc hẳn phải dừng lại đây một lần. Tôi cầm tay Belinda và đưa cô vào bên trong quán. Cô không nhiệt tình nhưng cũng không tỏ ra phản đối. Quán rượu gì mà trông như sào huyệt của bọn bất lương bán thịt và đầy ứ khói thuốc trong căn phòng thiếu không khí, đó là tất cả những gì bạn có thể mô tả về cái quán rượu này. Vài thủy thủ cảm thấy bực bội như là họ bị cặp trai gái đi dạo chơi này vi phạm vào quyền sở hữu cá nhân chính đáng của họ, nên họ quắc mắt nhìn khi chúng tôi đi vào, nhưng tôi còn trong tâm trạng cau có khó chịu hơn cả họ, và sau sự tiếp đón xem thường đầu tiên, họ bỏ đi để chúng tôi lại một mình. Tôi dẫn Belinda đến chiếc bàn nhỏ, một cái bàn gỗ đã lỗi thời mà bề mặt bàn chắc là chẳng bao giờ được tiếp xúc với xà phòng và nước kể từ thời xa xưa.

“Anh uống Scotch,” - tôi nói - “Còn em?”

“Scotch,” - cô cúi kính.

“Nhưng em có uống Scotch bao giờ đâu?”

“Thì tối nay em uống.”

Cô có vẻ tỏ ra thành thạo, mở nút chai Scotch với điệu bộ thách thức ngang ngạnh rồi nốc một ngụm cứ như dân nghiện thực thụ, nhưng liền sau đó thì thối phù phù, ho và nghẹt thở mạnh đến mức tôi thấy mình đã không đúng vì để cho những triệu chứng ngạt máu của cô phát triển. Tôi phải vỗ vỗ nhẹ vào lưng cô.

“Bỏ tay của anh ra,” - cô nói cùng với tiếng thở khò khè.

Tôi bỏ tay mình ra.

“Tôi không nghĩ là tôi có thể làm việc cùng với anh nữa, thiếu tá Sherman,” - cô nói sau khi thanh quản đã trở lại bình thường.

“Tôi rất tiếc là phải nghe câu nói đó.”

“Tôi không thể làm việc với những người mà không tin nhiệm tôi, không tin cậy tôi. Anh không chỉ đối xử với chúng tôi như những con rối mà còn đối xử với chúng tôi như những đứa trẻ.”

“Anh không coi em như một đứa trẻ,” - tôi nói nhẹ nhàng - “cũng không phải anh không tin nhiệm hoặc không tin ở em.”

“Tôi tin em, Belinda!” - cô bắt chước một cách chua chát - “‘Tất nhiên tôi tin em, Belinda!’ Nhưng anh không tin Belinda chút nào hết!”

“Anh đã tin tưởng Belinda,” - tôi nói - “Anh tin tưởng Belinda và anh rất quan tâm đến Belinda, vì thế nên anh phải đưa Belinda ra khỏi nơi đó.”

Cô trăn trăn đôi mắt nhìn tôi - “Anh tin, thế thì tại sao...”

“Có ai đó đang ở đây, nấp sau các giá đặt các con rối. Anh đã nhìn thấy hai trong số những con rối hơi đu đưa. Có người nào đó đằng sau cái giá ấy, đang theo dõi, muốn biết chúng ta làm gì. Anh chắc chắn, nếu chúng ta phát hiện ra điều gì đấy thì sao, đúng là hẳn không có ý định sát hại hoặc bắn vào chúng ta từ sau lưng khi chúng ta đi xuống cầu thang. Nhưng nếu anh phản ứng như là em muốn anh hành động, nghĩa là anh buộc phải đi tìm hẳn thì hẳn đã bắn anh từ chỗ ẩn náu của hẳn trước khi anh, thậm chí chưa kịp nhìn thấy hẳn, và sau đó thì hẳn sẽ bắn vào em, để hẳn không có bất cứ một nhân chứng nào nữa, và em thực sự là hãy còn quá trẻ đã phải chết. Hoặc có thể anh đã phải chơi trò đi trốn đi tìm với hẳn và tìm một cơ hội để tóm hẳn - nếu như em không ở đây. Nhưng em đã ở đây, em không có súng, em không có chút kinh nghiệm nào trong cái loại trò chơi bắn tỉa mà chúng ta phải chơi và em sẽ dễ dàng trở thành con tin cho hẳn. Vì thế anh phải đưa Belinda ra khỏi nơi đó. Lúc ấy, ở trong cái nhà kho ghê tởm đó, cách nói của anh không phải là thích hợp sao?”

“Em không hiểu về cách nói của anh,” và nước mắt bỗng ứa ra từ đôi mắt cô, “Em chỉ biết đó là điều tốt đẹp nhất mà có người từng nói về em.”

“Vô nghĩa!” - tôi uống hết Scotch trong cốc của mình, sau đó uống nốt rượu trong cốc của Belinda rồi đưa cô về khách sạn của mình. Chúng tôi đứng ở trước cửa vào tiền sảnh khách sạn một lúc, tránh cơn mưa nặng hạt lúc này đang đổ xuống. Cô nói: “Em rất lấy làm tiếc, em chẳng khác gì một con ngốc, và em cũng rất lấy làm tiếc cho anh.”

“Cho tôi?”

“Bây giờ em có thể hiểu tại sao anh lại thích những con rối hơn là những người làm việc cho anh. Người ta không kêu khóc khi một con rối chết.”

Tôi không nói gì. Tôi đang bắt đầu không thu hút được sự chú ý của cô gái này, mối quan hệ thầy và trò không hoàn toàn còn như trước đây nữa.

“Một điều nữa,” - cô nói, hầu như còn rất vui - “Em đã cố gắng hết sức mình.”

“Anh sẽ không phải lấy làm tiếc về em nữa.”

“Anh đã lấy làm tiếc? Về em?”

“Phải, anh đã tiếc. Thật thế. Nhưng nó giống như người ta thường nói...”

“Nói gì?”

“Kẻ cho vay nặng lãi, có phải không? Em biết không, nó làm anh cảm thấy đau như trong lòng rỉ máu.”

“Ồ...ồ, cứ yên tâm!”

Cô tặng tôi một nụ cười đẹp mê hồn, cô hôn tôi mà không một chút vội vàng, rồi vẫn nở nụ cười và bước vào bên trong. Tôi nhìn theo cô khuất sau cánh cửa.

5

Tôi đi bộ phải đến ba trăm mét cho đến khi không còn nhận rõ khách sạn của Belinda, thì vẫy một taxi để trở về khách sạn Excelsior, đứng dưới vòm phòng lớn vào khách sạn, nhìn người biểu diễn và cây đàn hộp bên kia đường. Ông già không chỉ không biết mệt mỏi mà hình như cũng không bị thấm nước mưa, nghĩa là hầu như mưa không đụng đến người ông, không gì ngăn cản ông ta, loại trừ một trận động đất thì mới ngăn được ông không biểu diễn vào buổi tối nay. Giống như một diễn viên giàu kinh nghiệm, ông ta cảm thấy rằng cuộc trình diễn phải tiếp tục và có lẽ ông cảm thấy rằng mình có nhiệm vụ đối với công chúng khán giả, và một công chúng mà ông khó tin nổi là có gần chục thanh niên quần áo xác xơ, lúc nào cũng say khướt, và một vài thầy dòng ngồi hay đứng trầm ngâm thưởng ngoạn “Khúc nhạc lúc hấp hối” của Strauss, như là muốn kéo dài cảnh đau đớn khốn khổ về tinh thần của con người tối hôm nay. Tôi quay đi, bước vào bên trong khách sạn.

Tay trợ lý giám đốc chợt nhìn thấy tôi, khi tôi treo chiếc áo khoác quay lại. Sự ngạc nhiên của anh ta là thật chứ không giả bộ.

“Ông trở về sớm thế. Từ Zaandam ư?”

“Đi taxi nhanh.” - Tôi giải thích và đi sang quầy bar gọi một cốc whisky và uống từ từ để trong khi đó tôi suy ngẫm mối quan hệ giữa những người đàn ông phóng đảng với những khẩu súng và những tên buôn bán ma túy và những cô gái ốm yếu, cùng những con mắt nấp sau những con rối, rồi đến những người và taxi theo dõi tôi ở khắp nơi tôi đã đi, đến những cảnh sát đang bị hăm dọa để làm tiền và những ông giám đốc dễ mua chuộc đến những người gác cửa và cây đàn hộp,

loại organ tiếng kim. Nhưng tôi có một cảm giác chắc chắn là mình đang bị khiêu khích đến mức độ vừa đủ, ít ra đó là theo nhận định của đối thủ của tôi và đang đi đến một kết luận miễn cưỡng là không có gì khác đối với nó ngoài một chuyến thăm nhà kho vào tối khuya hôm đó - tất nhiên là không để cho Belinda biết về điều này - khi tôi tình cờ lần đầu tiên nhìn vào tấm gương trước mặt mình, tôi đã không bị xúi giục theo bản năng hoặc một cảm giác gì đấy tương tự, đúng là lỗ mũi tôi đã bị kích thích và đã bị kích thích một cách không có ý thức vào lúc thoáng qua một mùi hương thơm. Tôi nhận ra mùi hương thơm đó là của gỗ đàn hương và như thế tôi là một phần của nó, tôi muốn nhìn thấy từ ai đang tỏa ra cái mùi thơm đó.

Cô gái đang ngồi ở bàn ngay đằng sau tôi, một cốc rượu trên bàn trước mặt và một mảnh giấy trong tay cô. Tôi cứ tưởng rằng, đôi mắt cô đang dán chặt vào mảnh giấy ngay khi tôi liếc nhìn vào tấm gương, nhưng tôi kín đáo không muốn để cho cô biết. Song cô đã nhìn thấy tôi. Cô còn trẻ lắm, mặc một chiếc áo khoác xanh và có mái tóc màu vàng hoe để theo một mốt hiện đại. Người Amsterdam hầu hết có màu tóc vàng hoe cho nên buộc tôi phải chú ý đến, bằng cách này hay cách khác.

Tôi nói “vẫn thế nhé” với người phục vụ rồi đặt các cốc rượu trên bàn gần quầy bar, sau đó đi từ từ về phía tiền sảnh, qua chỗ cô gái ngồi, nhưng về mặt tôi trầm ngâm như đang tập trung lắm, thậm chí không nhìn cô, tôi đi qua cửa chính khách sạn và bước ra ngoài đường phố. Nhạc sĩ của những giai điệu valse nổi tiếng đã chết, nhưng ông già chơi chiếc đàn hộp vẫn muốn thể hiện các tác phẩm của Johan Strauss ở một trình độ mà giá như nhạc sĩ tài hoa Strauss sống lại nghe thấy được thì sẽ hết sức buồn... Thật vậy, còn nếu như ông cố gắng đem cái nhạc cụ này sang Anh biểu diễn ở đường phố Sauchihall của Glasgow thì chắc chắn là cả hai: ông và cây đàn hộp chỉ được công chúng hưởng ứng không quá mười lăm phút. Lúc này các thầy dòng trẻ tuổi đã biến mất, điều đó có thể có nghĩa hoặc là họ rất chống

người Xcốt len hoặc rất ủng hộ người Xcốt len, thật vậy. Trên quan điểm thực tế thì sự vắng mặt của họ, như sau này tôi phát hiện ra, có nghĩa một cái gì đấy hoàn toàn khác: bằng chứng là tất cả đã ở đấy trước tôi và tôi đã để nhờ mất họ và vì tôi đã nhờ mất họ, không bảo vệ được họ, nên có quá nhiều người đã chết.

Ông già nhìn tôi ngạc nhiên.

“Người Hà Lan chúng tôi nói rằng ông...”

“Ông ta đã đi opera chứ gì,” - tôi nói đỡ lời ông ta rồi lắc đầu buồn bã - “Đừng có hốt hoảng như thế, tôi chỉ đi đến kiốt điện thoại ngay gần đây thôi.”

Tôi lấy số gọi đến khách sạn của hai cô. Ngay lập tức tôi đã nói chuyện được với bàn tiếp tân và sau đó, phải chờ một lúc khá lâu, thì mới nói chuyện được với phòng của hai cô. Belinda nghe một cách cau kỉnh.

“Hello, ai đấy?”

“Sherman đây. Anh muốn em đến đây ngay, được không?”

“Bây giờ?” - giọng cô nghe như rên rỉ - “nhưng em đang nằm trong bồn tắm.”

“Thật đáng tiếc là em không thể có mặt ở hai nơi cùng lúc. Anh đã đủ sạch để giải quyết cái công việc bẩn thỉu mà anh đang có trong tay, thế còn Maggie?”

“Chị Maggie ngủ rồi.”

“Thế thì tốt hơn cả là em nên đánh thức cô ấy dậy, được không? Trừ phi em muốn ẵm chị ấy đi.” - Một phút im lặng không dễ chịu - “Hãy đến đây, tại khách sạn của tôi trong mười phút nữa. Và đi lang thang phất phơ ở bên ngoài, cách khoảng hai mươi mét.”

“Nhưng trời đang mưa to!” - Giọng cô ta vẫn cứ than vãn.

“Các bà các cô trên đường phố không quan tâm đến trời mưa như thế nào đâu. Tí nữa sẽ có một cô gái rời khỏi khách sạn đây. Đáng

người như em, tuổi như em, khuôn mặt giống em và mái tóc cũng như em .”

“Phải có đến chục nghìn cô gái như thế ở Amsterdam này.”

“Ôi, nhưng đây là một cô gái đẹp, tất nhiên không đẹp được như em đâu, nhưng đẹp. Cô ấy cũng mặc chiếc áo khoác màu xanh - đi cùng chiếc ô màu xanh như của em - dùng nước hoa thơm mùi gỗ đàn hương, trên thái dương trái của cô ta có một vết thâm tím được che đậy rất khéo mà chính anh đã gây ra cho cô ta chiều hôm qua.”

“Ai chà... Chuyện hay đấy nhỉ, thế mà anh chẳng nói với bọn em biết về việc anh tấn công các cô gái.”

“Anh không thể nhớ được mọi chi tiết không thích hợp. Hãy đi theo cô ấy. Khi nào cô ấy đến địa chỉ của mình, thì một trong hai em phải đứng lại theo dõi, còn một cô báo cáo về cho anh. Không, em không thể đến đây, em biết vì sao. Anh sẽ đứng ở góc chuồng cổ tại góc xa đường Rembrandtsplein.”

“Anh sẽ làm gì ở đấy?”

“Đó là một quán rượu. Vậy em nghĩ anh sẽ làm gì ở đấy?”

Cô gái mặc áo khoác xanh vẫn ngồi ở chiếc bàn ấy khi tôi quay trở lại. Trước tiên tôi đi đến bàn tiếp tân hỏi lấy vài tờ giấy viết thư, rồi cầm lấy và đi đến chiếc bàn mà tôi vẫn còn để lại cốc rượu uống dở. Cô gái ấy ngồi cách tôi chưa đầy hai mét theo góc vuông cho nên tôi đã quan sát được rất rõ hành động của cô, trong khi cô vẫn không biết mình đang bị theo dõi.

Tôi lôi chiếc ví của mình ra, rút chiếc hóa đơn ăn tối hôm trước, duỗi phẳng nó trên bàn trước mặt mình và bắt đầu ghi trên một mảnh giấy. Sau đó một lúc, tôi quăng luôn bút với cái vè chán chường, rồi vò luôn tờ giấy đang viết dở vứt vào sọt rác cạnh đó. Tôi cầm cúi viết lại trên một tờ giấy khác, rồi tỏ ra vẫn bực dọc không thỏa mãn, lại vò nhàu luôn rồi tống vào sọt rác. Tôi cứ làm như vậy vài lần, sau đó với

vẻ ngán ngẫm, tôi nhắm mắt lại và gục đầu xuống hai tay khoanh trên mặt bàn đến năm phút, kiểu như mình đang trong tâm trạng buồn bã mất tập trung nhất. Sự thật thì, tôi chẳng có gì phải vội vã.

Mười phút! Tôi đã hẹn với Belinda rồi. Nhưng nếu như cô cứ loay hoay với cái bồn tắm hơi lâu, sau đó mới mặc quần áo vào và đến đây cùng với Maggie thì có thể thời gian còn lâu hơn tôi nghĩ. Một lúc sau, tôi lại viết, viết có vẻ vội vàng, rồi lại vò nhàu và vứt đi, cứ thế, cho đến gần hai mươi phút trôi qua. Tôi uống nốt ly rượu cuối cùng rồi đứng dậy nói lời tạm biệt với người phục vụ quầy rượu rồi đi ra ngoài. Tôi đi thong thả lại phía chiếc rèm bằng nhung có tuyết lông màu rượu vang, dùng để che chắn quầy bar với tiền sảnh khách sạn và... chờ, ngó nghiêng cẩn thận các mép của bức rèm sang trọng.

Cô gái mặc áo khoác xanh đã đứng dậy, đến quầy bar gọi một cốc rượu sau đó thận trọng ngồi xuống chiếc ghế - đúng chiếc ghế tôi vừa đứng lên, lưng quay về phía tôi. Cô liếc nhìn quanh, cũng với cách hết sức thận trọng kín đáo, để tin là cô không bị ai theo dõi, rồi lại thận trọng lôi từ sọt rác ra những tờ giấy mà tôi đã vò nhàu. Cô vuốt phẳng nó trên mặt bàn trước mặt, trong khi đó tôi đi rất nhẹ nhàng, không gây một tiếng động đến bên ghế cô ngồi. Tôi có thể nhìn thấy một bên mặt cô, nhưng cô vẫn không hề chú ý, thậm chí tôi còn có thể đọc được những chữ trên tờ giấy mình đã vò nhàu, giờ đây được cô vuốt thẳng trên bàn. Tôi đọc: *chỉ có mũi những cô gái trẻ nhìn vào sọt rác.*

“Tất cả những tờ giấy khác đều có cùng một thông điệp bí mật đó,” - tôi nói - “Chào cô Lemay.”

Cô gần như quay tròn người và nhìn tôi. Cô đã ngụy trang khéo léo quá để che giấu màu đỏ ôliu là nước da tự nhiên của cô, nhưng tất cả những mỹ phẩm phấn son của phụ nữ trên thế giới này cũng đều vô ích để xóa đi màu đỏ ửng, đang đỏ dần dần từ cổ lên đến mặt cô rồi đỏ lên đến tận trán.

“Chui cha ơi!” - Tôi nói - “Cái sắc hồng này mới thật duyên dáng biết bao!”

“Tôi rất tiếc, tôi không nói được tiếng Anh.”

Tôi nhẹ tay sờ vào cái vết thâm bầm ở thái dương cô và nhã nhặn nói: “Đó là chứng quên do bị chấn động, nó sẽ qua đi nhanh thôi. Đầu của cô ra sao rồi cô Lemay?”

“Tôi xin lỗi, tôi...”

“Không nói tiếng Anh nữa, tôi biết điều đó. Nhưng cô đã hiểu nó khá tốt mà, có phải không? Đặc biệt là chữ viết. Chui cha ôi, đối với một tính cách lớn tuổi như bản thân tôi thì quả thật như được trẻ lại khi nhìn thấy những cô gái trẻ đẹp ngày nay đỏ mặt vì thẹn, nên trông cô đẹp và duyên dáng quá, cô biết chứ?”

Cô bối rối đứng lên, quay người rồi xé nát mấy tờ giấy trong tay mình. Cô đang lâm vào một tình thế bất tiện, nhưng nếu ai ở vào tình cảnh bất tiện cũng đều phải cố gắng, tuy nhiên cũng không giống như cô đã cố gắng để ngăn chặn sự rượt đuổi của tôi ở sân bay - song tôi không thể kìm lại một chút lòng thương hại. Có cái gì đấy đối với cô như là tuyệt vọng và không được che chở. Cô có thể đã là một diễn viên khéo léo. Nhưng những diễn viên giỏi cũng cần phải có được vận may trên sân khấu cũng như trên màn hình. Và sau đó, điều không thể giải thích được.

Tôi nghĩ về Belinda. Hai ngày trong một lần đã là quá nhiều. Đầu tôi đã dịu đi. Tôi gạt đầu nhìn mấy tờ giấy.

“Cô có thể vẫn cứ giữ lấy, nếu cô muốn,” - tôi lạnh lùng nói.

“Những cái đó,” - cô nhìn vào những mảnh giấy - “tôi không muốn có chúng.”

“A ha, thế là chứng quên của cô đã khỏi rồi.”

“Tôi mong ông, tôi...”

“Bộ tóc giả của cô tuột ra rồi, cô Lemay.”

Một cách máy móc, tay cô vội giơ lên sờ vào đầu mình, sau đó cô từ từ cúi xuống, môi cô hơi trề ra với cái vẻ chán nản và thất vọng. Có cái gì đấy rất gần với sự thất vọng, có cái gì đấy rất gần với sự tuyệt vọng và liêu lĩnh trong đôi mắt màu nâu của cô, và điều đó làm cho tôi có một cảm giác không dễ chịu, vì không cảm thấy chút tự hào nào về bản thân mình.

“Mong ông để cho tôi đi,” - cô nói.

Tôi bước sang một bên để cô đi qua. Cô nhìn tôi một lúc và tôi có thể cảm nhận cái nhìn đó van nài, cầu khẩn nơi đôi mắt cô và khuôn mặt cô hơi một chút dúm dỏ, như thể là cô đã phải kêu khóc vì nó, sau đó cô lắc đầu rồi vội vã đi ra. Tôi đi chậm chậm theo cô, nhìn theo cô chạy xuống các bậc cấp, rồi quay sang hướng con sông đào. Hai mươi giây sau, Maggie và Belinda cũng đi theo hướng đó. Bất chấp là các cô đều có ô che, nhưng trông các cô quần áo đều bị ướt và có vẻ không vui. Có thể hai người đã ở đấy trong mười phút cuối.

Tôi đi trở lại quầy bar mà tôi đã không có ý định rời cái chỗ ngồi ban đầu. Người phục vụ quầy rượu có tấm lòng cởi mở, tươi cười nói: “Một lần nữa, chúc ông một buổi tối tốt lành. Tôi cứ nghĩ là ông đã đi ngủ rồi.”

“Đúng ra thì tôi đã định đi ngủ, nhưng sở thích của tôi lại nói ‘Khoan hãy ngủ, làm thêm một ly whisky đã’.”

“Thật vậy, ta nên nghe theo sở thích của mình, thưa ngài.” - anh phục vụ quầy rượu nói to. Anh ta đưa cho tôi một cốc nhỏ: “Xin chúc sức khỏe ngài!”

Tôi nâng cốc và trở lại với những suy nghĩ của mình. Tôi nghĩ về sự ngây thơ khờ dại, và thật khó chịu biết bao, sự khờ dại rất dễ dẫn đến bị lường gạt và liệu các cô gái có tránh khỏi điều này không. Tôi lại gọi thêm một ly rượu để trầm ngâm nghĩ ngợi.

Ly rượu lần này tôi cầm trong tay là loại rượu khác, hoàn toàn khác. Một chất lỏng màu sẫm hơn và sáng sủa hơn. Thực ra, đó là một chai bia đắng màu gần như đen, có lẽ cũng là điều kỳ lạ khi kiểm

được nó trong một quán rượu lục địa. Đúng như vậy. Nhưng lúc này tôi đang trong một quán trọ trang hoàng kỳ dị, toàn là những đồ trang điểm bằng đồng treo ở yên cương ngựa, còn kỳ quặc hơn các quán trọ ở Anh. Tại đây chuyên về bia Anh, và như cốc vại bia tôi đang uống đây là loại bia đen nặng của Ailen.

Quán rượu khá đông khách, nhưng tôi cũng biết tự xoay sở cho mình, tìm một bàn đối diện với cửa ra vào, không phải vì tôi có ác cảm nào đó đối với miền tây hoang dã nên thích ngồi quay lưng ra cửa mà chỉ vì tôi muốn nhận ra Maggie hoặc Belinda vào lúc nào đó khi các cô ấy bước vào. Và trong trường hợp này là Maggie. Cô đến bàn tôi và ngồi xuống. Quần áo cô bị lấm bẩn và bất chấp có khăn choàng cổ và ô che, mái tóc đen nhánh của cô vẫn bị ướt và dính vào hai bên má.

“Em có khỏe không?” - tôi hỏi rất ân cần và quan tâm.

“Anh gọi vào cái lúc mà em đang sát xà phòng vào người,” - giọng cô giờ đây chẳng giống chút nào với Maggie của tôi, có lẽ vì tôi mà cô cáu kỉnh: hẳn là cô đã bị ướt hết người. Thật vậy.

“Thế Belinda đâu?”

“Nó cũng khốn khổ. Nhưng em nghĩ nó đã lo lắng nhiều cho anh. Bọn em cứ nóng lòng chờ, cho đến khi em cầm cả chai bia tu từng hơi dài cái chất bia sánh đặc đó. Nó bảo với em là hy vọng anh không làm điều gì quá đáng.”

“Belinda là cô gái luôn biết suy nghĩ chín chắn. Cô ấy cũng biết khá rõ những gì anh đang làm là khá nguy hiểm.”

“Belinda còn trẻ quá.” - Maggie nói.

“Đúng thế, Maggie.”

“Và dễ bị tấn công.”

“Đúng vậy.”

“Em không muốn làm cho nó có thể bị thương, anh Paul.”

Maggie nói làm tôi phải bật dậy, vì chẳng bao giờ Maggie gọi tôi là Paul, trừ phi chỉ riêng có hai chúng tôi hay thậm chí chỉ khi Maggie

không còn đủ bình tĩnh để suy nghĩ hay là xúc động quá mà quên mất những gì đã được cô coi như là những phép tắc phải theo. Tôi không biết điều gì đã làm cô có nhận xét như vậy, và bản khoản không hiểu, rằng vào lúc nào mà hai người đã có dịp nói chuyện với nhau. Thật ra tôi không muốn cho hai cô đi mà định đưa đôi vợ chồng Doberman Pinschers đi theo. Nhưng cuối cùng thì Doberman còn có chút việc trong nhiệm vụ chưa làm xong, nên tôi đã quyết định cho hai cô đi.

“Em nói...” - Maggie bắt đầu.

“Anh đã nghe những gì em nói.” - tôi tu thêm một ngụm bia đen -
“Em là một cô gái rất đáng yêu, Maggie.”

Cô gật đầu, không phải để chứng tỏ sự đồng ý bất kỳ nào với những điều tôi đã nói, mà chỉ để tỏ ra rằng vì một số lý do không rõ ràng, nên cô thấy rằng đây là một câu trả lời thỏa mãn và uống từng hớp rượu nặng của vùng miền nam Tây Ban Nha mà tôi đã rót cho cô. Ngay lập tức tôi đi trở lại một vấn đề tế nhị.

“Nào, một cô bạn tiểu thư khác của chúng ta mà các em đang theo dõi bây giờ ở đâu rồi?”

“Cô ta ở trong nhà thờ.”

“Cái gì?” - Tôi nói lấp bắp vào trong cái cốc vại bia của mình.

“Hát thánh ca.”

“Lạy Chúa, còn Belinda đâu?”

“Cô ấy cũng ở trong nhà thờ.”

“Cô ấy cũng hát thánh ca luôn?”

“Em không biết, vì em không đi vào bên trong.”

“Có lẽ Belinda không nên vào trong đó.”

“Còn có chỗ nào an toàn hơn trong một nhà thờ.”

“Đúng, đúng.” - Tôi cố làm cho bớt căng thẳng, nhưng cảm thấy không dễ chịu.

“Một trong hai chúng ta phải ở đây.”

“Tất nhiên.”

“Belinda nói là có thể anh muốn biết *tên* cái nhà thờ đó.”

“Tại sao anh lại...” - Tôi nhìn chăm chăm vào Maggie. “Nhà thờ tin lành của Hội những người Pháp theo đạo Tin lành ở Mỹ.” Maggie gật đầu. Tôi đẩy chiếc ghế lại phía sau rồi đứng lên: “Nào, bây giờ em nói anh biết đi.”

“Thế nào? Lẽ nào anh bỏ lại tất cả những chai bia đen tuyệt vời này sao?”

“Vì an toàn cho Belinda, anh không nghĩ về mình.”

Chúng tôi rời quán rượu, và khi chúng tôi đi thì bỗng nhiên trong tôi chợt lóe lên ý nghĩ rằng cái tên của nhà thờ đó chẳng có ý nghĩa gì đối với Maggie. Nó không có nghĩa gì với Maggie bởi vì Belinda không nói với cô khi cô ấy trở lại khách sạn, vì Maggie đã ngủ. Và tôi đã băn khoăn là làm thế quái nào mà hai người đã có thể nói chuyện với nhau. Họ đã không nói với nhau về điều gì cả. Hoặc điều này là rất kỳ lạ, hoặc là tôi không thông minh lắm, hoặc là cả hai.

Như thường lệ, trời vẫn mưa và khi chúng tôi đi dọc theo Rembrandtsplein cạnh khách sạn Schiller. Maggie rùng mình.

“Này,” - cô nói - “Có một taxi. Đúng ra là nhiều taxi.”

“Anh không nói là không có một taxi nào ở Amsterdam và chẳng có phiền phức gì khi thuê. Thật thế. Nhưng anh sẽ không đánh cược một đồng năm xu về chuyện này. Đường đi không xa đâu.”

Không xa khi đi taxi. Đi bộ thì đường lại khá xa, thật đấy. Nhưng tôi không có ý định đi bộ xa như thế. Tôi dẫn Maggie xuống đường Thorbeckeplein, rẽ sang trái, sang phải, rồi lại sang trái cho đến khi chúng tôi đi ra khỏi Amstel. Maggie nói: “Có vẻ như anh khá thông thạo đường đi lối lại các khu quanh đây, phải không, thiếu tá Sherman?”

“Trước kia anh đã có thời gian ở đây rồi.”

“Khi nào?”

“Anh quên rồi, năm ngoái hay sao ấy.”

“Vào tháng nào năm ngoái?” - Maggie biết hoặc nghĩ rằng cô đã biết tất cả những sự đi lại của tôi trong thời gian năm năm qua và cô dễ dàng hỏi đến cùng. Cô không thích những gì cô cho là không rõ ràng.

“Vào mùa xuân. Anh nghĩ thế.”

“Có thể là hai tháng?”

“Khoảng đó.”

“Anh đã có hai tháng ở Miami mùa xuân năm ngoái,” - cô nói với vẻ tỏ cáo - “Đó là trong hồ sơ ghi lại như vậy.”

“Anh có biết em nhận được các dữ liệu lộn xộn của mình ra sao không?”

“Không, anh không biết.” - Cô ngừng một lát - “Em nghĩ trước đây anh chưa bao giờ gặp đại tá De Graaf và thanh tra Van Gelder?”

“Đúng đấy.”

“Nhưng...”

“Anh không muốn làm họ chán ngán.” - Tôi dừng lại cạnh một kiốt điện thoại - “Có một đôi đang trong đó. Chờ ở đây vậy.”

“Em không chờ đâu!” Một bầu không khí rất nóng nực như đang bao trùm Amsterdam. Maggie cũng nóng nực chẳng khác gì Belinda. Nhưng lúc này - mưa nặng hạt kèm theo gió thổi tạt xiên vào người rất mạnh. Tôi mở cửa kiốt điện thoại công cộng để cô bước vào trong, trước tôi. Tôi gọi đến một công ty taxi gần đây theo số mà tôi biết, và bắt đầu gọi một số khác.

“Em không biết là anh nói được tiếng Hà Lan đấy.” - Maggie nói.

“Không đủ để nói chuyện với các bạn chúng ta. Vì thế chúng ta phải có một người lái taxi trung thực.”

“Anh thực sự không tin tưởng em có phải không?” - Maggie nói một cách ngưỡng mộ.

“Anh tin em chứ, Maggie.”

“Không, anh không tin em. Anh chỉ không muốn chất nặng lên cái đầu đẹp của em với những vấn đề không cần thiết.”

“Đó là phương pháp của anh,” - tôi dịu giọng phàn nàn. De Graaf đã cầm ống nghe. Sau một vài lời lịch sự thông thường, tôi nói: “Những mẫu giấy đó? Chưa gặp may à? Cảm ơn ông, Đại tá De Graaf. Tôi sẽ gọi lại sau.” Tôi treo ống nghe.

“Những mẫu giấy gì thế?” - Maggie hỏi.

“Những mẫu giấy anh cho ông ấy.”

“Anh lấy chúng từ đâu?”

“Một thằng cha đưa cho anh tối qua.”

Maggie nhìn tôi một cái nhìn nhẵn nhụi nhưng không nói gì. Vài phút sau, một taxi đến. Tôi đưa cho anh ta một địa chỉ trong thành phố cổ, và khi chúng tôi đến nơi, tôi cùng với Maggie đi xuống một đường phố hẹp đến một trong những con sông đào trong khu vực vùng tàu đậu thông với biển. Tôi dừng lại ở một góc đường.

“Đây là gì?”

“Là nó đấy.” - Maggie nói.

“Nó” đây là một nhà thờ nhỏ màu xám, cách khoảng năm mươi mét dọc theo bờ con sông đào. Đó là một nhà thờ lâu đời, năm tháng đã làm cho nó bị xô nghiêng, giống như một con ngựa già tải nặng thường xuyên nên đã vông lưng xuống, trông thật dễ sợ, nhất là với con mắt không có chuyên môn như tôi thì cảm thấy quá nguy hiểm hình như nó sắp đổ sập xuống đến nơi. Nhà thờ có một bệ tháp chuông bằng đá hình vuông, ít ra nó cũng phải trệch khỏi đường thẳng đứng đến năm độ, trên cùng là tháp chuông nhỏ, xô nghiêng hẳn về một phía trông rất nguy hiểm. Đã thật sự chín muồi để cho Nhà thờ Tin lành đầu tiên của Hội những người theo đạo tin lành ở Mỹ đưa ra một đợt vận động lớn để gây quỹ.

Tuy nhiên, một số các ngôi nhà ba bốn tầng kề liền đó thậm chí còn có nguy cơ đổ sập xuống nhiều hơn, có thể thấy rõ điều này ở chỗ một khu vực lớn có nhiều tòa nhà cũ kỹ trên bờ sông đào ở bên kia

nhà thờ đã được chuyển dọn đi hết. Một chiếc cần cầu khổng lồ với cần máy trục to lớn mà tôi từng nhìn thấy, hầu như chẳng thể nhìn ra nó trong bóng tối, trong khi nó đứng ở ngay chính giữa cái nơi đang được phá hết đi để xây dựng lại mà hiện nay đang ở giai đoạn dọn quang đi để bắt đầu đổ móng.

Chúng tôi đi chậm bước dọc theo bờ sông về phía Nhà thờ. Bây giờ đã có thể nghe thấy rõ âm thanh của tiếng nhạc từ cây đàn organ và tiếng hát của các cô gái. Nghe có vẻ như rất vui, bình an và giản dị và thoáng một nỗi buồn nhớ quê hương. Âm nhạc và lời ca theo gió bay đi và lan tỏa trên mặt nước tối sẫm của con sông đào.

“Buổi lễ dường như vẫn còn đang tiếp tục,” - tôi nói - “Em có vào trong đó?”

Tôi đã ngừng sững lại vì nhìn thấy cô gái tóc vàng hoe, mặc áo đi mưa màu trắng buộc thắt lưng đang đi về phía tôi.

“Này!” - tôi nói.

Cô gái tóc hoe đã cài tất cả khuy áo khoác còn chưa biết trả lời thế nào khi bị một người đàn ông lạ mặt bắt chuyện trên một đường phố vắng vẻ. Cô ta nhìn tôi và bắt đầu co chân chạy. Nhưng cũng không chạy được xa thì bị trượt chân bởi những hòn sỏi tròn và ẩm ướt rải rác trên đường, song cô lại gắng đứng lên và chạy tiếp, nhưng cũng chỉ chạy thêm được vài bước thì tôi đuổi kịp và túm lấy áo. Cô ráng sức giằng tay tôi ra để chạy thoát. Nhưng Maggie đã kịp thời giữ chặt tay cô, thì ra tôi lại gặp một khuôn mặt quen cũ.

“Một người bạn cũ, thiếu tá Sherman phải không?”

“Đây là Trudi - Trudi Van Gelder.” - tôi nói.

“Ôi, bây giờ mới gặp cô,” Maggie nắm lấy cánh tay Trudi, nhưng Trudi không biết cô là ai, nên đã quàng tay ôm chặt lấy cổ tôi và nhìn vào mặt tôi ngưỡng mộ và cô lùi ra xa hơn trong khi hai tay vẫn ôm lấy cổ tôi, và nói: “Em thích anh, anh tuyệt lắm!”

“Vâng, tôi biết, cô đã nói với tôi rồi, nhưng thôi đi, đừng có nói như thế nữa.”

“Làm cái gì thế?” - Maggie hỏi.

“Làm cái gì à. Anh đã phải đưa cô ấy về nhà trong một trường hợp bắt gặp trên đường phố như thế này. Gọi một taxi, đưa Trudi vào trong xe, nhưng cô ấy đã nhảy bổ ra ngoài ngay khi gặp tín hiệu giao thông lần thứ nhất. Có đến hàng trăm cách để ngăn giữ Trudi ở nhà nhưng hầu như tất cả đều vô hiệu. Và lúc này thì bố nuôi cô chắc là đang đi tìm con khắp thành phố, khỏi phải nói là cô ta đã gây cho bố mình biết bao khổ sở và buồn phiền. Và cuối cùng thì ông phải tìm một biện pháp rẻ hơn, đó là xích hòn sắt vào chân cô như tù khổ sai.”

Tôi đã gỡ hai tay Trudi khỏi cổ mình, dĩ nhiên không phải là không khó khăn rồi kéo ống tay áo cánh tay trái Trudi lên. Tôi thấy đôi mắt Maggie mở to ngạc nhiên, sau đó đến đôi môi mím lại khi cô nhìn thấy những vết kim tiêm chích vào da thịt trên cánh tay Trudi. Tôi kéo ống tay áo Trudi xuống - thay vì ứa nước mắt khóc như lần đầu tiên tôi nhìn thấy cánh tay đó, giờ đây Trudi đứng đấy và cười khúc khích cứ như là một chuyện vui rất buồn cười - rồi còn xem cánh tay kia. Tôi lại kéo cánh tay áo của cô xuống.

“Không có gì mới,” - tôi nói.

“Ý anh định nói là không có gì mới để anh có thể xem chứ gì,” - Maggie nói.

“Thế em trông đợi anh làm gì? Cứ để Trudi đứng đây, trong mưa rét và trình diễn vũ thoát y trên bờ sông đào này có cả nhạc organ đi kèm? Chờ một lúc.”

“Tại sao?”

“Anh suy nghĩ đã.” - Tôi kiên nhẫn nói.

Và tôi đã suy nghĩ, trong khi Maggie đứng đấy với một cảm giác trông đợi biết vâng lời thể hiện trên nét mặt cô, trong khi đó thì Trudi cứ nắm chặt lấy tay tôi cứ như tôi là của cô, và cứ nhìn tôi dăm dăm hết sức triu mến. Cuối cùng, tôi nói:

“Ở đây, em đã bị ai nhìn thấy chưa?”

“Không, trong chừng mực mà em có thể biết.”

“Tất nhiên, nhưng Belinda thì có.”

“Tất nhiên, nhưng như thế không phải là cô ấy bị nhận diện lại. Tất cả mọi người ở đây đều đội nguyên mũ của họ trên đầu. Còn Belinda có một mũ trùm đầu của áo khoác, một khăn choàng cổ và cô ấy ngồi ở chỗ tối. Em đã nhìn thấy Belinda từ ngưỡng cửa.”

“Đưa cô ấy ra đi. Chờ cho đến khi kết thúc buổi lễ đã, sau đó đi theo Astrid, và hãy cố nhớ lấy các khuôn mặt càng nhiều càng tốt đối với những người tham dự buổi lễ.”

Maggie tỏ vẻ nghi ngờ: “Em sợ rằng như thế sẽ khó đấy.”

“Tại sao?”

“Bởi tất cả họ trông đều giống nhau.”

“Tất cả họ - họ như thế nào. Người Trung Quốc hay nước nào?”

“Phần lớn họ là các nữ tu sĩ, tay cầm kinh thánh và đeo chuỗi hạt chỗ thắt lưng và anh không thể nào nhìn thấy tóc họ, hơn nữa tất cả đều mặc áo dài đen hoặc dài trắng.”

“Maggie!” - Tôi kìm lại nỗi bực mình do Maggie cứ nêu ra những khó khăn - “Anh biết các nữ tu sĩ trông giống nhau như thế nào.”

“Vâng, nhưng có cái gì đó khác. Họ hầu như đều còn trẻ và trông rất xinh đẹp - một số còn rất duyên dáng.”

“Em không phải có một bộ mặt như là mảnh xe ô tô đâm nhau để trở thành một nữ tu sĩ. Hãy gọi điện cho khách sạn của em và để lại con số bất kỳ nào đó mà em ngẫu nhiên kết thúc. Nào... Trudi, về nhà thôi.”

Cô đã đi với tôi một cách khá ngoan ngoãn, trước thì đi bộ sau đó đi taxi, cô cứ luôn luôn túm chặt tay tôi và nói toàn những điều vô nghĩa nhưng theo cách rất sôi nổi như thể là một đứa trẻ đang được đối xử một cách mà nó không hề mong đợi. Tại nhà của Van Gelder, tôi yêu cầu taxi chờ.

Trudi đã bị cả Van Gelder và bà Herta trách mắng với sự giận dữ, nghiêm khắc, mà kết quả thì lần nào cũng giống như lần nào, nghĩa là vô ích, chẳng thay đổi được gì. Van Gelder rót ra hai cốc rượu với tốc độ của một người cảm thấy anh ta có thể yêu cầu tôi ngồi xuống. Tôi hơi cúi đầu nói:

“Tôi có taxi chờ ở ngoài. Tôi có thể tìm Đại tá De Graaf ở đâu vào đêm hôm khuya khoắt này? Tôi muốn mượn ông ấy chiếc xe, tốt nhất được một xe chạy nhanh.”

Van Gelder cười: “Không thành vấn đề đối với tôi, anh bạn thân mến ạ. Anh sẽ tìm thấy Đại tá tại văn phòng ông ấy. Tôi biết ông ấy vẫn đang làm việc vào lúc đêm khuya này.” - Anh ta nâng cốc lên - “Một nghìn lần cảm ơn anh, tôi là một người đàn ông luôn trong tâm trạng phải lo lắng.”

“Anh nên cho cảnh sát biết về cô bé.”

“Có đấy, nhưng chỉ giới hạn thôi.” - Van Gelder lại cười, có vẻ mệt mỏi - “Anh biết tại sao không. Vì chỉ có một số bạn tin cậy, trong khi đó có đến chín trăm nghìn cảnh sát ở Amsterdam.”

“Anh có nghĩ tại sao cô bé cứ muốn đi xa khỏi nhà như thế?”

“Chẳng có gì bí mật về điều đó. Bà Herta thường đưa nó đến đây - tôi muốn nói là đến nhà thờ ấy. Tất cả những người Huyler ở Amsterdam đều đến cái nhà thờ đó. Đó là nhà thờ của người Pháp theo đạo tin lành - cũng có một nhà thờ ở Huyler chứ không có nhiều, là nơi để họ sử dụng ngày chủ nhật làm nơi thờ phụng. Herta hay đưa nó đến đó. Hai người cũng thường đi ra đảo. Đến các Nhà thờ và công viên Vondel. Đó là nơi đi chơi của Herta và Trudi.”

Herta đi với dáng lạch bạch vào trong phòng và Van Gelder nhìn bà ta bằng con mắt giận dữ. Herta với những gì có thể hình dung được, đã đi ngang qua chúng tôi, biểu lộ sự thỏa mãn với nét mặt lì lì, bà ta lắc đầu rồi vẫn cái dáng núng nính, nặng nề đi ra khỏi phòng.

“Tốt rồi, ơn Chúa vì chuyện đó,” Van Gelder uống nốt cốc rượu, “Không tiêm chích gì chứ?”

“Lần này thì không.” Tôi cũng uống cạn cốc rượu, chào Gelder rồi ra về.

Tôi đi taxi đến Marnixstraat. Van Gelder đã phôn trước để nói rằng tôi sắp đến và yêu cầu đại tá De Graaf chờ tôi. Giống như mọi khi, ông vẫn bận rộn với cả đồng hồ sơ xếp trên ghế ông đang ngồi. Bàn làm việc trước mặt thì lại trống trơn, các ngón tay ông đang chống cằm, và khi tôi bước vào, ông vẫn đang trầm ngâm suy nghĩ và mắt thì vẫn nhìn đăm đăm vào một điểm bất tận nào đó.

Tôi được báo cáo là công việc của anh có nhiều tiến triển, phải không?” - Ông nói như chúc mừng tôi.

“Tôi lấy làm tiếc là không đúng như vậy.”

“Cái gì! Không mở ra một triển vọng sáng sủa dẫn đến giải pháp cuối cùng à?”

“Tiếc là chỉ có các ngõ cụt thôi.”

“Chuyện gì đấy về một xe ô tô. Tôi được thanh tra Van Gelder cho biết.”

“Đại tá định nói gì?”

“Sử dụng nó cho một cuộc điều tra, tại sao anh lại muốn một xe có tốc độ cao?”

“Để tiện chạy vào các phố hẻm, ngõ cụt, nhưng cái đó không thật sự là việc mà tôi đến để gặp đại tá.”

“Tôi cũng nghĩ như vậy.”

“Tôi cần một giấy phép cho việc tìm kiếm.”

“Để làm gì?”

“Thì tôi đã nói, để tìm kiếm mà,” - tôi nói một cách nhẵn nại - “kèm theo là một sĩ quan cấp cao hoặc vài sĩ quan, tất nhiên - để có tính hợp pháp.”

“Ai và ở đâu?”

“Morgenstern & Muggenthaler. Nhà kho hàng lưu niệm, ở gần cảng tàu biển, tôi không rõ địa chỉ lắm.”

“Tôi đã nghe về điều này.” - De Graaf gật đầu - “Tôi biết không có gì chống lại chúng cả, phải không?”

“Phải.”

“Thế thì điều gì làm cho anh muốn khám phá chúng?”

“Thực ra mà nói tôi cũng không biết. Tôi muốn phát hiện xem tại sao tôi lại muốn tò mò như vậy. Tối nay tôi đã ở đây.”

“Ban đêm thì chúng đóng cửa, chắc chắn rồi.”

Tôi lúc lắc một chùm chìa khóa vạm vỡ trước mặt ông.

“Này, anh cũng biết đó là một tội nghiêm trọng khi dùng những thứ đó để đột nhập vào sở hữu riêng của người khác.” De Graaf nghiêm giọng nói.

Tôi bỏ chùm chìa khóa vào trong túi. “Những dụng cụ nào?”

“Một ảo giác thoáng qua.” - De Graaf nói một cách dễ chịu.

“Tôi tò mò vì tại sao chúng lại dùng khóa hẹn giờ trên cánh cửa thép chắc chắn dẫn vào văn phòng chúng. Tôi tò mò vì có những kho lớn chứa toàn sách Kinh thánh trong các cơ ngơi đó, đó là chưa nói đến mùi ma túy làm từ cây gai dầu, hoặc những thùng cha nấp sau những con rối, nhưng những gì tôi thật sự quan tâm là muốn chộp được danh sách những người cung cấp của chúng.”

“Chúng tôi có thể thu xếp một giấy phép khám xét nếu có một cái cớ gì đó.” De Graaf nói. “Bản thân tôi sẽ đi cùng anh. Chắc chắn là anh sẽ phải giải thích mối quan tâm đó của anh một cách tỉ mỉ vào buổi sáng. Bây giờ, về chuyện ô tô. Van Gelder có một gợi ý tuyệt vời. Một xe cảnh sát có động cơ mạnh, kèm theo đủ phương tiện, radio liên lạc hai chiều cho đến còng tay, nhưng với vẻ ngoài thì hoàn toàn như một taxi, sẽ ở đây trong hai phút nữa. Lái một taxi, anh hiểu không, có đặt ra một số vấn đề đó.”

“Tôi sẽ cố gắng để không làm gì thêm quá nhiều. Đại tá có thêm tin gì khác cho tôi nữa không?”

“Cũng trong hai phút nữa. Ô tô của anh sẽ đem một số thông tin từ Phòng Hồ sơ đến.”

Đó là hai phút và một cặp bìa cứng đựng giấy tờ được đưa lên bàn đại tá De Graaf. Ông xem qua vài giấy tờ.

“Astrid Lemay. Tên thật của cô ta, có lẽ khá kỳ quặc. Cha là người Hà Lan, mẹ là người Hy Lạp. Ông ta là một phó lãnh sự ở thủ đô Athens, nay đã chết, về lai lịch người mẹ thì không rõ. Hai mươi bốn tuổi. Được biết không có gì chống lại cô - cũng không biết được gì nhiều về cô ta. Phải nói là nhận thức hay cách hiểu của người con gái này thì còn có đôi chút mơ hồ. Làm nữ tiếp viên trong hộp đêm Balinova, sống trong một căn hộ nhỏ gần đây. Có một người thân, một cậu em tên là George, hai mươi tuổi. A ha... điều này có thể làm anh quan tâm đó. Cậu George, hình như đã có sáu tháng là khách mời của Hoàng hậu.”

“Ma túy?”

“Dường như tấn công và mưu toan ăn cướp, một cố gắng rất tài tử và rất vụng về. Hẳn đã phạm sai lầm là lơ ngơ thế nào mà lại tấn công vào một thám tử mặc thường phục. Bị nghi ngờ là dân nghiện ma túy - có thể hẳn cố gắng kiếm tiền mua thuốc. Đó là tất cả những gì chúng ta biết.” Ông giở sang một tờ giấy khác, “Đây là số MOO 144 mà anh đã đưa cho tôi, chính là tín hiệu gọi vô tuyến cho một tàu buôn chạy dọc ven biển của Bỉ tên là Marianne, từ Bordeaux phải đến cảng Amsterdam vào ngày mai. Ông cười khà khà và nói, tôi có bộ máy làm ăn hiệu quả đấy chứ?”

“Vâng.”

“Khi nào thì tàu đến?”

“Buổi trưa, chúng ta có tìm nó?”

“Anh sẽ không tìm gì cả. Nhưng tôi mong anh không có đến gần đó. Có các ý tưởng nào đó về hai con số kia không?”

“Tôi lấy làm tiếc là không, về số 910020. Hoặc về 2797,” ông ngừng một lát để trầm ngâm suy nghĩ. “Hoặc có thể là hai lần 797 -

anh biết không nếu tôi đúng thì là 797797.”

“Có thể lắm chứ.”

De Graaf lấy cuốn danh bạ điện thoại từ trong ngăn kéo ra, rồi lại vớt ra bên cạnh. Ông nhấc điện thoại lên, “Lấy một số điện thoại,” - ông nói - “797797, phát hiện xem ai, tên ai dưới con số đó. Làm ngay đi, rồi cho tôi biết.”

Chúng tôi ngồi im lặng cho đến khi có tiếng chuông điện thoại reo. De Graaf nghe và thay ống nghe.

“Hộp đêm Balinova,” - ông nói.

“Nhân viên có năng lực có một ông chủ sáng suốt.”

“Và sự sáng suốt này dẫn các anh đến đâu?”

“Hộp đêm Balinova.” Tôi đứng dậy. “Tôi có một nét mặt rất dễ nhận dạng như ông thường nói, phải không Đại tá?”

“Phải, không phải là khuôn mặt người ta dễ quên. Và những cái sẹo trắng đó. Tôi không nghĩ là phẫu thuật thẩm mỹ của anh đã thực sự có những cố gắng.”

“Ông ta đang cố gắng để thu xếp. Phải xóa đi tất cả những dấu vết phẫu thuật thẩm mỹ. Ở chỉ huy sở có chất nhuộm màu nâu không?”

“Chất nhuộm màu nâu?” Ông ta nháy mắt với tôi, sau đó thì cười thoải mái, “Ồ không, thiếu tá Sherman! Trá hình ư! Trong thời đại này và hiện nay? Sherlock Holmes đã chết từ nhiều năm nay.”

“Nếu như mà tôi có được một nửa bộ óc của Sherlock Holmes,” tôi nói dẫn giọng, “thì tôi sẽ không cần một sự trá hình nào.”

6

Chiếc taxi màu đỏ và vàng mà họ cho tôi mượn đã xuất hiện ở bên ngoài, nó trở nên một chiếc Opel bình thường và hoàn hảo, nhưng dường như họ đã tìm cách lắp đặt để tăng thêm công suất cho xe trở nên khỏe hơn. Họ cũng đã làm cho nó có thêm nhiều tác dụng nữa như là còi đặc biệt, đèn cảnh sát và một bảng ở đằng sau soi sáng cho tín hiệu “Dừng lại!”. Mấy chỗ ngồi ở ghế đằng trước là dây chèo và bộ đồ cấp cứu và hộp đựng chất khí phun làm chảy nước mắt, trong các túi ở cửa xe để sẵn những còng tay cùng với chìa khóa cài sẵn. Chỉ có Chúa mới biết là họ đã có những gì trong ngăn để hành lý sau xe. Tuy nhiên tôi không quan tâm. Tất cả mọi cái tôi muốn là một xe ô tô tốc độ nhanh, và tôi cần có một.

Tôi dừng lại trong một khu vực cấm đỗ xe, bên ngoài hộp đêm Balinova, đối diện với nơi một cảnh sát mặc sắc phục đang đứng quan sát. Anh ta kín đáo gật đầu hầu như không thể nhận thấy rồi đi khỏi bằng những bước dài đều đặn. Anh ta biết có một taxi cảnh sát, khi nhìn thấy xe của tôi và anh cũng không muốn giải thích cho đám công chúng có vẻ bất bình rằng tại sao một taxi lại có thể đỗ trong vùng cấm, mà bình thường thì chủ nhân của nó phải nhận được một biên lai nộp tiền phạt. Lúc này bên trên cửa hộp đêm đang lập lòe một chữ “Balinova.” Và cũng dưới cái ánh sáng đèn neon đó lập lòe tạo thành hình dáng của một đôi nam nữ ôm nhau nhảy vũ điệu hula của các cô gái Hawaii. Mặc dù tôi không hiểu rõ lắm về sự liên quan giữa Hawaii và Indonesia, nhưng có lẽ chúng cũng có nghĩa là những vũ công của vùng Bali ở Indonesia, song, nếu như vậy thì chúng đã không đúng về trang phục, vì khi thì có quần áo trên người, khi thì cởi ra. Có hai cửa

số lớn ở mỗi bên của cửa ra vào, tuy nhiên, dù mặt tiền của cái chốn ăn chơi đàng điếm này có trang hoàng lộng lẫy đến đâu thì nó cũng không được coi như một triển lãm nghệ thuật mà chỉ là sự gợi ý khéo léo cho bản chất của những khoái cảm lạ và kích thích tính tò mò về văn hóa Balinova, một hòn đảo xinh đẹp trong quần thể các đảo của đất nước Indonesia, có thể tìm thấy chúng nơi đây. Các phu nhân trẻ tuổi đeo những đôi khuyên tai bằng vàng to hay nhỏ, cổ tay hoặc cổ chân đều có vòng giống như các bà các cô người Bali và dường như không có gì khác, ngoài việc là họ đã ăn mặc quá là khiếm nhã. Tôi chột ngạc nhiên khi nhìn thấy một sắc mặt màu cafe quay lại nhìn tôi, từ hình phản xạ trong gương, đúng là cái trang khá lắm, bởi vì tôi không thể nào nhận ra được bản thân mình. Tôi đi vào bên trong.

Balinova, trong truyền thống vinh dự nhất, là một hộp đêm nhỏ, không thoáng khí, không khí trong phòng ngột ngạt vì khói thuốc, hỗn hợp cùng với mùi nước hoa các loại, tạo nên một thứ mùi thơm, hay khó ngửi thì không thể tả cho đúng được, nhưng cái hộp phần chính của chúng có vẻ như là mùi cao su bị đốt cháy, có lẽ nó đã được thiết kế để gây ra cho các khách hàng một tâm trạng luôn luôn bị kích thích hưởng lạc tối đa, vui sướng cá nhân nhiều nhất trong hộp đêm này, mà trên thực tế, hậu quả là sinh ra chứng liệt thần kinh khứu giác trong không gian chỉ một vài giây. Thậm chí không có thông gió tự nhiên cũng không có quạt hút để hút các đám mây khói thuốc ngoài nên người ta cũng dễ bị ốm vì khói, một cách có tính toán, không kể loại đèn pha sáng chói chiếu vào một điểm hẹp trên vũ đài, nhưng thật ra thì chẳng có ai trên sân khấu mà chỉ có một sàn nhảy tròn nhỏ ở chính giữa căn phòng.

Cử tọa hầu như chỉ dành riêng cho phái mày râu nhưng lại gồm có mọi lứa tuổi từ những thanh thiếu niên choai choai mười ba tuổi trở lên đang trợn tròn mắt đến những ông lão tám mươi nhưng mắt luôn mở to và sáng, vẫn còn tầm nhìn sắc sảo, dường như mắt của các cụ vẫn chưa bị mờ do những năm tháng qua đi. Hầu như tất cả họ đều ăn

mặc khá bảnh bao, vì nơi này thuộc loại hộp đêm có tiếng ở Amsterdam - là hộp đêm mà khách đều có khẩu vị tinh tế của các tay chơi sành sỏi thạo đời đã chán ngấy một số những nghệ thuật tạo hình, không phải cho những ai giải khuây. Tóm lại, muốn vào đây không dễ vì nó không rẻ mà trái lại rất đắt tiền, Balinova đắt tiền vì nó là một trong vài chỗ hiếm hoi của thành phố được coi là hắc điếm, là ổ gái điếm và chích hút nhanh. Ở đây luôn có mặt nhiều phụ nữ nhưng hiện nay chỉ có một vài người. Tôi cũng không ngạc nhiên khi thấy Maggie và Belinda đang ngồi tại bàn gần cửa ra vào, với hai cốc đồ uống trước mặt. Cả hai cô đều không có vẻ hòa nhập cùng đám người ồn ào đó.

Sự trá hình của tôi vào lúc này dường như là hoàn toàn không cần thiết. Bởi không ai nhìn khi tôi mới bước vào và rõ ràng là thậm chí không ai muốn nhìn tôi, đó là điều có thể hiểu được, có lẽ là trong hoàn cảnh này, khi mà cử tọa hầu hết đều tập trung thưởng thức các sắc thái thẩm mỹ hoặc những ý nghĩa biểu tượng của buổi trình diễn balê hấp dẫn làm mê mẩn đôi mắt của họ, nữ diễn viên hầu như phô bày hết những vẻ đẹp của đường cong trong thân hình Vệ nữ của cô, kèm theo phần nhạc đệm nghe chói tai và tiếng khò khè giống như anh có bệnh hen của một băng nhạc mà nhạc công trông chẳng khác chi những anh chàng điên loạn. Không khí như trong môi trường có điện áp, khi các cử tọa cố gắng để hiểu ra một số rất hạn chế những lựa chọn đã mở ra cho cô gái không may. Tôi ngồi xuống bàn bên cạnh Belinda và nhìn cô dưới ánh sáng đèn điện, nước da của tôi đã thay đổi hoàn toàn, làm cho Belinda sửng sờ kinh ngạc. Belinda phải lùi ra cách tôi đến hai mươi centimet và ngược mũi cô lên cao thêm mười centimet.

“Thôi đi, thôi đi,” - tôi nói. Cả hai cô quay lại nhìn tôi chăm chăm, còn tôi thì gật đầu về phía sân khấu: “Tại sao một trong hai cô không thể đến giúp cho cô ấy?”

Im lặng đến một phút, sau đó Maggie nói bằng một giọng bị kìm chế rất nhiều: “Có chuyện gì xảy ra với ông thế?”

“Tôi đang trá hình, cô nói khê đi một chút.”

“Nhưng - nhưng em đã phôn về khách sạn mới chỉ cách đây hai phút.” - Belinda nói.

“Và đừng có thì thầm nữa. Đại tá De Graaf muốn anh có mặt ở đây. Cô ta có quay lại thẳng đây?”

Họ gật đầu.

“Và không đi ra ngoài lần nữa chứ?”

“Không phải bằng cửa trước”, Maggie nói.

“Các cô hãy cố gắng nhớ được những nét mặt của các nữ tu sĩ, khi họ đi ra được không? Như anh đã nói với em?”

“Bọn em sẽ cố gắng,” Maggie nói.

“Lưu ý bất kỳ cái gì kỳ cục, khác thường về bất kỳ ai trong số họ.”

“Không, không có gì, không kể,” - Belinda nói thêm, “dường như họ là những nữ tu sĩ rất đẹp, rất xinh gái ở Amsterdam.”

“Điều ấy thì Maggie đã nói với anh rồi. Và chả lẽ đó là tất cả?”

Họ nhìn nhau do dự, sau đó Maggie nói, “Có cái gì đấy buồn cười lắm. Có vẻ như chúng ta nhìn thấy số người đi vào nhà thờ đó nhiều hơn là những người đi ra.”

“Đã có nhiều người đi vào nhà thờ đó hơn là đi ra,” - Belinda nói - “Em đã ở đấy nên em biết.”

“Anh biết rồi,” tôi nói một cách nhản nại. “Ý các cô muốn nói gì ở chữ ‘có nhiều’ ấy?”

“Vâng,” Belinda nói đề phòng, “một số kha khá, hay là một số khá nhiều.”

“A ha! Vì thế bây giờ chúng ta quan tâm đến một số khá nhiều ấy. Tất nhiên cả hai cô đều đã kiểm tra, tin rằng trong nhà thờ đó không còn ai chứ?”

Lúc này thì Maggie chuyển sang đề phòng. “Anh nói với các em là theo dõi Astrid Lemay. Chúng em không thể chờ đợi.”

“Có thể đã có một số người vẫn ở lại trong đó vì sự thành tâm và mộ đạo của họ? Hay có thể là bọn em đếm không được cẩn thận?”

Đôi môi xinh đẹp của Belinda mím lại vì tức giận nhưng Maggie đã đặt một tay lên vai cô.

“Không phải như thế đâu, thiếu tá Sherman”.

Và đây là Maggie đang nói “Bọn em có thể phạm sai lầm, nhưng như anh nói thì không đúng.” Khi Maggie đã nói như thế thì tôi lắng nghe.

“Anh lấy làm tiếc Maggie. Anh lấy làm tiếc Belinda. Khi người nhất gan như anh mà lo lắng thì chúng đang hoảng đưa người chúng đi mà không bị đánh trúng sau lưng.” Cùng một lúc cả hai cô nhìn tôi cười rất tình cảm làm tôi phấn khởi mà giá như bình thường thì tôi đã nhảy lên các bức tường rồi, nhưng tôi thấy mình có một cảm xúc kỳ lạ vào lúc này, có thể là cái vết màu nâu ấy đã sinh ra một điều gì đấy trong hệ thần kinh của tôi, “Chỉ có Chúa mới biết là ai phạm nhiều sai lầm hơn ai.” Tôi đã phạm sai lầm, và tôi cũng đang phạm một trong những sai lầm lớn nhất sau đó: tôi phải lắng nghe nhiều hơn những gì mà các cô gái đang nói.

“Còn bây giờ?” - Maggie hỏi.

“Vâng, bây giờ chúng ta làm gì đây?” - Belinda nói.

“Đi một vòng quanh đây, xung quanh cái hộp đêm này. Các cô thử xem xem liệu có thể nhận ra ai đó không - người biểu diễn, nhân viên, thậm chí có thể cả những người có mặt trong hộp đêm - bất kỳ ai trông giống như những người các em đã nhìn thấy trong nhà thờ đó tối nay.”

Belinda nhìn chăm chăm vào tôi hoài nghi, “Nữ tu sĩ mà lại chơi trong một hộp đêm?”

“Tại sao không nhỉ? Các giám mục còn đi dự những buổi chiêu đãi trong vườn hồng, thì tại sao nữ tu sĩ lại không?”

“Hai chuyện đó không giống nhau.”

“Giải trí là giải trí của cả thế giới,” - tôi nói một cách cố chấp -
“Hãy kiểm tra đặc biệt đối với những ai đang mặc quần áo có ống tay
áo dài hoặc những ai đeo găng tay dài đến khuỷu tay áo.”

“Tại sao lại là những người đó?” - Belinda hỏi.

“Động não cái đầu của em đi. Nhớ, nếu các cô tìm được bất kỳ ai,
nếu có thể phát hiện họ sống nơi đâu, thì trở lại khách sạn của các cô
trong một giờ nữa. Anh sẽ gặp các cô ở đây.”

“Và anh sẽ làm gì?” - Maggie hỏi.

Tôi ung dung nhìn quanh hộp đêm, “Tôi còn có nhiều nghiên cứu
tiến hành ở đây.”

“Em sẽ đánh cuộc với anh.” - Belinda nói.

Maggie mở miệng định nói thì bỗng nhiên tất cả khán giả náo
động cả lên do tạp âm của những người xem xô đẩy ghế để đứng lên,
rồi những tiếng “ồ...”. Người ta thở hổn hển hoặc há mồm, và mở to
mắt để mà thưởng ngoạn như được cho không cái của lạ, khán giả hầu
như đứng hết cả lên khỏi ghế chiêm ngưỡng thân hình một thần Vệ nữ
gần như trần truồng. Nhưng nữ nghệ sĩ mệt mỏi đã chọn cách đơn giản
nhưng thông minh mà hiệu quả cao là nhảy vào một bồn tắm đặt sẵn
có đầy bong bóng xà phòng, để che giấu đi nỗi thẹn thùng của một cô
trình nữ đang đỏ mặt lên khi tắm thân mỹ miều của cô chỉ được che
đậy bằng một lớp bọt xà phòng trong suốt mà khán giả thì lại quá gần.
Nhưng thần Vệ nữ đã đứng dậy, như đang giương cung về phía khán
giả, rồi biến mất. Khán giả trong trạng thái như mê ly ngây ngất, huyết
sáo miêng và yêu cầu được chiêm ngưỡng thêm cái thân hình tiên nữ
ấy, nhưng vô ích vì tiết mục nghệ thuật mà cô trình diễn đã hết, cô lắc
đầu duyên dáng và uốn éo trên sân khấu, kéo lê cái đám mây bọt xà
phòng đằng sau mình.

“Chao ôi, mình không bao giờ!” - tôi nói một cách ngưỡng mộ -
“tôi sẽ cuộc là cả hai cô không ai để ý về chuyện này.”

“Nào đi thôi, Belinda, đây không phải chỗ cho chúng ta.”

Họ đã đứng lên và đi ra khỏi hộp đêm. Khi Belinda đi qua, cô nhú lông mày, không biết có phải một cái nháy mắt với tôi, cô mỉm cười một cách dễ thương và nói “thế đấy, thích thật,” và để mặc cho tôi suy nghĩ và nghi ngờ về ý nghĩa lời nhận xét của cô. Tôi dõi theo bước đi của họ đến cửa ra, để xem xem có ai bám theo sau họ không, và đúng là họ đã bị theo dõi, trước hết là một người tầm vóc rất béo, khá nặng nề, hẳn có cái cằm xệ và cái vẻ ngoài nhân đức, nhưng điều này hầu như không có ý nghĩa gì khi ngay cùng lúc, có cả vài chục tên khác đi theo hẳn. Chỗ nổi bật nhất và được trông đợi nhất của tối nay đã hết, một hai phút hấp dẫn đó ít khi xảy ra, và nếu có thì cũng chẳng mấy khi đạt đến đỉnh điểm như đêm nay - dù rằng có ba lần trong một đêm, bảy đêm trong một tuần, và bây giờ thì vé bán vào hộp đêm được người ta mua với giá rẻ chỉ bằng một phần tư.

Số khách trong hộp đêm lúc này chỉ còn lại một nửa, tấm màn khói thuốc lá chỉ còn là làn sương mỏng và tầm nhìn cũng được rõ hơn một cách tương ứng. Tôi nhìn quanh nhưng trong lúc tạm lắng này quang cảnh không nhìn thấy có gì đáng quan tâm. Những người phục vụ đi đi lại lại. Tôi gọi một cốc Scotch mà khi nó được đặt lên bàn thì tôi chắc, nếu đem phân tích hóa học cốc Scotch này sẽ có lẫn tí chút whisky. Một ông già lau sàn nhảy bằng những chuyên động thông thả và cách điệu hóa như một thầy tu đang biểu diễn lễ nghi sùng kính. Băng nhạc, giờ đây im lặng, bởi họ đang nhiệt tình nốc cạn panh bia chỉ một hơi. Và sau đó, tôi nhìn thấy một người con gái quen quen cứ như là lâu lắm tôi chưa gặp cô.

Astrid Lemay đứng bên trong ngưỡng cửa một căn phòng, đang kéo một khăn choàng quanh vai, trong khi một cô gái khác thì thăm vào tai cô: từ sự biểu hiện cảm giác căng thẳng và những chuyển động vội vã chứng tỏ đã có một thông điệp khẩn cấp nào đó. Astrid gật đầu vài lần, sau đó cô hầu như chạy qua cái sàn nhỏ và đi ra ngoài bằng cửa trước. Có phần nào đó thông thả hơn, tôi đi theo cô.

Tôi đã đi theo sát gần cô, chỉ giữ một khoảng cách vài bước phía sau khi cô quay vào Rembrandtsplein. Cô dừng lại, tôi cũng dừng lại, nhìn vào những gì mà cô đang nhìn và lắng nghe những gì cô đang lắng nghe.

Cây đàn hộp lúc này đang trong phố, dưới một hiên nhà có mái che, đó là vỉa hè của một quán cà phê không có cửa sổ. Thậm chí vào lúc đêm đã khuya như bây giờ, mà tiệm cà phê vẫn đông người, kẻ thì đứng, người thì ngồi, có người phải trả cả một khoản tiền cho người ta để họ đi nơi nào khác. Cây đàn organ này chẳng qua là một bản sao y như thật của cây đàn bên ngoài khách sạn Excelsior, với cùng những đồ trang trí lòe loẹt, một mái che nhiều màu với những con rối được cho mặc quần áo y như tôi đã thấy đang nhảy nhót tại một đầu các sợi dây đàn hồi của chúng. Trò này cũng được điều khiển bởi một ông già, nhưng ông này hãnh diện có một bộ râu màu xám nhưng chắc chắn không rửa và cũng không chải nó bao giờ kể từ khi ông ta ngừng cạo mà quyết định để râu, đầu ông đội một cái mũ rộng vành của dân cao bồi và khoác một chiếc áo khoác lớn của quân đội Anh, trông gọn gàng và khít đến tận mắt cá ông ta. Giữa những tiếng loảng xoảng và rên rỉ kèm theo tiếng khò khè như mèo hen phát ra bởi cây đàn organ, tôi nghĩ mình đã phát hiện một trích đoạn từ La Boheme, mặc dù Thượng đế biết rằng nhân vật Puccini chẳng bao giờ làm cho Mimi phải chết đau đớn theo cách cô ấy đã chịu như cô đang ở Rembrandtsplein đêm đó.

Ông già có một khán giả đứng gần ông hơn và đang chăm chú xem. Tôi đã nhận ra cậu ta là một thanh niên còn trẻ lắm trong nhóm khán giả mà tôi đã nhìn thấy đứng bao quanh cây đàn organ biểu diễn bên ngoài khách sạn Excelsior. Quần áo cậu cũng cũ, nhưng còn giữ được gọn gàng, mái tóc đen dài xõa xuống đến tận đôi vai, khuỷu tay như những cái xương dẹt nhô ra qua áo khoác như hai cái gậy. Thậm chí đứng xa đến khoảng cách bảy tám mét, tôi cũng có thể nhìn thấy mức độ hốc hác của cậu ta. Tôi chỉ có thể nhìn thấy một bên mặt cậu,

nhưng cái má hóp và mắt trũng chẳng khác chi một xác chết, với nước da có màu của tấm giấy da cũ.

Cậu ta đang dựa hẳn người vào cây đàn hộp, nhưng không phải để diễn cảm tình yêu của mình đối với Mimi trong vở *La Boheme*, mà là đang dựa người vào cái nhạc cụ đó bởi vì nếu như không tựa vào cái gì đấy, thì chắc chắn là cậu sẽ bị ngã. Rõ ràng tuy không phải là người già nhưng cậu rất ốm yếu, thật vậy, cậu ta sẽ gục ngã hoàn toàn nếu chỉ với một chuyển động không được chuẩn bị. Thỉnh thoảng người cậu lại run lên do cơn đau vì co giật không thể kiểm soát được, đôi khi lại cứ như bị thốn thức khàn khàn, hoặc khò khè nơi yết hầu trong cổ họng. Chắc chắn là ông già mặc chiếc áo khoác rộng không coi việc cậu đứng đấy là có ích lợi cho công việc ông đang làm, vốn chỉ cốt để giữ cho đám khán giả đang lưỡng lự quanh quần bên ông, có khi họ còn đưa ra những nhận xét chê trách do những thao tác không hiệu quả của hai bàn tay ông trên cây đàn, rất giống với một con gà mái hóa dại. Ông cũng liếc nhìn qua vai mình và lộ vẻ lo lắng bứt rứt trước đám đông, như thể ông đang lo lắng điều gì hay là lo sợ ai đó.

Astrid đi nhanh về phía cây đàn hộp rồi đứng gần phía sau. Cô mỉm cười như xin lỗi ông già để râu dài, cô vòng tay quanh người thanh niên đang đứng cạnh ông và đẩy cậu ta ra khỏi cây đàn, cậu đã cố gắng đứng cho thẳng lên và tôi có thể nhìn thấy đó là một thanh niên khá đẹp trai, người cao ráo, ít ra cũng phải cao hơn cô gái đến mười sáu centimet. Thật ra chiều cao đó chỉ làm nổi bật cái thân hình gầy còm của cậu. Đôi mắt cậu nhìn chăm chăm và đờ đẫn, còn nét mặt là của một người sắp chết đói, đôi má cậu hõm vào một cách khó có thể tưởng tượng, rất có thể có người sẽ nghĩ là cậu không có răng.

Astrid phải nửa như dìu nửa như kéo em mình đi khỏi, nhưng mặc dù sự hốc hác gầy mòn của cậu đã đến mức độ hầu như, nếu đứng trên bàn cân cũng không nặng hơn cô gái, nhưng dẫu đúng như vậy thì

kiểu đi lão đảo không thể kiểm soát được của người em cũng đã làm cho cô chị phải bước đi loạng choạng qua vỉa hè.

Tôi đến gần họ mà không nói một lời, đặt tay mình lên vai cậu ta - như thể tôi đang đặt tay mình trên một bộ xương - rồi nhấc bổng cậu lên, bỏ hẳn cái kiểu vừa dìu vừa lôi em trai đi của Astrid. Cô nhìn tôi và đôi mắt nâu của cô tỏ ra vừa tức vừa sợ hãi. Tôi không cho rằng nước da màu nâu đỏ của mình đã làm cho cô tin tưởng nhiều vào tôi.

“Mong ông... thôi đi!” - giọng cô có vẻ van nài - “Mong ông để em tôi đẩy cho tôi, tôi có thể xoay sở được.”

“Cô không thể. Cậu ấy rất ốm yếu, cô Lemay.”

Cô ta nhìn tôi chăm chăm, “Ông Sherman.”

“Tôi không chắc liệu tôi có giống Sherman không?” - Tôi trả lời có suy nghĩ. “Một giờ hay hai giờ trước, chắc chắn cô chẳng thể nào nhìn thấy tôi, chẳng bao giờ, thậm chí dù cho cô đã biết tên tôi, nhưng bây giờ tôi đã loại bỏ tất cả những nét khác lạ và nước da rám nắng - tiếc quá!”

George, chàng thanh niên có đôi chân như làm bằng cao su bỗng nhiên như cứng người lại, hầu như anh ta trượt khỏi tay tôi. Tôi có thể thấy rằng cả hai chúng tôi sẽ không cách nhau xa như người ta nhảy điệu vaxơ duyên dáng dọc theo Rambrandtsplein, do đó sốt ruột quá tôi dừng lại nhấc bổng cậu ta lên vai và tiếp tục đi. Astrid hoảng sợ túm lấy cánh tay tôi.

“Không, không, ông đừng làm như thế! Đừng làm như thế!”

“Tại sao không?” - tôi nói - “Cách này dễ hơn.”

“Không, không! Nếu cảnh sát nhìn thấy ông thì họ sẽ mang em tôi đi.”

Tôi đứng thẳng người, hai tay giữ lấy cậu, và cố gắng để giữ cho George đứng thẳng người được bao nhiêu thì tốt bấy nhiêu. “Người đi sẵn và kẻ bị sẵn,” - tôi nói - “cả cô và Van Gelder.”

“Ông nói gì?”

“Tất nhiên, và George là em trai cô.”

“Làm thế nào mà ông biết được tên cậu ấy?” - Cô thì thầm.

“Đó là vì công việc mà tôi phải biết.” - Tôi kiêu căng nói. “Như tôi đã nói thì George đang có bất lợi nữa là cảnh sát không khó khăn gì để nhận ra cậu ta một cách chính xác. Che giấu một tội phạm cho người em có thể là một bất lợi rõ ràng về mặt xã hội.”

Cô không trả lời. Tôi nghi ngờ, không biết là mình đã từng nhìn thấy ai đó trông có vẻ hoàn toàn khốn khổ và tiêu tan hy vọng đến thế không.

“Cậu ấy sống ở đâu?” - Tôi hỏi.

“Tất nhiên, với tôi.” Câu hỏi này dường như làm cô ngạc nhiên. “Cách đây không xa.”

Không xa, nhưng cũng khoảng năm mươi mét, đi xuống một phố ngang. Đó là một ngõ hẻm, đã hẹp lại tối tăm, nhưng cứ tạm gọi là một phố - đi qua hộp đêm Balinova. Cầu thang lên đến căn hộ của Astrid rất hẹp và nhiều vòng xoắn nhất mà tôi từng leo lên, thêm nữa, lại phải vác George trên vai, nên tôi đã có khó khăn khi leo lên. Astrid mở khóa cửa buồng căn hộ, thật ra thì nó hầu như không rộng hơn cái chuồng thỏ, bao gồm, trong chừng mực mà tôi có thể nhìn thấy, một chỗ để ngồi gọi là phòng khách và một phòng ngủ rất nhỏ. Tôi đã đi vào phòng ngủ, đặt George nằm trên cái giường hẹp đó rồi ra ngoài.

“Tôi đã leo nhiều cầu thang, nhưng những cái bậc thang này thì ngoắt ngoéo quá, phải không?”

“Tôi lấy làm tiếc. Nhà tập thể cho các cô gái thì rẻ hơn, nhưng với George thì... Họ không trả nhiều tiền ở Balinova.”

Rõ ràng là căn hộ này có hai phòng nhỏ, gọn gàng nhưng xác xơ giống như quần áo của George cho nên cô chỉ phải trả rất ít tiền. Tôi nói “những người trong hoàn cảnh của cô và George có được như thế này cũng là may mắn.”

“Như vậy sao?”

“Này, cô biết quá rõ, ý tôi muốn nói gì, phải không, cô Lemay - hay tôi có thể gọi cô là Astrid?”

“Làm thế nào mà anh biết tên tôi?” - Ngay lập tức tôi đã không thể nào nhớ lại được là từng nhìn thấy một cô gái siết tay mình, nhưng đó là những gì cô đang làm bây giờ... “Làm sao mà anh biết được tất cả về tôi?”

“Thôi đi, đừng có nói như vậy.” - Tôi nói một cách lố mãng - “Tin vào bạn trai của cô đi.”

“Bạn trai? Tôi không có một bạn trai.”

“Thì trước đây đã là bạn trai, hay là bạn trai của cô đã chết?”

“Là Jimmy.” - Cô thì thầm.

“Jimmy Duclos.” Tôi gật đầu. “Anh ấy có lẽ đã chết thay cho cô - đã chịu tai họa thay cho cô - nhưng anh ấy đã nói với tôi đôi điều về cô. Tôi thậm chí còn có bức ảnh của cô.”

Cô có vẻ bối rối. “Nhưng - nhưng tại sân bay.”

“Cô trông đợi tôi làm gì - ôm chặt lấy cô à? Jimmy đã bị giết tại sân bay vì anh ấy đang có chuyện gì đấy. Đó là gì vậy?”

“Tôi lấy làm tiếc, vì không thể giúp gì được cho anh.”

“Không thể, hay không muốn?”

Cô lặng thinh không trả lời.

“Cô có yêu anh ấy không, Astrid, Jimmy ấy?”

Cô nhìn tôi nhưng im lặng, mắt cô chột sáng lên long lanh. Cô chậm chậm gật đầu.

“Cô vẫn không muốn nói ra với tôi?” Vẫn im lặng. Tôi thở dài và thử một chiến thuật khác, “Jimmy Duclos có nói với cô, anh ấy làm gì không?”

Cô lắc đầu.

“Nhưng chắc rằng cô đoán ra được chứ?”

Cô gật đầu.

“Và cô có nói với ai cái điều cô phỏng đoán về anh ấy không?”

Câu hỏi này của tôi đã làm cho cô xúc động. “Không! không! Tôi không nói với ai hết. Thề trước Chúa, tôi không nói với ai cả!”

Đúng rồi, cô ta yêu anh ấy, và cô đã không nói dối.

“Cô đã từng nghe nói về tôi chưa?”

“Chưa.”

“Nhưng cô biết tôi là ai chứ?”

Cô lại nhìn tôi, hai giọt nước mắt to đang từ từ lăn trên đôi gò má cô.

“Chắc cô cũng biết tôi là người lãnh đạo Phòng chống ma túy trong cơ quan Cảnh sát quốc tế ở Luân Đôn?”

Vẫn im lặng. Tôi nắm lấy hai vai cô mà lắc một cách giận dữ. “Cô biết, phải không?”

Cô gật đầu và im lặng nặng nề.

“Thế thì nếu Jimmy Duclos không nói với cô, thì ai nói với cô?”

“Ôi lạy Chúa, mong ông để cho tôi được yên.” Mặt cô nhăn nhó vì phải kìm nén để không khóc òa lên, tuy nhiên hai hàng nước mắt đã tuôn ra đầy má. Đó là một ngày để cô kêu khóc và cũng là một ngày tôi phải chờ dài nhiều nhất, bởi vậy tôi buồn bã chờ dài và, lại thay đổi chiến thuật lần nữa, tôi nhìn sang phòng bên, chỗ giường của George đang nằm.

“Tôi đưa cậu ấy đi,” tôi nói “vì George không phải là người trụ cột nuôi gia đình.”

“George không thể làm việc được.” - Cô nói dừng dừng như thể là cô đang phát biểu một định luật của tự nhiên - “Đã hơn một năm nay em tôi không làm việc được. Nhưng George phải làm gì bây giờ?”

“George sẽ có việc thích hợp.” Tôi cúi người xuống gần anh để nhìn cho rõ hơn, dùng hai ngón tay lộ mi mắt George lên rồi lại hạ xuống. “Cô định làm gì với George trong tình trạng cậu ấy như thế này?”

“Không thể làm gì được.”

Tôi kéo ống tay áo đang che phủ cánh tay như da bọc xương của George lên. Có chi chít những vết tiêm chích của vô số những mũi kim tiêm, một tiếng thở dài phẫn nộ: quả thật cánh tay của Trudi cũng không thể nào so sánh được với cánh tay này. Tôi nói: “Không thể có bất kỳ ai có thể chấm dứt được tình trạng này cho George. Cô biết điều đó, phải không?”

“Tôi biết.” Cô bắt gặp cái nhìn suy đoán của tôi, thôi không vỗ vỗ vào mặt mình bằng đầu chiếc khăn mù soa, rồi mỉm cười cay đắng. “Anh có muốn tôi vén ống tay áo lên không?”

“Tôi không xúc phạm đến các cô gái. Tuy nhiên những gì tôi muốn lúc này là được hỏi cô vài câu hỏi đơn giản mà cô có thể trả lời. George đã lao vào con đường này từ bao lâu?”

“Ba năm.”

“Cô đã làm ở hộp đêm được bao lâu?”

“Ba năm.”

“Bằng thời gian George bị nghiện ngập.”

“Phải.” Cô gái này đã tự tố cáo mình mỗi lần cô mở miệng.

“Cô có biết làm việc trong một hộp đêm là như thế nào không - một hộp đêm như Balinova ấy? Khủng khiếp. Chỉ rặt là những thằng bé choai choai và ông già dâm dật liếc mắt đưa tình và họ thèm cô cứ như chỉ muốn nuốt chửng cô.”

“Jimmy Duclos không phải là người dơ dáy, không phải ông già.”

Tôi rất sừng sốt trả lời. “Không, không, tất nhiên, Jimmy thì không.”

“Jimmy Duclos đã chết, Astrid. Jimmy đã chết, mà anh ấy đã ngã xuống vì một cô tiếp viên ở hộp đêm đang bị hãm dọa.”

“Không có ai hãm dọa tôi cả.”

“Không ư? Thế thì ai, người nào đã gây sức ép với cô, bắt cô phải im lặng, buộc cô phải làm một công việc mà chắc chắn là cô ghê tởm. Và tại sao họ lại gây sức ép với cô? Là vì George ở đây? Cậu ấy đã

làm gì, hoặc họ đã bảo cậu ấy làm những gì. Tôi biết George như bị cầm tù, vì vậy cô càng không có lối thoát. Nguyên nhân là gì, cô Astrid, điều gì xui khiến cô làm gián điệp chống lại tôi? Cô có biết gì về cái chết của anh Jimmy Duclos? Tôi biết anh ấy đã chết *ra sao*. Nhưng ai giết anh ấy và tại sao?”

“Tôi không biết là anh ấy đã bị giết!” Cô ngồi phịch xuống cạnh giường mình, hai bàn tay ôm lấy mặt, đôi vai cô rung lên. “Tôi không được biết là anh ấy sẽ bị giết.”

“Phải, phải rồi, Astrid. Tôi không muốn nói chuyện với cô nữa bởi vì tôi không đạt được gì, loại trừ chỉ tổ làm cho tôi thấy tự chán ghét bản thân mình, còn cô, chắc là vẫn còn yêu Duclos, nay anh ấy đã chết cùng một ngày với tôi bị những vết thương do bọn chúng gây nên. Tôi từng biết nhiều người đã đi trong nỗi sợ chết chỉ với một cố gắng mong cho cô nói ra. Nhưng cô hãy nghĩ về điều này đi, Astrid. Hãy vì Chúa kính yêu và vì chính bản thân cô, hãy nghĩ về nó. Đó là cuộc sống của cô và đó là tất cả những gì bây giờ đang làm cho cô lo lắng. Cuộc đời của George không bị bỏ rơi.”

“Không có gì để tôi có thể làm, tôi không thể nói gì.” Hai tay cô vẫn ôm lấy mặt. “Mong ông đi đi!”

Tôi không nghĩ là còn có thêm bất cứ điều gì để tôi có thể làm hay nói với cô nữa, vì vậy tôi làm như cô yêu cầu và bỏ đi.

Chỉ mặc có quần dài và áo lót, tôi nhìn mình trong chiếc gương nhỏ treo trong phòng tắm. Tất cả những vết màu khó sạch dường như đã được tách ra khỏi mặt tôi, cổ và hai tay và nếu nhìn vào chiếc khăn mặt bông trắng mà tôi đang cầm trong tay thì có thể tin là như vậy. Chiếc khăn giờ đây đã thành màu sôcôla sẫm và loang lổ.

Tôi đi qua cửa để vào phòng ngủ mà hầu như nó chỉ đủ lớn để chứa được một giường ngủ và một đi văng cùng chiếc bàn nhỏ. Chiếc giường là của Maggie và Belinda, hai cô đang ngồi trên mép giường. Cả hai cô trông rất quyến rũ, trong bộ quần áo ngủ hấp dẫn, mà dường như chủ yếu chỉ gồm có những lỗ. Nhưng bây giờ thì trong đầu tôi

đang có những vấn đề khẩn cấp để suy nghĩ hơn là chú ý đến cách thức các nhà sản xuất quần áo ngủ cho các cô theo kiểu hà tiện vải của họ.

“Thế là anh đã phá mất cái khăn mặt của bọn em rồi,” Belinda phàn nàn.

“Thì cứ nói với họ rằng các cô phải rửa sạch những phấn son trang điểm.” Tôi với tay lấy chiếc sơ mi của mình đã hoen màu đỏ sẫm gần hết cả cổ áo trong, nhưng lúc này thì chịu, tôi chẳng thể làm gì. “Như vậy là phần lớn các cô gái trong hộp đêm đều sống trong cái khách sạn Paris này sao?” Tôi hỏi.

Maggie gật đầu. “Mary đã nói như thế.”

“Mary đã nói như thế.” - Belinda phụ họa.

“Mary nào?”

“Đó là một cô gái Anh rất xinh đẹp đang làm việc ở Trianon.”

“Không có cô gái Anh xinh đẹp nào làm việc ở Trianon mà chỉ có những cô gái Anh hư đốn thôi. Liệu đó có phải là một trong những cô gái ở nhà thờ không?”

Maggie lắc đầu.

“Được lắm, như thế ít nhất cũng xác minh được những gì Astrid nói.”

“Astrid ư?” - Belinda hỏi - “Anh đã nói chuyện với cô ấy?”

“Anh đã nói chuyện với cô ấy cả giờ. Anh rất tiếc là chẳng có ích gì nhiều cho chúng ta. Cô ta không thích trò chuyện, không muốn thổ lộ.”

Tôi đã kể lại tóm tắt rằng Astrid đã không muốn chuyện trò như thế nào, sau đó tôi tiếp tục. “Thôi được, bây giờ là lúc hai cô bắt đầu làm một việc nhỏ thay vì cứ loanh quanh bên mấy cái hộp đêm.” Hai cô nhìn nhau, sau đó nhìn tôi với vẻ lạnh lùng. “Maggie, ngày mai, em hãy đi dạo trong công viên Vondel. Xem có thấy Trudi ở đấy không, em biết cô ấy rồi. Đừng để cho Trudi nhìn thấy em vì cô ấy cũng biết

em. Xem Trudi làm gì hay là gặp gỡ với những ai, nói chuyện với ai. Đó là một công viên lớn, nên có thể em sẽ có chút khó khăn để tìm xem Trudi có ở đây không. Trudi sẽ đi cùng một bà già béo tròn tròn trọc, có vòng eo khoảng một mét rưỡi. Belinda thì theo dõi cái nhà tập thể đó vào tối ngày mai. Nếu các cô có nhận ra bất kỳ một cô gái nào đã gặp trong nhà thờ, thì đi theo cô ấy và xem liệu cô ta có nhiệm vụ gì.”

Tôi nhún vai, mặc chiếc áo khoác còn ấm vào người và nói: “Chúc ngủ ngon.”

“Đó là tất cả? Anh đi đấy à?” - Maggie ngạc nhiên hỏi.

“Anh đang vội lắm?” - Belinda nói.

“Tối mai nhé.” - tôi hứa - “Vì tối nay anh còn nhiều việc phải làm.”

7

Tôi đỗ chiếc xe ô tô cảnh sát ngay bên trên cái biển có chữ “Cấm đỗ xe” sơn hai màu trắng đỏ nổi bật trên đường rồi đi bộ khoảng một trăm mét thì đến khách sạn. Ông già và cây đàn organ đã đi đến bất cứ nơi nào trong thành phố mà họ được thuê để theo dõi về ban đêm. Tiền sảnh khách sạn lúc này không người, không kể tay trợ lý giám đốc đang ngủ thiếp đi trên chiếc ghế sau bàn. Tôi nhẹ nhàng đi qua, với tay nhấc chiếc chìa khóa phòng mình trong hộp và lặng lẽ bước lên đến tầng hai rồi mới vào thang máy để không gây một tiếng động nào có thể đánh thức tay trợ lý giám đốc đang thiêm thiếp - nhưng anh ta vẫn ngủ ngon lành, không hay biết gì.

Tôi cởi bỏ quần áo ấm, thay bộ khác và đi xuống bằng thang máy, rồi ném mạnh chìa khóa phòng mình kêu lách cách trên mặt bàn. Tay trợ lý giám đốc giật mình tỉnh dậy, nhìn tôi, nhìn đồng hồ đeo tay và chìa khóa trên bàn.

“Ông Sherman. Tôi... tôi không nghe thấy ông vào.”

“Từ mấy giờ trước cơ, ông đang ngủ. Giấc ngủ của ông ngon lành và vô tư như con trẻ.”

Nhưng anh ta không hề lắng nghe tôi nói. Trong một vài giây anh ta cứ soi mói nhìn cái đồng hồ đeo tay của mình một cách kỳ lạ.

“Ông đang làm gì thế, ông Sherman?”

“Tôi là người mộng du.”

“Đã quá hai giờ sáng rồi!”

“Thì có ai mộng du vào ban ngày đâu.” Tôi nói nghe có lý. Sau đó tôi ngó nghiêng nhìn khắp tiền sảnh. “Sao thế này: không ai gác cửa, không có người bốc vác, không có ai lái taxi, không có ông chơi

đàn hộp, không có một cái đuôi hoặc một người theo dõi. Lông lẻo và cầu thả quá. Ông sẽ phải chịu trách nhiệm về sự bất cẩn này.”

“Ông nói gì?”

“Sự cảnh giác luôn luôn được đánh giá cao.”

“Tôi không hiểu.”

“Tôi cũng không tin là tôi có thể làm được một lúc cả hai việc. Nay anh, liệu có còn ông thợ cạo nào mở cửa vào giờ này không?”

“Không chắc có.”

“Nhưng không sao, tôi chắc mình có thể tìm được một ông thợ cạo ở đâu đó.”

Tôi rời khách sạn. Đi cách khách sạn khoảng hai mươi mét, tôi nép mình vào một ô cửa, chuẩn bị sẵn sàng, quyết đánh gục bất cứ tên nào bám theo tôi, nhưng sau hai đến ba phút, có thể khẳng định là không có cái đuôi nào cả. Tôi bước nhanh đến xe ô tô của mình và phóng đến khu vực gần cảng thì dừng lại. Đổ xe cách hai phố đến nhà thờ tin lành của Hội người Pháp theo đạo tin lành ở Mỹ, sau đó tôi đi bộ đến sông đào. Con sông đào như ta vẫn thường thấy, có nhiều cây đu và chanh lá cam vẫn chìm trong màn đêm tối sẫm và không hề có chút ánh sáng phản xạ nào từ những đường phố hẹp có những ánh đèn đường chiếu sáng yếu ớt ở cả hai bên dãy phố. Không có một tòa nhà nào trên cả hai phía của con sông còn có ánh đèn. Nhà thờ trông lại càng có vẻ đổ nát xiêu vẹo hơn và không an toàn hơn, mà sự yên tĩnh, sự xa cách và sự thận trọng mà nhiều nhà thờ đường như là luôn có vào ban đêm. Chiếc cần cầu khổng lồ với cái cần nâng đỡ sộ của nó in bóng một cách đe dọa lên bầu trời đêm. Hoàn toàn thiếu vắng những dấu hiệu của cuộc sống. Cái còn thiếu duy nhất nữa ở đây là một nghĩa địa.

Tôi đi qua phố hướng về nhà thờ, leo lên các bậc cấp đến cửa chính nhà thờ. Cửa không khóa. Không có lý do là tại sao cứ phải khóa cửa nhà thờ nơi có giáo đường tôn nghiêm, nhưng tôi mơ hồ cảm thấy ngạc nhiên vì cửa đã không khóa. Các bản lề cửa chắc hẳn là đã

được bôi trơn tốt cho nên khi cửa được mở ra và đóng lại mà không có tiếng ken két.

Tôi bật đèn pin và lia nhanh trọn 360 độ. Chỉ có một mình tôi. Tôi tiến hành thêm một kiểm tra có phương pháp hơn. Bên trong nhà thờ thì nhỏ, thậm chí nhỏ hơn khi đứng ở bên ngoài mà phỏng đoán, chỉ một màu đen sẫm và cổ lổ, nó cổ đến mức mà tôi có thể nhìn thấy những ghế dài có tựa lưng bằng gỗ sồi, đều được đẽo bằng rìu lưỡi vòm, cho thấy chúng đã được ra đời từ thuở xa xưa lắm. Tôi soi đèn pin nhưng không thấy có ban công, chỉ có đến nửa tá cửa sổ nhỏ mà kính cửa bám đầy bụi và ngả màu nâu, có lẽ ánh sáng mặt trời ban ngày cũng chỉ có thể lọt vào đây được chút ít. Cửa vào này chỉ là cửa ngoài của nhà thờ. Còn một cánh cửa duy nhất khác ở trong một góc cuối nhà thờ, khoảng nửa đường giữa bục giảng kinh và cây đàn organ cổ xưa hoạt động bằng các ống gió.

Tôi đi ra cửa này, đặt tay trên tay nắm cửa và tắt đèn pin. Cánh cửa phát ra tiếng cọt két, nhưng không kêu to. Tôi bước thận trọng về phía trước và thật nhẹ nhàng, rồi cũng như vậy khi tôi bước lên không phải là một cái sàn khác mà là một bậc đầu tiên của một cầu thang đi xuống. Tôi đi theo những bậc thang này, tất cả là mười tám bậc xoáy tròn ốc thành vòng tròn, cứ thận trọng tiến bước, tay tôi giơ ra phía trước để xác định vị trí cửa ra vào mà tôi cảm thấy chắc chắn nó phải ở trước mặt tôi. Nhưng không có cửa nào đằng trước tôi cả. Tôi bật đèn pin lên.

Căn phòng này cũng không rộng. Tôi lại lia nhanh ánh đèn pin thành một vòng tròn. Ở đây không có cửa sổ mà chỉ có hai bóng đèn trợ trụ trên trần. Tôi tìm công tắc và bật đèn. Căn phòng, thậm chí còn có một màu đen xỉn hơn phòng trước. Sàn bằng gỗ thô trông bẩn thỉu bởi quá nhiều năm không ai quét dọn. Có một số bàn và ghế ở chính giữa phòng và hai tường bên có nhiều những vật trông giống như những quầy nhỏ để trưng bày hàng, nhưng nó hẹp và rất cao. Chỗ này trông giống như tiệm cà phê thời xa xưa.

Tôi cảm thấy lỗ mũi mình cứ giật giật một cách đột ngột, gợi tôi nhớ đến cái mùi rất khó chịu. Có thể cái mùi này đã bay đến từ đâu đây không xa, nhưng tôi đoán, nó đến từ những cái quầy tôi vừa thấy ở bên phải tôi. Tôi để đèn pin ra một bên, rút khẩu súng ngắn khỏi bao đeo ở dưới nách ra, lôi bộ giảm thanh từ túi ra và lắp vào. Tôi rón rén đi những bước như của mèo qua phòng, và mũi tôi nói với tôi rằng tôi đang đi đúng hướng. Cái quầy thứ nhất không có gì. Cái quầy thứ hai cũng thế. Sau đó tôi nghe có tiếng thở. Tôi rón rén đi tiếp từng centimet, mắt trái tôi và nòng súng ngắn quay tròn rồi chĩa vào cái quầy thứ ba ngay tức khắc.

Sự phòng ngừa của tôi là không cần thiết. Không có nguy hiểm gì ở đây hết. Một chiếc bàn và hai thứ còn lại trên chiếc bàn hẹp đó. Một gạt tàn thuốc và đầu mẫu thuốc lá còn lại, có hai cánh tay cùng với đầu của một người đàn ông oặt khỏi bàn, vẫn đang ngủ, mặt anh ta quay về phía kia. Tôi không phải nhìn mặt người đó cũng biết là George. Thân hình gầy hốc hác và quần áo xác xơ của cậu ấy là không thể nhầm lẫn. Vừa mới đây khi đưa cậu ta về nhà, cậu ta thề là sẽ không thể nào có thể rời khỏi chiếc giường của mình trong hai mươi bốn giờ tới. Tôi cũng tin như vậy, ấy thế mà sao George đã trở lại bình thường từ khi nào để rồi lại trong tình trạng như người sắp chết như hiện nay. Nhưng những tay nghiện ma túy, trong một trạng thái cao của cơn nghiện thì còn lâu mới bình thường như một người nào đó, chuyện ấy là phổ biến và sẽ làm cho người ta ngạc nhiên, nếu tay nghiện nào có một kỳ công là thời gian phục hồi rất ngắn. Tôi để George nằm lại đấy. Lúc này sự có mặt của cậu không thành vấn đề.

Có một cánh cửa đi ở cuối phòng này, giữa hai hàng quầy bằng gỗ dị dạng đó. Tôi mở cửa một cách ít thận trọng hơn trước rồi đi vào bên trong, tìm một công tắc và bật đèn lên.

Đây là một phòng rộng nhưng lại rất hẹp, chiều ngang không quá ba mét rưỡi. Cả hai phía tường đều đầy những giá, và những giá đó chất đầy sách, toàn là sách kinh thánh. Điều này không còn làm tôi

ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng chúng đều là những bản sao y hệt của những quyển sách mà tôi đã xem qua trong nhà kho của công ty Morgenstern & Muggenthaler, những quyển sách mà Nhà thờ tin lành đã tung ra một cách rộng rãi cho các khách sạn ở Amsterdam. Vì vậy nó không thu hút sự chú ý của tôi, tôi lại tiếp tục đi lên trước. Tôi nhặt vài quyển sách bất kỳ ở hàng đầu của giá sách rồi xem qua, chúng có nội dung tẻ nhạt như mọi quyển kinh thánh khác. Tôi với tay sang hàng thứ hai và tiện tay lấy hai ba quyển, xem qua nhưng cũng có nội dung tương tự. Tôi dồn một phần sách của hàng thứ hai sang một phía rồi vớ lấy một cuốn kinh thánh ở hàng thứ ba.

Cuốn sách kinh này có thể hoặc không thể được coi là vô thường vô phạt, cái đó còn tùy sự giải thích của bạn về lý do độc hại của nó xét theo nhiều phía. Và tất cả đều giống hệt nhau, chứng tỏ chúng được in ấn trên dây chuyền có máy móc hiện đại. Tôi bước đến phía cửa đối diện để dẫn vào một phòng khác hẹp hơn. Sau đó, đẩy cửa và bật đèn.

Nhà thờ tin lành này, tôi phải thừa nhận là đã có những thành công xuất sắc trong việc hưởng ứng lời kêu gọi của giới tăng lữ ngày nay đang đi tiên phong, đó là nhiệm vụ của nhà thờ phải theo kịp với và tham gia hòa nhập vào thời đại công nghệ hiện đại của xã hội mà họ đang sống. Nhưng như thế là không thích hợp với nhiệm vụ của nhà thờ tin lành, ví như trong căn phòng này, thực tế là một xưởng máy được trang bị toàn những thiết bị và máy móc hiện đại.

Đối với con mắt không được đào tạo như tôi, ở đây có mọi thứ máy công cụ như máy tiện, phay, bào, khoan, máy ép, lò nấu kim loại, khuôn mẫu, máy dập v.v... Và rất nhiều những máy nhỏ khác nữa mà mục đích của nó là điều bí mật đối với tôi. Một đầu của sàn nhà này được che phủ đầy những đồng đỏ, đồng thanh, mà phần chủ yếu dưới dạng các cuộn dây đường kính khác nhau. Trong một thùng lớn ở một góc có một đồng các ống bằng chì, tất cả hầu như đã cũ và một số cuộn chì thường dùng cho lớp bọc ngoài của các bộ phận của một ngôi

nhà. Tất thấy có chức năng cụ thể và là một nơi rõ ràng là chỉ dành cho công việc sản xuất. Nhưng các sản phẩm cuối cùng là gì thì còn là sự phỏng đoán của mọi người bởi vì không hề có các mẫu của chúng rải rác quanh đây.

Tôi đang đi chậm chậm đến giữa căn phòng, bỗng nhiên hình như tôi có cảm giác là mình vừa nghe thấy một tiếng động rất khẽ ở chỗ ô cửa, nơi tôi vừa mới đi qua và một lần nữa tôi lại cảm thấy sao mà ngứa ran lên như có kiến bò rất khó chịu ở gáy: có ai đó đang nhắm vào gáy tôi và chắc chắn chẳng có ý định tốt lành gì, từ một khoảng cách chỉ vài mét thôi.

Tôi bước đi hờ hững như bình thường và quả thật không dễ dàng làm được gì khi các cơ hội thuận tiện cho bước tiếp theo của bạn có thể bị chặn đứng bởi một phát đạn của khẩu súng ngắn .38 hoặc một vũ khí giết người nào đó phóng vào đúng hộp sọ, nhưng lúc này súng của tôi vẫn ở trong bao, còn tay trái tôi vẫn cầm cuốn Kinh thánh - dường như một cách chắc chắn là nếu như hành động thiếu thận trọng một cách vô tình cũng gây sức ép lên thần kinh kẻ đang giấu mặt đó kéo cò súng của nó. Tôi đã ứng xử như một đứa trẻ khờ dại, với một sai lầm ngớ ngẩn, tự nhiên lại lên tiếng nói oang oang như nói với người nào khác, cứ như thể là tôi có thể trả giá cho sự khờ dại đó. Cánh cửa chính không khóa, cánh cửa không khóa đó dẫn đến tầng hầm, nó mở ra cho bất kỳ ai quan tâm đến việc điều tra chỉ chứng tỏ duy nhất một điều: sự có mặt của một người đàn ông im lặng với một khẩu súng mà công việc của anh ta không phải là ngăn ngừa lối vào mà là ngăn ngừa sự đi ra theo cách thường xuyên nhất. Tôi tự hỏi là hẳn đã ẩn nấp ở đâu, có lẽ là trong bụi giăng kính, có thể là ở cạnh cửa đi, bắt đầu ra cầu thang. Tôi biết mình đã rơi vào thế bất cần khi tìm kẻ giấu mặt.

Tôi đã đi đến cuối phòng, hơi liếc nhìn sang bên trái, phía sau cái máy tiện cuối phòng. Tôi không đứng ở vị trí đó quá hai giây, vì ở đây có vẻ như ít có khả năng trì hoãn những gì tôi biết chắc chắn là không

thể tránh khỏi. Và rất nhanh khi tôi nhô đầu lên khỏi mặt máy tiện thì nòng súng có ống giảm thanh của tôi đã hình thành một đường ngắm thẳng với mắt phải của tôi, và tôi nổ súng ngay lập tức.

Hắn nấp cách tôi không quá bốn mét rưỡi, viên đạn của tôi khi bắn ra đã trúng vào trán hắn. Hắn đi giày da đánh đế cao su mềm, một tên đàn ông có khuôn mặt như là mặt chuột, trông nhăn nheo, mặt thì trắng bệch như tờ giấy trắng và đôi mắt đen óng ánh như than đá. Cái vũ khí mà hắn đã nhắm vào máy tiện đang trước tôi còn nguy hiểm hơn khẩu .38 tôi đã nghĩ, mà đó là khẩu súng cưa nòng, đây là vũ khí hiệu quả nhất để bắn tầm gần.

Tôi đã nhìn thấy hắn và siết cò súng của mình cùng thời điểm mà nếu chỉ cần tôi do dự hay chậm hơn một phần giây thôi, thì chẳng bao giờ còn có thời điểm thứ hai.

Một bông hồng đỏ nở rộ chính giữa trán của người đàn ông mặt nhăn nheo. Hắn giật lùi một bước, một bước phản xạ của người đã chết rồi đổ vật xuống nền nhà hầu như không gây nên một tiếng động, giống như khi hắn tiến về phía tôi, khẩu súng cưa nòng vẫn nằm trong tay hắn. Tôi đưa mắt nhìn ra phía cửa nghe ngóng nhưng không có dấu hiệu gì của sự hỗ trợ. Tôi đi nhanh qua phòng đến nơi có các giá đựng sách kinh thánh, nhưng không thấy một ai, còn ở buồng bên thì George vẫn nằm bất tỉnh trên bàn.

Tôi xốc George lên khỏi ghế ngồi của cậu ta không thể còn theo cách nhẹ nhàng nữa, rồi vác lên vai đưa cậu ấy lên cầu thang đến phòng chính nhà thờ và đặt cậu nằm phía sau bục giảng kinh, vì ở đây George sẽ ở ngoài tầm nhìn của bất kỳ ai, vô tình nhìn vào từ cửa chính. Tôi mở cửa chính và nhìn ra ngoài, nhưng phố xá trên sông đào vẫn hoàn toàn vắng lặng, ở cả hai phía.

Ba phút sau, tôi đã đưa được ô tô của mình đỗ cách không xa nhà thờ đến trước cửa. Tôi đi nhanh vào bên trong, tìm đến George, lôi anh chàng nghiện xuống các bậc cấp, vác lên trên vai đi qua đường, và cho cậu vào ghế sau của ô tô. George đã lăn ngay xuống sàn xe, và tôi nghĩ có lẽ như thế lại an toàn hơn cho cậu nên tôi cứ để George nằm như vậy, rồi nhanh chóng kiểm tra lại lần nữa để tin chắc không một ai đang chú ý đến những gì tôi đang làm, rồi mới đi trở lại vào trong nhà thờ.

Xem xét các túi của người chết tôi không thấy có gì ngoài vài điều thuốc lá làm ở nhà có tẩm heroin, điều này rất phù hợp với sự thật là rõ ràng hăn đã bị chất ma túy kích thích đến mất, khi hăn theo sau tôi với khẩu súng cưa nòng. Tôi lấy khẩu súng đó cầm sang tay trái, rồi tay phải túm lấy cổ áo khoác của người chết để kéo hăn - vì bất cứ một cách nào khác đưa người chết khỏi đây cũng sẽ làm cho máu loang lổ nhiều hơn. Tôi kéo hăn qua tầng trệt và lên cầu thang, đóng các cửa lại, tắt đèn, sau đó đi ra.

Lại phải ngó nghiêng cẩn thận ở cửa chính nhà thờ. Lại phải quan sát đường phố, tuy rằng vẫn vắng lặng không người. Tôi kéo người đàn ông qua phố đến bờ sông đào và từ từ hạ hăn xuống mặt sông đẩy hăn chìm xuống nước mà không gây một tiếng động lớn nào và, tôi nghĩ chắc chắn hăn cũng sẽ từ từ cho tôi xuống đáy sông nếu như hăn xử lý khẩu súng cưa nòng nhanh hơn tôi nửa giây. Tôi trở lại ô tô của mình và đang định mở cửa chỗ lái xe, thì bỗng một cánh cửa của nhà bên cạnh nhà thờ mở toang và một người đàn ông xuất hiện, ông ta nhìn quanh do dự một lúc, rồi sau đó đi đến nơi tôi đang định bước vào xe.

Ông ta có vóc người to lớn vạm vỡ, mặc bộ quần áo ngủ rộng thùng thình, đang vắt vai một khăn tắm. Ông ta có một cái đầu khá là ấn tượng, với cái bờm tóc bạc rất đẹp, một bộ ria bạc, một nước da khỏe mạnh hồng hào, vào thời điểm đó, tôi cảm thấy một vẻ từ thiện nhân đức biểu lộ ra từ con người này.

“Ông có cần tôi giúp gì?” - Người đàn ông đó có một giọng nói nhiều âm sắc vang vọng, đó là giọng nói của một người chắc là có thói quen lắng nghe người khác nói nhiều điều. “Có điều gì không ổn phải không?”

“Có gì không ổn đâu?”

“Tôi nghĩ tôi nghe có tiếng động trong nhà thờ.”

“Nhà thờ ư?” - Tôi quay nhìn về phía nhà thờ một cách sững sốt.

“Vâng. Nhà thờ của tôi. Đây.” Ông ta chỉ vào cứ như là tôi không thể nhận ra đó là nhà thờ. “Tôi là mục sư. Goodbody. Tiến sĩ Thaddeus Goodbody. Tôi cho rằng có vài kẻ xâm nhập, có thể chúng vẫn lẫn lẩn quanh đây.”

“Không phải tôi, thưa Cha. Tôi đã không vào trong một nhà thờ mấy năm nay.”

Ông ta gật đầu cứ như là ông chẳng ngạc nhiên chút nào. “Chúng ta đang sống trong một thời đại mà người ta không tin vào thần thánh. Chỉ sau một giờ bay người ta đã ở một xứ sở xa lạ, anh bạn trẻ ạ.”

“Nhưng không dành cho một người lái taxi làm ca đêm.”

Ông ta nhìn tôi với một cảm giác còn hoài nghi và nhìn soi mói vào ghế sau xe ô tô. “Trời ơi, có một xác người dưới sàn xe.”

“Không có xác người nào cả. Đó là một thủy thủ say rượu nằm trên sàn xe. Tôi phải đưa anh ta trở lại tàu của mình. Anh ta chỉ mới rơi xuống sàn xe cách đây vài giây thôi, vì vậy tôi mới dừng xe lại để định nâng anh ta lên chỗ nằm trên ghế lần nữa.” Tôi nói thêm để tỏ rõ mình là người có đạo đức, “Tôi làm theo suy nghĩ của một người theo Gia tô giáo. Còn với một xác chết thì không bao giờ...”

Sự kêu gọi nghề nghiệp của tôi cũng chẳng giúp ích được gì. Ông nói bằng cái giọng như đang trách móc sự tái phạm lỗi lầm của các con chiên. “Anh cứ vui lòng cho tôi nhìn tận mắt.”

Ông ta hăng hái dứt khoát bước về phía trước, còn tôi thì hăng hái dứt khoát đẩy ông trở lại. Tôi nói, “Ông đừng có làm cho tôi phải

mất bằng lái xe, mong ông vui lòng!”

“Tôi biết rồi, tôi biết mà! Không có điều gì bậy bạ cả, thế thì làm sao tôi lại làm cho anh mất bằng lái xe được?”

“Vâng, đúng đấy, nhưng nếu tôi ném ông xuống sông đào, thì chắc chắn tôi sẽ mất bằng lái xe. Nếu như là,” Tôi nói thêm một cách có cân nhắc, “ông cứ tìm cách nhảy vào sau xe tôi.”

“Cái gì? Xuống sông đào! Tôi ấy à? Một người của Chúa. Ông đe dọa tôi bằng bạo lực, thưa ông?”

“Vâng.”

Tiến sĩ Goodbody lùi nhanh lại phía sau vài bước.

“Tôi sẽ làm cho cảnh sát thu bằng lái xe của ông, thưa ông. Tôi sẽ báo cáo rằng ông...”

Đêm thì gần tàn mà tôi thì muốn ngủ một chút trước khi trời sáng, do đó tôi nhảy vào xe và cho nổ máy phóng đi. Ông ta lắc đầu giơ một quả đấm vào tôi theo cách không nói nhiều về quan niệm đối với tình yêu thương anh em và ông nghĩ rồi đây ông sẽ phải kêu gọi nhiều hơn nữa tình thương yêu đồng loại, trong khi đó tôi tự hỏi liệu ông ta có chuyển một lời phàn nàn cho cảnh sát về chuyện này và rồi lại thất vọng khi thấy cảnh sát chẳng mấy nhiệt tình với phát hiện của ông.

Tôi thật sự mệt mỏi khi vác được George lên hết cầu thang. Sự thật thì anh ta không nặng, nhưng vì tôi mất ngủ rồi lại không ăn bữa tối, hơn nữa tôi đã chán ngấy những tay nghiện ma túy. Nhận thấy cửa căn hộ nhỏ của Astrid đang mở hé, đó là điều tôi đang muốn biết xem liệu có phải George là người cuối cùng mở cửa ra ngoài không. Tôi đẩy cửa rộng ra, bật đèn sáng, đi qua chỗ cô gái ngủ rồi đặt George nằm xuống giường của cậu ấy theo cách không lấy gì làm nhẹ nhàng lắm. Tôi nghĩ chắc hẳn là khi tôi quăng George xuống đệm hơi mạnh

tay nên đã gây tiếng động làm cho Astrid thức dậy, chứ tôi đã có ý không bật đèn sáng ở phòng ngủ của cô, nhưng dù sao thì giờ đây cô cũng đã ngồi trên giường mình rồi - một sofa nhưng khi ngã xuống thì thành giường - và đang giụi mắt vì ngái ngủ và chưa hết ngạc nhiên không hiểu vì sao tôi lại quay lại. Tôi nhìn cô với hy vọng cô có thể suy đoán được sự việc nên không nói gì.

“Cậu ấy đã ngủ, nên sau đó tôi cũng đi ngủ.” - Astrid nói với vẻ đề phòng.

“Nhưng cậu ấy chắc là đã thức dậy và đi ra ngoài.” Khi tôi đối xử với cái kiệt tác nghệ thuật của sự hao mòn này một cách im lặng như nó xứng đáng với phẩm hạnh của em trai cô thì cô vẫn tiếp tục một cách hầu như là liêu lĩnh, “tôi không nghe thấy nó mở cửa đi ra, tôi không biết. Anh đã tìm thấy nó ở đâu?”

“Cô chẳng bao giờ đoán ra đâu, tôi tin thế, ở trong một gara ô tô, trên một cây đàn hộp, chắc là George đã cố gắng gượng dậy, nhưng không thể được.”

Giống như cô đã làm buổi tối khi tôi đang có mặt tại đây, cô lại giơ hai tay ôm lấy mặt, nhưng lần này thì không khóc mặc dù tôi buồn bã nghĩ rằng sẽ chỉ là một vấn đề thời gian.

“Điều gì đã làm cho cô bối rối về việc ấy đến thế?” - Tôi hỏi. George rất quan tâm đến những cây đàn hộp, phải không, Astrid? Tôi băn khoăn tại sao. Thật kỳ lạ, anh ta có năng khiếu về âm nhạc, có lẽ thế chẳng?”

“Không, à vâng. Nó đã từng là một thanh niên chăm chỉ.”

“Ôi chao, nếu thật có khiếu âm nhạc thì cậu ấy đã không thích nghe tiếng máy khoan chạy bằng khí nén hơn là âm thanh ngọt ngào của cây đàn. Có một lý do rất đơn giản là tại sao George lại mê mẩn những cây đàn hộp đến thế. Rất đơn giản - mà cả tôi và cô đều biết đó là gì.”

Cô chăm chăm nhìn tôi không ngạc nhiên: mắt cô rất buồn và đăm lẹ. Tỏ ra mệt mỏi, tôi ngồi xuống cạnh giường và cầm lấy hai tay

cô trong hai bàn tay mình.

“Astrid?”

“Gì cơ?”

“Cô hầu như đã hoàn thành nhiệm vụ của người nói dối giống như tôi. Cô không đi tìm George bởi vì cô biết là tôi đã tìm được cậu ấy ở đâu, ở một nơi có thể coi là rất an toàn và yên tâm, ở một nơi mà chỗ đó cảnh sát chẳng bao giờ có thể đến để tìm em cô, bởi vì họ không bao giờ nghĩ phải đi tìm bất kỳ ai ở đây,” - tôi thở dài - “một làn khói không phải là cái kim, nhưng tôi nghĩ tốt hơn cả là không có.”

Astrid nhìn tôi với nét mặt đang chịu tác động mạnh, sau đó cô lùi lại và hai tay lại ôm lấy mặt. Đôi vai cô lại rung lên đúng như tôi đoán sẽ như thế. Thật là mờ mịt biết bao hay là tôi đã không biết rõ động cơ của mình là gì, đúng là tôi không thể ngồi đây mà không đưa ra ít nhất là một lời khuyên giải, và khi tôi làm như vậy thì cô nhìn tôi lạng người đi trong những giọt nước mắt đầm đìa trên má, cô giơ hai tay vịn vào vai tôi và khóc nức nở một cách đặng cay. Tôi đang bắt đầu quen với cách xử sự này ở Amsterdam nhưng có lẽ vẫn còn lâu mới thích hợp được với nó, do đó tôi cố gắng nhẹ nhàng gỡ tay Astrid ra, nhưng kết quả thì chỉ làm cho cô bám chặt hơn vào tôi hơn. Tôi biết, mình không thể làm gì được lúc này, bởi chính lúc này cô đang cần cái gì đấy để bầu vùi thì ngẫu nhiên tôi lại ở đây. Dần dần thì tiếng khóc nức nở của Astrid đã nguôi đi và cô mệt mỏi nằm vật ra giường, mặt đầm đìa nước mắt và vô cùng thất vọng.

Tôi nói “Không phải đã quá muộn đâu, Astrid.”

“Không đúng, anh và tôi đều biết rất rõ là đã quá muộn để làm lại từ đầu.”

“Đối với George thì như vậy thật đấy. Nhưng lẽ nào cô không thấy là tôi đang giúp cô?”

“Anh giúp tôi bằng cách nào?”

“Bằng cách diệt những người đã hủy hoại em trai cô. Bằng cách diệt những người đang cố hại cô. Nhưng tôi cần sự giúp đỡ. Cuối cùng

thì tất cả chúng ta đều cần sự giúp đỡ - cô, tôi và mọi người. Hãy giúp tôi - và tôi sẽ giúp cô. Tôi hứa với cô, Astrid.”

Tôi sẽ không muốn nói là sự thất bại vẫn hiện rõ trên mặt cô đã được thay thế bằng biểu lộ những cảm giác khác, nhưng ít ra thì có vẻ như nó đã trở nên ít thất vọng hơn khi cô gật đầu với tôi đến một hoặc hai lần. Cô cười run run và nói, “Anh có vẻ như rất khá trong việc tiêu diệt con người.”

“Và cô cũng phải như vậy đấy,” tôi nói và trao cho cô một khẩu súng rất nhỏ, khẩu Lilliput, hiệu quả của nó rất cao, cỡ nòng là .21.

Tôi tạm biệt Astrid mười phút sau đó. Khi bước ra ngoài nhà cô và đi trên phố, tôi nhìn thấy hai người đàn ông ăn mặc xoàng xĩnh ngồi trên một bậc cửa một ngôi nhà gần như đối diện với nhà Astrid đang sôi nổi tranh luận điều gì đấy nhưng không to tiếng lắm, tuy nhiên tôi vẫn cảnh giác chuyển khẩu súng của mình xuống túi quần rồi ung dung đi qua nơi họ đang ngồi. Cách hơn ba mét, tôi ngửi thấy một mùi cay của rượu Rhum trong không khí, tôi chợt nghĩ ngay đến hơi rượu từ mấy tay say xỉn này tỏa ra, nhưng tôi thấy mình đã nhầm, không phải là họ, mà từ một hãng sản xuất rượu gần đây bốc ra. Tôi bắt đầu nhìn thấy ma quỷ trong mỗi bóng tối đu đưa, và điều tôi cần nhất bây giờ là ngủ, do đó tôi đến chỗ đỗ taxi của mình rồi phóng về khách sạn và đi ngủ.

8

Mặt trời đã chiếu sáng rồi mà chiếc đồng hồ báo thức đã biến đâu mất từ sáng sớm - hoặc là từ lúc nào. Tôi dậy tắm rửa. Cạo râu, mặc quần áo, rồi đi xuống cầu thang để ăn điểm tâm trong quán ăn mà với hiệu quả phục hồi lại sức khỏe như thế thì tôi có thể mỉm cười và chỉ còn cách nói chào buổi sáng một cách lịch sự với trợ lý giám đốc khách sạn, với người gác cửa và ông già chơi đàn hộp. Tôi đứng khoảng một hai phút bên ngoài khách sạn, nhìn quanh mình với cái vẻ của một người đàn ông đang chờ một người bạn thân của anh ta xuất hiện, nhưng dường như sự chờ đợi đã làm nản lòng, và tôi đành cứ đi mà không có ai đi cùng, đến nơi mà tôi đã để chiếc xe taxi cảnh sát lại từ đêm hôm trước. Dù là giữa ban ngày, tôi đã dừng lại bắt đầu tại chỗ bóng râm, dù sao đi nữa tôi đã mở capô ô tô, nhưng không có người nào đã đặt chất nổ chết người trong đêm vừa qua, nên tôi đã phóng đến Chi huy sở cảnh sát Marnixstraat chính xác vào lúc mười giờ, đúng thời gian tôi đã hẹn.

Đại tá De Graaf đã cho làm xong lệnh khám xét, đang chờ tôi ở trên phố, và cùng với thanh tra Van Gelder nữa. Cả hai người đã chào hỏi một cách lịch sự vừa phải, sự thận trọng của những người cho rằng thời gian của họ đang bị lãng phí, nhưng cũng lịch sự để dẫn tôi đến một xe cảnh sát có cả lái xe trông sang trọng hơn chiếc xe mà họ đã cho tôi mượn vừa qua.

“Anh vẫn nghĩ rằng chuyến đi của chúng ta đến Morgenstern & Muggenthaler là điều nên tiến hành?” - De Graaf hỏi - “Và cần thiết à?”

“Cần hơn bao giờ hết.”

“Đã có điều gì xảy ra làm cho anh cảm thấy điều đó là bức xúc?”

“Không,” - tôi nói dối. Tôi sờ lên đầu mình. “Ông không biết chứ, thỉnh thoảng tôi có khả năng đoán trước được những điềm gỡ.”

De Graaf và Van Gelder nhìn nhau, “Đoán trước được điềm gỡ.”
- De Graaf thận trọng hỏi.

“Tôi có những linh cảm không mấy khi sai.”

Có những cái liếc mắt nhìn nhau trao đổi để cho thấy rằng ý kiến chung của các sĩ quan cảnh sát này hành động trên cơ sở khoa học, sau đó, De Graaf nói một cách dè dặt để thay đổi chủ đề: “Chúng ta có tám cảnh sát mặc thường phục đứng quanh đây, cạnh một xe tải. Nhưng anh nói anh không thực sự muốn lục soát chỗ đó?”

“Có chứ, tôi muốn nó bị khám xét. Tôi muốn làm cho vẻ ngoài giống hết một cuộc khám xét. Những gì tôi thật sự muốn là các hóa đơn lập thành một danh sách tất cả những người cung cấp các hàng hóa lưu niệm cho nhà kho.”

“Tôi hy vọng anh biết những gì anh đang làm”, Van Gelder nói, nghe giọng có vẻ hơi nặng, không hài lòng.

“Anh hy vọng à,” - tôi nói - “Thế anh nghĩ tôi cảm thấy như thế nào?”

Cả hai người đều không nói, họ nghĩ là tôi cảm thấy như thế nào và dường như lối nói chuyện đã diễn biến theo cách không có lợi mà tất cả chúng tôi phải giữ im lặng cho đến khi chúng tôi đến được địa chỉ. Chúng tôi bố trí bên ngoài nhà kho, đằng sau một xe tải màu xám hơi khó tả vì không có gì đặc biệt. Một cảnh sát mặc thường phục được bố trí theo dõi nhà kho này từ trước. Anh ta đến nơi De Graaf đang đứng và nói với ông:

“Chúng tôi đã sẵn sàng, thưa sếp.”

“Đưa người của anh đi.”

“Vâng, thưa sếp.” Anh cảnh sát chỉ lên phía trên, “Ông nghĩ về cái đó thế nào, thưa sếp?”

Chúng tôi nhìn theo hướng anh ta chỉ tay. Sáng hôm đó, gió thổi mạnh như bão, không kéo dài lắm nhưng đủ để đu đưa chậm chậm và không đều một hình người, rất giống người thật, mặc quần áo có màu sắc lòe loẹt, treo lơ lửng trên một cái tời lớn, nó cứ đu đưa trên nóc nhà kho, nó lắc đi lắc lại hình thành một cung khoảng hơn một mét hai mươi phân, nằm trong sự sắp đặt theo ý đồ của người đạo diễn, là một trong những hình ảnh nghịch mắt nhất mà tôi từng bắt gặp.

Không thể nào nhầm lẫn được, đó là một con rối, và là một con rối rất lớn, cao phải đến hơn một mét và mặc quần áo truyền thống Hà Lan, như vẫn thường thấy, nó được làm ra một cách công phu, rất đẹp, không thể chê vào đâu được. Chiếc váy kẻ sọc màu sắc hài hòa được cắt may hoàn hảo, ai nhìn thấy cũng chỉ có tấm tắc khen là tuyệt vời, lúc này gió thổi làm cho váy cứ bị hất lên cao cuộn cuộn đầy khêu gợi tình dục, trong phút chốc ấy không ai nghĩ đó là một con rối mà là một cô gái đích thực. Hiệu quả của nó hết sức ấn tượng, vì đã đạt đến đỉnh điểm của sự khiêu dâm. Và rõ ràng là không chỉ có mình tôi nghĩ như vậy. Thông thường thì dây thép hay dây chấu đều phải chạy qua puli của cần trục, nhưng trong trường hợp này thì có ai đó đã chọn cách sử dụng xích để thay thế, con rối to lớn đã được gắn vào xích bởi những gì có thể thấy tại cái cơ cấu nâng đó, nó trở nên một cái móc trông rất tinh quái, một cái móc rất nhỏ buộc quanh cổ, và người ta đã cố tình sao cho cổ nó bị ép vào một phía để cho đầu nó tựa oặt về một bên, gục xuống vai bên phải. Thì ra, đó là một con búp bê khổng lồ đã bị cắt xẻo và bị làm cho què cụt.

Đại tá De Graaf và thanh tra Van Gelder nhìn nhau lắc đầu, “Những đầu óc bệnh hoạn có ở khắp nơi và Amsterdam không phải là ngoại lệ.”

“Vâng, vâng, nhiều vô kể. Nhưng cái này - thật là không bình thường. Đầu óc của người làm ra nó đã hóa rồ rồi...” De Graaf nhìn tôi có vẻ kỳ lạ, như thể ông đã có những suy nghĩ lại sau khi cân nhắc về

mục đích của chuyến đi này. “Anh thấy vấn đề tồi tệ quá phải không, thiếu tá Sherman.”

“Cảm giác của tôi cũng như ông vậy thôi. Nhưng đó không phải là lý do mà tôi đưa các ông đến đây.”

“Tất nhiên, tất nhiên không.” De Graaf đưa mắt nhìn con rối đang đu đưa, như thể ông bị hút vào đó không thể nào nhìn đi nơi khác, sau đó ông lắc đầu rồi đi sang con đường dẫn đến các bậc cấp về phía nhà kho. Một người gác cổng đưa chúng tôi lên tầng hai rồi đi đến văn phòng công ty ở một góc nhà mà khác với lần trước tôi đã nhìn thấy có khóa hẹn giờ, còn lần này nó hoàn toàn mở rộng cửa để nhiệt tình đón khách.

Văn phòng này, tương phản với bản thân nhà kho giờ đây trông đã dọn dẹp gọn gàng rộng rãi và tiện nghi, sàn được trải thảm đẹp và trang trí bằng rèm xung quanh tường theo những sắc thái khác nhau của màu vàng chanh và được trang bị bằng những đồ đạc kiểu Scandinavi hiện đại và đắt tiền, mà thật ra nó chỉ phù hợp với các phòng ngồi chơi ở khách sạn sang trọng, hơn là một văn phòng ở vùng cạnh bến cảng. Hai người đàn ông ngồi ngập trong ghế bành đằng sau những cái bàn phủ da rộng lớn đã lịch sự đứng lên và dẫn De Graaf, Van Gelder và tôi ngồi vào những cái ghế tương tự trong khi bản thân họ thì vẫn đứng. Tôi hài lòng vì cái cách này của họ bởi tôi có thể nhìn cả hai người đó được rõ hơn. Nhưng tôi không chờ hơn vài giây để đắm mình trong cái nhiệt tình tươi cười của sự tiếp đón này.

Tôi nói với De Graaf, “Suýt nữa thì tôi quên mất một việc rất quan trọng. Đó là tôi phải cấp bách gọi ngay cho một người bạn. Tôi thường không có cái cảm giác ớn lạnh và nặng nề trong dạ dày nhưng khi tôi bị như vậy thì tôi áy náy muốn chữa trị ngay chứ không để chậm trễ.”

De Graaf nhìn tôi ngạc nhiên - “Một vấn đề quan trọng như thế mà lại tuột khỏi trí nhớ của anh?”

“Đầu óc tôi còn có những việc khác nữa. Vấn đề đó vừa chọt nảy ra trong đầu tôi.”

“Có thể là một cú điện thoại.”

“Không, không. Phải đích thân một người.”

“Anh không thể nói tôi biết rõ hơn sao?”

“Đại tá De Graaf!” - Tôi hơi cao giọng nhìn ông. Và De Graaf gật đầu tỏ ra đã hiểu, ông đánh giá đúng sự việc, rằng tôi sẽ không thể nào tiết lộ những bí mật quốc gia trước sự có mặt của những người lạ chủ nhân của một nhà kho lớn, mà rõ ràng là tôi phải dè dặt chứ không thể coi thường.

“Liệu tôi có thể mượn ông chiếc xe và anh lái xe được không?”

“Tất nhiên được,” thế nhưng giọng ông chẳng có gì là nhiệt tình.

“Và ông có thể chờ cho đến khi tôi trở lại đây được không?”

“Anh yêu cầu nhiều quá, thiếu tá Sherman.”

“Tôi biết, nhưng chỉ vài phút thôi.”

Tôi cũng chỉ cần vài phút. Tôi nói lái xe dừng lại tại quán cà phê đầu tiên mà chúng tôi đến, rồi đi vào trong và dùng điện thoại công cộng. Tôi nghe thấy giọng nói ở đầu dây và cảm thấy như đôi vai mình chùng xuống do giảm bớt được căng thẳng, sau khi tiếp âm qua một bàn khách sạn, tôi chộp lấy hầu như ngay lập tức. Tôi nói: “Maggie phải không?”

“Em chào anh, thiếu tá Sherman.” Luôn luôn lễ độ và chú ý đến những chi tiết tỉ mỉ là tính cách của Maggie và tôi chẳng bao giờ vui hơn khi nghe cô như vậy.

“Anh vui mừng là nói được với em. Nhưng anh lấy làm tiếc là em và Belinda sẽ phải rời đây ngay - cô ấy vẫn chưa đi đâu, phải không?” Tôi còn lấy làm tiếc hơn về nhiều điều nữa, nhưng bây giờ không phải lúc nói với cô.

“Belinda vẫn còn đây.” - Maggie điềm tĩnh nói.

“Anh muốn cả hai cô rời khỏi khách sạn này ngay lập tức. Khi anh nói ngay lập tức thì có nghĩa là hai cô phải rời khỏi đó trong phạm vi mười phút. Nếu có thể năm phút thì càng tốt.”

“Rời đi? Ý anh muốn nói...”

“Anh muốn nói là đóng gói, trả buồng khách sạn và không bao giờ đến gần đó nữa. Đến một khách sạn khác, bất cứ khách sạn nào cũng được... Ồ không, em mới hơi bị ngu chứ không phải anh. Anh nhắc lại một khách sạn phù hợp. Gọi và thay đổi càng nhiều taxi càng tốt, trong khi đó phải tin chắc rằng các em không bị bám đuôi. Gọi điện thoại đến số điện của văn phòng đại tá De Graaf ở Marnixstraat. Đảo ngược số đi.”

“Đảo ngược.” - Maggie có vẻ bị sốc - “Anh muốn nói anh cũng không tin cậy ngay cả đối với cảnh sát?”

“Anh không biết ý em muốn nói ‘cũng không tin’ là như thế nào, nhưng anh không tin bất kỳ ai thời nay. Sau khi em thuê phòng rồi thì đi tìm Astrid Lemay. Chắc là cô ấy sẽ ở nhà - em có địa chỉ rồi - hoặc tìm ở Balinova. Nói với cô ấy là hãy đến khách sạn của em và lưu lại đây cho đến chừng nào anh nói đã an toàn thì Lemay có thể đi được.”

“Nhưng còn em cô ta?”

“George thì có thể ở lại nơi cậu ấy đang ở. Cậu ta chẳng có nguy hiểm gì đe dọa.” (Sau này tôi không thể nhớ là những lời bày tỏ đó là sai lầm quan trọng thứ sáu hay thứ bảy mà tôi đã phạm phải ở Amsterdam) “Nếu Astrid phản đối thì nói với cô ấy rằng em sẽ, với quyền hạn của mình, giao George cho cảnh sát.”

“Như thế thì tàn nhẫn quá.” - Maggie nghiêm nghị ngắt lời.

“Đừng nói vớ vẩn,” - tôi quát lên và đập đến rầm ống nghe trên máy điện thoại.

Một phút sau tôi trở lại nhà kho và lần này thì tôi đã có thì giờ rỗi rãi để nhìn được lâu hơn và gần hơn vào hai người chủ sở hữu. Cả hai ông này hầu như là bức biếm họa theo quan niệm của người nước ngoài về một người Amsterdam điển hình. Cả hai đều rất to béo, nước

da đỏ ửng, còn cầm thì xì xuống nặng những thịt, mà trong lời giới thiệu ngắn ban đầu, hai vị đó đứng rất gần nhau, tôi nhận thấy mặt họ hằn sâu những nếp nhăn thiện chí và vui vẻ, một cảm giác mà cả hai người bây giờ đều thiếu một cách rõ ràng. Hiển nhiên là De Graaf lúc này đã mất hết kiên nhẫn, với sự vắng mặt rất ngắn của tôi và ông đã bắt đầu vào việc mà không có tôi. Tôi không trách cứ gì ông và ngược lại, ông ta đã có chiến thuật không hỏi han công việc của tôi ra sao. Cả Muggenthaler và Morgenstern hầu như vẫn cứ đứng y nguyên ở nơi trước khi tôi đi, bây giờ vẫn thế, hai người nhìn nhau chăm chăm trong nỗi kinh ngạc và có vẻ mất tinh thần và như là họ hoàn toàn không biết có chuyện gì. Muggenthaler đang cầm tờ giấy gì trong tay, đã để rơi tờ giấy đó xuống cạnh ông ta với cử chỉ hết sức hoài nghi.

“Một lệnh khám xét!” - Ý nghĩa phụ của sự bi ai cùng nỗi đau xé ruột và bi kịch đã chuyển thành nước mắt - “Chao ơi, một lệnh khám nhà đối với Morgenstern & Muggenthaler! Đã một trăm năm mươi năm, hai gia đình chúng tôi đã được mọi người tôn trọng, cả Amsterdam tín nhiệm. Bởi vì, chúng tôi là những thương nhân danh giá ở Amsterdam. Và bây giờ thì thế này !” Ông ta dò dẫm đứng sau De Graaf và ngồi xuống một chiếc ghế cứ như những gì đang xảy ra đã đảo lộn hết không khí bình thường ở đây, tờ giấy tuột khỏi tay ông, “Một lệnh khám nhà.”

“Một lệnh khám nhà,” Morgenstern phát âm một cách có ngữ điệu. Ông ta thấy cũng cần phải tìm một chiếc ghế để ngồi xuống. “Một lệnh khám nhà. Chao ôi. Một ngày đen tối đối với Morgenstern & Muggenthaler! Lạy Chúa tôi. Thật xấu hổ biết bao. Nhục nhã biết bao! Một lệnh khám nhà!”

Muggenthaler phẩy tay thất vọng, nhưng có vẻ bất cần. “Tiếp tục đi, hãy tìm kiếm những gì các ông muốn.”

“Thế ông không muốn biết chúng tôi đang tìm kiếm cái gì à?” - De Graaf hỏi một cách rất lễ độ.

“Tại sao tôi phải muốn biết, biết để làm gì?” - Muggenthaler cố gắng cất cao giọng để tạo một không khí phần nộ tạm thời, nhưng chính ông ta cũng bị tác động mạnh - “Đã một trăm năm mươi năm nay...”

“Nào, nào, thưa các ngài,” - De Graaf nói một cách xoa dịu - “đừng làm cho không khí căng thẳng lên, tôi thông cảm với cảm giác bị choáng váng bất ngờ của hai ông và theo cách nhìn của bản thân tôi thì chúng ta đang săn đuổi một con ngỗng hoang dã. Nhưng một yêu cầu chính thức đã được thực hiện và chúng ta phải tiến hành thông qua những hành động chính thức. Chúng tôi có thông tin rằng các ông đã buôn bán trái phép kim cương.”

“Kim cương!” Muggenthaler nhìn trừng trừng vào người đồng chủ sở hữu một cách hoài nghi “Anh đã nghe ông đại tá nói gì chưa, Jan? Kim cương?” Ông ta lắc đầu và nói với De Graaf, “Nếu các ông tìm thấy thì hãy cho tôi một ít, ông có đồng ý không?”

De Graaf không bị tác động gì bởi những lời châm chọc rầu rĩ đó, “và điều quan trọng hơn là mấy cái máy cắt kim cương.”

“Nhưng chúng tôi đang xếp chặt ứ từ nền nhà cho đến tận trần toàn những máy cắt kim cương.” - Morgenstern nói một cách nặng nề - “Các ông đi mà tìm lấy!”

“Và các sổ sách hóa đơn.”

“Bất kỳ sổ sách nào.” - Muggenthaler nói một cách mệt mỏi.

“Cảm ơn sự hợp tác của các ông,” De Graaf gật đầu với Van Gelder rồi đứng lên và ra khỏi buồng. De Graaf tiếp tục một cách tin tưởng, “Tôi xin lỗi trước nhé, về những gì mà tôi tin rằng có thể là hoàn toàn lãng phí thời gian. Thẳng thắn mà nói thì tôi quan tâm đến cái điều kinh tởm đang đu đưa trên một dây ở chiếc cần cầu ngoài kia của các ông. Một con rỗi.”

“Một con gì?” - Muggenthaler hỏi.

“Một con rỗi. Một con rỗi lớn.”

“Một con rối trên dây.” Muggenthaler nhìn cả hai người mà lặng đi vì kinh ngạc và khiếp sợ, mà không phải dễ dàng như vậy. “Ở trước nhà kho của chúng ta ư? Jan...?”

Sẽ không hoàn toàn chính xác để nói rằng chúng tôi đã chạy đua lên thang gác, vì Morgenstern & Muggenthaler đã không lên theo đường mà chúng tôi đã biết. Trên tầng ba, chúng tôi thấy Van Gelder và người của ông ta đang làm việc và sau một lời của De Graaf thì Van Gelder đã cùng kết hợp với chúng tôi. Tôi hy vọng người của ông ta không làm cho họ kiệt sức vì tìm kiếm, vì tôi biết họ chẳng bao giờ tìm thấy bất cứ cái gì. Thậm chí họ cũng không thể ngửi thấy mùi ma túy làm từ cây gai dầu, mà nó phảng phất nặng mùi đến mức suốt cả đêm cho đến hôm sau vẫn còn, mặc dù tôi cảm thấy rằng cái mùi thơm làm người ta buồn nôn của một số chất làm thơm mát dựa trên các loài hoa đã chiếm một vị trí của nó mà hiếm khi được mô tả như là một cải tiến. Nhưng hầu như là không có thời gian để nêu lên vấn đề với bất kỳ ai.

Con rối mà chúng tôi vừa thấy ngoài kia, cái đầu của nó vẫn còn gục trên vai phải, vẫn còn đang đu đưa nhẹ nhàng trong gió. Muggenthaler được Morgenstern dìu đi và chắc chắn là không ai có cảm giác dễ chịu trong cái vị trí bấp bênh của họ, đưa tay ra một cách thận trọng, rồi chộp lấy cái dây bên trên cái móc, và lôi đủ mạnh vào phía ông ta, không phải là không có những khó khăn đáng kể để tháo con rối khỏi cái dây. Ông ta giữ nó trong cánh tay mình và nhìn chăm chăm vào con rối một hồi lâu, sau đó lắc đầu và nhìn lên Morgenstern.

“Jan này, chính hẳn ta là người làm nên cái điều tồi tệ này, cái điều bệnh hoạn và trò đùa này à - hẳn ta phải rời bỏ việc làm ở chỗ chúng ta chính ngày này.”

“Và chính vào giờ này.” Morgenstern nói lại. Nét mặt của ông ta nhăn nhó một cách đáng ghét, không phải là con rối, mà là vì những gì đã làm. “Và một con rối đẹp đến như thế!”

Morgenstern không phải đã nói theo cách phóng đại. Mà quả thật đó là một con rối đẹp, và không chỉ có thế mà chủ yếu bởi vì kiểu cắt may rất đáng khâm phục, từ áo lót đến áo choàng rất vừa khít. Bất chấp sự thật là cổ của nó đã bị gãy nhưng nét mặt thì đẹp vô cùng, một tác phẩm khéo léo của một nghệ sĩ lớn trong đó phải kể đến những màu sắc của mái tóc màu sẫm, đôi mắt nâu và nước da trắng hồng có sức quyến rũ huyền ảo, nét mặt thanh tú và sắc sảo đến mức khó có thể tin được rằng đây là mặt một con rối mà đó thật sự là một thiếu nữ với một sự hiện hữu những nét đặc biệt của bản thân cô gái đó. Không phải chỉ có mình tôi là người cảm thấy điều này.

De Graaf cầm lấy con rối từ tay Muggenthaler và nhìn nó. “Đẹp lắm,” ông lẩm bẩm. “Đẹp biết bao, và như thật biết bao, như thể là một người đang sống. Như là người thật.” Ông ta liếc nhìn Muggenthaler, “Ông đã có ý tưởng như thế nào mà làm một con rối như thế này?”

“Từ trước đến nay tôi chưa bao giờ nhìn thấy một con rối như thế này. Đó không phải câu hỏi đặt ra cho chúng tôi, tôi chắc như vậy, mà dành câu hỏi này cho ông quản đốc. Nhưng tôi biết điều đó không dễ dàng.”

“Và đây còn là cách dùng màu sắc rất trang nhã”, De Graaf nói một cách mơ màng, “Tôi dám chắc không có người nào có thể sáng tạo ra nguyên mẫu chỉ với trí óc của một mình mình. Chắc chắn, chắc chắn là người đó phải làm việc cùng với người mẫu, một cô thiếu nữ nào đó mà ông ta biết. Anh có nghĩ như vậy không, thanh tra?”

“Tôi không thể nói gì hơn,” Van Gelder nói một cách thẳng thừng.

“Hầu như tôi có cảm giác là mình đã nhìn thấy khuôn mặt này ở đâu đó rồi.” De Graaf tiếp tục. “Bất kỳ một quý ông lịch sự nào cũng từng nhìn thấy một cô gái như thế này?”

Tất cả chúng tôi đều lắc đầu chậm chậm và bản thân tôi cũng lắc đầu không chậm hơn. Cảm giác nặng nề trước kia đã trở lại trong dạ

dày tôi, nhưng lần này cái khối nặng như chì đó đã được phủ một lớp băng dày. Đúng, đó không phải là một con rối bất kỳ mà ta thường thấy, mà nó giống một cách chính xác, giống Astrid Lemay đến kinh khủng, đó chính là Astrid Lemay.

Mười lăm phút sau, khi đã tiến hành tìm kiếm khắp các nhà kho, như De Graaf đã tiên đoán, kết quả hoàn toàn vô ích. De Graaf đành có lời chào tạm biệt đối với Muggenthaler và Morgenstern trên các bậc lên xuống nhà kho, trong khi Van Gelder và tôi đứng bên cạnh. Muggenthaler đã trở lại với vẻ tươi cười rạng rỡ của ông trong khi đó thì Morgenstern vẫn đứng bên ông mỉm cười một cách hài lòng. De Graaf đã bắt tay thân ái từ biệt hai ông chủ hãng buôn, sau đó quay xuống.

“Lại một nghìn lần xin lỗi,” De Graaf hầu như đang dạt dào tình cảm. “Thông tin của chúng ta vẫn chính xác như thường lệ. Hồ sơ của chuyến thăm này sẽ được xóa bỏ khỏi sổ sách kế toán.” Ông ta cười thoải mái. “Các hóa đơn sẽ quay trở lại với ông ngay khi các bên liên quan không tìm thấy tất cả những nhà cung cấp kim cương buôn lậu mà họ trông đợi tìm thấy ở đây. Chào một buổi sáng tốt lành. Thưa các ngài.”

Đến lượt Van Gelder và tôi nói lời tạm biệt, và tôi bắt tay thật chặt với Morgenstern và ngẫm nghĩ rằng ông ta thiếu cái khả năng đọc được ý nghĩ của người khác và đã không may ra đời, chứ không phải khả năng bẩm sinh của tôi để cảm thấy khi cái chết và mối hiểm nguy đã ở ngay bên cạnh. Còn Morgenstern thì chính là người đã ăn chơi tại hộp đêm Balinova đêm qua, và là người đầu tiên đi theo sau Maggie và Belinda khi hai cô rời khỏi hộp đêm để đi ra phố.

Chúng tôi thực hiện cuộc hành trình trở lại Marnixstraat hầu như không ai muốn chuyện trò, ý tôi muốn rằng De Graaf và Van Gelder nói chuyện với nhau, còn tôi thì không. Có vẻ như hai người đó quan tâm nhiều đến cái chi tiết không bình thường của con rối bị gãy cổ hơn

nó chỉ là lý do bề ngoài trong chuyến thăm của chúng tôi đến nhà kho đó, mà có lẽ đã chứng minh đầy đủ những gì họ nghĩ về cái lý do bề ngoài, và hầu như tôi không muốn xen vào để nói cho họ biết rằng họ có quyền ưu tiên, nên tôi giữ im lặng.

Trở lại trong văn phòng của mình, De Graaf nói: “Cà phê chứ? Chúng ta có một cô gái biết cách pha cà phê ngon nhất Amsterdam đây.”

“Tôi mong sao được hoãn lại vì tôi đang vội lắm. Tôi lấy làm tiếc.”

“Anh có các kế hoạch? Có lẽ là một tiến trình hành động?”

“Không kế hoạch mà cũng chẳng phải tiến trình hành động, tôi chỉ muốn được nằm trên giường mình mà suy nghĩ thôi.”

“Thế thì tại sao...”

“Tại sao lại nêu ra đây như là một việc cần, phải không? Tôi có hai yêu cầu nhỏ. Xin ông vui lòng, xem nếu có cú điện thoại nào đó gọi đến cho tôi, thì báo cho tôi biết.”

“Một cú điện thoại.”

“Của một người mà tôi đã phải đi gặp khi chúng ta đang đi vào nhà kho.” Tôi đang cố gắng để phải khó khăn mới tự nói với mình rằng liệu tôi đang nói sự thật hay là nói dối.

De Graaf gật đầu, nhắc ống nghe điện thoại, nói vài câu rồi viết xuống tờ giấy những chữ và con số và đưa tờ giấy đó cho tôi. Những chữ đó chẳng có ý nghĩa gì, còn những con số, đọc ngược lại thì sẽ là số điện thoại mới của các cô gái. Tôi nhét tờ giấy vào trong túi.

“Cảm ơn, tôi sẽ phải giải mã những chữ này.”

“Còn yêu cầu nhỏ thứ hai.”

“Ông có thể cho tôi mượn chiếc ống nhòm?”

“Ống nhòm?”

“Tôi muốn quan sát chút việc.” - Tôi giải thích.

“Được thôi,” Van Gelder nói có vẻ nặng nề. “Anh nên nhớ lại, thiếu tá Sherman, rằng chúng ta đã nói là sẽ hợp tác chặt chẽ cùng nhau.”

“Cái gì?”

“Anh đã không, nếu tôi có thể nói như vậy, theo cách rất cởi mở.”

“Tôi sẽ cởi mở với ông, khi tôi có cái gì đó đáng cởi mở. Đừng quên rằng ông còn phải làm việc về vấn đề này trên một năm. Tôi thì mới ở đây được vài ngày. Như tôi đã nói. Tôi phải đi và nằm để suy nghĩ.”

Nhưng tôi không đi để nằm và suy nghĩ, mà tôi phóng xe đến một kiốt điện thoại đã được tôi nhận xét là có một khoảng cách đủ thận trọng đối với sở chỉ huy cảnh sát và lấy số mà De Graaf đã cho tôi.

Giọng nói từ đầu dây đăng kia vang lên “Khách sạn Touring nghe đây.”

Tôi biết nhưng chưa từng vào bên trong khách sạn đó: nó không phải là loại khách sạn hấp dẫn đối với tài khoản chi phí của mình, nhưng nó là loại khách sạn mà tôi đã chọn cho hai cô gái.

Tôi nói “Tôi là Sherman. Paul Sherman. Tôi tin là có hai phụ nhân trẻ đăng ký ở khách sạn ông sáng hôm nay. Mong ông cho tôi nói chuyện với họ, được chứ?”

“Tôi lấy làm tiếc vì hiện nay họ đi ra ngoài.” Thật ra ở đây thì không có gì phải lo lắng, nếu như họ không đi chơi xa hoặc cô tìm nơi ở của Astrid Lemay, mà chắc là họ đang thực hiện những công việc được giao do tôi đã chỉ dẫn cho họ vào sáng sớm nay. Một giọng nói ở đầu dây đăng kia dường như đoán được câu hỏi kế tiếp của tôi. “Họ có để lại một vài dòng cho ông, thưa ông Sherman. Tôi phải nói rằng họ đã không thể tìm được người bạn chung của các vị, nên bây giờ họ đang đi tìm một người bạn khác. Tôi xin lỗi là đã truyền đạt cho ông những ý kiến có vẻ mơ hồ quá.”

Tôi cảm ơn ông ta và gác máy. “Hãy giúp tôi.” Tôi đã nói với Astrid như vậy, “và tôi cũng sẽ giúp cô. Đó là sự mở đầu để hành động chung, nhưng có đúng như là tôi đang giúp cô thoát khỏi tình cảnh hiện nay thật không, hay là tôi đang giúp cô đi đến kênh đào gần nhất hoặc đi vào quan tài. Tôi nhảy vào xe taxi cảnh sát và đã làm cho rất nhiều kẻ thù trong cuộc hành trình ngăn ngui đối với khu vực ít có tham vọng tiếp giáp với Rembrandtsplein.

Cửa ra vào căn hộ của Astrid đã khóa, nhưng tôi vẫn có cả chùm chìa khóa vạn năng ở quanh vai sẵn sàng mở một cách bất hợp pháp. Trong nhà, vẫn như lần đầu tôi nhìn thấy, gọn gàng, ngăn nắp và xác xơ. Đã có những dấu hiệu của bạo lực nhưng không có dấu hiệu nào của sự ra đi vội vã. Tôi nhìn vào trong một vài ngăn kéo và mấy buồng nhỏ, dường như không thấy có quần áo gì hết, đúng vậy. Nhưng như Astrid có nói, họ rất nghèo, nghèo quá, thật thế, điều đó hầu như đồng nghĩa với chẳng có gì. Tôi nhìn khắp nơi trong căn hộ nhỏ, hy vọng có thể tìm thấy một tờ giấy nhắn tin để lại, nhưng nếu như có thật thì tôi cũng không tìm thấy: tôi không tin. Tôi khóa cửa nhà Astrid và phóng xe đến hộp đêm Balinova.

Đối với một hộp đêm thì lúc này vẫn còn là sớm quá, chẳng có một hộp đêm nào thức dậy vào lúc sáng sớm này, và các cửa ra vào Balinova, đúng như tôi tiên đoán, vẫn còn khóa kín. Chúng là những cửa rất chắc chắn và chẳng chịu tác động gì dù là bạn có định quai búa tạ vào thì cũng thế thôi, nhưng may cho tôi là trong đó còn có một người tỉnh ngủ, chắc là tôi đã đập cửa mạnh quá nên làm người ta thức dậy, bởi vậy tôi nghe tiếng chìa khóa quay trong ổ và cánh cửa kêu ken két mở ra. Tôi đặt chân trên ngưỡng cửa và đẩy rộng nó ra thêm chút nữa, đủ để nhìn thấy đầu và vai của một mái tóc hoe vàng chưa được chăm sóc đang bám chặt vào một khăn choàng được kéo cao đến cổ cô ta. Còn tôi thì cố nhớ xem là lần cuối cùng tôi nhìn thấy cô thì,

thân hình cô đang còn phủ một lớp mỏng bong bóng xà phòng trong suốt. Tôi nghĩ rằng có gì đó đang quá trốn một chút lúc này.

“Xin lỗi, tôi muốn gặp ông giám đốc.”

“Đến sáu giờ chúng tôi mới mở cửa.”

“Tôi không muốn đặt chỗ trước. Tôi không tìm công việc. Tôi chỉ muốn gặp giám đốc, ngay bây giờ.”

“Ông ta không có đây.”

“Thế thì tôi hy vọng công việc sắp tới của cô cũng tốt như lần này.”

“Tôi không hiểu.” - Cô nói. Tôi băn khoăn không biết là cô có giống như dưới ánh đèn chiếu sáng mờ mờ như tối qua trong hộp đêm không, còn trong ánh sáng ban ngày, khuôn mặt say mềm đã phơi bày hoàn toàn nơi này như một nơi đang có bệnh dịch hạch. “Ý anh định nói gì về công việc của tôi?”

Tôi hạ thấp giọng, như người ta thường phải nói trong trường hợp nghiêm túc. “Đúng là cô sẽ chẳng có gì hết, nếu như ông giám đốc thấy rằng tôi yêu cầu một vấn đề khẩn cấp, rất khẩn, ấy thế mà cô lại từ chối không để cho tôi gặp ông ta.”

Cô ta nhìn tôi ngật ngưỡng, sau đó nói, “Ông chờ ở đây.” Cô ta cố sức đóng cửa lại, nhưng tôi khỏe hơn cô nhiều cho nên cô đành chịu sau một lúc giằng co với tôi, cô đi vào. Chỉ khoảng ba mươi giây thôi, cô đã quay ra, nhưng có một người đàn ông đi cùng, ông ta vẫn đang còn bộ quần áo ngủ trên người.

Tôi không có thiện cảm với người đàn ông này chút nào. Giống như phần lớn những người bình thường, tôi không thích những con rắn. Và đây là những gì người đàn ông này nhắc nhở tôi liên tưởng đến tính cách của cái loài ấy. Ông ta rất cao và rất gầy, dáng đi thì cứ như là đang uốn éo cho duyên dáng, vẻ thanh lịch thì cũng không giống kiểu cách của đàn ông, tỏ ra thích ăn diện bánh bao, còn nước da thì xanh nhợt của một người chuyên thức đêm. Khuôn mặt thì như nặn bằng thạch cao, nhẵn nhụi, đôi môi mỏng quá, gần như không có

môi. Tóc thì đen nhưng đến giữa đỉnh đầu thì không còn tóc nữa mà nhẵn trơ cả hộp sọ ra. Quần áo mặc trên người đã được cắt may rất khéo, rất đẹp, chắc chắn phải là sản phẩm của những ông thợ may giỏi: chỗ lồi ra ở dưới nách bên trái là rất dễ nhận thấy. Ông ta cầm một đót thuốc lá bằng ngọc bích trong cái bàn tay luôn luôn được cắt sửa các móng, ngón tay thì trắng và thon, dài. Nét mặt ông ta luôn luôn biểu lộ vẻ khinh người, có lẽ ông thường xuyên nhìn cuộc đời bằng con mắt khinh khỉnh, như nó hoàn toàn chỉ như một trò đùa. Ông ta nhả một cuộn khói thuốc lá vào khoảng không.

“Tất cả những chuyện này là gì, ông bạn thân mến của tôi?”
Trông ông ta giống người Pháp hay người Italia, nhưng có lẽ không phải: ông ta là người Anh. “Chúng tôi không mở cửa, ông biết đấy.”

“Nhưng bây giờ ông đang mở,” - tôi nói - “Ông làm giám đốc, phải không?”

“Tôi là đại diện cho giám đốc. Nếu ông quan tâm thì sau này gọi lại.” Ông ta thở một cách khó nhọc rồi lại phun ra những cuộn khói thuốc lá rất khó chịu vào khoảng không, “sau này chúng ta sẽ gặp lại nhau.”

“Tôi là một luật sư từ Anh đến và có công việc khẩn cấp.” Tôi đưa cho ông ta một danh thiếp ghi rõ tôi là luật sư ở Anh, “Tôi muốn gặp ông giám đốc ngay, đó là điều thiết yếu, công việc này liên quan đến rất nhiều tiền.”

Nếu một câu nói như thế mà làm cho người đàn ông này quan tâm thì có lẽ tôi đã có thể quan sát được không nhiều thì ít trên nét mặt, nhưng chắc là phải có con mắt sắc sảo mới có thể nhận ra. “Tôi chẳng hứa hẹn điều gì, thưa ông luật sư Harrison.” Đó là tên trong danh thiếp của tôi. “Ông Durrell có thể được tôi thuyết phục để gặp ông.”

Ông ta đi vào với cái dáng hơi nhún nhảy như một vũ nữ Balê đang trong ngày nghỉ, và một lát sau đã quay ra, rồi gật đầu với tôi, sau đó đứng ra bên cạnh để nhường cho tôi đi trước, bước xuống một

lối đi rộng nhưng chiếu sáng lờ mờ, một kiểu sắp xếp mà tôi không thể nào ưa, nhưng tôi phải bằng lòng. Cuối lối đi có một cửa đang mở vào một phòng có ánh đèn sáng chói và như người ta đã có ý định để tôi bước vào mà không cần gõ cửa. Tôi nhận thấy cánh cửa là loại dùng cho những phòng ở dưới đất, thường dùng trong ngân hàng, có khóa tốt, có hệ thống báo động và tường dày bảo vệ v.v... kiểu như các ngân hàng Anh, mà thật ra là quá với những yêu cầu của một ông chủ hộp đêm, nếu như cái hộp đêm chỉ là vẻ bề ngoài.

Bên trong phòng này cũng phần nào giống căn phòng kiên cố dưới đất của ngân hàng. Có hai kết lớn, đủ cao cho một người đàn ông đi vào bên trong, dẫn vào một bức tường. Một bức tường khác được dành cho những ngăn tủ hộp nhỏ bằng kim loại có thể khóa được bằng điện, đó là những ngăn cho thuê để người ta để hành lý, giống như ta thường thấy ở các ga đường sắt. Hai bức tường khác không có cửa sổ và cực kỳ chắc chắn, chúng được che phủ hoàn toàn bằng rèm màu đỏ thẫm và tím.

Người đàn ông ngồi sau chiếc bàn lớn bằng gỗ dát ngựa, trông không giống một ông chủ ngân hàng chút nào, nhưng dù sao đi nữa thì cũng như một chủ ngân hàng người Anh, tiêu biểu là có một diện mạo khỏe mạnh, là nhờ có nhiều thời giờ dành cho niềm ham mê chơi gôn và chỉ có ít thời gian ngồi sau bàn làm việc. Ông ta nặng khoảng bốn mươi kilô, tóc thì đen nhờn, một nước da nhờn dầu và đôi mắt thì thường xuyên vừa vàng vừa đỏ ngầu. Ông ta mặc một bộ com lê bằng vải len anpaca cắt may rất khéo, đeo những chiếc nhẫn các kiểu khác nhau ở các ngón tay trên cả hai bàn tay và một nụ cười chào đón không thích hợp với ông chút nào.

“Ông là luật sư Harrison?” Ông ta không định đứng lên, có lẽ kinh nghiệm bản thân nói với ông rằng, cỡ khách như tôi thì ông không đáng phải đứng lên. “Rất vui được gặp ông. Tên tôi là Durrel.”

Có thể là như vậy, nhưng chắc không phải là tên khai sinh của ông. Tôi nghĩ ông ta là người Armenia, nhưng không chắc chắn lắm,

tuy nhiên tôi đã chào hỏi ông một cách lịch sự, như thể tên ông đúng là Durrel.

“Ông có một số việc muốn thảo luận cùng với tôi?” Ông ta tươi cười nói. Ông Durrel đang giở trò láu cá và ông ta biết thừa các luật sư không bao giờ từ Anh quốc đến mà lại không có những vấn đề nhập khẩu quan trọng đòi hỏi phải suy nghĩ cẩn thận, mà lúc nào cũng vậy, đó là vấn đề tài chính cần thảo luận.

“Phải, không thực sự đối với ông mà là với một trong những nhân viên của ông.”

Nụ cười chào đón tôi đang tươi rói bỗng nhiên tắt ngấm. “Với một trong những nhân viên của tôi.”

“Phải.”

“Thế thì tại sao ông lại làm phiền tôi?”

“Bởi vì tôi không thể nào tìm được cô ta theo địa chỉ nhà cô. Tôi đã được biết là cô ta làm việc ở đây.”

“Cô ấy là ai?”

“Là Astrid Lemay.”

“Lemay nào nhỉ?” Ông ta nhú lông mày và ra vẻ biết điều hơn, cứ như là ông ta muốn giúp tôi lắm “Astrid Lemay? Làm việc ở đây.” Ông ta lại cau mày vẻ suy nghĩ. “Tất nhiên chúng tôi có nhiều cô gái, nhưng tên người đó thì...” ông ta lắc đầu dứt khoát.

“Nhưng các bạn của Lemay nói cô ấy làm ở đây,” tôi phản đối.

“Có nhầm lẫn, phải không ông Marcel?”

Người đàn ông dáng điệu như con rắn trẻ môi cười cái kiểu cười khinh khỉnh của hắn ta. “Không ai có cái tên đó ở đây.”

“Hoặc đã từng làm việc ở đây?”

Marcel nhún vai, đi đến chỗ tủ đựng hồ sơ, lôi ra một kẹp bìa cứng, đặt trên bàn rồi gạt đầu ra hiệu cho tôi. “Tất cả các cô làm việc ở đây hoặc đã làm ở đây năm ngoái. Tự ông tìm đi.”

Tôi không thèm nhìn. Tôi nói, “Tôi đã được thông báo sai. Xin lỗi vì đã làm phiền các ông.”

“Tôi khuyên ông nên thử tìm ở vài hộp đêm khác.” Durrell nói, và trong kiểu cách ra vẻ là ông trùm, hí hoáy viết mấy chữ trên một tờ giấy, gợi ý cho khách biết rằng cuộc nói chuyện đến đây là hết. “Chào ông luật sư Harrison.”

Marcel đã đi đến ngưỡng cửa, tôi đi theo, và khi tôi đi qua cửa, tôi ngoái lại mỉm cười như xin lỗi, “Tôi thật sự lấy làm tiếc.”

“Xin chào,” ông ta thậm chí không thèm ngẩng đầu lên. Tôi lại mỉm cười với vẻ còn ngờ vực, sau đó mới nhẹ nhàng kéo cửa lại sau lưng mình. Cánh cửa này đã được cách âm rất tốt, tôi nghĩ.

Marcel đứng ngay ở hành lang, lại mỉm cười và thậm chí không thèm hạ cổ nói lời nào, mà chỉ tay về phía trước một cách khinh khỉnh, ý nói rằng tôi nên đi trước để ra khỏi nơi này. Tôi gật đầu và khi đi qua hẳn, tôi đâm một quả vào giữa bụng hẳn một cách rất thỏa mãn và cũng rất mạnh, mặc dù tôi nghĩ như thế là đủ đối với hẳn, nhưng tôi vẫn bồi thêm cho hẳn một quả nữa, và lần này thì đánh vào cổ bên phải hẳn. Sau đó tôi rút súng đã lắp ống giảm thanh, túm lấy cổ áo khoác của hẳn, kéo xềnh xệch về phía cửa văn phòng, và tôi mở cửa ra bằng tay cầm súng của mình.

Durrell ngồi sau bàn nhìn ra. Đôi mắt ông ta trợn tròn đến hết cỡ có thể trợn ngược, sau đó thì mặt ông cứ ngây ra giống như mặt của những ông chủ khi họ muốn xóa bỏ những suy nghĩ hoặc là những dự định của họ.

“Ông cứ ngồi im đấy,” - tôi nói - “Cần phải biết điều và đừng có ngu quá, nghe chưa! Không được sờ đến cái nút bấm nào, không được ấn vào một công tắc bất kỳ nào trên nền nhà, xin cứ vui lòng ngồi im, đừng có khờ dại mà lại rút khẩu súng có thể nó đang trong ngăn kéo trên cùng của cái bàn đó, ông là người thuận tay phải, đúng không?”

Lão nghe lời tôi.

“Đẩy chiếc ghế của ông lùi ra sau sáu mươi phân.”

Lão đẩy chiếc ghế lùi ra sau sáu mươi phân. Cùng lúc tôi cúi Marcel ngã xuống nền nhà cạnh mình, rồi đóng cửa lại, vặn chìa khóa rất nhanh trong ổ khóa rồi đút chìa vào túi. Tôi nói “Đứng lên!”

Durrell đứng lên. Khi đứng lên, trông ông ta chỉ chưa cao quá một mét rưỡi. Tâm vóc lão trông rất giống một con ếch ương. Tôi ra hiệu cho lão đến gần hơn hai chiếc kết sắt lớn.

“Mở ra.”

“Nhưng ông, ông... cần gì ạ.” Mặt lão đã cố gắng giữ cho bình thường nhưng giọng nói của lão đã không còn bình thường, những dấu hiệu của sự lo lắng căng thẳng biểu lộ trong giọng nói, “Là cướp, cướp, ông Harrison.”

“Đến đây,” tôi nói. Lão nhích dần đến, “Ông có biết tôi là ai?”

“Biết ông là ai ư?” - Một cái nhìn bối rối - “Ông vừa mới nói với tôi...”

“Rằng tên tôi là Harrison. Tôi là ai?”

“Tôi không hiểu.”

Lão kêu thét lên đau đớn do một ngón tay lão bị sưng lên và chảy máu vì tôi dùng ống giảm thanh của khẩu súng đánh vào ngón tay lão.

“Tôi là ai?”

“Sherman.” Đôi mắt lão đầy căm hờn, và giọng lão khô đặc. “Interpol.”

“Mở cửa kết sắt.”

“Không thể được. Tôi chỉ có một nửa tổ hợp số dùng để mở khóa số này thôi, Marcel ở đây có đấy...”

Tiếng kêu thét thứ hai của lão còn to hơn trước, một bên má nữa của lão đã bị sưng phồng lên to hơn.

“Mở cái cửa đó ra.”

Lão xoay xoay nhẹ tổ hợp khóa và kéo cánh cửa kết ra. Kết này rộng khoảng ba mươi in-sơ vuông, một góc để rất nhiều đồng gundơ tiền Hà Lan, nhưng, nếu như tất cả những chuyện kể về Balinova mà

đúng với những điều xì xào bàn tán không minh bạch về các sòng bạc, thì thực chất là người ta quan tâm nhiều hơn đến cái tầng trệt và bán lẻ rất phát đạt những món hàng mà người ta không thể tìm thấy trong những cửa hàng bán lẻ thông thường, và số lượng cung cấp thì thoải mái.

Tôi gật đầu với Durrell. “Hắn là đàn em của ông ở đây, ông đẩy hắn vào trong két đi.”

“Trong đó?” Trông ông ta có vẻ khiếp sợ.

“Tôi không muốn hắn làm gián đoạn cuộc thảo luận của chúng ta.”

“Thảo luận?”

“Mở ra.” - Tôi dẫn giọng.

“Thế thì hắn sẽ bị tức thở. Mười phút và...”

“Lần sau thì tôi phải tưởng tượng xem ông sẽ ra sao, sau khi tôi bắn một phát vào xương bánh chè của ông, để cho chẳng bao giờ ông có thể bước đi mà lại không có một cái gậy. Ông có tin tôi không?”

Hắn tin tôi.

Tôi nói tiếp - “trừ phi ông là người hơi bị ngu.”

Nhưng Durrell đã không đến nổi ngu. Lão ngoan ngoãn kéo lê Marcel vào bên trong, có lẽ đó là công việc khó khăn nhất mà lão phải làm trong nhiều năm qua bởi vì ông ta chỉ quen sai bảo người khác. Giờ đây, phải tự mình lạng lẽ lao động, phải cong người và đẩy Marcel vào cho vừa khít với cái khoảng không chật hẹp của két sắt để sao cho có thể đóng cửa két lại. Đối với sức lão, công việc đó thật nặng nhọc. Cuối cùng thì cánh cửa đã được đóng.

Tôi nhìn thăm dò Durrell. Lão không có vũ khí tấn công trên người. Nhưng rất có thể là gần kéo bên phải bàn lão đã có một khẩu súng ngắn tự động loại gì đó mà tôi chưa biết cũng nên, mà đó cũng là chuyện không phải là không bình thường khi tôi không phải là tay bắn súng giỏi, không kể khi đang nhắm để bắn.

“Astrid Lemay,” tôi nói” Cô ấy làm việc ở đây?”

“Vâng, cô ấy làm việc ở đây.”

“Cô ấy đâu?”

“Tôi không biết. Thề trước Chúa tôi không biết.” Lại một tiếng kêu thất thanh khi lão nhìn thấy tôi nâng khẩu súng lên.

“Ông có thể tìm cô ấy chứ?”

“Làm sao mà tôi có thể tìm được?”

“Sự ngu dốt và tính kín đáo của ông bây giờ không còn thích hợp nữa đâu,” tôi nói. “Bởi vì chúng được dựa trên nỗi sợ hãi. Nghĩa là sợ ai đó, sợ cái gì đó. Nhưng ông sẽ trở thành người thông thạo tất cả và sẵn sàng khi ông học để sợ điều gì đấy khác hơn. Mở cái két đó ra.” Tôi quát.

Lão ta mở két. Marcel vẫn còn bất tỉnh.

“Vào trong đi!”

“Không,” - hẳn thốt ra bằng cái giọng khản đặc, mặt tái mét vì sợ - “Ông biết cho, trong đó được gắn kín khít không có không khí lọt vào. Hai chúng tôi đứng trong két đó, sẽ chết cả hai chỉ trong vài phút, nếu ông cứ bắt tôi vào trong đó.”

“Thế thì ông sẽ chết trong vài giây, chứ không phải vài phút, nếu ông không vào.”

Lão ta đành vào. Lão lắc đầu. Dù là ai thì theo tôi lão cũng không phải là nhân vật chính vì bất cứ tên trùm buôn lậu ma túy nào cũng là một người hoặc vài người vạch kế hoạch và điều khiển, cứng rắn và thô bạo là đặc tính tuyệt đối của những tên trùm nhưng người đàn ông này không có tính cách đó.

Tôi mất thêm năm phút mà chẳng ích lợi gì khi lục lọi hết các ngăn kéo và cặp hồ sơ trên bàn. Hầu như mọi thứ tôi xem xét có vẻ như đều liên quan bằng cách này hay cách khác đến những giao dịch kinh doanh hợp pháp, và tôi nghĩ một người như Durrell sẽ không bao

giờ giữ những tài liệu có thể bị buộc tội trong một văn phòng thường xuyên có người dọn dẹp. Vì vậy năm phút sau, tôi mở cửa két sắt.

Sức khỏe Durrell đã không còn được bình thường vì phải thở trong điều kiện thiếu không khí trong két sắt, lão ta không thể đứng nổi trên đôi chân mình và khuyu ngã luôn lên lưng Marcel, nhưng tay này hóa ra lại có phúc hơn vì hăn vẫn còn đang bất tỉnh. Ít ra thì tôi vẫn nghĩ là hăn bất tỉnh nên tôi không thèm kiểm tra. Tôi túm vai Durrell và kéo ông ta ra như thể kéo một con nai có sừng ra khỏi đầm lầy, nhưng cuối cùng thì lão lăn trên nền nhà. Lão nằm đấy một lúc rồi gắng gượng ngồi dậy. Tôi kiên nhẫn chờ cho đến khi những tiếng thở to khó nhọc và nặng nề chỉ còn lại tiếng hỗn hển đều đều và nước da của lão trải qua cái vạch phổ màu từ bầm tím cho đến khi tình trạng sức khỏe của lão là sung sức nhất, đó là theo ý tôi, bởi tôi cũng không biết nước da bình thường của lão có giống với màu của tờ báo cũ không. Tôi thúc vào người lão và nói lão nên cố gắng hơn để có thể đứng lên, và tôi lại tiếp tục.

“Astrid Lemay đâu?”

“Cô ta đã ở đây sáng nay.” Giọng lão thì thào khản đặc nhưng cũng đủ để tôi nghe rõ. “Cô ta nói là gia đình có những chuyện cần giải quyết. Cô ấy phải đi ngay khỏi thành phố này.”

“Một mình?”

“Không, đi cùng người em.”

“Cậu ta cũng ở đây?”

“Không.”

“Cô ấy nói là sẽ đi đâu?”

“Thủ đô Athens, cô ấy gốc ở Athens.”

“Cô ta đến đây chỉ để nói với ông như vậy thôi à?”

“Cô ấy vay tiền tôi, hai tháng sau cô ấy sẽ quay trở lại trả nợ. Astrid cần chi phí tàu xe.”

Tôi nói với lão, “ông lại vào trong két sắt đi.” Tôi hết kiên nhẫn với lão, nhưng cuối cùng lão quyết định chọn một cơ hội hơn là xoi một viên đạn. Tôi cũng không muốn làm cho lão hoảng sợ thêm nữa, và cũng không muốn cho lão nghe những gì tôi định nói.

Tôi đã gọi điện trực tiếp thẳng đến sân bay Schiphol, sau đó nối đến số điện thoại mà tôi muốn gặp.

“Thanh tra Van Gelder ở Sở cảnh sát Amsterdam đây,” tôi nói. “Có một chuyến bay đi Athens sáng nay. Có lẽ là KLM. Tôi muốn kiểm tra liệu hai người tên là Astrid Lemay và George Lemay có trên máy bay không. Mô tả về họ là như sau:...”

Giọng nói từ đầu dây đằng kia cho tôi biết họ đã lên máy bay. Có vẻ như ở đây đang có chút rắc rối, vì George đã được phép lên máy bay trong tình trạng mà cả điều kiện y tế cũng như cảnh sát ở sân bay đều không tán thành về tình trạng sức khỏe của George, nhưng cô gái đã vừa biện hộ vừa cầu xin nên hai người đã được phép lên máy bay. Tôi cảm ơn nhân viên sân bay đã cho tôi biết thông tin, rồi gác máy.

Tôi mở cửa két sắt. Không cần đóng cửa két nữa, và tôi cũng không trông đợi tìm thấy gì nữa ở đây. Nước da của Durrell đã không còn như màu nâu sẫm, còn Marcel thì không những đã hết ngất xỉu mà còn phục hồi đến mức độ trông linh hoạt hơn hẳn Durrell. Điều đó làm tôi chán nản khi chợt nghĩ rằng, vào một ngày nào đó về sau này có thể xảy đến cho tôi nhiều điều không hay.

Tôi để cho cả hai vị ấy ngồi trên nền nhà, vì không còn có gì đáng nói. Tôi mở khóa cửa đi ra, và khóa ngay lại, mỉm cười vui vẻ với cô tóc hoe, rồi ném chìa khóa vào thùng rác bên ngoài hộp đêm Balinova. Dù không có một chìa khóa dự trữ, thì đã có những điện thoại và chuông báo động vẫn hoạt động được từ trong phòng Durrell và cũng không cần đến quá ba giờ, nếu bí quá mà phải dùng đến đèn xì oxyacetilen để mở ra. Trong phòng vẫn có đủ không khí để thở trong khoảng thời gian đó. Nhưng dù sao đối với tôi thì cách này hay cách khác cũng không có gì quan trọng.

Tôi phóng ô tô đến căn hộ của Astrid và đã làm những gì nên làm trước tiên - hỏi han vài người hàng xóm xem họ có nhìn thấy cô sáng nay không. Có hai người nói có, và lời nói của họ đã được kiểm tra. Astrid và George đem theo hai, ba vali đã rời đi từ hai giờ trước đây bằng taxi.

Astrid bỏ đi, tôi cảm thấy hơi buồn và trống vắng, không phải bởi vì cô đã nói rằng sẽ giúp tôi nhưng đã không thực hiện, mà vì tôi cảm thấy cô đã tự đóng sập cánh cửa mở ra lối thoát cho cô.

Các ông chủ Astrid đã không giết cô vì hai lý do. Chúng biết tôi có thể siết chặt chúng vì cái chết của cô, và từ đó chúng sẽ sớm bị tiêu diệt. Và chúng sẽ an toàn bởi vì cô đã đi và chẳng còn một nguy hiểm nào đối với chúng: nỗi sợ hãi, nếu như nó đủ lớn có thể bịt miệng một cách hiệu quả như chết.

Tôi có cảm tình với Astrid và mong muốn cô gặp may mắn. Tôi không thể trách cứ cô. Đối với Astrid, giờ đây mọi cánh cửa đã đóng lại.

9

Nhìn từ trên đỉnh tháp Havelgebow, một tòa nhà chọc trời trên bến cảng mà không còn nghi ngờ gì, nó là một trong những tòa nhà đẹp nhất Amsterdam. Nhưng tôi đã không quan tâm quang cảnh thiên nhiên sáng hôm đó chỉ nhờ những phương tiện của vị trí thuận lợi này dành cho. Mặt trời đã chiếu sáng nhưng có gió thổi hiu hiu mát mẻ ở độ cao đó và thậm chí ở mực nước biển, gió cũng đủ mạnh để làm cho sóng gợn lăn tăn trên mặt nước biển màu xanh xám.

Trên bục quan sát đang có rất đông khách du lịch, phần lớn mái tóc của họ đều được gió thổi bay bay, trên tay họ, người thì cầm ống nhòm, người camera, và mặc dù tôi không mang theo một camera nào, bởi tôi không nghĩ là mình cần nhìn nơi này nơi khác như các khách du lịch. Mục đích duy nhất của tôi là có mặt ở đây.

Tôi cúi người tựa trên khuỷu tay rồi nhìn dăm dăm ra biển. De Graaf chắc là đã làm cho tôi tự hào vì những chiếc ống nhòm đó. Chúng rất tốt như bất cứ cái nào tôi từng gặp và tầm nhìn gần thật hoàn hảo và với ngày hôm đó thì độ nét đối với tôi là tất cả những gì tôi hằng mong muốn.

Ống nhòm hướng đều đều vào chiếc tàu hơi nước chạy tuyến ven biển chờ khoảng một nghìn tấn đang hướng vào cảng. Thậm chí, thoát mới nhìn tôi cũng có thể phát hiện được những mảng lớn các vết rỉ trên vỏ tàu và nhìn thấy cả lá cờ Bỉ đang bay phấp phới. Lúc này, là gần giữa trưa. Tôi dõi theo con tàu và dường như đối với tôi, nó có tầm vóc còn lớn hơn một hay hai con tàu đã đi vào bến cảng trước nó, thật vậy và bây giờ nó đang tiến rất gần đến các phao cứu đắm, được

đánh dấu để phân biệt đường thủy: nhưng có lẽ đó lại là nơi nước sâu nhất.

Tôi cứ nhìn theo con tàu cho đến khi nó tiến gần đến bến cảng, và sau đó tôi có thể phân biệt tên của nó trên mũi tàu đã ri *Marianne*. Thuyền trưởng chắc phải là một người chặt chẽ về tính đúng giờ, nhưng liệu ông ta có chặt chẽ như vậy đối với việc thi hành pháp luật hay không.

Tôi đi xuống, rồi vào quán ăn Haven để ăn trưa. Tôi không đói nhưng bây giờ là giờ ăn ở Amsterdam, đó là theo kinh nghiệm bản thân tôi biết được từ hôm đến đây. Các món ăn của quán ăn này nghe người ta nói thì rất ngon đây, và tôi không nghi ngờ vì thanh danh đó của nó, tuy nhiên tôi không nhớ là trưa hôm đó tôi đã ăn những món gì bởi đầu óc tôi luôn suy nghĩ đến công việc đang dự định.

Tôi đến khách sạn Touring lúc một giờ ba mươi. Tôi thật sự không trông đợi thấy Maggie và Belinda đã trở lại, và đúng là hai cô còn chưa trở lại. Tôi nói với người đàn ông đứng sau bàn rằng tôi đã chờ ở phòng ngồi chơi của khách sạn, nhưng tôi không thích ngồi ở phòng đó, đặc biệt khi phải nghiên cứu những giấy tờ như giấy tờ trong cặp tài liệu mà chúng tôi lấy từ hãng Morgenstern & Muggenthaler, do đó tôi chờ cho đến khi bàn tiếp tân tạm thời không có người, tôi mới vào cầu thang máy lên tầng bốn và tự cho phép mình vào phòng của hai cô. Phòng này tốt hơn là phòng các cô ở trước đây và cái đi vắng ngay lập tức tôi đã thử xem thì đúng là nó cũng mềm mại hơn, nhưng nó cũng không thể đủ để cho Maggie và Belinda nhào lộn cho vui vẻ, ngoài một điều là bánh xe đi vắng dù là chuyển động bất cứ hướng nào cũng đưa các cô vào bức tường rắn.

Tôi nằm trên chiếc đi vắng ấy hơn một giờ, xem qua tất cả những hóa đơn của hai nhà kho, hoàn toàn không hứng thú và nhàm chán đến phát buồn ngủ vì các hóa đơn ấy. Nhưng có một cái tên trong số tất cả các hóa đơn khác đã làm cho tôi ngạc nhiên và vì các sản phẩm của nó

đã gọi cho tôi liên tưởng đến điều nghi ngờ đang phát triển. Tôi ghi lại tên của nó và địa chỉ trên bản đồ.

Có tiếng chìa khóa xoay trong ổ rồi Maggie và Belinda bước vào. Phản ứng đầu tiên của họ là nhìn tôi, làm như tôi là một nguồn an ủi và nhanh chóng chuyển thành một không khí đáng tin cậy. Tôi ôn tồn nói, “Đã có chuyện gì xảy ra?”

“Anh làm cho bọn em lo lắng.” - Maggie lạnh lùng nói. “Nhân viên đứng sau bàn tiếp tân nói là anh đã chờ bọn em ở phòng chơi của khách sạn, nhưng không thấy anh ở đây.”

“Bọn em chờ anh hơn nửa giờ.” Belinda có vẻ còn bực với tôi hơn. “Chúng em nghĩ là anh đã đi.”

“Anh mệt mỏi. Anh phải nằm nghỉ. Bây giờ anh xin lỗi nhé. Công việc của hai cô sáng nay ra sao?”

“Tạm tạm.” - Maggie dường như chưa nguôi đi cơn giận. - “Hai đứa em đã không gặp may với Astrid.”

“Anh biết. Người đàn ông sau bàn tiếp tân cho anh tin báo của các cô. Nhưng chúng ta có thể giữ bỏ được lo lắng về Astrid rồi. Cô ấy đã đi rồi.”

“Đã đi rồi?” - Hai cô cùng nói.

“Đi khỏi đất nước này.”

“Đi khỏi đất nước này?”

“Đi Athens.”

“Athens?”

“Này,” - tôi nói - “Hãy giữ cái màn kịch vui ấy cho sau này. Cô ấy và George rời khỏi sân bay sáng hôm nay.”

“Tại sao?” - Belinda hỏi.

“Vì hoảng sợ. Một bên thì những người xấu đang kéo cô ấy về bên họ, còn một bên thì một người tốt là anh kéo cô ta lại. Do đó cô ấy phải thành linh bỏ đi.”

“Làm thế nào mà anh *biết* cô ấy đã đi?” - Maggie hỏi vặn.

“Một người đàn ông ở Balinova nói với anh.” Tôi không muốn thuật lại tỉ mỉ chuyện sáng nay, nếu như họ có những ảo ảnh lộn xộn về người sắp sành sỏi thì tôi muốn họ cứ giữ lấy, “Và anh đã kiểm tra với sân bay rồi.”

“Mà...” Maggie đã không thông cảm với công việc của tôi sáng hôm nay, cô dường như có cảm giác rằng, tất cả là lỗi tại tôi nên Astrid đã ra đi và như thường lệ thì cô đã đúng. “Thôi được, Belinda hay em trước?”

“Cái này trước.” Tôi đưa mảnh giấy có chữ số 910020 cho cô. “Con số này có nghĩa gì đây?”

Maggie nhìn kỹ mảnh giấy, rồi lại nhìn kỹ mặt sau. “Không có gì,” - cô nói.

“Để em xem nào,” - Belinda nói vui vẻ - “Em khá về phép đảo chữ cái trong ngôn ngữ học và cả trò chơi đố chữ nữa,” và hầu như ngay lập tức cô nói. “Đảo lại đi 020019. Hai giờ sáng ngày mười chín, nghĩa là sáng ngày mai.”

“Không tồi chút nào,” - tôi nói một cách hài lòng - “điều đó đã làm cho tôi mất nửa giờ mới xong đấy.”

“Sau đó điều gì sẽ xảy ra?” - Maggie nghi ngờ hỏi.

“Bất cứ là ai đã viết mấy con số này đã quên giải thích điều đó.” - Tôi nói kiểu thoái thác vì tôi mệt mỏi không muốn nói mọi chuyện từ đầu. “Thôi được, Maggie, em nhé!”

Cô nhìn tôi, ngồi xuống và vuốt phẳng chiếc áo dài bằng vải sợi bông màu xanh-vàng chanh cứ như thể là nó đã bị co quá nhiều do giặt đi giặt lại nhiều lần. “Em mặc chiếc áo mới này để đến công viên vì trước đây Trudi chưa nhìn thấy nó, hơn nữa em còn có một khăn quàng cổ. Khi gió thổi chiếc khăn mỏng bay lên che lấp cả đầu em và...”

“Và em đeo kính đen.”

“Phải.”

Maggie không phải là một cô gái chấp nhận sự dễ dãi trong công việc, trái lại mọi việc cô suy nghĩ rất chín chắn khi thực hiện. “Em đi thơ thẩn đến nửa giờ, phần lớn thời gian là tránh đường các cụ già về hưu tản bộ trong công viên và những bà mẹ đi sau xe đẩy em bé. Sau đó em nhìn thấy cô ta - đúng hơn là em đã nhìn thấy một bà già to béo khủng khiếp.

“Mụ phù thủy già?”

“Một mụ phù thủy già. Quần áo mụ mặc giống như anh đã nói. Và cùng lúc ấy em nhìn thấy Trudi. Cô mặc chiếc áo dài bằng vải sợi bông trắng dài tay, không hẳn lộng lẫy nhưng cô có vẻ hiền lành ngoan ngoãn.” - Maggie ngừng một lát rồi nói một cách có suy nghĩ - “Trudi thật sự là một cô gái xinh đẹp.”

“Em có một tâm hồn rộng lượng, Maggie.”

Maggie hiểu và thực hiện lời dặn. “Lúc bảy giờ bà già béo và Trudi ngồi xuống ghế băng. Em đã ngồi trên một ghế khác cách chỗ họ ba mươi mét và làm như đang xem một tờ tạp chí, tạp chí Hà Lan.”

“Một cuộc tiếp xúc thú vị,” - tôi thừa nhận.

“Sau đó Trudi bắt đầu bện tóc con rối đó.”

“Con rối nào?”

“Con rối mà cô ta đang bện.” - Maggie kiên nhẫn nói, “Nếu anh cứ ngắt lời thì em thấy khó có thể nhớ hết được các chi tiết. Trong khi cô ấy đang tết tóc con rối thì có một người đàn ông đến ngồi cạnh họ. Một người đàn ông to lớn, mặc bộ com lê màu sẫm, có cổ áo thầy tu, bộ ria bạc trắng và mái tóc bạc trông cũng kỳ lạ. Ông ta có vẻ là người đàn ông tuyệt vời.”

“Anh biết ông ta là ai,” - tôi nói một cách máy móc. Tôi có thể hình dung khá rõ ông Reverend Thaddeus Goodbody là một người đàn ông có sức quyến rũ ngay tức khắc, có lẽ, không kể vào lúc ba giờ rưỡi sáng.

“Trudi có vẻ như rất yêu ông ta. Sau một hoặc hai phút, cô vòng tay qua cổ ông ta và thì thào điều gì đấy vào tai ông ấy. Ông ta nghe

mà giả bộ như là người bị sững sốt bất ngờ, nhưng lúc đó nếu như anh có nhìn thì anh cũng không thấy ông ta đã cho tay vào túi, rồi ông ấy đã ấn cái gì đấy vào tay Trudi. Tiền, em nghĩ vậy.” Tôi muốn hỏi xem liệu Maggie có chắc chắn đó không phải là ống tiêm không, nhưng có lẽ trong ý nghĩ Maggie còn lâu mới liên tưởng đến điều này. “Sau đó Trudi đứng lên, vẫn ôm con rối này, rồi chạy đến chiếc xe tải bán kem. Cô đã mua một cây kem - sau đó đi thẳng đến chỗ em.”

“Em bỏ đi ư?”

“Em nâng tờ báo lên cao hơn.” - Maggie nói một cách nghiêm trang - “Cô ấy đi qua chỗ em, hướng đến một xe tải không có mui che khác cách đó khoảng sáu bảy mét.”

“Để ngắm nhìn các con rối?”

“Làm sao anh biết?” - Maggie có vẻ hơi thất vọng.

“Mỗi xe tải đi sau xe bán kem ở Amsterdam đều có bán các con rối...”

“Đó là những gì cô ấy đã làm. Ông già làm ra bộ tức giận, nhưng làm sao có thể tức giận với một cô gái như thế? Cô ta đã đi xung quanh xe tải, và sau đó trở lại ghế đá. Cô ta giữ cốc kem cứ như muốn để dành cho con rối.”

“Và đã không cảm thấy khó chịu khi thấy con rối hoàn toàn không muốn. Thế, trong khi đó thì bà già béo núc ních và ông mục sư làm gì?”

“Nói chuyện. Họ dường như có rất nhiều điều cần nói với nhau. Sau đó Trudi trở lại và họ còn nói chuyện với nhau thêm một lúc nữa, cuối cùng ông mục sư vỗ về vào lưng Trudi rồi cả ba người đứng lên, ông ta chào bà già béo phì rồi cả ba người chia tay.”

“Một màn diễn rất điển viên. Thế, họ đi về cùng nhau?”

“Không, ông mục sư đi đường khác.”

“Em có đi theo ai trong số ba người?”

“Không.”

“Em khá lắm, nhưng liệu em có bị theo dõi?”

“Em không nghĩ như thế.”

“Em không nghĩ như vậy sao?”

“Có cả một đám đông cùng đi ra một lúc với em. Năm mươi hay sáu mươi người, em không biết. Sẽ là rất ngốc nghếch nếu em cứ đinh ninh là không có ai để mắt đến em. Nhưng không ai đi theo em về đến đây.”

“Còn Belinda?” - Tôi hỏi.

“Có một quán cà phê hầu như đối diện với khách sạn Paris. Rất nhiều các cô gái đến rồi lại đi từ khách sạn, nhưng em đã uống đến ly thứ tư thì mới nhận ra được một cô đã ở trong nhà thờ đêm qua. Đó là một cô gái cao, tóc màu nâu vàng, nổi bật và gây ấn tượng. Em nghĩ là anh trông thấy anh sẽ thích cô ấy.”

“Làm sao em biết là anh thích ngay? Cô ấy mặc quần áo như nữ tu sĩ đêm qua à?”

“Vâng.”

“Thế thì anh không thể nhìn thấy cô ấy có mái tóc màu nâu vàng.”

“Cô ấy có một nốt ruồi ở bên trên gò má trái.”

“Và lông mày đen?” - Maggie nói thêm.

“Đúng thế.” Belinda đồng ý. Tôi đã chịu thua. Tôi tin hai cô. Khi một người con gái xinh đẹp mà xem xét một cô gái xinh đẹp khác thì đôi mắt cô ta trở thành những kính viễn vọng tầm xa. “Em đi theo cô ấy đến Kalverstrat,” Belinda tiếp tục. “Cô ấy đi vào một cửa hàng lớn, nhưng có vẻ như là đi lung tung, đi khắp cả tầng dưới cùng, nhưng thực sự thì không phải là cô ta đi lung tung, vì cô ấy đã dừng lại khá nhanh tại một quầy hàng có chữ *“Vật kỷ niệm, chỉ để xuất khẩu.”*”

“Cô gái xem xét các đồ lưu niệm một cách có vẻ ngẫu nhiên, nhưng em biết, cô ta quan tâm đến những con rối hơn tất cả những vật gì khác.”

“Phải, phải,” - tôi nói - “Lại là chuyện các con rồi, nhưng làm sao mà em biết cô ta chỉ quan tâm thứ ấy?”

“Em biết chứ.” Belinda nói với giọng của một người đang cố gắng mô tả những màu sắc khác nhau cho một người đã bị mù bẩm sinh từ khi lọt lòng mẹ. “Sau đó, cô ấy bắt đầu xem xét một nhóm các con rối đặc biệt rất kỹ lưỡng. Và cứ giả bộ trừ trừ do dự, cuối cùng cô chọn cho mình, nhưng em biết cô ấy chẳng do dự chút nào.” Tôi im lặng một cách thận trọng. “Cô ta đã nói với người bán hàng viết cái gì đấy trên một mảnh giấy.”

“Viết chừng bao lâu?”

“Vừa đủ thời gian để viết một địa chỉ trung bình. Cô ta cứ lặng lẽ tiếp tục cứ như là không biết đến em. Sau đó cô gái bỏ qua việc đưa tiền và rời cửa hàng.”

“Em có đi theo cô ấy không?”

“Không và em đã không bị bám theo.”

“Hoặc bị theo dõi trong cửa hàng đó, ý anh muốn nói ví dụ như đã có một người đàn ông đứng tuổi to béo nào đó theo dõi em.”

Belinda cười rúc rích. “Nhiều ông to béo lắm...”

“Phải, phải đấy, có rất nhiều ông đứng tuổi to lớn dành ra nhiều thời gian theo dõi em. Và cả những anh bạn trẻ không to béo cũng vậy. Tôi không cần phải băn khoăn “. Tôi ngừng một lúc để cân nhắc. “Hai người giống nhau như đúc, tôi yêu cả hai.”

Hai cô nhìn nhau đầy ngụ ý. “Hay lắm.” Belinda nói, “Điều đó thật tuyệt.”

“Về tính chuyên nghiệp mà nói, hai em gái thân mến, xét về tính chuyên nghiệp mà nói thì tôi phải có báo cáo tuyệt vời cho cả hai cô. Belinda này, em đã nhìn thấy con rối mà cô gái chọn chứ?”

“Em đã phải *trả giá* để nhìn thấy được mọi điều.” Cô nói một cách nghiêm nghị.

“Em đã quan sát cô ta một cách có suy đoán, nhưng rồi đã buông lỏng - đó là một con rối có trang phục của dân Huyler. Giống như con rối mà chúng ta đã nhìn thấy trong nhà kho.”

“Làm sao mà em biết?”

“Em có thể nói em là bà đồng. Thực chất của vấn đề, đó là em đã tiếp cận được một thông tin chắc chắn rằng anh và chị Maggie không có.”

“Thế thì tốt quá, chia sẻ nó với bọn anh đi Belinda.”

“Không.”

“Tại sao không?”

“Vì có những người đàn ông ở Amsterdam sẽ bắt cóc anh rồi đưa anh vào một phòng tối và buộc anh nói.”

Im lặng đến hai phút, sau đó Belinda nói. “Anh sẽ không bị như thế chứ?”

“Anh có thể bị như thế,” tôi thừa nhận, “Nhưng chúng sẽ không dễ dàng đến gần anh để đem anh vào một phòng tối như em nghĩ đâu, không dễ chút nào.” Tôi cầm lên một tập hóa đơn “Em đã từng nghe nói về Kasteel Linden chưa? Chưa bao giờ? Anh cũng vậy. Tuy nhiên, có vẻ như, họ đã cung cấp cho hai ông bạn Morgenstern và Muggenthaler của chúng ta một số lượng rất lớn các đồng hồ quả lắc.”

“Tại sao lại là đồng hồ quả lắc?” Maggie hỏi.

“Anh không biết.” Tôi nói dối tình bơ. “Ở đây có thể có một mối liên hệ. Anh đã hỏi Astrid để cố gắng lần theo mà phát hiện ra nguồn gốc loại đồng hồ đó - các em đã biết, cô ta có nhiều mối liên hệ với các tầng lớp cận bã của xã hội mà thật lòng cô ta không muốn. Nhưng bây giờ cô ấy đã đi rồi. Ngày mai anh sẽ xem xét kỹ.”

“Chúng ta sẽ làm việc đó ngày hôm nay,” Belinda nói, “Chúng ta có thể đi đến chỗ Kasteel và...”

“Hai cô làm việc đó, và hai cô sẽ đi chuyến máy bay tới trở về Anh. Bởi vì anh không muốn lãng phí thời gian để lôi các em lên từ

dưới đáy chiến hào bao quanh cái thành quách đó. Hai cô rõ chưa?”

“Rõ, thưa ngài.” Họ đồng thanh nói một cách ngoan ngoãn. Tình hình đã trở nên đáng lo và ngày càng rõ là hai cô không quan tâm đến nỗi băn khoăn của tôi đang ở bất cứ nơi đâu mà hầu như nó cũng tồi như sự vụng về của tôi.

Tôi gom mấy giấy tờ trên bàn rồi đứng lên. “Phần thời gian còn lại trong ngày là của hai cô. Anh sẽ gặp các cô vào sáng ngày mai.”

Thật lạ, dường như hai cô không vui lên tí nào, dù thời gian còn lại trong ngày họ được tự do. Maggie nói, “Còn anh?”

“Một chuyến phóng ô tô về nông thôn. Để làm cho cái đầu của anh được sáng sủa. Sau đó thì ngủ. Và có thể một chuyến du ngoạn trên tàu thủy đêm nay.”

“Là một trong những chuyến đi chơi thơ mộng trên eo biển hay trên những con sông đào?” Belinda đã cố nói cho nhẹ nhàng, nhưng giọng nói xúc động đã không theo ý cô. Cô và Maggie đối với tôi đã trở nên một tập thể nhờ gắn bó trong công việc, bởi vậy trước khi tôi đi vào cái nơi nguy hiểm nhất, các cô tỏ ra lo lắng làm cho tôi cũng hơi một thoáng băng khuâng. “Nhưng anh cũng cần có người để ý đến việc anh trở về chứ, phải không? Vậy thì em sẽ đến nhé.” Belinda nói.

“Không cần đâu, để lần khác.” Tôi nói. “Nhưng cả hai cô không nên xuất hiện trên sông đào. *Không nên đi đâu gần sông đào. Không nên đi gần các hộp đêm.* Và trên hết tất cả là *không nên* đến gần bến cảng và nhà kho đó.”

Và các cô cũng *không nên* đi ra ngoài vào ban đêm. Tôi nhìn chăm chăm vào Maggie. Trong năm năm thương yêu nhau cô chẳng bao giờ nói những lời nặng nề, thậm chí có trường hợp bất hòa, và chắc chắn cô chẳng bao giờ nói với tôi cần làm gì. Cô nắm lấy cánh tay tôi, đó là điều mà cô chưa từng làm trước đây. “Anh cứ làm theo ý mình.”

“Maggie.”

“Đêm nay anh phải dạo chơi trên tàu đó, phải không?”

“Đúng thế, Maggie.”

“Vào lúc hai giờ sáng?”

“Có gì không ổn, Maggie? Không giống như em nghĩ đâu.”

“Em không biết. Mà không... em biết chứ. Em linh cảm dường như có ai đó sẽ đi đôi ủng có đế đóng đinh trên phần mộ anh.”

“Thì em hỏi xem hẳn có ý định đi như thế nào.”

Belinda bước một bước về phía tôi. “Chị Maggie nói đúng đấy. Đêm nay anh không phải đi.” Nét mặt cô căng thẳng vì lo lắng.

“Em cũng vậy ư, Belinda?”

“Vâng.”

Có một sự căng thẳng kỳ lạ trong phòng. Nét mặt hai cô như là cầu khẩn, một điều gần như tuyệt vọng thể hiện trong con mắt của hai người trông rất kỳ lạ, cứ như là tôi vừa thông báo rằng tôi sẽ bắt đầu một cuộc tấn công trên các vách đá cheo leo, hoặc linh tính đã báo cho hai cô biết chuyến đi này của tôi không chắc có trở về, bởi quá nhiều nguy hiểm.

Belinda nói, “Những gì chị Maggie muốn nói là anh đừng bỏ chúng em.”

Maggie gật đầu, “Anh đừng ra ngoài đêm nay, hãy ở lại với chúng em.”

“Trời đất ôi!” Tôi nói. “Lần sau mà anh cần phải ra nước ngoài, thì anh sẽ đem hai cô gái ‘người lớn’ đi cùng, chứ cứ như thế này thì...” Và tôi đi qua họ để ra phía cửa ra vào, nhưng Maggie đã chặn đường, ôm lấy tôi và hôn tôi nghẹn ngào... Và chỉ vài giây sau thì Belinda cũng làm như vậy.

“Thôi nào, kỷ luật không cho phép như thế này đâu.” Tôi nói. Sherman đã bị ngợp quá và sắp mềm lòng vì những tình cảm này rồi. “Thật vậy, rất tồi.”

Tôi mở cửa rồi quay lại nhìn xem hai cô có đồng ý với tôi không. Nhưng họ không nói gì, mà chỉ đứng đấy nhìn tôi tuyệt vọng một cách

kỳ lạ. Tôi lắc đầu phát cáu rồi đi.

Trên đường trở về khách sạn Excelsior tôi mua một tờ giấy màu nâu. Về đến phòng khách sạn tôi dùng giấy này để bọc toàn bộ quần áo mà ít nhiều đã bị ẩm ướt từ đêm trước, in một cái tên và địa chỉ giả lên bọc rồi đem xuống bàn tiếp tân. Trợ lý giám đốc đang đứng sau bàn.

“Bưu điện gần nhất ở đâu?” - Tôi hỏi.

“Ông Sherman thân mến,” lời chào mừng thân thiện từ miệng anh ta luôn phát ra như một cái máy tự động, nhưng lần này thì anh ta không cười, “Chúng tôi có thể có người đưa đến Bưu điện cho ông.”

“Cảm ơn, nhưng tôi muốn đích thân đi gửi.”

“À vâng, tôi hiểu.” Thật ra anh ta chẳng hiểu gì hết và tôi cũng không cau mày hay nhăn trán, có điều anh ta cảm thấy hơi lạ, vì Sherman đã đi khỏi khách sạn với một bọc màu nâu kẹp trên cánh tay. Anh ta cho tôi địa chỉ mà tôi không muốn.

Tôi đặt gói trong ngăn để hành lý đằng sau ô tô cảnh sát, rồi phóng xe qua thành phố ra vùng ngoại ô cho đến khi xe tôi chạy về vùng nông thôn, hướng về phương bắc. Lát nữa thôi, tôi biết mình đang cho xe chạy dọc theo ven biển vùng Zuider Zee, nhưng tôi không thể nhìn thấy nó, vì con đê cao ở bên phải đường, còn bên tay trái cũng chẳng có gì nhiều để nhìn: miền đồng quê Hà Lan không có ý định làm cho khách du lịch cảm thấy vui thích trước phong cảnh thiên nhiên bao la.

Lúc này tôi đã đến trước một biển chỉ đường, “HUYLER, 5 kilômet”. Tôi cho xe chạy tiếp vài trăm mét rồi rẽ sang trái tách khỏi con đường vừa chạy qua và dừng xe lại ngay sau một tấm biển dán bản đồ chỉ dẫn của làng. Trên bản đồ có chỉ rõ nhà bưu điện, và bên ngoài nhà bưu điện là một trạm điện thoại công cộng. Tôi khóa ngăn để đồ đằng sau xe và khóa cửa ô tô rồi đi đến đấy.

Trên đường trở lại con đường chính, tôi đi ngang qua đường rồi trèo lên sườn con đê phủ đầy cỏ cho đến khi có thể nhìn thấy Zuider Zee. Một làn gió mát thổi làm lấp lánh mặt nước xanh và trắng dưới ánh nắng mặt trời buổi chiều tà, nhưng nếu thể hiện một cảnh trong chuyện thì người ta không thể nói nhiều hơn đó là một dải nước bao quanh một vùng đất, khi nó hiện ra một chút, cũng không hơn gì một miền đất phẳng sẫm tối nơi chân trời. Đặc điểm khác biệt duy nhất ở bất cứ nơi nào có thể nhìn thấy là một hòn đảo phía đông bắc, ở ngoài khơi khoảng một dặm.

Đây là hòn đảo Huyler, và thậm chí nó cũng không phải là đảo. Nó đã được các kỹ sư xây dựng thành một con đường đắp cao từ đất liền ra đến đó, để nó được phơi bày đầy đủ những lợi ích của nền văn minh và thương mại du lịch.

Dọc theo mặt con đường đắp cao này là một đường quốc lộ bằng đá giảm trộn nhựa đường đã hoàn thành từ lâu.

Bản thân hòn đảo thật ra cũng không xứng đáng để mô tả sự khác biệt. Địa thế của nó thấp và phẳng, đến nỗi một dải sóng lớn nhỏ gì cũng có thể trườn qua nó, nhưng sự bằng phẳng của nó đã được giảm bớt đi bởi rải rác đây đó có các ngôi nhà xây trong những trang trại, vài kho thóc lớn của Hà Lan và trên bờ biển phía tây của đảo, đối diện với phía đất liền có một làng bao quanh một bến cảng nhỏ. Và tất nhiên nó cũng có các con sông đào. Đó là tất cả những gì tôi nhìn thấy, bởi vậy khi đi về, trở lại con đường chính, tôi cứ đi bộ cho đến khi gặp một trạm xe buýt và lên chiếc xe tôi gặp đầu tiên để trở về Amsterdam.

Tôi đã quyết định ăn cơm tối sớm hơn thường lệ, vì không thể có cơ hội ăn cơm muộn tối nay nữa, tôi nghi ngờ rằng những gì mà người ta thường coi là cái điều không thể tránh khỏi, đối với tôi đêm đó, có lẽ còn tốt hơn là cam chịu không dám chạm trán. Và, sau đó tôi đi ngủ, trong lòng vẫn nghĩ rằng không chắc sau này tôi còn có được một giấc ngủ nào giống như đêm đó không.

Chuông đồng hồ báo thức đã dựng tôi dậy lúc quá nửa đêm. Tuy nhiên tôi không cảm thấy mình đã được nghỉ ngơi. Tôi thận trọng mặc bộ áo quần màu sẫm, mặc áo nịt len cao cổ của hải quân. Đôi giày vải bạt đế cao su mềm màu đen và một áo khoác vải bạt màu sẫm. Khẩu súng ngắn bọc trong một túi vải dầu có khóa kéo đóng - mở được ấn vào bao súng đeo dưới vai. Hai ổ đạn dự phòng tôi dựng trong một bao nhỏ tương tự và tất cả được cất đi một cách an toàn trong một túi vải dầu nhét vào chiếc áo khoác vải bạt. Tôi nhìn hồi lâu vào đáy chai rượu Scotch trong tủ rượu và quyết định không uống. Tôi ra đi.

Tôi ra đi, vì sắp đến giờ phút quyết định cái bản tính quả cảm của tôi, một thử thách không dễ đương đầu. Từ phòng của mình trong khách sạn, tôi đi ra bằng lối cửa thoát hiểm khi có hỏa hoạn. Phố xá bên dưới, như thường lệ, vẫn vắng tanh, và tôi biết là không có ai bám theo khi tôi rời khỏi khách sạn. Và cũng không cần quan tâm đến ai đó bám theo tôi, vì đối với những người muốn cho tôi gặp điều rủi thì họ đã biết tôi đang đi đâu và họ có thể trông đợi tìm thấy tôi ở đâu. Tôi chắc chắn là họ đã biết điều này. Điều tôi hy vọng là không ai biết được cái điều tôi đã biết.

Tôi quyết định đi bộ, bởi vì tôi không có xe ô tô nữa và vì tôi đã trở nên dễ có ác cảm với xe taxi của Amsterdam. Các đường phố vẫn không người qua lại, ít ra là những phố tôi đi qua. Đường như đây là một thành phố rất yên tĩnh và thanh bình.

Tôi đã đến khu vực bến cảng, định hướng mục tiêu và tiến vào cho đến khi tôi đứng trong bóng tối của một kho hàng. Mặt số dạ quang chiếc đồng hồ đeo tay đã chỉ hai giờ kém hai mươi phút. Gió thổi nhiều và mạnh và không khí càng lúc càng lạnh hơn, nhưng trời có thể coi là không mưa mặc dù lúc này hơi lất phất mưa bay. Tôi có thể cảm nhận được mùi vị nhớ quê hương của biển, mùi nhựa đường và mùi của dây thừng và tất cả mọi thứ khác đã tạo nên cái mùi của biển hay đúng hơn là cái mùi của vùng cạnh bến cảng, nó giống nhau trên khắp thế giới. Những đám mây đen bị xé vụn tả tơi lướt nhanh

qua bầu trời đêm, thỉnh thoảng mới thoáng thấy một vầng trăng bán nguyệt rất mờ từ trên cao, không đủ để làm sáng thêm chút nào bức màn đêm mù mịt.

Trong những khoảnh khắc hiếm hoi mà bầu trời có sáng hơn được đôi chút, tôi nhìn ra ngoài bến cảng, thoạt đầu chỉ nhìn thấy hơi mờ mờ và sau đó thì không thấy gì mà chỉ là một màn đêm. Có hàng trăm xà lan có thể nhận thấy trong cái khối đen này vì đây là một trong những cảng xà lan lớn nhất thế giới, xếp thành hàng thành dãy với kích thước từ sáu bảy mét cho đến những xà lan lớn trên sông Rhine, tất cả chen chúc nhau trong một sự lộn xộn có vẻ như không thể nào gỡ ra được. Tôi biết, sự hỗn độn thể hiện ở bên ngoài này còn hơn là thực tế. Không nghi ngờ gì nữa, các xà lan đã nêm chặt lại với nhau, ngoài việc đòi hỏi một sự thao tác điều khiển có tay nghề cao của thủy thủ mỗi xà lan, mà thực tế, để tiến được vào con đường hẹp quy định cho chúng trên biển, chúng còn phải cắt nhau với hai hay ba con đường biển lớn dần hơn lên, trước khi nó vượt được ra ngoài biển khơi. Các xà lan được nối đến đất liền bởi một loạt những mũi tàu hay đúng hơn là bằng con đường dài từ đầu đến cuối xà lan hết cái nọ đến cái kia và những cái “cầu” hẹp hơn buộc vào các góc bên phải của chúng.

Mặt trăng lấp ló sau đám mây. Tôi đã đi dưới bóng tối của một trong những cái “cầu tàu” chính đó, đế cao su mềm đôi giày của tôi rất êm nên không gây một tiếng động trên gỗ ẩm và thậm chí tôi còn nhảy trên đôi ủng có đóng đinh to. Tôi nghi ngờ không biết có người nào, ngoài những ai đó muốn cho tôi gặp điều rủi đã chú ý đến, bởi vì dù tất cả những xà lan hầu như chắc chắn không có các thủy thủ và trong nhiều trường hợp các thủy thủ và gia đình họ chỉ có một hoặc hai ánh đèn sáng trong số hàng trăm tàu đang nằm đây, và ngoài cái bài điệu ca yếu ớt của gió và tiếng cọt két nhẹ va chạm nhau khi gió làm cho các xà lan đung đưa trên các dây chèo neo chúng, thì chỉ có sự im lặng

là ngư trị. Cảng xà lan là một thành phố mà bản thân nó đang ngủ ngon cùng thành phố Amsterdam.

Tôi đã đi qua một phần ba chiều dài con đường cầu tàu chính thì, bỗng nhiên ánh trăng chiếu sáng vắng vặc. Tôi dừng lại và nhìn quanh.

Khoảng năm mươi mét phía sau có hai người đàn ông đang im lặng tiến về phía tôi. Tuy rằng trông họ chỉ là hai bóng đen nhưng tôi có thể nhìn thấy hình bóng họ trên nền sáng trắng, rằng cánh tay phải của họ rõ là dài hơn cánh tay trái. Họ đã mang cái gì đó ở tay phải. Không có gì ngạc nhiên khi nhìn thấy những vật đó trên cánh tay phải họ, cũng giống như tôi không ngạc nhiên khi nhìn thấy chính bản thân họ.

Tôi liếc nhanh về bên phải mình. Thêm hai người đàn ông nữa đang tiến từ đất liền ra theo đường cầu tàu song song kế liền bên phải. Họ sắp tiến kịp đến hai người đang đi trên cầu tàu với tôi.

Tôi liếc sang bên trái. Thêm hai người của bọn chúng. Hai bóng đen ấy đang rảo bước. Thật lòng tôi khâm phục sự phối hợp của chúng.

Tôi đổi hướng và đi về phía bến cảng. Vừa đi, tôi vừa rút súng ra khỏi bao súng và bao không thấm nước. Mặt trăng vẫn ẩn sau những đám mây. Tôi bắt đầu chạy, và khi chạy tôi liếc nhìn qua vai mình. Ba cặp, vị chi là sáu tên lực lưỡng cũng co cẳng chạy. Tôi chạy thêm khoảng năm sáu mét rồi lại liếc nhìn qua vai. Hai người đàn ông trên cùng cầu tàu với tôi đã dừng lại và giơ súng lên nhằm vào tôi hay có vẻ như vậy bởi vì thật khó biết chính xác dưới ánh sáng mờ mờ của những vì sao, nhưng một lúc sau tôi đã hết nghi hoặc vì tiếng súng bụp nhẹ, rạch thành những đường lửa đỏ trên nền trời đêm, mặc dù hầu như không có tiếng nổ to, và hoàn toàn có thể hiểu được không phải vì phát súng nổ của hãn mà có thể làm rối loạn hay là đánh thức hàng trăm xà lan của những người Bỉ, người Đức và Hà Lan, nếu như vì thế

mà có thể giúp cho chúng nó. Tuy nhiên có vẻ như chúng không từ bỏ ý định quật ngã tôi. Ánh trăng lại ló ra, và tôi lại bắt đầu chạy nữa.

Một viên đạn của chúng đã găm được vào người tôi, xé toang mấy lần áo rồi xuyên vào cánh tay tôi, mặc dù nổi đau mà tôi cảm thấy do vết thương ở phần trên cánh tay phải đã làm cho tôi bất giác ôm chặt lấy nó. Tôi bất ngờ đổi hướng chạy khỏi đường cầu tàu chính, nhảy lên mũi một xà lan đã được neo lại cạnh một đường cầu tàu nhỏ ở góc bên phải rồi lạng lẽ chạy dọc theo boong tàu cho đến khi tôi đến được một chỗ có thể ẩn náu trong phòng lái ở cuối tàu. Khi đã ở trong nơi ẩn nấp rồi, tôi liếc mắt xung quanh đề phòng.

Hai người đàn ông trên đường cầu tàu chính đã dừng lại và đang nhanh chóng tìm đến với đồng bọn chúng ở bên phía phải, làm cho tôi chợt nảy ra ý nghĩ nên đánh tạp sườn, như thế có thể hay hơn là bắn từ phía sau. Tôi nghĩ, ý tưởng của chúng rất hạn chế về những gì cấu thành chữ “chơi đẹp” trong tinh thần thể thao, nhưng không có nghi ngờ gì về hiệu quả của nó. Hoàn toàn rõ là, nếu chúng nhìn thấy tôi và tôi cũng nhận xét các cơ hội của chúng là tốt, thì sự bao vây này sẽ trở nên tốt thật sự, hoặc là phương pháp đánh tạp sườn sẽ trở nên rất tốt cho tôi, nếu như tôi có thể làm cho chúng tình ngộ cái ý tưởng này ngay khi tôi có thể, do đó tôi tạm thời làm ra vẻ không biết đến hai tên đứng trên đường cầu tàu chính, tôi hy vọng chúng sẽ vẫn ở nơi chúng đang đứng và chờ những tên đánh tạp sườn chộp được tôi, và quay sang đối diện với đường cầu tàu bên trái. Năm giây đã qua, và chúng vẫn không rời mắt, không chạy mà đi một cách thận trọng và ngó nghiêng, sầm soi những chỗ tối dưới bóng trăng mờ, đưa mắt nhìn các phòng lái và cabin của xà lan, mà đó là sự liêu lĩnh một cách đại dột hoặc đơn giản là chúng đã quá ngu nên mới hành động như vậy, bởi vì tôi đang nấp ở chỗ tối nhất mà tôi chọn được, còn bọn chúng, trái lại đang phơi bày hoàn toàn mục tiêu dưới ánh trăng non thượng tuần, trong khi đó tôi đã nhìn thấy chúng từ rất lâu trước khi chúng có thể thấy tôi. Tuy nhiên tôi nghi hoặc, không biết chúng đã nhìn thấy tôi

chưa. Một tên trong bọn chúng, mà tôi để ý thấy hắn chẳng bao giờ nhìn lại chỗ nào một lần thứ hai, vậy thì tôi phải cho hắn về cầu Chúa khi hắn đã nằm trong tầm ngắm của mình. Tôi nổ súng rồi di chuyển nhẹ nhàng đến mức không hề gây nên tiếng động, nói đúng hơn là tiếng động đó không to hơn một tiếng nước xao động vỗ vào trong bến cảng. Tôi giơ súng bắn phát thứ hai, nhưng một tên khác đã phản ứng rất nhanh, thật vậy, và hắn bay người về phía sau ngoài tầm bắn của tôi trước khi tôi có thể bóp cò lần nữa. Điều xảy ra đối với tôi, thật không có lý chút nào, vì tinh thần thượng võ của tôi thậm chí còn thấp hơn bọn chúng, nhưng tôi đang trong tình thế rất dễ bị tấn công đêm đó, trên một địa hình chiến đấu không quen thuộc như chúng nó.

Tôi nhanh nhẹn chuyển chỗ, chăm chú quan sát xung quanh phòng lái. Có hai tên đang đứng trên cầu tàu chính không di chuyển. Có lẽ chúng không biết điều gì đã xảy ra. Bây giờ chúng đang đứng ở khoảng cách có cự ly khá xa, có thể phát súng nữa của tôi bắn ra sẽ khó chính xác, nhưng tôi đã cố gắng nhắm bắn cẩn thận. Tôi nghe thấy tiếng một tên kêu thét lên và khụy xuống ôm lấy chân, nhưng từ sự sốt sắng này mà hắn đã bám theo bạn hắn và nhảy từ cầu tàu vào nắp trong một xà lan mà tôi chắc hắn không bị đau nhiều. Mặt trăng lại bị đám mây che lấp, dù chỉ là một đám mây rất nhỏ, nhưng là đám mây duy nhất cho phút giây tới hoặc cũng vì thế mà chúng đã có thời gian nhắm chính xác vào tôi. Tôi lại di chuyển, nhảy dọc theo xà lan, vọt tiến đến con đường cầu tàu chính rồi bắt đầu chạy xa hơn vào trong bến cảng.

Tôi chạy được khoảng mười mét thì cái ánh trăng chết tiệt lại xuất hiện. Tôi bay người nằm sấp để mặt tôi hướng về phía bờ. Phía bên trái tôi là cầu tàu không có người, và hầu như không ngạc nhiên khi tin chắc rằng tên đàn ông rượt đuổi tôi vẫn còn đấy chắc hẳn là phải run rẩy. Tôi liếc nhìn bên phải mình. Có hai tên, còn gần tôi hơn là hai tên đã thận trọng rút khỏi cầu tàu chính, từ sự thật là chúng vẫn đang còn đi về phía trước một cách có mục đích, hơn nữa còn khá liêu

lĩnh và chắc là chúng còn chưa biết một tên trong bọn chúng đang nằm dưới đáy bến tàu. Nhưng chúng cũng đã nhanh chóng học được tính hiệu quả của sự thận trọng, khi ba tên khác đã biến mất khỏi cầu tàu rất nhanh, và tôi kịp thời bắn hai phát vào chúng, song rất tiếc là cả hai phát đều không trúng đích. Hai tên trên cầu tàu chính đã có phản ứng nấp mình và bắn lại nhưng chúng ở quá xa để có thể bắn tôi và tôi cũng vậy, không thể bắn chúng có hiệu quả.

Cái trò chơi trốn và tìm chết người này còn kéo dài thêm năm phút nữa, ẩn nấp, di chuyển, và bắn, sau đó lại chạy. Chúng ỷ thế đông nên luôn luôn tìm cách áp sát tôi. Bây giờ, chúng rất thận trọng, tận dụng những cơ hội nhỏ nhất và sử dụng tối đa lợi thế hơn người. Một hay hai tên thu hút sự chú ý của tôi, trong khi những tên khác chạy vút lên từ chỗ nấp trên một xà lan này sang nấp ở một xà lan khác. Tôi vẫn điềm tĩnh và lạnh lùng nhận thức rằng tôi cần phải làm gì đấy khác và làm ngay đi thì mới có thể kết thúc trò chơi này, và trước hết tôi phải tỉnh táo, rất tỉnh táo, nếu không chắc chắn tôi sẽ bị chúng khử.

Đã mấy lần không phù hợp để tiến hành theo dự định, bởi vậy tôi phải chọn vài cơ hội, tôi nấp đằng sau cabin và phòng lái để nghĩ về Belinda và Maggie. Đó là, tôi tự hỏi, tại sao hai cô lại ứng xử một cách đáng ngờ và kỳ quặc cứ như là đó là lần cuối cùng tôi còn nhìn thấy họ? Họ đã phỏng đoán trước được tình hình này, hoặc đã biết được bằng trực giác rất kỳ quặc và nhạy cảm của phụ nữ, và nó có cái gì đấy giống như đang xảy ra tại đây đối với tôi và các cô biết sẽ có kết cục như thế nào nên đã lo lắng không muốn cho tôi đi đêm nay? Tôi nghĩ, giờ đây hai cô không nhìn thấy tôi, tuy các cô biết là mình đúng, song sự tin tưởng của họ đối với tôi là không gì có thể phá vỡ được.

Tôi cảm thấy không còn hy vọng, phải liều, và nghĩ rằng mình phải quan sát thật tinh nhanh, tôi trông đợi tìm được một tên đang cầm súng hoặc một con dao hành động nhanh đang chờ tôi, và tôi nghĩ mình có thể đương đầu với chúng, nếu may mắn thì thậm chí chơi

được hai tên trong bọn chúng, nhưng tôi không trông đợi điều này. Tôi đã nói những gì với Belinda bên ngoài nhà kho? “Nó chạy trốn để rồi lại chiến đấu vào một ngày khác.” Nhưng bây giờ đây tôi không có chỗ để chạy, chỉ cách hai mươi mét thôi là đến đầu cầu tàu chính. Đó là một cảm giác rùng rợn như đang bị tử thần săn đuổi giống một con thú hoang dã hoặc là một con chó dại, trong khi hàng trăm người đang ngủ trong phạm vi một trăm mét. Tất cả những gì tôi phải làm bây giờ là cứu mình, đó là tháo ống giảm thanh khỏi súng và bắn chỉ thiên hai phát, và chỉ trong phạm vi vài giây, toàn bộ bến cảng xà lan sẽ náo động lên để tìm bắt kẻ gian và tôi có cơ hội thoát thân. Nhưng tôi không thể hành động như vậy bởi những gì tôi cần phải làm đêm nay, và tôi biết đây là cơ hội cuối cùng mà tôi có được. Cuộc sống của tôi ở Amsterdam sau đêm nay sẽ không đáng giá bằng một đồng xu. Tôi không thể cho phép mình làm điều đó, ngay cả khi để mặc tôi trong một cơ hội mong manh nhất có thể tưởng tượng được. Tôi không nghĩ là tôi sẽ có được một cơ hội, và tôi cũng không nghĩ tôi là người có đầu óc lạnh mạnh.

Tôi nhìn đồng hồ đeo tay. Hai giờ sáu phút. Tuy nhiên, nói theo cách khác thì thời gian hầu như đã hết. Tôi nhìn lên bầu trời. Một đám mây nhỏ đang trôi giạt về phía mặt trăng và đây là phút giây chúng sẽ chọn cho cuộc tấn công tiếp theo và hầu như chắc chắn là cuộc tấn công cuối cùng, đó cũng là thời điểm tôi chọn cho mưu toan tiếp theo và cũng chắc chắn đây là mưu toan cuối cùng để thoát khỏi tình trạng đơn độc, hiểm nguy. Nhìn vào trong boong xà lan, thấy hàng hóa đã được dỡ ra và tôi nhặt lấy một thanh kim loại dài. Tôi lại phán đoán theo hướng chuyển động của đám mây xám không lớn đó, và có vẻ như nó đang trở nên nhỏ hơn. Tâm của nó sẽ không trực tiếp đi qua mặt trăng, nhưng nó sẽ phải trôi qua như vậy.

Kiểm lại thấy còn lại năm viên đạn trong ổ đạn thứ hai, nên tôi bắn ra liên tiếp, rất nhanh vào nơi tôi biết hoặc tôi phán đoán những tên đang truy đuổi tôi nấp ở đấy. Tôi hy vọng bắn áp đảo như thế, có

thể ghìm chân chúng lại vài giây, nhưng tôi không nghĩ mình thực sự tin vào thực tế diễn ra theo ý muốn. Rất nhanh, tôi nhét khẩu súng vào trong túi đựng bằng vải dầu không thấm nước, kéo khóa kéo lên, để đề phòng một cách chắc chắn, tôi không nhét nó vào bao súng mà cho vào túi có khóa kéo trong áo khoác bằng vải bạt của mình, sau đó chạy dọc theo xà lan một vài bước rồi bước lên mép tàu và lao mình rất gọn sang cầu tàu chính. Tôi đã nhảy một cách liêu lĩnh và khi tôi hành động như vậy, tôi nhận thấy rằng cái đám mây chết tiệt đó đã biến mất cùng với mặt trăng.

Bỗng nhiên tôi cảm thấy rất bình tĩnh, bởi giờ đây không còn có những lựa chọn để ngỏ cho tôi. Tôi chạy, vì không còn có gì khác hơn trên đời mà tôi có thể làm được. Tôi vẩy súng như điên từ bên này sang bên kia rồi lao mình né tránh những viên đạn của những tên đang thích trở thành đao phủ nhằm bắn tôi. Đến sáu bảy lần trong ba giây tôi đã nghe thấy những tiếng ạch ạch - chúng như đang rượt đuổi rất gần tôi - và hai lần tôi cảm thấy tay mình như bị giật rất mạnh và đau nhói. Bỗng nhiên tôi ngửa người, giơ cả hai tay cao lên trên không rồi quăng mạnh thanh kim loại xuống biển, sau đó đổ sập người xuống cầu tàu thậm chí trước khi tôi nghe thấy tiếng nước bắn tóe. Tôi đã vùng vẫy và làm cho đôi chân mình quắp lấy cổ họng rồi đổ người về phía sau xuống eo biển. Tôi hít một hơi thở thật sâu và nín thở.

Nước thì lạnh lắm, nhưng chưa đóng băng, trông đục đục và không sâu. Chân tôi đã chạm vào bùn và tôi cứ để chúng trên bùn như thế. Tôi bắt đầu thở ra, rất chậm, rất cẩn thận, tiết kiệm chút không khí dự trữ mà chắc là không nhiều, bởi vì tôi không mấy khi luyện tập theo kiểu này. Trừ phi tôi tính toán sai về mức độ hăm hở của những tên truy đuổi là chúng đã bỏ đi. Nhưng hai tên đứng trên cầu tàu chính đang ngó nghiêng sẫm soi mọi chỗ, chúng hy vọng rằng ở cái nơi tôi đã biến đi trong phạm vi năm giây thì tôi vẫn còn ở đâu gần đó. Tôi hy vọng là chúng đã rút ra những kết luận không đúng từ những bọt bong

bóng nổi trên mặt nước, và tôi hy vọng chúng bảo nhau rút đi cho sớm để tôi khỏi phải diễn cái vở kịch này lâu hơn.

Sau những gắng sức, có lẽ đến năm phút, nhưng thực tế là không hơn ba mươi giây tôi ngừng thở và để cho những bọt hơi thở ra nổi lên bề mặt, vì lý do quan trọng là tôi không còn không khí ở trong phổi để thở nữa.

Phổi của tôi bây giờ bắt đầu đau lắm. Tôi hầu như nghe được cả tiếng tim mình đập - chắc chắn tôi có thể cảm thấy nó - đang uyển chuyển trong cái bộ ngực lép của mình, và đôi tai tôi đau nhức. Tôi khoát tay xua đám bùn và bắt đầu bơi sang bên phải với hy vọng có Chúa đã định hướng sang bên phải cho tôi. Tay tôi đã chạm vào đầu một xà lan, tôi đã sử dụng cái chỗ bám này mà bơi đi rất nhanh bên cạnh nó và sau đó thì bơi trên bề mặt.

Tôi không nghĩ mình có thể đứng mãi dưới nước thậm chí lâu hơn vài chục giây nữa mà không uống no nước. Vì khi tôi nổi lên bề mặt, nó sẽ hạn chế một cách đáng kể và sẽ tiếp thêm lực để ngăn ngừa tôi khỏi rút không khí từ phổi ra với những tiếng ho khúc khắc có thể làm cho người khác nghe được trên đường đi qua bến cảng, nhưng trong những hoàn cảnh nào đó, như là khi cuộc sống của bạn phụ thuộc vào đó thì bạn có thể huy động tối đa sức mạnh ý chí, thật vậy, và tôi đã làm như vậy vài lần lặng lẽ nuốt những ngụm không khí.

Thoạt đầu tôi không thể nhìn thấy gì hết, không nhìn được chút nào, nhưng ở bến cảng này, đúng là đã có một màng dầu trên mặt nước, nên nó tạm thời làm dính hai mi mắt lại với nhau. Tôi đã ngâm để rửa mắt trong nước sạch, nhưng cũng không nhìn được rõ hơn bao nhiêu, có thể cũng là vì vỏ tàu tối sẫm mà tôi đang ẩn nấp đằng sau, cầu tàu chính ở phía trước và còn một cầu tàu khác song song cách hơn ba mét. Tôi có thể nghe được tiếng người nói nhưng là giọng người đang nói thì thầm nhỏ to. Tôi bơi nhẹ nhàng đến chỗ đuôi xà lan, nấp mình sau bánh lái rồi quan sát tỉ mỉ quanh đuôi xà lan. Hai tên đàn ông, một tên cầm đèn pin đang đứng trên cầu tàu, ngó nghiêng

xuống dưới, ở chỗ mà mới đây tôi đã biến mất nhưng mặt nước hoàn toàn yên tĩnh và phẳng lặng.

Hai tên đó đã đứng dậy. Một trong hai đưa nhún vai và phác một cử chỉ với hai lòng bàn tay ngửa lên. Tên thứ hai gật đầu đồng ý và xoa bóp chân hấn một cách nhẹ nhàng. Tên thứ nhất giơ cánh tay lên và huơ huơ chéo trên đầu hai lần, đầu tiên là về bên trái, sau đó về bên phải. Đúng khi hấn vừa làm như thế xong, thì có một tiếng người nghe giật giọng, rồi tiếng ho và thổi phì phì, bắt chước giống như tiếng động cơ diesel tàu thủy, ở đâu đó nghe rất gần, thật vậy. Rõ ràng là không phải hai người đàn ông chăm chú nhiều đến sự triển khai mới này đối với tên đã làm tín hiệu, cùng lúc đó hấn túm lấy cánh tay của tên bị thương kia và dẫn tên đó đi với cái dáng tập tễnh và nhanh đến mức độ mà hấn có thể đi được.

Tôi dướn mình leo lên trên xà lan, động tác đó có vẻ như rất đơn giản, quả có thế, nhưng khi một thân tàu có cạnh gàn như dốc đứng đến một mét ba kể từ mặt nước lên thì sự đơn giản này hóa ra lại là việc không có khả năng thực hiện được đối với tôi. Nhưng cuối cùng tôi cũng leo lên được với sự trợ giúp của dây chèo ở đuôi tàu, rơi đánh thịch một cái lên mép tàu rồi nằm đấy đến nửa phút, thở hổn hển như một con cá voi bị mắc cạn, trước sự kết hợp của việc bắt đầu phục hồi từ tình trạng kiệt sức hoàn toàn và một cảm giác mách bảo tôi phải khẩn cấp tiến về phía mũi xà lan và sang cầu tàu chính.

Hai người đàn ông vừa qua đã nhất quyết tìm cách giết tôi, bây giờ thì không nghi ngờ gì nữa, sự hăng hái đó đã được thỏa mãn như thể họ đã hoàn thành nhiệm vụ, và hai cái bóng đen đó đã biến đi, rồi hòa lẫn vào trong đêm đen cùng với các kho để hàng trên bờ biển. Tôi nhảy lên cầu tàu và núp mình ở đấy một lúc cho đến khi tôi định hướng được nguồn phát ra tiếng diesel, sau đó mới cúi khom người xuống, chạy rất nhanh dọc theo cầu tàu để đến được chỗ mà xà lan được buộc chặt vào cạnh cầu tàu, trước tiên vượt người cho ráo nước ở

hai tay và đầu gối, sau đó đến khuỷu tay trước khi quan sát cẩn thận trên cầu tàu.

Chiếc xà lan này dài ít ra là hai mươi hai mét, chiều rộng thì theo tỷ lệ tương ứng và hoàn toàn thiếu sự hấp dẫn của một xà lan được thiết kế cẩn thận. Đến ba phần tư chiều dài xà lan được lót ván, rồi phòng lái và chỗ ăn ở của đoàn thủy thủ. Những ngọn đèn tỏa ánh sáng vàng vọt lên mấy ô cửa sổ có rèm che. Một người cao lớn đội mũ lưỡi trai đang ngả người vào cửa sổ phòng lái, nói chuyện với một thủy thủ, đang chuẩn bị để tháo dây buộc vào cạnh cầu tàu.

Đuôi xà lan được buộc vào cạnh cầu tàu chính, nơi mà tôi đang nấp. Người thủy thủ đó nhảy lên cạnh cầu tàu và đến để cởi nút buộc dây tháo tuột ra một cách lặng lẽ ở đuôi xà lan rồi mới khom người thấp phía sau cabin. Tôi nghe tiếng động của dây chèo quăng lên trên boong và tiếng bước chân giẫm trên sàn gỗ khi người đàn ông từ trên cạnh cầu tàu nhảy xuống. Tôi nhẹ nhàng và rón rén di chuyển đến gần một chiếc thang sắt đặt ở cabin, trèo lên thang này rồi dịch dần vào, sau đó tôi nằm sấp xuống và lựa cách có thể duỗi thẳng được người trên nóc phòng lái có bậc. Có ánh sáng đâu đó gần đây, nhưng không có gì đáng lo, ánh sáng đó không định vị về phía nóc của phòng lái, mà chúng có tác dụng như muốn khuyên tôi rằng vị trí hiện nay tôi đang nằm không được an toàn, mà nên ẩn sâu thêm vào bóng tối hơn nữa.

Tiếng động cơ xà lan nghe đã trầm và nặng thêm và cầu tàu cứ dần dần tụt lại đằng sau. Tôi băn khoăn tự hỏi không biết là mình có bước từ một cái chảo rán sôi sục sang đám lửa đang cháy bùng bùng hay không.

10

Tôi hầu như đã chắc chắn là mình sẽ bị đưa ra ngoài biển đêm đó, như bất kỳ ai trong hoàn cảnh giống như tôi lúc ấy, cả người ướt sũng, không có lấy một chỗ nào khô trên người và quần áo, thật vậy. Và nếu như tôi đã nghĩ đến điều này, thậm chí chỉ một chút đắn đo trước về khía cạnh đó, thì tôi đã trang bị cho mình thích nghi hơn, nghĩa là mang theo một bình khí nén thợ lặn cùng với bộ quần áo không thấm nước của họ. Nhưng tiếc thay, suy nghĩ về một bộ quần áo thợ lặn chẳng bao giờ nảy sinh trong đầu tôi, và bây giờ thì không có lựa chọn nào, nhưng nếu cứ nằm đây thì tôi phải trả giá cho sự khinh suất của mình.

Tôi cảm thấy như thể mình đang bị chết cứng dần dần. Gió biển ban đêm thổi vào Zuider Zee đủ rét buốt làm tôi rùng mình vì lạnh, thậm chí một người mặc quần áo ấm cũng buộc phải nằm bất động mà tôi thì lại không có quần áo ấm. Tôi đã ngâm mình trong nước biển và gió lạnh, hậu quả đó làm cho tôi cảm thấy cơ thể mình đang chuyển thành một khối băng nhưng có sự khác nhau là khối băng thì trơ còn tôi thì run cầm cập vì lạnh, run liên tục như là người bị sốt rét nặng, nước tiểu có màu đen thẫm. Niềm an ủi duy nhất với tôi đó là tôi không cần nghĩ đến, không quan tâm đến trời có mưa hay không: bởi vì tôi không thể nào ướt hơn được nữa so với hiện nay.

Với những ngón tay tê cứng đi vì lạnh, tôi lóng ngóng mở khóa kéo các túi áo khoác, lôi ra khẩu súng và ổ đạn còn lại từ trong túi bọc không thấm nước, nạp đạn vào súng và nhét nó vào lại trong áo khoác bằng vải bạt. Tôi tự hỏi một cách vẩn vơ rằng điều gì sẽ xảy ra nếu như trong một lúc khẩn cấp, tôi thấy ngón tay bóp cò súng của mình bị

tê cứng lại, vì vậy tôi đưa bàn tay phải của mình vào trong chiếc áo khoác thấm đẫm nước. Hiệu quả duy nhất của cách này là làm cho bàn tay tôi cảm thấy còn lạnh hơn trước, do đó tôi lại rút bàn tay ra.

Những ánh đèn điện hắt ánh sáng lên bầu trời Amsterdam, bây giờ hầu như chỉ còn thấy rất mờ bởi vì chúng tôi đang tiến gần đến Zuider Zee. Tôi nhận thấy, chiếc xà lan dường như cũng đi theo cùng một hướng uốn cong rộng như là con tàu Marianne tôi đã thấy, khi nó tiến vào bến cảng vào buổi trưa ngày hôm trước. Thật vậy, nó chạy rất gần đến những chiếc phao hàng hải, và nhìn qua mũi tàu, hình như theo tôi cứ như thể nó cố tình va chạm khi chạy, va đụng đến một phần ba lượng phao hàng hải dài khoảng bốn trăm mét đằng trước. Nhưng tôi không may mắn nghi ngờ rằng thuyền trưởng xà lan này biết một cách chính xác những gì ông ta đang làm.

Bỗng nhiên, tiếng nổ của động cơ xà lan nhỏ dần cùng với tốc độ giảm đi rồi yếu hẳn giống như là các cuộc cách mạng gặp lúc thoái trào, và hai người đàn ông đã từ cabin trèo lên trên sàn tàu. Người thủy thủ đầu tiên xuất hiện bên ngoài, kể từ khi chúng tôi rời bến cảng xà lan. Tôi cố gắng dán mình xuống nóc phòng lái, nhưng họ không đến chỗ tôi mà là hướng về phía đuôi tàu. Tôi đã cuộn tròn người để quan sát họ cho rõ hơn.

Một trong hai người đó đem một thanh kim loại đã buộc sẵn vào một đầu dây chảo. Hai người đàn ông, mỗi người một bên đuôi tàu, thả ra một đoạn dây của họ, cho đến khi thanh sắt đó rất gần sát với mặt nước. Tôi xoay người tìm một nơi quan sát cho được rõ nhất. Chiếc xà lan bây giờ chuyển động rất chậm, không hơn hai mươi mét khoảng cách từ phao dâng mực nước, và trên một hướng mà người ta sẽ lấy được nó trong phạm vi hơn sáu mét. Tôi nghe một tiếng quát của thuyền trưởng ở phòng lái, lại nhìn về cuối tàu, tôi nhận thấy hai người đàn ông đang bắt đầu để cho đường dây trượt trong các ngón tay của họ và có một người khác đứng đếm khi họ làm như vậy. Lý do họ đếm thì có thể dễ dàng phỏng đoán. Mặc dù tôi không thể nhìn thấy

gì trong cảnh bầu trời u ám, nhưng các dây chèo chắc là phải được làm cho có mẫu theo từng quãng đều đặn, để làm cho hai người đàn ông đang thả dây, giữ được thanh sắt theo những góc vuông đối với đường đi của xà lan trên biển.

Chiếc xà lan đã sóng hàng một cách chính xác với phao hàng hải, khi một trong hai người đàn ông gọi khẽ và cùng lúc chậm chậm nhưng chắc chắn, họ bắt đầu kéo mạnh đường dây của họ vào bên trong tàu. Bây giờ tôi đã biết điều gì đang xảy ra, nhưng tôi vẫn chú ý quan sát đầy đủ. Khi hai người đó tiếp tục kéo, một chiếc phao hình trụ cỡ trên sáu mươi phân nhấp nhô bồng bềnh trên mặt nước. Việc này được thực hiện tiếp theo sau một neo móc bốn cánh, một trong những đầu còng mỏ neo đã được móc quanh thanh kim loại. Được gắn vào neo móc này là một dây chèo. Chiếc phao hàng hải, neo móc và thanh kim loại đã được kéo lên trên boong, sau đó hai thủy thủ bắt đầu kéo trên dây chèo móc neo, cho đến khi cuối cùng, một vật xuất hiện trên mặt nước và được kéo ngay vào phía trong xà lan. Vật đó màu xám, một hộp kim loại buộc quanh cũng bằng dây kim loại, khoảng năm mươi centimet vuông và chiều sâu khoảng trên hai mươi năm centimet. Ngay lập tức nó được đưa luôn vào bên trong cabin nhưng thậm chí trước khi điều này được thực hiện, thì chiếc xà lan đã cho máy nổ lớn hơn rồi tăng ga và gài số lớn để đạt được tốc độ nhanh, và chiếc phao bắt đầu nhanh chóng rút lại phía sau. Toàn bộ hoạt động này đã được thực hiện thật dễ dàng, an toàn và thành thạo, điều đó chứng tỏ họ đã rất quen với kỹ thuật thường xuyên được sử dụng đó.

Thời gian thì cứ trôi đi mà trời thì có vẻ như càng lúc càng lạnh và cũng là quãng thời gian khốn khổ đối với tôi. Tôi nghĩ, mình không thể nào chịu đựng được lạnh hơn và ướt thêm nữa, nhưng thật là không ổn, vào khoảng bốn giờ sáng thì bầu trời trở nên tối sẫm hơn rồi bắt đầu đổ mưa và tôi cũng chưa bao giờ cảm thấy mưa lạnh đến như thế. Vào thời gian này, hơi ẩm trong người tôi đã từng phần làm khô được dần dần lớp quần áo bên trong, nhưng từ phần thắt lưng xuống,

chiếc áo khoác vải bạt đã bảo vệ nó khá tốt. Tôi cho rằng, thời gian tới đây, tôi phải đi và rồi lại phải ngâm nước lần nữa, thì trong trạng thái như vậy, tôi hy vọng sẽ không bị mắc chứng liệt vì tê cóng, nếu không, tôi có thể sẽ bị chìm nghỉm.

Tia sáng đầu tiên của buổi bình minh ảo bây giờ mới hé ra trên bầu trời, và tôi có thể mơ hồ phân biệt được những đường nét mờ mờ của đất liền ở phía nam và đông. Sau đó thì trời bỗng tối sẫm hơn, và bắt đầu lan ra có lúc tôi không nhìn thấy gì và rồi bình minh thật sự bắt đầu chiếu ánh sáng yếu ớt từ đằng đông và tôi có thể nhìn thấy đất liền một lần nữa, dần dần tôi đi đến kết luận là chúng tôi đã đi gần vào bờ biển phía bắc Huyler và chuẩn bị lượn vòng về phía tây nam và sau đó là phía nam để đến bến cảng nhỏ của đảo.

Tôi chẳng bao giờ đánh giá cao những chiếc xà lan chết tiệt đã chuyển động một cách chậm chạp đó. Cho đến chừng mực mà vùng bờ biển Huyler có liên quan, chiếc xà lan có vẻ như vẫn đứng yên trên biển. Điều cuối cùng tôi mong muốn là nó đến được bờ biển Huyler giữa ban ngày để làm nảy sinh những bình luận này khác về phía những người quan sát theo dõi tàu vẫn thường thấy, rằng tại sao mà lại có một thủy thủ lập dị, thích nằm trên cái nóc phòng lái lạnh lẽo hơn là sự ấm áp bên trong khoang. Tôi nghĩ về cái bên trong ấm áp và đuổi cái ý nghĩ đó ra khỏi đầu mình.

Mặt trời xuất hiện nơi bờ biển Zuider Zee xa xa kia, nhưng điều đó cũng không tốt đối với tôi, nó không tốt vì đã làm khô quần áo, nhưng sau đó một chút, tôi lại vui mừng nhìn thấy đó là một trong những mặt trời buổi sáng thường làm cho những người cả tin nhầm lẫn, bởi sau đó không lâu đã có một đám mây đen lớn và chẳng mấy chốc mưa lại lạnh lùng ập đến mang theo cái giá lạnh và rét mướt. Tôi cũng vui mừng vì đám mây đen có hiệu quả làm cho bầu trời càng thêm tối sẫm, và mưa có thể làm cho những người tò mò, nhất là khách du lịch ở lại nhà.

Chúng tôi đang đi gần đến kết thúc cuộc hành trình. Mưa, bây giờ đã dịu đi, tuy nhiên nó đã lại mạnh thêm trong một chừng mực nào đó, bắt đầu làm đau mặt và tay tôi cùng với tiếng gió rít như huýt sáo trên mặt biển lúc này đang mù mịt một màu trắng đục bao la, mà tầm nhìn xa chắc là chỉ còn độ hai trăm mét, nhưng mặc dù vậy tôi vẫn có thể nhìn được những dấu hiệu hàng hải để tàu bè nhận thấy, song vì xà lan bây giờ đang lượn cong nên tôi chẳng thể nhìn được xa hơn.

Tôi bọc khẩu súng lại trong bao không thấm nước, rồi ấn nó vào trong bao súng. Để được an toàn hơn, tôi đã làm như trước, đưa nó vào trong túi có khóa kéo và trong áo khoác bằng vải bạt. Nhưng tôi sẽ không đem áo khoác vải bạt theo nữa. Ít nhất thì tôi đã bị tê cóng và yếu đi nhiều, trải qua một đêm dài như thế nên tôi bị chuột rút và hậu quả của sự căng thẳng do tự giam hãm mà cái áo khoác cồng kềnh đó có thể tạo nên những khác nhau giữa việc, tôi có đến được bờ biển hay không và một điều khác nữa là tôi, do bất cẩn nên quên không mang theo một áo phao có thể thổi cho phồng to lên được.

Tôi cởi áo khoác vải bạt ra rồi cuộn lại khoác ở cánh tay. Gió bỗng nhiên thổi kèm theo nhiều băng tuyết, nhưng bây giờ thì không phải lúc lo lắng về điều này. Tôi trượt dọc theo nóc phòng lái, và rất khẽ khàng xuống thang rồi bò thấp dưới mức cửa sổ cabin lúc này đã không có rèm, tôi liếc nhanh về phía trước - thật ra sự phòng ngừa của tôi là không cần thiết, bởi không có một ai ở ngoài boong tàu hiện nay, trừ phi phải vớt chiếc áo khoác vải bạt xuống biển, nắm dài người và bò, kiểm tra xung quanh thật kỹ và đi.

Ở dưới biển hóa ra lại còn ấm hơn nằm trên nóc phòng lái, khi tôi cảm thấy bản thân mình hầu như yếu đi kinh khủng. Dự định của tôi là cứ ngâm mình dưới nước cho đến khi xà lan vào đến bến cảng, hoặc ít nhất là trong điều kiện mọi người đều đang quan tâm đến việc cập bến thì biến đi trong cảnh trời mưa u ám. Nhưng nếu như có được thời cơ để bỏ qua những dự tính cẩn thận thì càng tốt. Mỗi quan tâm trước tiên và suy nghĩ duy nhất của tôi lúc này, là làm sao để sống sót. Sau khi

đã lùi xa và nhanh khỏi mũi xà lan, tôi nhào người bơi đi với tốc độ nhanh nhất mà tôi có thể.

Tôi đã bơi liên tục trong thời gian mười phút, với độ dài như thế thì một đứa bé sáu tuổi được đào tạo tốt cũng có thể thực hiện một cách dễ dàng, nhưng năng lực của tôi đã dưới tiêu chuẩn đó vào sáng hôm ấy và mặc dù tôi không thể phàn nàn vì đó là vấn đề kỹ năng con người, nhưng tôi không thể nào làm lại được thêm một lần nữa. Khi tôi có thể thấy được rõ bức tường bên cảng, tôi đã tránh khỏi những vật làm dấu hiệu hàng hải và cuối cùng đến bãi biển.

Tôi đã kiệt sức trên bãi biển và, như thể là có tín hiệu, mưa bỗng nhiên ngừng lại. Một cách thận trọng. Tôi bò đi trên con đường dốc lên thoai thoải nhiều những mô đất trước mặt, chỗ cao nhất của nó cũng bằng độ cao của bức tường bên cảng. Tôi đã nằm duỗi dài người mà trườn đi trên nền đất ướt và thận trọng ngẩng đầu lên.

Nhưng rồi tôi đã thấy ngay, bên phải là hai bến tàu nhỏ hình chữ nhật của Huyler. Bến bên ngoài có một lối đi hẹp để vào bến bên trong. Vượt qua bến bên trong chính là làng Huyler, trông như một bức tranh phong cảnh rất đẹp, trừ một điểm là một phố thì dài và hai phố lại rất ngắn, chúng nối liền vào bến tàu bên trong và một mê lộ có sức quyến rũ của những con đường xoắn lại với nhau và một sự kết hợp khập khiễng chủ yếu là của những ngôi nhà sơn trắng và xanh tựa trên những cột nhà sàn như một đê phòng chống lại nước lụt. Bản thân những cột nhà sàn này đều có tường bao quanh để sử dụng như là những căn hầm lớn, lối vào các nhà từ bên ngoài là cầu thang bằng gỗ đến tầng một.

Tôi tập trung chú ý đến bến tàu bên ngoài. Xà lan đã bỏ neo sát cạnh tường bên trong nó, và việc dỡ hàng hóa xuống được tiến hành rất khẩn trương. Hai cần trục ở bãi biển lần lượt nâng liên tục các thùng thừa do những thanh gỗ đóng lại và những bao bố từ các khoang xà lan, nhưng tôi không quan tâm đến những thùng gỗ hay các bao bố đó, vì chắc chắn chúng là những hàng hóa hợp pháp, nhưng trong cái

hộp kim loại nhỏ đã được vớt lên từ biển thì tôi tin chắc đó là hàng hóa bất hợp pháp, thứ hàng bị cấm mua bán. Vì vậy, cứ để cho hàng hóa hợp pháp tự chúng trông nom lấy, còn tôi tập trung chú ý vào cabin của xà lan. Tôi hy vọng vào Chúa, và tôi đã không quá muộn, mặc dầu phải khó khăn lắm mới tìm được chỗ kín đáo để quan sát.

Chưa đầy ba mươi giây, sau khi tôi bắt đầu giám sát cabin thì hai người đàn ông xuất hiện. Một tên vác một bao bố trên vai. Mặc dù cái thứ đựng trong bao rõ ràng là đã được độn cho nặng, nhưng có một góc có thể nhận ra ngay ở phía bên trái tôi mà tôi nghi đó là cái hộp kim loại mà tôi quan tâm.

Hai người đàn ông đó đi vào bờ. Tôi dõi theo họ một lúc để có được ý niệm là họ đi theo hướng nào, rồi lại trườn xuống bờ đê lầy bùn. Một điều nhắc nhở là quần áo của tôi đã tả tơi bẩn thiu sau đêm đó, bởi vậy không thích hợp để đi theo họ.

Bám theo họ thật dễ dàng. Không chỉ hai người đó hoàn toàn không nghi ngờ bị ai bám theo, mà những con đường nhỏ hẹp uốn khúc quanh co đã làm cho Huyler giống như một thiên đường của bóng tối. Cuối cùng thì hai người đàn ông đã mang thứ hàng cấm đó lên một ngôi nhà thấp, dài ở vùng ngoại vi phía bắc làng này. Cái tầng trệt - hay như là căn hầm mà tôi đã mô tả về làng này được làm bằng bê tông. Tầng trên, nếu ai muốn lên thì phải trèo lên các bậc cầu thang gỗ tương tự như đối với nhiều bậc được giấu giếm mà từ đó tôi đang theo dõi từ một khoảng cách an toàn là bốn mươi mét, nó có các cửa sổ cao và hẹp với các chấn song đặt gần nhau đến mức mà một con mèo cũng khó khăn để chui qua. Cửa ra vào trông nặng nề có hai then chặn bằng kim loại bắt chéo và được khóa lại bằng hai khóa móc lớn. Cả hai người leo lên cầu thang. Người đàn ông không mang vác mở hai khóa móc rồi mở rộng cửa, sau đó cả hai bước vào bên trong. Họ lại xuất hiện trong phạm vi hai mươi giây, khóa cửa, rồi ra đi. Hai người đó, bây giờ thì đi ra tay không.

Tôi cảm thấy một chút luyến tiếc, giá mà tôi mang theo nó - cái dây đai - nhưng vì cái dây đai đựng đủ dụng cụ mở khóa của tôi nặng quá nên bắt buộc tôi phải để nó lại phòng khách sạn, và bởi vì người ta không thể bơi với một lượng kim loại nặng như thế đeo quanh thắt lưng. Nhưng luyến tiếc này chỉ là tạm thời. Ngoài sự thật là có năm mươi cửa sổ khác nhau giám sát lối vào ngôi nhà bị chặn nặng nề này và sự thật là một người lạ chắc chắn sẽ bị phát hiện ngay bởi bất kỳ người dân làng nào ở Huyler, cho nên bây giờ còn quá sớm để lộ ý định của mình. Người ta thường nói thả con săn sắt bắt con cá sộp, nhưng trong trường hợp này thì còn phải đợi tôi mắc mồi vào bẫy đã rồi mới bắt được con cá sộp, chính là cái hộp sắt đó.

Tôi không cần một bản đồ hướng dẫn nào cũng có thể tìm được lối ra khỏi Huyler. Bến tàu nằm về phía tây, do đó bến cuối cùng của đường đắp cao phải nằm ở phía đông. Tôi đi dọc theo con đường làng hẹp uốn khúc không theo kiểu thiết kế bị ảnh hưởng của Thời cổ, trông là lạ đã thu hút hàng chục nghìn người du lịch đến ngôi làng này trong mỗi mùa hè, và đi đến một cây cầu có nhịp cuốn nhỏ, bắc qua một con sông đào hẹp. Ba người đầu tiên tôi nhìn thấy trong làng là ba người đàn bà đứng tuổi, quần áo mặc theo truyền thống địa phương, đi ngang qua khi tôi qua cầu. Họ liếc nhìn tôi nhưng không để ý - đó là tôi nghĩ vậy, nhưng không biết có đúng thế không - sau đó họ lãnh đạm nhìn đi nơi khác, như thể đó là cái điều tự nhiên nhất trên đời, khi họ gặp trên các đường phố Huyler vào buổi sáng sớm một người đàn ông mà chắc là ông ta vừa mới ngã xuống biển.

Ở phía bên kia sông đào vài mét có một bãi đỗ xe lớn, làm tôi hơi ngạc nhiên - nhưng vào lúc này trong bãi chỉ có vài xe ô tô mà có đến sáu bảy chiếc xe đạp, không có cái nào đã khóa hay dùng bất cứ một dụng cụ an toàn nào. Như thế thì trên đảo Huyler chắc là không có vấn đề trộm cắp. Một vẻ bề ngoài giống như quang cảnh nhiều miền quê khác của Hà Lan, nhưng những công dân chân thật của Huyler phần lớn đã cùng nhau đi vào con đường tội phạm có quy mô và tổ chức

chặt chẽ... Bãi đỗ xe hầu như để trống và tôi cũng không trông đợi tìm được một người phục vụ vào giờ đó. Cảm giác phạm tội lúc này với tôi còn mạnh và rõ hơn bất kỳ hành động nào khác mà tôi đã thực hiện kể từ khi tôi đến sân bay Schiphol. Tôi chọn một trong những chiếc xe đạp thích hợp nhất rồi dắt nó đến chiếc cổng khóa, nâng xe đạp qua, rồi leo qua cổng, tôi nhảy lên phóng một mạch trên đường. Cũng may mà không có những tiếng kêu “ăn cắp, bắt lấy nó!” hoặc những lời tương tự.

Từ mấy năm nay thỉnh thoảng tôi vẫn đi xe đạp, và mặc dù thoát đầu tôi chưa quen với chiếc xe đó, nhưng chưa đầy một phút sau tôi đã cảm thấy thoải mái đạp xe trên đường, ít ra thì cũng sướng hơn phải đi bộ nhiều.

Sau khi để xe đạp trong cái sân rộng của làng, nơi tôi đã để lại chiếc xe taxi cảnh sát của mình - nó vẫn còn nằm đấy - trước tiên tôi nhìn kỹ vào kiốt điện thoại công cộng, sau đó nhìn vào đồng hồ của mình: tôi thấy vẫn còn quá sớm, vì vậy, tôi mở cửa xe và phóng đi.

Trên đường đi Amsterdam khoảng nửa dặm thì đến một ngôi nhà cổ thô sơ kiểu Hà Lan, đứng tách riêng khỏi các nhà trong trang trại. Tôi dừng xe bên đường ở một vị trí, mà bất cứ ai từ ngôi nhà đó nhìn ra đều có thể thấy. Tôi mở khóa ngăn để hành lý xe ô tô, lôi ra một gói giấy nâu, rồi đi đến ngôi nhà cổ, thấy cửa không khóa, tôi đi vào bên trong và thay hoàn toàn bộ quần áo khô. Dù nó không có hiệu quả biến đổi tôi thành một người mới. Tuy nhiên tôi vẫn không thể nào thấy mình hết run, nhưng ít ra thì tôi cũng không bị chìm trong biển sâu, hoặc là ngộp trong sự khốn khổ của cái lạnh như băng và nhớp nháp, mà tôi đã phải chịu đựng trong mấy giờ qua.

Tôi lại tiếp tục lên đường. Chỉ sau khoảng nửa dặm nữa tôi đã đến một ngôi nhà nhỏ nhắn một tầng bên lề đường, có nhiều dấu hiệu cho thấy trước đây đã là một khách sạn bên đường chuyên cho khách có ô tô trọ. Dù có là khách sạn hay không thì nó đã mở cửa và tôi không muốn gì hơn. Bà chủ ngôi nhà là người béo tốt đầy đà, hỏi rằng

tôi có muốn ăn sáng không, nhưng tôi nói còn có những công việc cần hơn đang chờ. Người dân Hà Lan có phong tục rất hay, rót rượu vào đầy cốc rồi người chủ theo dõi với con mắt ngạc nhiên và kính nể khi tôi một tay bắt tay họ đồng thời tay kia đưa cốc rượu vào miệng. Thế mà tôi đã không bị mất đi một nửa cốc do lượng rượu bị đổ ra, nhưng tôi có thể thấy rằng bà ta đang dẫn đo không biết là nên gọi cảnh sát hay là gọi y tế cấp cứu để báo một anh say rượu hoặc tố cáo một anh nghiện ma túy đã mất các vết tiêm chích, mà trường hợp nào cũng có thể, nhưng vì bà là một phụ nữ can đảm nên bà tiếp tục rót mời tôi một cốc thứ hai. Song, lần này thì tôi không để vương vãi ra ngoài đến một phần tư, và đến lần thứ ba thì hầu như tôi không bị rót ra ngoài đến một giọt, mà tôi còn có thể cảm thấy số lượng hồng cầu còn lại trong con người tôi đã lang thang đây đó đang khẩn trương hoạt động, để chúng thích nghi với một thời kỳ luyện tập có cường độ cao. Với cốc thứ tư thì tay tôi đã vững như là đá.

Tôi mượn một bàn cạo râu điện, sau đó chén một bữa điểm tâm không lồ có trứng, thịt, bơ và giăm bông, khoảng bốn loại bánh mì khác nhau và uống phải đến hai lít cà phê. Thức ăn thì ngon miệng và bây giờ, tôi có thể trở về Amsterdam.

Tôi đến khách sạn Touring rất nhanh nhưng đã phải chờ quá lâu tại bàn tiếp tân để chờ trả lời điện thoại của phòng Maggie và Belinda. Cuối cùng thì chính là giọng còn ngái ngủ của Maggie nói: “Hello. Ai đây?” Tôi như nhìn thấy cô đang đứng đấy, vươn vai và ngáp.

“Ê, chúng mình lại đến chỗ ăn chơi tối qua nhé.” - Tôi nói nghiêm túc.

“Cái gì?” - Cô vẫn không nhận ra tôi.

“Một giấc ngủ ngon giữa ban ngày. Đã gần tám giờ sáng rồi. Không cần gì ngoài hai em vô công rồi nghề mặc váy mini nhé.”

“Đấy là... là *anh* phải không?”

“Còn có ai khác nữa ngoài huấn tước và chủ nhân.” Whisky đã làm chậm trễ hiệu quả cảm giác của họ.

“Belinda ơi! Anh ấy đã trở về.” Một phút im lặng. “Anh ấy nói huân tước và chủ nhân.”

“Em rất mừng!” Giọng của Belinda. “Chị cũng rất mừng. Chúng ta..”

“Các cô không có được lấy một nửa vui sướng như tôi đâu. Hai cô có thể trở lại giường ngủ đi.”

“Anh biết không?” - Giọng cô nghe rất dịu dàng, “Hai đứa em nói chuyện với nhau, cứ lo lắng và hầu như không chớp mắt được, và bọn em nghĩ...”

“Anh xin lỗi, Maggie. Hãy mặc quần áo đi. Tạm quên cái bồn tắm và ăn sáng. Em nhé!”

“Không ăn sáng? Anh ăn sáng rồi chứ gì.”

“Anh ăn rồi.”

“Và anh đã qua đêm trong một khách sạn sang trọng?”

“Rồi anh sẽ nói với em sau. Em kiếm một taxi rồi bỏ nó ở vùng ngoại ô thị trấn sau đó phôn cho một hãng taxi địa phương và đi về phía Huyler.”

“Là nơi mà họ đã làm ra những con rối?”

“Ở đây đây. Em sẽ gặp anh đến trong một xe taxi màu vàng và đỏ”. Tôi đọc số đăng ký xe cho Maggie. “Nhớ là cần phải nhanh, phải khẩn trương.”

Tôi gác ống nghe, trả tiền, và đi ra. Tôi vui mừng là vì mình vẫn còn sống. Đêm qua là cái đêm gì... mà sao như là một đêm khủng khiếp và dài vô tận, một đêm kéo dài tưởng như trời không sáng. Nhưng bây giờ tôi đã ở đây, tôi vui mừng. Hai cô gái cũng vui mừng. Tôi đã ấm ướt, nhưng giờ thì đã mặc quần áo không còn ấm ướt và được ăn uống đầy đủ, mấy ly rượu đã săn đuổi một cách vui vẻ các hồng huyết cầu trong một trò chơi vòng quay ngựa gỗ. Tất cả những sợi chỉ màu đang dệt bản thân chúng lại với nhau thành một hoa văn

đẹp và khoảng vào cuối ngày thì tất cả sẽ kết thúc. Trước đây tôi chưa bao giờ cảm thấy hài lòng như thế.

Và tôi cũng chẳng bao giờ cảm thấy tình hình tốt như thế nữa.

Đến ngoại ô thị trấn tôi nhận ra một xe taxi màu vàng. Tôi dừng lại rồi đi qua đường cũng vừa đúng lúc Maggie bước ra. Cô mặc một chiếc váy hải quân, một áo vét và áo cánh trắng, và nếu như cô đã có một đêm mất ngủ thì chắc chắn cô không hề có dấu hiệu đó trên nét mặt. Trông cô đẹp, nhưng có cái vẻ gì đấy rất đặc biệt về cô sáng hôm đó, tôi chỉ cảm nhận mà không biết đó là gì.

“Tốt, tốt, tốt lắm,” cô nói. “Một con ma trông mới khỏe mạnh biết bao. Em hôn anh được chứ?”

“Ấy... ấy... Chắc chắn là không.” Tôi nghiêm trang nói. “Mối quan hệ giữa sếp và nhân viên, không nên như vậy.”

“Thôi đi, Paul.” Cô hôn tôi mà không cần để ý đến lời tôi nói. “Anh muốn em làm gì nào?”

“Đi đến Huyler. Có rất nhiều nơi cạnh bến tàu mà em có thể ăn điểm tâm. Có một chỗ anh muốn em tiếp cận một cách khéo léo, nhưng không cần giám sát thường xuyên...” Tôi đã mô tả ngôi nhà mà cửa sổ có các chấn song sắt và vị trí của nó. “Em cố gắng xem người vào và ra ngôi nhà đó và những gì xảy ra ở đấy. Và đừng quên, em là khách du lịch. Lưu lại ở nhà bạn bè hoặc gần như em có thể luôn luôn đến nhà bạn bè... Belinda vẫn ở trong phòng các em?”

“Vâng.” Maggie mỉm cười, “Belinda có điện thoại gọi đến trong khi em đang mặc quần áo. Em nghĩ là tin tốt lành.”

“Belinda quen biết ai ở Amsterdam này?” Tôi nói hơi gắt. “Ai gọi?”

“Astrid Lemay.”

“Lạy Chúa! Em đang nói gì vậy? Astrid đã chuồn về nước. Anh đã kiểm chứng rồi.”

“Chắc hẳn cô ấy đã chuồn rồi.” Maggie nói mà trong lòng cảm thấy vui vui. “Cô ấy lủi mất là vì anh đã giao cho cô ấy một công việc rất quan trọng mà cô ta không thể làm và bởi vì Astrid luôn bị bám theo ở khắp nơi cô ấy đi. Do đó cô ấy phải chuồn, phải thoát khỏi Amsterdam, nhưng đã xuống sân bay Charles de Gaulle ở Paris trả lại tiền đã vay chủ hộp đêm Balinova để mua vé máy bay đi Athens rồi sau đó bay trở lại đây. Cô ta và George đang lưu lại ở một nơi thuộc ngoại ô thủ đô Amsterdam cùng với mấy người bạn mà cô ấy tin cậy. Astrid hẳn nói lại với anh rằng cô ấy đã làm theo những lời hướng dẫn của anh và hứa với anh rằng cô ấy quyết tâm tìm đến Kasteel Linden và rằng...”

“Ôi lạy Chúa!” Tôi nói, “Lạy Chúa tôi!” Tôi nhìn Maggie đang đứng đấy, nụ cười chậm chạp tắt đi trên đôi môi cô, trong chốc lát tôi cảm thấy nổi tức giận bỗng dưng như muốn trút xuống đầu cô, bởi sự không hiểu biết của cô, vì sự ngớ ngẩn của cô, thay cho nét mặt tươi cười rạng rỡ của cô, thay cho cuộc trò chuyện vô nghĩa về những tin tốt lành, và sau đó tôi cảm thấy bản thân mình xấu hổ hơn như chưa từng có cảm giác như thế trong đời, vì đó chính là lỗi của tôi, không phải của Maggie. Và tôi thật là ngớ ngẩn, đáng lẽ phải lựa lời an ủi không để cho cô hiểu lầm thì tôi lại vòng tay ôm lấy vai cô và nói, “Maggie, anh chỉ yêu mình em thôi.”

Cô ngập ngừng mỉm cười với tôi. “Em xin lỗi, em không hiểu.”

“Maggie này?”

“Anh hỏi em à Paul?”

“Em có nghĩ làm thế nào mà Astrid Lemay đã phát hiện ra số điện thoại của khách sạn mới của em?”

“Ôi, lạy Chúa, hỏng hết rồi,” cô nói, thì ra bây giờ cô mới hiểu.

Tôi đã chạy đến xe ô tô của mình mà không ngoái nhìn đằng sau, tôi cho xe khởi động rồi sang số và tăng ga như một người đang bị ám ảnh bởi một ý nghĩ nào đó choán hết tâm trí, mà quả thật đúng là như vậy. Tôi bật công tắc cho đèn hiệu của cảnh sát lóe lên ánh sáng xanh,

rồi chuyển sang rú còi từng hồi, và cặp chặt ống nghe qua đầu rồi bắt đầu chơi đùa một cách liêu lĩnh với các núm điều khiển radio. Không ai đã từng dạy bảo tôi cách tiến hành như thế nào và đây có lẽ là lúc tôi học. Xe ô tô đã hoàn toàn âm ỉ, những tiếng ồn náo động lên từng hồi nghe chói tai của máy nổ đang làm việc quá sức, tiếng rú rít của còi xe ô tô cảnh sát lan truyền cho nhiều người một cảm giác lo âu và hoảng sợ, tiếng tanh tách và nhiễu khí quyển của ống nghe, và dường như tất cả những gì nặng nhất đối với tôi là âm thanh khó nghe, có phần cay đắng và bức tức của những câu chửi rủa khi tôi cố gắng làm cho cái radio chết tiệt này hoạt động. Sau đó tiếng nổ lách tách chấm dứt và tôi nghe một giọng nói như an ủi tôi bình tĩnh.

“Chỉ huy Sở cảnh sát.” Tôi quát lên. “Đại tá De Graaf. - Cứ bình tĩnh à, tôi đang ở địa ngục đây, nhanh lên, nhanh lên, kéo hỏng việc!” Có một phút im lặng, sự im lặng làm cho người ta điên tiết lên khi tôi phóng xe loanh quanh trong giờ cao điểm buổi sáng, và rồi một giọng trong ống nghe nói, “Đại tá De Graaf còn chưa có mặt ở cơ quan.”

“Báo ngay về nhà cho Đại tá!” Tôi quát lên.

Cuối cùng thì họ cũng báo về nhà cho De Graaf. “Đại tá De Graaf? Vâng, vâng, vâng... Cái đó không sao. Con rồi đó chúng tôi đã thấy hôm qua. Tôi đã nhìn thấy một cô gái như là cô trước đây. Astrid Lemay.”

De Graaf bắt đầu hỏi những câu hỏi, nhưng tôi cắt luôn. “Nhờ ơn Chúa, điều đó không sao... Cái nhà kho - tôi nghĩ cô ấy đang trong tình trạng nguy hiểm tuyệt vọng. Chúng ta đang phải đối phó với một tên tội phạm điên cuồng. Hãy vì Chúa, ông nhanh lên.”

Tôi bỏ ống nghe xuống và tập trung vào lái xe và tự nguyện rửa mình. Nếu anh muốn một ứng cử viên để dễ đánh lừa, tôi nghĩ một cách cẩu kính, thì người của anh là Sherman. Nhưng đồng thời tôi lại ý thức rằng, ít nhất thì tôi đang có phần nào không công bằng với bản thân. Tôi đã đứng lên chống lại một tổ chức tội phạm có chỉ đạo một cách giỏi giang. Nhưng cái tổ chức đó còn chứa đựng trong mình nó

một thành tố thần kinh không ổn định mà lại không thể đoán trước được, điều đó đã làm cho sự dự đoán hầu như không thể thực hiện được. Chắc chắn Astrid đã bán rẻ Jimmy Duclos, hay George bán rẻ Duclos, George là em Astrid. Họ đã cử cô đến để làm quen với tôi, vì việc tôi lưu lại khách sạn Excelsior có thể đã không còn ý nghĩa gì đối với cô, nhưng thay vì tranh thủ được sự giúp đỡ của tôi và sự thông cảm thì cô lại bỏ dở vào lúc cuối cùng mà tôi đã phát hiện ra cô, và đó chính là khi những rắc rối bắt đầu, đồng thời đó cũng là lúc cô đã bắt đầu trở thành một món nợ thay vì một tài sản. Astrid Lemay bắt đầu tìm kiếm tôi - hay tôi tìm kiếm cô - bề ngoài bọn chúng ra vẻ là không hay biết. Có thể tôi đã nhìn thấy George được đưa ra khỏi đám đông quây quanh cây đàn oocgan và ông già chơi nhạc ở đường phố Rembrandtsplein, hoặc ở nhà thờ hay bởi hai người đàn ông say rượu đêm đó đứng bên ngoài căn hộ của Astrid đã theo dõi tôi, nhưng thật ra họ chẳng say chút nào.

Cuối cùng họ đi đến quyết định, tốt hơn hết là hất cô ra khỏi đường đi của bọn chúng, nhưng như thế không phải là cách làm cho tôi nghĩ đến sự nguy hiểm đang đe dọa cô bởi vì hầu như chắc chắn chúng đã suy luận, và suy luận đúng, là nếu tôi nghĩ cô đã bị vào tù và nếu tình hình là nguy hiểm, thì tôi đã vứt bỏ mọi hy vọng đạt được mục đích cuối cùng và làm những gì mà bây giờ chúng biết, đó là cái điều cuối cùng tôi muốn làm - đi đến Sở cảnh sát và đặt trước mặt chúng tất cả cái mà tôi biết, mà chúng hầu như chắc chắn đã nghi ngờ là rất nhiều. Điều này cũng là cái cuối cùng chúng muốn tôi làm bởi vì dù có đi đến Sở cảnh sát, thì những mục tiêu cuối cùng của tôi cũng đã bị thất bại, ít nhất, những gì tôi có thể làm là không gây thiệt hại gì cho tổ chức của chúng, mà có thể mất nhiều tháng, có khi là nhiều năm để xây dựng lại. Và do đó Durell và Marcel đã thực hiện vai trò của chúng sáng hôm qua ở hộp đêm Balinova trong khi tôi đã nhấn mạnh quá mức khả năng của mình và cứ tin mà không hề nghi ngờ gì nữa rằng Astrid và George đã rời đi Athens. Chắc chắn họ đã đi. Họ

đã ra đi bình yên vô sự, nhưng chuyến máy bay đó bị buộc phải hạ cánh xuống Paris và họ buộc phải trở lại Amsterdam. Khi Astrid Lemay nói chuyện điện thoại với Belinda, không nghi ngờ gì nữa là cô đã phải nói, trong khi có một tên đứng bên cạnh cầm khẩu súng dí vào đầu.

Và bây giờ, tất nhiên, Astrid không còn được chúng sử dụng nữa. Astrid đã sang hàng ngũ kẻ địch và chỉ có một điều duy nhất để làm đối với những người như thế. Và lúc này, đương nhiên, chúng không còn phải sợ bất kỳ phản ứng nào của tôi, vì chúng định ninh rằng tôi đã chết vào lúc hai giờ sáng hôm nay tại bến cảng xà lan. Tôi đã có giải pháp đối với mọi vấn đề. Nhưng tôi cũng biết là đã quá muộn để cứu Astrid.

Tôi không va quệt vào cái gì và chẳng cán chết ai khi phóng xe đi khắp thành phố Amsterdam, nhưng đó chỉ là vì các công dân của nó có phản ứng rất nhanh. Giờ đây tôi đang trong một thị trấn cổ, gần với nhà kho, và khi đang phóng với tốc độ cao trên con đường một chiều chật hẹp dẫn đến nhà kho đó, thì tôi nhìn thấy một rào chắn ngang đường của cảnh sát, có một xe ô tô cảnh sát đỗ ngang đường với một nhân viên cảnh sát đeo súng và một cảnh sát viên nữa cũng đeo súng đứng cách đó năm mét. Tôi đã phanh gấp để dừng lại làm xe trượt đi vài mét. Tôi nhảy ra ngoài xe và một cảnh sát viên đến bên tôi.

“Cảnh sát” - anh ta nói. Trong trường hợp này tôi nghĩ anh ta là một nhân viên bán bảo hiểm hoặc gì đấy. “Yêu cầu quay lại.”

“Anh không nhận ra đây là xe ô tô của cảnh sát?,” tôi căn nhắc nói. “Ông lui ra cho tôi đi, đừng có làm nhỡ việc của tôi.”

“Không ai được phép đi vào phố này.”

“Phải đấy.” De Graaf xuất hiện ở một góc phố và nếu như tôi không được nhận ra từ xe của cảnh sát thì nét mặt ông cũng đã biểu lộ cho tôi thấy. “Cảnh tượng không mấy vui vẻ, thiếu tá Sherman.”

Tôi đi đến chỗ ông mà không nói một lời nào, rẽ vào góc phố và nhìn lên phía trên. Từ khoảng cách này, khuôn mặt tựa như con rối đang đung đưa một cách uể oải. Từ cái tời nâng trên nóc nhà kho Morgenstern và Muggenthaler trông xác của Lemay hầu như không lớn hơn con rối mà tôi đã nhìn thấy sáng hôm qua, nhưng khi đó tôi đã nhìn nó trực tiếp từ bên dưới, còn bây giờ con búp bê thật này to hơn. Và lớn hơn. Chúng nó bắt cô cũng mặc quần áo truyền thống như những con rối tôi đã nhìn thấy. Tôi không phải đến gần hơn để xem mặt con rối hôm qua và hôm nay có giống hệt nhau không. Tôi quay đi nơi khác, đại tá De Graaf cùng đi với tôi.

“Tại sao ông không cho hạ nó xuống?” - Tôi hỏi. Tôi có thể nghe được giọng nói của mình như thể là nó vọng đến từ nơi xa, thật không bình thường, lặng lẽ như tảng băng và hoàn toàn thiếu sinh khí.

“Đó là công việc của một bác sĩ. Ông ta đi lên đấy bây giờ.”

“Tất nhiên.” Ngừng một lát tôi nói. “Cô ta không thể ở đấy lâu. Cách đây chưa đầy một giờ cô ấy vẫn còn sống. Chắc chắn là nhà kho đã mở cửa từ lâu.”

“Hôm nay là thứ bảy. Họ không làm việc vào những ngày thứ bảy.”

“Tất nhiên.” Tôi lặp lại một cách máy móc. Một suy nghĩ chợt nảy ra trong đầu tôi. Một suy nghĩ đã đánh mạnh vào nỗi sợ hãi thậm chí còn sâu hơn và ớn lạnh hơn trong tôi. Astrid với một khẩu súng chĩa vào đầu cô, đã phôn đến khách sạn Touring. Nhưng cô đã phôn với một tin báo cho tôi, và thông điệp đó đã trở nên vô nghĩa và có thể chẳng đạt được điều gì, bởi vì tôi, đúng hơn là cái xác của tôi, theo như chúng nghĩ thì đang nằm dưới đáy bến tàu. Tôi chỉ có thể còn có một mục đích, nếu như tin báo đó đã được tiếp âm cho tôi. Nó sẽ chỉ được thực hiện, nếu chúng biết tôi vẫn còn sống. Nhưng làm thế nào để chúng biết được tôi vẫn còn sống? Ai có thể đã chuyển thông tin rằng tôi vẫn đang còn sống? Không ai thấy tôi - trừ ba người đàn bà đứng tuổi ở Huyler. Và tại sao chúng lại lo lắng cho bản thân chúng?

Thêm nữa. Tại sao chúng lại bắt Astrid gọi điện cho tôi rồi tự chúng đưa kế hoạch của chúng vào vòng nguy hiểm bằng cách giết Astrid sau khi đã phải khó khăn để làm cho tôi tin rằng cô ấy vẫn còn sống và khỏe mạnh. Như thế đấy, chúng nó khá lăm, nhưng tôi đã biết câu trả lời. Chúng đã quên mất một điều. Tôi cũng quên một điều gì đấy. Chúng đã quên những gì mà Maggie đã quên, rằng Astrid không biết số điện thoại của Maggie và Belinda ở khách sạn mới, đã quên rằng không phải Maggie cũng không phải Belinda từng gặp Astrid và nghe cô nói. Tôi đi trở lại, rẽ vào một góc nhà. Bên dưới đầu hồi nhà kho, dây xích và móc vẫn lay động chậm chậm, nhưng vật nâng không còn nữa.

Tôi nói với De Graaf, “Đến chỗ bác sĩ đi!”. Ông ta vừa có mặt khoảng hai phút, một thanh niên. Tôi nghĩ chắc là anh ta vừa mới ở trường Y ra và trông có vẻ xanh xao. Tôi nghi ngờ anh ta không phải là một bác sĩ bình thường.

Tôi hỏi, “Cô ta đã bị chết từ vài giờ rồi, phải không?”

Anh ta gật đầu, “Bốn, hay năm... tôi không biết chắc chắn.”

“Cảm ơn.” Tôi đi trở lại một góc nhà kho, Đại tá De Graaf đi cùng. Nét mặt ông đầy những câu hỏi chưa được nói ra, nhưng tôi không cảm thấy vừa lòng với bất kỳ câu trả lời nào.

“Tôi đã làm cho cô ấy bị giết,” tôi nói. “Tôi nghĩ, có thể tôi sẽ còn làm cho ai đó cũng bị giết hại nữa.”

“Tôi không hiểu,” De Graaf nói.

“Tôi nghĩ tôi đã đưa Maggie đến chỗ chết.”

“Maggie nào?”

“Tôi lấy làm tiếc, tôi không nói với ông được. Tôi có hai cô cùng đi. Cả hai cô đều là của Interpol. Maggie là một trong hai người đó. Một cô khác đang ở khách sạn Touring.” - Tôi nói cho ông biết tên của Belinda và số điện thoại - “Ông thay tôi gặp cô ấy, ông có vui lòng không. Hãy nói với cô ấy khóa cửa buồng và cứ ở đấy cho đến khi cô nghe thấy tôi và rằng cô không biết số phân hoặc tin báo nào đã viết

mà không có chữ ‘Birmingham’. Đích thân ông có vui lòng làm điều này hộ tôi không?”

“Tất nhiên rồi.”

Tôi gật đầu ra hiệu về phía xe của De Graaf, “Ông có thể liên lạc bằng radio phôn đến Huyler cho tôi được không?”

Ông ta lắc đầu.

“Về chỉ huy sở của cảnh sát.” Khi De Graaf nói với lái xe của ông như vậy thì Van Gelder với nét mặt dữ tợn đầy sát khí đang đi ở cạnh nhà kho. Tay anh ta cầm một cái túi.

“Của Astrid Lemay, phải không?” Tôi hỏi. Anh ta gật đầu. “Anh vui lòng đưa cho tôi xem.”

Anh ta lắc đầu rất kiên quyết, “Tôi không thể đưa cho anh, trong một vụ giết người này.”

“Cứ đưa túi đó cho anh ấy.” De Graaf nói.

“Cảm ơn.” Tôi nói với De Graaf: “Tóc đen dài một mét ba, mắt xanh, người rất đẹp, mặc áo vét và váy hải quân, áo khoác trắng và túi xách trắng. Cô ấy ở trong khu vực này.”

“Chờ một phút.” - De Graaf nói - “Đường đi Huyler không khác gì con đường chết. Cái chết dường như vẫn cứ rình rập quanh anh đấy, thiếu tá Sherman.”

“Tôi sẽ gọi cho ông cuối giờ làm việc sáng nay.” Tôi nói rồi quay đầu xe của mình.

“Tôi sẽ đi với anh.” - Van Gelder nói.

“Anh có đây tay chân của anh ở đây. Tôi sẽ đi đến nơi mà tôi không muốn có bất kỳ ông cảnh sát nào.”

Van Gelder gật đầu, “Nhưng anh sẽ bước ra ngoài vòng pháp luật bằng cách nào?”

“Tôi đã ở ngoài vòng luật pháp rồi. Astrid Lemay đã chết. Jimmy Duclos đã chết. Maggie có thể cũng đã chết. Tôi muốn nói chuyện với lũ người đã giết hại những người vô tội.”

“Tôi nghĩ anh nên đưa súng của anh cho chúng tôi.” - Van Gelder nói một cách nghiêm túc.

“Thế anh trông đợi tôi sẽ có được những gì trong tay, nếu không có một khẩu súng khi nói chuyện với chúng. Hay là một cuốn Kinh thánh? Để cầu nguyện cho linh hồn của chúng siêu thoát? Muốn vậy anh thử giết tôi đi, rồi sau đó lấy súng.”

De Graaf nói: “Anh có thông tin và anh đang găm nó không cho chúng tôi biết, phải không?”

“Phải!”

“Đây không phải chuyện lịch sự, khôn lanh hay là luật pháp.”

Tôi bước vào xe ô tô của mình. “Về sự khôn lanh thì ông có thể phán xét sau này. Còn lịch sự và luật pháp thì không còn liên quan đến tôi.”

Tôi khởi động xe và tôi biết, Van Gelder cũng cho xe chạy sau tôi, nhưng tôi nghe thấy tiếng De Graaf nói. “Để anh ta đẩy, ông thanh tra, hãy để anh ấy đi.”

11

Tôi không làm bạn được với nhiều người trên đường trở lại Huyler, nhưng tôi không còn tâm trạng nào để làm quen. Trong những hoàn cảnh bình thường, nếu phóng như điên và hoàn toàn vô trách nhiệm trên đường như lúc này thì ít nhất tôi phải dính vào đến nửa tá tai nạn nghiêm trọng. Nhưng tôi thấy rằng ánh sáng đèn cảnh sát lóe lên và còi rú rít đã có một hiệu quả gần như là thần diệu, nó đã dọn quang đường trước mặt tôi. Ở những khoảng cách đến một nửa dặm đối với những xe ô tô chạy cùng chiều hay ngược chiều thì tôi cũng sẽ chạy chậm lại hoặc dừng hẳn hay đi rất sát vào lề đường. Tôi bị bám sát bởi một xe ô tô cảnh sát mà tôi đã biết, nhưng người lái xe của cảnh sát đã thiếu sự khẩn cấp làm động cơ thúc đẩy và anh ta có quan điểm rõ ràng và nhạy cảm rằng chớ có dại mà tự sát thì mới được lĩnh lương tuần này. Bỗng một báo động radio ngay tức khắc, nhưng tôi không sợ bị chặn các ngã đường hoặc một dạng quấy nhiễu nào đó khác, một khi bằng đăng ký xe ô tô là của cơ quan Sở cảnh sát nên tôi mặc kệ.

Tôi sẽ ưa thích hơn nếu được hoàn thành chuyến đi này trong một xe con hay xe buýt, thay cho một xe taxi màu vàng và đỏ quá dễ nhận thấy, nhưng vội vàng còn hơn là thận trọng. Ý định của tôi là lái xe dọc theo dải đường cuối cùng của con đường đắp cao với một tốc độ chạy tương đối bình tĩnh. Cảnh tượng một xe taxi màu đỏ và vàng tiến gần đến làng với một tốc độ ngót một trăm dặm một giờ đã nảy sinh ra nhiều ý kiến phỏng đoán này khác, trong đó có cả những người Hà Lan không bao giờ tò mò.

Tôi đỗ xe trong bãi đỗ xe đang chật chỗ lên một cách nhanh chóng, rồi cởi áo khoác, tôi thắt lại quai đeo súng dưới vai, và dựng

đứng cổ áo, xắn tay áo lên và bước ra khỏi xe ô tô với chiếc áo khoác vắt cầu thả trên cánh tay trái, dưới cái áo khoác của tôi là khẩu súng đã được lắp ống giảm thanh.

Thời tiết ở Hà Lan nổi tiếng là hay thay đổi và nó đã thay đổi một cách đột ngột theo chiều hướng tốt hơn. Thậm chí khi tôi rời khỏi Amsterdam thì bầu trời đã trong sáng và bây giờ thì chỉ thấy nổi lên những đám mây trắng như những núi băng bông len thoa phấn để làm đẹp các bà các cô trên một khoảng trời bao la không có những đám mây lững lờ và ánh mặt trời nắng chói đang tạo nên từng đám hơi nước bốc lên từ trên các ngôi nhà và các cánh đồng bên cạnh.

Tôi đi một cách thong dong nhưng cũng không quá thong thả về phía ngôi nhà mà tôi đã yêu cầu Maggie để mắt theo dõi. Cánh cửa bây giờ vẫn mở rộng và từng khoảng thời gian một, tôi có thể nhìn thấy những người, tất cả đều là phụ nữ trong những bộ quần áo truyền thống, đi vòng quanh phía trong nhà, thỉnh thoảng một người xuất hiện rồi đi vào trong làng, đôi khi lại có một người đàn ông đi ra tay cầm một hộp bìa cứng để rồi người đó đặt nó lên chiếc xe cút kít rồi lăn bánh vào trong làng. Đây là quê hương của một nghề thủ công, nhưng là loại nghề thủ công không thể nào phán đoán được từ bên ngoài. Có vẻ như đó là một nghề thủ công hoàn toàn bình thường, vô thưởng vô phạt, bằng chứng rõ nhất là các du khách thường được dân làng tươi cười chào mời họ đi vào làng thăm chỗ này chỗ khác. Tất cả những người mà tôi thấy đi vào rồi lại đi ra, cho ta thấy đó là những chỗ ít tai họa nhất. Phía bắc ngôi nhà này kéo dài liền một mạch là những cánh đồng mà người ta dờ dỏ phơi khô, và ở một khoảng cách mà tôi có thể nhìn thấy, đã có một nhóm những phụ nữ đứng tuổi, mặc quần áo theo kiểu truyền thống đang ném các nắm cỏ lên trên khoảng không để nó được hong khô nhờ ánh nắng mặt trời buổi sáng. Những người đàn ông ở Huyler, tôi nghĩ, không có ai trong số các đấng mày râu làm bất kỳ công việc nào cả.

Không có dấu hiệu gì của Maggie. Tôi đi thơ thẩn vào trong làng, đeo cặp kính đen mới mua - cặp kính màu tối, nó có tác dụng giúp tôi che đậy bớt việc thu hút sự chú ý của bên ngoài, và không hiểu sao có nhiều người đeo kính đến thế - và một mũ rơm mềm mà tôi sẽ không bao giờ nhìn thấy ở đâu ngoài Huyler. Đó là những gì mà người ta có thể gọi là một sự trá hình hoàn hảo, không ngoài mục đích ấy, giá mà tôi vẫn còn những vết màu nâu trên mặt mình như hôm tôi cải trang thì còn tốt hơn, nhưng ít ra, như thế này thì nó cũng đã giúp đảm bảo cho tôi ở một mức nào đó trong tình trạng muốn giấu tên, và tôi không nghĩ rằng trông vẻ ngoài của tôi khác nhiều với những khách du lịch đang thả bộ trong làng.

Huyler là một làng nhỏ, nhưng khi bạn bắt đầu tìm người nào đó bạn quan tâm hiện đang ở đâu đó trong làng thì bạn cảm thấy không dễ dàng chút nào, và khi có ai đó cũng đồng thời đi thơ thẩn quanh làng thì lúc ấy thậm chí là ngôi làng nhỏ nhất cũng trở nên rộng lớn làm cho người ta phải lúng túng. Tôi có thể thực hiện được việc không thu hút sự chú ý của người khác, tuy nhiên đã lạng lẽ đi mãi trên các con đường nhỏ của làng Huyler, mà không thấy một dấu vết gì của Maggie.

Đường tôi đang đi giờ đây yên tĩnh một cách tuyệt vọng, và một giọng nói vang lên trong đầu tôi nói rằng tôi đã đến quá muộn và cảm giác càng lúc càng nản chí bởi sự thật là tôi phải tiến hành tìm kiếm với một thời gian bị hạn chế đến mức tối thiểu. Bây giờ tôi bắt đầu đi một vòng quanh tất cả các cửa hàng, các quán cà phê mà dù cho nếu như Maggie vẫn đang còn sống và mạnh khỏe thì thật sự là tôi cũng không trông đợi tìm thấy cô ở những nơi ấy, nếu căn cứ theo nhiệm vụ mà tôi đã phân công cho Maggie. Nhưng tôi không thể không biết đến mọi khả năng có thể.

Tất cả các cửa hàng và các quán cà phê quanh khu vực bên trong bến tàu mà tôi đã tìm kỹ đều không thấy Maggie. Sau đó tôi đã di

chuyển theo cách tiến hành mở rộng các vòng tròn đồng tâm cho đến khi có thể định ra được một giới hạn hình học đối với cái mê lộ của những con đường nhỏ phát triển lung tung của Huyler. Và chính là từ phía rộng nhất, xa nhất của những vòng tròn đó mà tôi đã tìm thấy Maggie. Tôi thấy cô đang còn sống và hoàn toàn không bị thương tích gì. Sự vui mừng của tôi hầu như là không lớn hơn cái cảm giác ngu xuẩn của mình.

Tôi đã tìm thấy Maggie ở nơi mà tôi đã nghĩ là sẽ tìm thấy cô ngay, nếu như tôi biết dùng cái đầu mình để nghĩ được như cô. Bởi vì tôi đã nói với Maggie quan sát ngôi nhà đó, luôn để mắt giám sát, nhưng đồng thời phải giữ được thân thiện với bạn cùng đi, và cô đã làm đúng như vậy. Maggie đã ở trong một cửa hàng lớn bán đồ lưu niệm, đang cầm lên xem vài thứ hàng giữa đám đông khách du lịch, nhưng thật ra không xem hàng. Cô chăm chú nhìn ngôi nhà lớn cách đó khoảng gần ba mươi mét đến mức hoàn toàn không nhận thấy tôi. Tôi bước vào cửa hàng đang định nói với cô, thì bỗng nhiên tôi thoáng nhìn thấy ai đó khiến tôi đứng yên hoàn toàn và làm cho tôi cũng phải nhìn ra chăm chú như Maggie vậy, mặc dù là không phải cùng một hướng.

Trudi và Herta đang đi trên phố. Trudi mặc một chiếc áo dài màu hồng không có tay áo và đeo găng tay màu trắng dài, thỉnh thoảng lại nháy chân sáo và cười vui như trẻ con, mái tóc màu vàng hoe của cô bay bay, Herta vẫn mặc quần áo kỳ cục như thường lệ, với dáng đi lạch bạch và núng nính luôn bên cạnh Trudi, bà ta mang một túi da lớn trên tay.

Tôi bước nhanh vào sâu bên trong cửa hàng nhưng không cùng hướng của Maggie, bất luận có điều gì xảy ra thì tôi cũng không muốn hai người đó nhìn thấy tôi đang nói chuyện với Maggie. Vì thế tôi đã chọn một vị trí chiến lược đằng sau một cái khung đầy những

bưu thiếp có tranh ảnh nhưng nó cao và quay tròn, để chờ cho Herta và Trudi đi qua.

Nhưng họ không đi qua. Họ đã đi qua cửa trước, thế là chắc chắn, nhưng còn lâu họ mới đi, vì bỗng nhiên Trudi dừng lại nhìn chăm chú vào tủ kính, nơi Maggie đang đứng - và túm lấy cánh tay bà Herta. Sau vài giây, Trudi đã tán tỉnh được bà Herta miễn cưỡng bước vào cửa hàng và tách ngay khỏi bà Herta đang còn bần khoản đứng đấy, trông đồ sộ như là một ngọn núi lửa sắp sửa phun trào, và mắt bà ta hơi nhú lại, bước lên phía trước, túm chặt lấy cánh tay Maggie - “Tôi biết cô.”

Trudi nói có vẻ vui thích - “Tôi cũng biết chị.”

Maggie quay lại và mỉm cười - “Tôi cũng biết em, chào em, Trudi.”

“Còn đây là bà Herta.” - Trudi quay sang Herta, bà ta rõ ràng là đang yên tâm vì không có chuyện gì xảy ra. “Bà Herta, đây là chị Maggie, bạn cháu.”

Herta cau có gật đầu.

Trudi nói: “Thiếu tá Sherman là bạn em”

“Chị biết.” Maggie mỉm cười.

“Chị có đồng ý làm bạn em không, chị Maggie?”

“Tất nhiên, chị đồng ý, Trudi.”

Trudi có vẻ vui lắm. “Em cũng có nhiều người bạn khác. Chị có muốn biết họ không?” Cô gần như kéo Maggie ra cửa và chỉ tay. Cô chỉ tay về phía bắc và tôi biết cô đang chỉ những người làm cỏ khô ở những cánh đồng phía xa xa. “Chị xem, họ đang làm việc ở đây.”

“Chị tin rằng họ là những người bạn rất tốt,” Maggie nói một cách lễ phép.

Một người tìm mua bưu thiếp tranh ảnh chen sát vào người tôi đến mức tôi nghĩ là phải đứng tránh ra và để cho ông ta xem. Tôi

không hoàn toàn tin chắc tôi đã nhìn ông ta như thế nào, nhưng chắc chắn đủ để làm cho ông ta đi khỏi một cách vội vã.

“Họ là những người bạn *đáng yêu*,” - Trudi nói. Cô gật đầu với bà Herta rồi chỉ vào cái túi bà ta đang mang, “Khi bà Herta và em về đây thì thường mang túi để đựng thức ăn và cà phê buổi sáng.” Cô nói một cách bốc đồng. “Ta đến đây và gặp họ đi, chị Maggie,” và khi Maggie còn đang do dự, thì Trudi nói như làm bộ giận dỗi. “Chị là bạn em mà, phải không.”

“Tất nhiên, nhưng...”

“Họ đều là những người bạn tuyệt vời lắm.” Trudi nói với giọng cầu xin. “Họ là những người vui vẻ. Họ biết chơi nhạc. Nếu chúng ta làm họ vui thích thì họ sẽ khiêu vũ các vũ điệu đồng quê cho chúng ta xem.” Cô nói thêm, “Nói đúng hơn là vũ điệu cỏ khô.”

“Vũ điệu cỏ khô?”

“Vâng, chị Maggie, Vũ điệu cỏ khô, nào chị Maggie. Tất cả họ đều là bạn em. Chị vui lòng đến đó với em. Chị vì em đi, chị Maggie.”

“Ồ ồ... rất tốt,” Maggie cười một cách miễn cưỡng. “Đúng là vì em đấy, Trudi. Nhưng chị không thể ở đây lâu.”

“Em thích chị, Maggie.” Trudi ôm lấy cánh tay của Maggie. “Em thích chị.”

Ba người đã đi khỏi cửa hàng. Tôi chờ đợi một cách kín đáo khá lâu, sau đó thận trọng ra khỏi cửa hàng. Họ đi cách tôi năm mươi mét, đi qua ngôi nhà mà tôi đã yêu cầu Maggie theo dõi và đã ra đến cánh đồng cỏ khô. Những người làm cỏ khô đang còn cách họ ít nhất là sáu trăm mét, đang đập lên một đụn cỏ khô đầu tiên của họ trong ngày, cũng gần giống với những gì được nhìn từ xa, trông cảnh tượng thoáng đãng, đẹp, xen lẫn những căn nhà thô sơ và những chuồng bò, chuồng ngựa cũ kỹ kiểu Hà Lan. Tôi có thể nghe những tiếng nói chuyện phiếm của ba người khi họ đi qua những gốc rạ còn trơ ra trên cánh đồng và những chuyện huyền thuyên dường như từ miệng Trudi là nhiều nhất, và cô luôn nô đùa nhảy nhót như một con cừu non giữa

mùa xuân. Trudi không bao giờ đi mà cô luôn nhảy chân sáo, luôn nhảy nhót.

Tôi đi theo họ, nhưng không chạy. Một hàng cây làm hàng rào trồng dọc theo mép cánh đồng, và tôi thận trọng giữ khoảng cách giữa tôi và Herta cũng như hai cô gái, khoảng gần bốn mươi mét đằng sau họ. Tôi không nghi ngờ rằng phương pháp di động của tôi hầu như cũng lạ kỳ như là Trudi, bởi vì hàng rào cây thấp hơn một mét sáu và trong phần lớn sáu trăm mét đó tôi đã phải khom người để đi như là ông già bảy mươi tuổi đang mắc chứng đau lưng.

Dần dần ba người đã đi đến một căn nhà cũ kỹ và ngời hường về phía tây, dưới bóng râm của một cây to khi ánh sáng mặt trời bắt đầu chiếu sáng. Tôi cũng ngời cạnh căn nhà ấy, ba người và những người làm cỏ khô ở một đầu này còn bản thân tôi ở đầu kia, tôi chạy rất nhanh qua khoảng không gian và ẩn mình vào bên cửa.

Tôi đã phạm sai lầm về căn nhà cũ này. Ít ra, nó đã tồn tại đến gần thế kỷ và chắc chắn là nó đang trong điều kiện hư hỏng nặng mà không được tu sửa, rất ọp ẹp và xiêu vẹo, thật vậy. Ván sàn đã võng xuống nghiêng hẳn về một bên, các bức tường gỗ thì phồng lên từng chỗ mà nó có thể phồng, hầu hết đã rạn nứt và những tấm ván dài đã bị biến dạng và phồng rộp ra đến mức mà hầu như người ta có thể chui đầu qua đó được.

Có một gác xép trong căn nhà này, sàn của nó cũng giống như sắp xảy ra nguy hiểm vì đổ sụp đến nơi. Nó đã mục nát và vỡ ra từng mảnh và là nơi những con mọt thả sức hoành hành, thậm chí có mời một đại lý dịch vụ nhà ở của Anh quốc đến xem thì họ cũng sẽ lắc đầu chào thua bởi không thể phục hồi lại tính cổ xưa của nó. Nhưng phần dưới của căn nhà này thì vẫn có thể sử dụng được chút ít cho công việc quan sát và, ngoài ra, tôi không muốn thăm soi ngoài những vết rạn nứt trong tường và tìm ai đó khác ở gần ngay đó, vì vậy tôi rất miễn cưỡng nhảy lên các bậc gỗ dẫn lên gác xép.

Gác xép này, phía đông của nó vẫn còn chất đầy đến một nửa những cỗ khô từ năm ngoái, cũng khá nguy hiểm khi đi lại, nhưng tôi vẫn phải thận trọng bước về phía tây của căn nhà cũ. Phía bên này căn nhà cũ nát đó đã giúp tôi có được một chọn lựa tốt hơn về các khoảng trống giữa các tấm ván dài, và cuối cùng thì tôi cũng tìm được một nơi lý tưởng ít ra cũng được mười lăm centimet chiều rộng và có thể quan sát được rất tốt. Tôi đã nhìn thấy những cái đầu của Trudi, Maggie và Herta ngay bên dưới. Ngoài ra còn có thể nhìn thấy những người phụ nữ đứng tuổi, khoảng hơn mười người tất cả đang cần mẫn và thuần thục làm nên một đồng cỗ khô lớn, răng của những cái chĩa để xóc dỡ cỗ khô có tay cầm dài cứ loang loáng dưới ánh nắng mặt trời, thậm chí tôi có thể thấy được một phần của bản thân ngôi làng, bao gồm phần lớn là các bãi đỗ xe. Tôi có một cảm giác không yên tâm và bồi hồi trong lòng, nhưng không thể hiểu lý do của sự khác thường này, quang cảnh làm cỗ khô diễn ra ngoài cánh đồng như thể là một khúc nhạc đồng quê bình dị, thậm chí còn nhiều chất mục đồng lãng mạn thể hiện một cuộc sống thanh bình và lành mạnh. Tôi nghĩ đến cái cảm giác kỳ lạ của một điềm gở, sự lo lắng mơ hồ không rõ lý do, tôi cố xua đi cái ý nghĩ bất hạnh nhưng sao nó vẫn cứ ám ảnh tôi một cách dai dẳng không sao dứt ra được. Không hiểu sao tôi cứ có cảm giác sợ hãi kỳ lạ và lo cho Maggie giữa đám người này, những người làm cỗ khô thực sự, trong môi trường làm việc thường ngày của họ, họ là những phụ nữ đứng tuổi, là các bà trạc tuổi năm mươi hoặc hơn, mặc những chiếc áo choàng rộng có kẻ sọc bay trong gió lộng, những chiếc áo dài thêu một cách trang nhã, và những chiếc mũ trên đầu là hoàn toàn tự nhiên, ở họ có cái gì đấy hơi cường điệu để gây ấn tượng, toát ra cái vẻ giả tạo không thật. Tôi có cảm giác hầu như mình là người đang chứng kiến một màn kịch được trình diễn cốt để cho tôi xem.

Khoảng nửa giờ đã trôi qua trong thời gian các bà đứng tuổi vẫn đang tiếp tục làm việc, và ba người ngồi phía dưới tôi vẫn chỉ nói chuyện linh tinh, đó là một ngày ấm áp, yên tĩnh và nơi đồng quê

thanh bình, chỉ có những âm thanh duy nhất là tiếng sột soạt của những cái chĩa xóc dờ cỏ khô và tiếng vo ve của những đàn ong từ xa vọng lại. Tôi băn khoăn không biết là mình có nên liều châm một liều thuốc và không hiểu sao tôi đã quyết định châm thuốc. Tôi lúi lúi trong túi áo vét ra bao thuốc và hộp diêm, đặt chiếc áo khoác trên sàn cùng với khẩu súng đã lắp ống giảm thanh, rồi châm thuốc hút, cẩn thận không để cho một tí khói nào thoát ra ngoài qua khoảng trống của những tấm ván dài.

Thế rồi, Herta hỏi xem mấy giờ rồi, đã sắp đến giờ chuẩn bị bữa ăn và bà nói điều gì đấy với Trudi, cô đứng lên, cầm tay Maggie và kéo lên. Họ cùng nhau đi về phía những người làm cỏ khô, có thể đoán chừng là mời họ nghỉ giải lao buổi sáng. Bà Herta nhanh nhẹn trải ra một miếng vải kẻ ô vuông trên đất và đặt lên đó những thức ăn gói trong miếng vải khác, và những cái chén bên cạnh.

Bỗng có một giọng nói phía sau tôi: “Đừng có cố gắng cầm súng của anh, nếu không nghe tôi thì anh sẽ chẳng bao giờ còn sống để cầm đến nó.”

Tôi tin lời ông ta và tôi không sờ vào súng của mình.

“Quay tròn đi, nhưng rất chậm.”

Tôi quay người rất chậm, đúng như kẻ đó yêu cầu.

“Bước cách xa khẩu súng ba bước, về bên trái anh.”

Tôi không thể nhìn thấy người đó, nhưng tôi nghe hẳn rất rõ. Tôi bước đi ba bước về bên trái.

Có tiếng sột soạt rất khẽ, khuấy động trong đồng cỏ khô ở phía bên kia căn nhà, và hai cái đầu nổi lên. Đó là Reverend Thaddeus Goodbody và Marcel, tay công tử bột đáng điệu như con rắn. Tôi đã đánh hẳn no đòn và tổng hẳn vào trong cái két sắt của hộp đêm Balinova, Goodbody tuy không có một khẩu súng trong tay nhưng khi đó thì lão không cần đến súng, Marcel có một sai lầm ngớ ngẩn là mang hai khẩu súng lớn như những khẩu súng thường, phán đoán từ ánh mắt đen to cảnh giác thì hẳn đang tìm kiếm một đường ngấm để

sử dụng. Tôi không quan tâm đến súng của hắn đã có bộ giảm thanh hay không, nhưng điều này cho thấy là chúng cũng có nghĩ đến việc chúng nên bắn tôi như thế nào, bởi chúng muốn nổ súng mà không ai nghe thấy gì hết.

“Ở đây nóng tời tộ quá,” Goodbody nói như phàn nàn. “Và đây là một vấn đề tế nhị đòi hỏi phải xử lý thận trọng.” Hắn cười nhân hậu, cái kiểu cười hiền từ và độ lượng như thế thì bọn trẻ nhỏ nào cũng muốn cầm lấy tay hắn. “Nghề nghiệp của ông dẫn ông vào cái nơi không trông đợi nhất, tôi phải nói như vậy, ông Sherman.”

“Nghề nghiệp của tôi?”

“Lần mới đây tôi gặp ông, nếu như tôi nhớ đúng thì dường như ông là người lái taxi.”

“A à, lần đó, thì tôi đã đánh cược rằng ông sẽ không dám đi báo cảnh sát về tôi.”

“Đúng là tôi đã suy nghĩ lại về việc đó.” Goodbody thừa nhận một cách rộng lượng.

Ông ta đi đến chỗ để súng của tôi và cầm súng lên nhìn một cách đáng ghét trước khi ném nó vào trong đồng cỏ khô, “Những vũ khí thô bạo, thật kinh tởm.”

“Vâng, đúng thế,” - tôi đồng ý - “Bây giờ ông muốn tôi đưa ra một thành tố tinh vi trong việc giết người của ông không?”

Tôi đã nói vắn tắt để chứng minh. Goodbody không buồn hạ thấp giọng, nhưng ông ta cũng không cần phải hạ thấp giọng, các bà nhiều tuổi và đứng đắn của làng Huyler bây giờ đang uống cà phê buổi sáng và thậm chí trong khi đó vẫn còn nhai thức ăn đầy miệng mà đặc biệt là các bà vẫn có thể vừa nói vừa ăn cùng lúc. Goodbody đi đến chỗ đồng cỏ khô, lôi từ túi vải bạt ra một sợi dây thừng dài, “Hãy cảnh giác đề phòng, anh Marcel thân mến. Nếu ông Sherman đây chỉ cần hơi động đậy thì anh phải bắn ngay, nhưng không bắn chết, mà bắn vào bắp đùi.”

Marcel liếm môi. Tôi hy vọng hẳn sẽ không chú ý đến chiếc áo sơ mi của tôi động đậy do nhịp đập của trái tim tôi cứ phập phồng. Goodbody dè dặt tiến lên từ đằng sau, ông ta buộc dây thừng rất chặt vào cổ tay phải tôi rồi buộc một đầu dây vào xà nhà, sau đó có lẽ như để cho chắc chắn hơn ông ta lại buộc chặt dây vào cổ tay trái tôi. Hai tay tôi bị nâng lên cao ngang với hai tai. Goodbody lại đem ra thêm một đoạn dây thừng khác.

“Từ bạn tôi là Marcel ở đây,” Goodbody nói như là ta đang nói chuyện bình thường, “tôi được biết ông là một chuyên gia sử dụng đôi bàn tay rất thông thạo. Không biết là đôi chân ông có tài giỏi giống như đôi bàn tay ông không.” Ông ta cúi người xuống và buộc chặt hai mắt cá chân tôi lại với nhau, một cách rất nhiệt tình cho tôi thấy trước là sẽ rất tồi tệ cho sự tuần hoàn máu ở chân. “Điều xảy ra tiếp theo nữa là ông có thể cứ việc mà bình luận về một cảnh tượng mà ông sẵn sàng làm nhân chứng. Chúng tôi thì thích làm mà không có bình luận.” Ông ta nhét một chiếc khăn mù soa dơ bẩn có lẽ đến cả tháng không giặt vào miệng tôi, nhưng vì chắc là vẫn chưa yên tâm nên ông ta tọng thêm vào mồm tôi một chiếc khăn nữa, dĩ nhiên dù ông ta có dùng hết sức lực của tấm thân to béo khỏe mạnh để ấn vào thì mồm tôi cũng không thể nào chứa được hai chiếc mù soa, nên đành để cho hai phần ba chiếc khăn thứ hai ở ngoài miệng tôi vậy. Sau đó Goodbody xoa hai tay vào nhau hài lòng, và quay sang Marcel, “Thoả mãn chưa, Marcel, anh sẽ nói gì đây?”

Đôi mắt Marcel lóe lên tia hy vọng, “Tôi có một thông báo của ông Durrell giao cho Sherman.”

“Thôi, thôi, thôi đi, anh bạn thân mến. Không việc gì phải vội vã cả. Để sau này, sau này hẵng hay. Bây giờ tôi muốn ông bạn của chúng ta thể hiện đầy đủ hết khả năng của ông ấy, có tầm nhìn sáng sủa, tai nghe rất thính, đầu óc sáng suốt để đánh giá đúng tất cả những sắc thái nghệ thuật giải trí mà chúng ta đã sắp xếp vì lợi ích của ông Sherman đáng kính.”

“Tất nhiên rồi, thưa ông Goodbody,” Marcel nói một cách ngoan ngoãn. Hắn lại bắt đầu liếm môi. “Nhưng sau này...”

“Sau này,” Goodbody nói một cách rộng lượng, “anh có thể chuyển bao nhiêu thông tin cho ông ta cũng được. Nhưng nên nhớ, tôi muốn ông ta vẫn còn sống, khi ngôi nhà này bị đốt cháy đêm nay. Thật đáng tiếc là chúng ta sẽ không thể chứng kiến việc này từ rất gần.” Trông ông ta thật sự buồn. “Ông, và quý cô trẻ đẹp duyên dáng đang ngoài cánh đồng cỏ khô kia - khi người ta tìm thấy xác của ông nằm trong đám than hồng - tuyệt lắm. Tôi tin là người ta sẽ rút ra được những kết luận còn hay hơn cả sự mơ mộng trẻ trung nhưng khờ dại của tình yêu. Hút thuốc lá trong căn nhà gỗ cũ nát, thì đúng như ông đã làm, là một thực tế không khôn ngoan nhất. Không khôn ngoan nhất. Vĩnh biệt, ngài Sherman, vì tôi không có ý định nói au revoir^[4]. Tôi nghĩ tôi phải quan sát vũ điệu cỏ khô từ nơi gần hơn. Một tập quán cổ duyên dáng như thế. Và tôi cho rằng anh sẽ đồng ý.”

Ông ta bỏ đi, để lại Marcel đứng liếm môi. Tôi không nghĩ rằng mình sẽ đơn độc cùng với Marcel, nhưng hầu như không có một ý nghĩ quan trọng nào trong đầu tôi vào lúc đó. Tôi vắn mình và nhìn vào khoảng trống trong tấm ván dài.

Các bà đã kết thúc bữa ăn cùng với cà phê và đang lết những đôi chân của họ. Trudi và Maggie ở ngay bên dưới, nơi tôi đang đứng.

“Những chiếc bánh không được ngon lắm, phải không chị Maggie?” Trudi hỏi.

“Thế còn cà phê?”

“Ngon, ngon lắm, Trudi. Nhưng chị ở lại đây quá lâu rồi. Chị đang mua hàng. Bây giờ chị phải đi.” Maggie ngừng một lát và ngược nhìn lên trên. “Cái gì thế nhỉ?”

Hai cây đàn accordion bắt đầu chơi, êm dịu và thanh thoát. Tôi không thể nhìn thấy hai người chơi đàn. Có vẻ như âm thanh đến từ phía xa của đụn cỏ khô, nơi những bà nông dân vừa mới đắp lên thành đống.

Trudi nhảy lò cò, vỗ tay rất vui để hưởng ứng. Cô đến chỗ Maggie và kéo Maggie đứng lên.

“Đó là vũ điệu cỏ khô!” Trudi kêu lên, “Vũ điệu cỏ khô! Họ đang cùng nhau chơi vũ điệu cỏ khô! Họ cũng thích chị, Maggie. Họ chơi nhạc và khiêu vũ là vì chị. Bây giờ chị là bạn họ rồi.”

Các bà, hầu hết đều đã đứng tuổi hoặc già, nét mặt của họ trông kỳ lạ lắm, cứ như họ sợ thiếu sự hưởng ứng cho nên họ bắt đầu chuyển động theo những cử chỉ nặng nề, có lẽ là do trọng lượng bản thân. Vác lên vai những cái chĩa để xóc dờ cỏ khô giống như những khẩu súng trường, họ xếp thành một hàng thẳng và bắt đầu kết thành khối nặng nề rồi cùng nhau lùi và tiến, tóc tết đuôi sam của các bà đung đưa khi âm nhạc từ đàn accordion vang lên nhịp điệu trầm bổng. Họ múa xoay tròn một cách trang trọng, sau đó thì tiếp tục theo nhịp điệu đi tới đi lui. Từ một hàng thẳng như tôi đã nhìn thấy, bây giờ dần dần đã trở thành đội hình dưới dạng nửa vòng tròn.

“Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một vũ điệu như thế này.” Giọng Maggie có vẻ lúng túng. Tôi cũng chẳng bao giờ nhìn thấy một vũ điệu như thế và cảm giác của tôi là chán ngấy và ớn lạnh, có điều chắc chắn là tôi không bao giờ muốn xem lại lần nữa - không, bây giờ dường như tôi sẽ không còn cơ hội để xem lại lần nữa.

Trudi đã lặp lại những suy nghĩ của tôi, nhưng điều ẩn ý về điềm gờ của họ tôi không hiểu Maggie có nhận ra không.

“Và chị chẳng bao giờ nhìn thấy một vũ điệu như thế này nữa đâu, Maggie.” Trudi nói.

“Họ chỉ đang bắt đầu, ôi, chị Maggie, người ta phải thích chị lắm - chị xem, họ muốn chị!”

“Tôi?”

“Vâng, chị Maggie. Họ thích chị. Đôi khi họ hỏi em. Hôm nay, chị.”

“Chị phải đi, Trudi!”

“Xin chị vui lòng, Maggie. Một lúc nữa thôi. Chị không làm gì cả. Chị chỉ đứng đối diện với họ. *Xin vui lòng*, chị Maggie. Họ sẽ cảm thấy bị xúc phạm nếu chị không làm như thế.”

Maggie cười, phản đối một cách cam chịu. “Ừ, ừ..., thôi được.”

Vài giây sau, một cô Maggie rất lúng túng và miễn cưỡng đang đứng ở tiêu điểm, khi một nửa vòng tròn, những người đàn bà mang những cái chĩa xóc cỏ khô cứ tiến lên và lùi xuống. Dần dần thì cái mô hình này và nhịp độ của buổi khiêu vũ đã thay đổi một cách nhanh chóng khi những người khiêu vũ bây giờ đã hình thành một vòng tròn hoàn toàn vây quanh Maggie. Vòng tròn này co lại rồi lại giãn ra, co lại rồi giãn ra, những người đàn bà cúi chào một cách trang trọng, khi họ tiến gần nhất đến Maggie, sau đó họ lại lao đầu vào gần Maggie rồi lại lùi ra và cùng nhau giậm chân tại chỗ.

Goodbody đi vào trong đám đông, nụ cười của ông ta dịu dàng, vui vẻ, khi ông tham gia cuộc vui làm cho mọi người cảm thấy vui lây vì một một vũ điệu cũ nhưng duyên dáng đang diễn ra trước mặt ông. Goodbody đứng bên cạnh Trudi và đặt một tay lên vai cô. Trudi mỉm cười vui mừng nhìn ông ta.

Tôi cảm thấy như bị lợm giọng buồn nôn, và muốn nhìn đi nơi khác, nhưng nhìn đi nơi khác thì như là bỏ rơi Maggie, mà tôi thì không bao giờ có thể bỏ rơi Maggie, song chỉ có Chúa mới biết rằng bây giờ tôi chẳng bao giờ có thể giúp được Maggie. Trên nét mặt Maggie đã biểu hiện sự bối rối, linh tính báo cho cô biết điều đang diễn ra là chuyện chẳng lành, và đã quá muộn nên cô không thể rút đi, trong khi đó cô đã nghe được những lời nói bóng gió ám muội. Cô đã nhìn Trudi một cách tức giận, qua một khoảng cách giữa hai bà có tuổi. Nhưng Trudi vẫn cứ vô tư ngoác miệng cười toe toét và còn vẫy tay khuyến khích một cách vui vẻ.

Bỗng nhiên tiếng nhạc của cây đàn accordion thay đổi đột ngột. Đã chuyển sang một giai điệu có hòa âm êm dịu nhẹ nhàng nhưng chỉ một hai phút sau đã nổi lên tiếng trống giục theo một tiết tấu mạnh

như là dành cho một đoàn quân hành tiến và âm lượng của nó cứ tăng lên một cách nhanh chóng khi nó thay đổi thành một cái gì đó hoàn toàn khác về bản chất, cái gì đấy vượt trên cả tinh thần thượng võ đơn thuần, có cái gì đấy tàn nhẫn thô bạo, man rợ và và hung dữ. Những người đàn bà nhiều tuổi ấy, sau khi đã đứng giãn thành một vòng tròn rộng nhất, thì lại bắt đầu thu nhỏ vòng tròn lại. Từ chỗ đứng bị trói, tôi vẫn có thể nhìn thấy Maggie, mắt cô bây giờ mở to và nỗi sợ hãi thể hiện trên nét mặt, cô nghiêng người về một phía để liếc nhìn Trudi. Nhưng không có sự bảo vệ và thông cảm từ Trudi. Giờ đây nụ cười của cô đã tắt, hai bàn tay cô đan chặt vào với nhau và cô liếm môi chầm chầm. Tôi quay sang nhìn Marcel, hẳn cũng đang mãi xem cái cảnh nhảy múa hành hình đó như tôi, nhưng hẳn vẫn chĩa súng vào tôi và theo dõi tôi chặt như hẳn xem quang cảnh diễn ra bên dưới. Tôi không thể làm gì.

Những người đàn bà đứng tuổi bây giờ đang cùng nhau hướng vào trong. Những khuôn mặt tròn của họ đã mất đi cái chất ngây đờ ra, mà giờ đây chúng bộc lộ sự tàn bạo nhẫn tâm, không thể có gì làm cho những con quỷ già xiêu lòng và nỗi sợ hãi ghê gớm trong đôi mắt Maggie đã nhượng bộ nỗi kinh hoàng. Đôi mắt cô nhìn chằm chằm khi âm nhạc trở nên mạnh hơn, song lại nghịch tai hơn. Sau đó, rất đột ngột, nhưng là hành động với sự chính xác như thể một đội quân chính quy được tập luyện thường xuyên, những chiếc răng của cái chìa gãy cỏ mang trên vai họ, tất cả đều đồng loạt hạ xuống đâm thẳng vào Maggie. Cô hét lên và hét to lên, nhưng tiếng kêu của cô không thể nào át nổi cái âm thanh mạnh dần và rất nghịch tai của tiếng đàn phong cầm. Rồi sau đó thì Maggie ngã quỵ xuống. Tất cả những gì tôi có thể nhìn thấy là lưng của những người đàn bà khi họ nâng cái chìa lên cao rồi lại đâm thật mạnh xuống và tất cả những nhát đâm xuống đều dữ dội như nhau, như thể họ đang trút một hận thù truyền kiếp lên người Maggie, bây giờ chắc là cô đã chết. Tôi như bị nghẹt thở, rùng mình quay đi nơi khác, nhưng rồi tôi quay đầu lại, nhìn thấy Trudi,

bàn tay con ác ôn đó mở ra rồi lại nắm chặt lại, nét mặt nó như bị thôi miên đã xuất thần - không, mà là xuất quỷ thì mới đúng, mặt con chủ mưu giết người lúc này trông như một con sói dữ gớm guốc, đang liếm mép sau khi đã ăn thịt người và bên cạnh nó là tên mục sư đồ tể Reverend Goodbody, mặt hăn vẫn toát ra lòng nhân từ đức độ, thương người và dịu dàng như hăn vẫn từng tỏ ra như thế xưa nay, một nét mặt luôn gây cho người ta một ấn tượng sai lầm khi nhìn vẻ ngoài của hăn. Đầu óc hăn đầy những điều ác, trí tuệ hăn bệnh hoạn, đã từ lâu lắm hăn không còn sự lành mạnh về tinh thần.

Tôi đã buộc phải nhìn lại lần nữa, khi âm nhạc chơi lắng xuống chậm chậm, đã mất đi tính nguyên sơ và lai căng của nó. Những hoạt động điên cuồng và thật sự dã man của những mù đàn bà giết người như một cỗ máy đã nguôi đi, hàng trăm nhát đâm xuống đã ngừng và tôi nhìn thấy một trong những mù này quay sang bên cạnh và xĩa một chĩa đầy cỏ khô. Tôi đã nhìn được thoáng qua một khuôn mặt bị biến dạng, chiếc áo khoác trắng đã không còn trắng, đang nằm trên đất, sau đó chúng đã che bớt thân xác cô bằng những đám cỏ khô để không cho ai nhìn thấy, mà bây giờ nếu ai nhìn vào thì chỉ là một đám cỏ khô. Và đến khi âm thanh của hai chiếc đàn phong cầm đang êm dịu, nhẹ nhàng rồi câm lặng, muốn nói lên sự lưu luyến quê hương thành Viên cổ kính, thì cùng lúc ấy chúng đã xây xong nấm mồ bằng cỏ khô trên xác Maggie. Tên Goodbody và con quỷ cái Trudi, hai tên giết người lại nhìn nhau cười vui vẻ như vừa dự xong một cuộc liên hoan và chuyện phiếm với nhau, chúng khoác tay nhau thân ái đi vào trong làng.

Marcel quay đi, không nhìn vào cái khoảng trống trong tấm ván dọc và thờ dài - “Tiến sĩ Goodbody thu xếp chuyện đó thật là tài, anh có nghĩ như thế không? Sự tinh nhanh, nhạy cảm, thời gian, địa điểm và bầu không khí - đã được thực hiện một cách sắc sảo, thực hiện một cách hoàn hảo.” Trọng âm tiếng Anh mà hăn cố uốn giọng cho điệu, phát ra từ đầu con rắn đực này không ít kinh tởm hơn là bối cảnh mà

hắn đã thốt ra những lời ấy, hắn cũng giống như lũ người dã man ngoài kia đã giết Maggie, chúng đã hoàn toàn mất trí.

Hắn thận trọng bước đến gần tôi từ phía sau, tháo chiếc khăn đã buộc quanh đầu tôi rồi lôi ra cái đồng vải bông dơ dáy mà chúng đã nhét vào miệng tôi. Tôi không nghĩ hắn đang bị lương tâm thúc đẩy để làm cái việc nhân đạo này, và hắn đã không hành động vì động cơ tôi nghĩ, hắn nói, “Khi mày kêu thét lên, tao muốn nghe tiếng thét đó. Tao không nghĩ rằng các phu nhân ở ngoài kia lại chú ý nhiều đến cái nhà đồ nát này.”

“Tao chắc là chúng nó sẽ không nghe thấy.” - Tôi nói, “Tao thật ngạc nhiên khi thấy Goodbody có thể tự tay giết người như thế.” Giọng nói của tôi nghe có vẻ không giống như là tôi nói bình thường, đó là giọng khàn khàn, khô đặc và khó phát âm nên nghe không rõ, như thể là tôi bị đau thanh quản.

Marcel cười, “Tiến sĩ Goodbody có những việc khẩn cấp cần có mặt ông ấy ở Amsterdam. Những việc quan trọng.”

“Và những vật quan trọng được chuyển từ đây đến Amsterdam.”

“Mày nói gì tao không hiểu.” Hắn lại cười và hầu như tôi nhìn thấy cái mũ trùm đầu của hắn phình to lên, “Nói theo cách kinh điển, ngài Sherman thân mến ạ, thì khi một người ở vào vị trí của ngài, thất bại và sắp chết thì với cương vị của tôi lúc này, là người quyết định sinh mệnh của ngài, giải thích bất kỳ điều gì bây giờ cũng chỉ là vô ích. Nhưng ngoài sự thật rằng nếu thống kê những điều sai lầm ngớ ngẩn của ngài thì phải dài lắm không thể nào đếm xuể. Đơn giản là tôi không thèm quan tâm, do đó ngài hãy cứ nên đem chúng xuống dưới mồ, đúng không?”

“Đem cái gì?” Vậy là, nó sẽ sắp xảy ra bây giờ tại đây. Tôi nghĩ, nhưng tôi không chú ý đến điều hắn nói, dường như không còn thành vấn đề nữa.

“Tin báo của Durrell, tất nhiên.” Nói xong hắn dang thẳng tay bổ một nhát xuống đầu tôi. Nổi đau như bị dao cắt vào thịt, giống như con dao pha của anh hàng thịt bổ vào đầu và vào một bên mặt tôi khi hắn thẳng tay đập nòng súng của hắn vào đầu và mặt tôi. Tôi nghĩ xương bên má trái mình chắc đã bị vỡ, song cái lưỡi của tôi báo cho biết rằng, ít nhất là hai cái răng của tôi cũng đã bị gãy chắc là không còn hy vọng chữa lại.

“Ông Durrell,” Marcel vui vẻ nói “đã nói với tao để tao nói lại với mày rằng ông ấy không thích bị đánh bằng nòng súng.” Lần này thì hắn đi sang bên phải mặt tôi, và mặc dù tôi đã nhìn thấy và biết điều gì sẽ đến, nên tôi đã cố gắng hất nhanh đầu để tránh, nhưng vẫn không tránh được. Đây là một cú đánh nham hiểm làm tôi đau kinh khủng, nhưng tôi biết còn bị đau tệ hơn nữa, do tạm thời tôi không nhìn thấy gì, tiếp theo một ánh sáng trắng chói mắt, dường như nổ tung trước mắt tôi. Mặt tôi như đã bị bắn, đầu tôi như lìa ra, nhưng tâm trí vẫn sáng suốt lạ lùng. Đó là những cú nện bằng báng súng một cách hệ thống, đó là đòn thù, tôi biết, và thậm chí có phẫu thuật thẩm mỹ thì các vị bác sĩ cũng đến lắc đầu lấy làm tiếc. Nhưng những gì thật sự có ý nghĩa, đó là với cách cư xử này, tôi sẽ bất tỉnh, có lẽ là nhiều giờ. Dường như chỉ có một hy vọng: làm cho các cú nện như đánh bằng dùi cui không hệ thống hóa.

Tôi nhổ ra một cái răng và nói: “thẳng đồng tính luyện ái.”

Vì câu chửi rủa này mà đã làm hắn phát rõ. Cái vỏ bề ngoài của một phong cách lịch sự văn minh mà lâu nay hắn vẫn khoác trên người đã tuột khỏi người hắn một cách trần trụi, sự nhã nhặn cố làm ra vẻ yếu điệu cũng biến mất trong khoảnh khắc, và những gì còn lại là đây: Hắn hung dữ điên khùng đánh đập tôi như thẳng hóa rồ, mất trí. Hắn đánh tới tấp lên trên đầu và vào hai bên đầu, và hai vai tôi, đến nỗi văng cả súng của hắn đi. Và khi tôi cố gắng để bảo vệ mình được tốt nhất, bằng cách co hai cẳng tay mình lại thì hắn lại chuyển sự tấn công điên cuồng đó vào thân thể tôi. Tôi rên rỉ, cố nhắm mắt lại, hai chân

đau nhức và trong giây lát nữa sẽ quy xuống vì tôi không còn đứng được trên đôi chân mình. Người tôi lơ lửng trên chiếc dây thừng buộc chặt lấy cổ tay.

Thêm hai hoặc ba giây đau đớn trôi qua, trước khi hấn chợt tỉnh để nhận ra rằng hấn đã lãng phí thời gian: quan điểm của Marcel là không sáng suốt khi hành hạ thể xác một người mà hấn biết rõ là: cả sức lực và sự chịu đựng tra tấn đều hơn hấn nhiều lần. Hấn thốt ra tiếng gì lạ lẫm từ trong cổ họng, chắc chắn là biểu lộ sự thất vọng hơn là cái gì khác, sau đó hấn đứng đấy thở hắt ra nặng nề. Những gì hấn dự định làm nữa, tôi không thể đoán được, bởi tôi không dám mở mắt ra.

Tôi nghe thấy tiếng bước chân hấn đi và liều mở một bên mắt liếc nhanh về phía hấn. Cơn điên khủng tạm thời kết thúc và Marcel, rõ ràng là một tên cơ hội khi hấn tỏ ra tàn ác, hấn đã thọc tay vào túi áo khoác của tôi để lục tìm trong khi đó mặt hấn hơn hờ hy vọng, nhưng hấn lập tức ỉu xìu, bởi vì những cái ví thường hay nhét vào túi ngực trong của một áo khoác luôn luôn bị rơi ra khi ta khoác chiếc áo khoác đó trên cánh tay, nên tôi đã thận trọng chuyển ví và tiền, cũng như hộ chiếu và bằng lái xe vào túi bên hông. Nhưng Marcel cũng không mất nhiều thời gian đi đến kết luận như vậy, có lẽ hầu như ngay lập tức, tôi nghe tiếng bước chân hấn và cảm thấy ví của mình đang bị lôi ra khỏi túi bên hông.

Bây giờ thì hấn đang đứng bên cạnh tôi. Tuy không thể nhìn thấy hấn, nhưng tôi nhận thức được điều này. Tôi rên rỉ và đu đưa một cách bất lực ở đầu dây đã buộc chặt tôi vào với xà nhà. Hai chân tôi bị kéo lê đằng sau, phần trên của các ngón chân của đôi giày đụng trên nền nhà. Tôi mở mắt chỉ đúng một phần giây thôi.

Tôi có thể nhìn thấy chân hấn, cách tôi không quá một mét. Tôi liếc nhìn lên, cũng chỉ lâu bằng một phần giây thôi. Marcel với bộ mặt tập trung và ngạc nhiên một cách vui sướng, đang mê mải trong tính nhảm để quy đổi một số tiền rất lớn mà tôi mang trong ví ở túi bên

hông quần. Hắn nắm cái ví trong tay trái trong khi khẩu súng của hắn thì lủng lẳng bởi cái vòng cản - hắn đã móc ngón tay giữa cùng bàn tay vào trong vòng cản đó. Hắn mãi mê chăm chú vào số tiền đến nỗi hắn không thấy tay tôi đã với tới một chỗ bám tốt hơn trên dây buộc.

Tôi đã rút con dao trong người mình ra, dồn hết sức dướn người lên phía trên và phía trước với tất cả lòng căm thù, cùng với sự giận dữ và nỗi đau trong tôi, và tôi không nghĩ rằng Marcel lại thấy được hành động đó hay nghe tiếng bước chân tôi tiến đến. Dồn hết sức, tôi đâm hắn một nhát. Tôi đã khử hắn gọn mạnh, nhưng không hề gây ra một tiếng động. Và lưỡi dao nhọn sắc của tôi đã cắm phập vào người hắn một cách dữ dội, hắn ngã ngửa ra, chạm vào người tôi rồi từ từ đổ sụp xuống nền nhà. Hắn nằm đấy, nhưng đầu vẫn còn cứ ngoặt ngoẹo từ bên này sang bên kia trong phút phản xạ vô thức hoặc phản xạ có ý thức của một cái xác chết trong một cơn đau bột phát. Tôi rướn thẳng dậy, trượt đến cạnh hắn, và hơi chút ngạc nhiên thấy đầu hắn vẫn còn gục trên vai, nhưng tôi tặc lưỡi kệ thay hắn.

Khẩu súng vẫn còn móc vào ngón giữa của bàn tay trái hắn. Tôi lôi khẩu súng ra ngoài bằng mũi giày của mình. Tôi cố để có được một chỗ bám trên súng giữa đôi giày của tôi, nhưng hệ số ma sát giữa kim loại và da là quá thấp và khẩu súng vẫn cứ đu đưa tự do. Tôi cởi giày bằng cách kéo lê gót giày xuống nền nhà và rồi sau đó phải mất nhiều thời gian nữa, bằng cách sử dụng đôi tất của mình theo cùng phương pháp. Tôi đã bị trầy da khá nhiều và thu thập được nhiều mảnh gỗ vụn trong khi làm như vậy, nhưng là có ý thức, và không có cảm giác đau: sự đau đớn thể hiện trên mặt tôi thực sự lại là một nỗi đau khác.

Đôi bàn chân trần của tôi đã cho tôi một chỗ bám tuyệt vời trên khẩu súng. Kẹp chặt lấy chúng, rồi tôi lôi hai đầu dây thừng lại với nhau và kéo mạnh người tôi lên cứ thế cho đến khi đến được xà nhà. Nó đã cho tôi khoảng hơn một mét hai dây thừng chùng để tôi sử dụng có hiệu quả. Tôi treo người bằng tay trái và nhảy xuống sàn nhà bằng

tay phải trong khi tôi gập đôi chân mình lại. Và rồi tôi đã có khẩu súng trong tay.

Tôi xuống sàn nhà, vẫn giữ chiếc dây thừng trói chặt cổ tay trái, căng ra rồi đặt họng súng vào nó. Phát đầu tiên nghe rất gọn, như là mũi dao tôi đâm vào cái thừng đồng tính luyện ái. Tôi tháo gỡ tất cả các nút đã trói buộc mình, xé toạc vạt trước chiếc sơ mi trắng như tuyết của Marcel để lau cho cái miệng và mặt đầm máu của tôi, lấy lại ví và tiền của mình rồi ra đi. Tôi không biết liệu Marcel còn sống hay đã chết, đối với tôi thì có vẻ như hắn đã chết, nhưng dù thế nào tôi cũng không quan tâm.

12

Vào lúc đầu giờ chiều thì tôi trở về Amsterdam và mặt trời đã chứng kiến cái chết của Maggie sáng hôm đó là tượng trưng cho một cái chết bi thảm, cô đã bị chúng nó đánh chết một cách dã man, hết sức vô nhân đạo. Những đám mây đen nặng nề vẫn lơ lửng trên bầu trời Zuider Zee. Tôi đã về đến thành phố một giờ sớm hơn dự định, nhưng bác sĩ của khoa bệnh nhân ngoại trú của một bệnh viện trong khu ngoại ô, nơi tôi dừng lại để chữa nhanh các vết thương trên mặt đã đặt ra cho tôi nhiều câu hỏi và ông ta đã khó chịu bởi tôi cứ khăng khăng đòi băng dính - và như thế phải cần một lượng lớn, tôi thừa nhận - đó cũng là tất cả những gì tôi yêu cầu lúc đó, còn những lớp băng trắng quấn vào mặt thì có thể chờ đến sau này. Với những vết thương và bầm giập đủ loại và một nửa mắt trái tôi không mở ra được, thì chắc chắn trông tôi phải giống như người may mắn sống sót trong tai nạn của hai chuyến tàu nhanh đâm sầm vào nhau, và tính bướng bỉnh của tôi đã làm cho bác sĩ và y tá sửng sốt, nhưng tôi không thể giải thích với họ điều gì.

Tôi đỗ chiếc xe taxi cảnh sát cách không xa một gara cho thuê ô tô, tại đây tôi tìm cách thuyết phục người chú cho tôi thuê một chiếc Opel màu đen nhỏ. Ông ta không mấy nhiệt tình, vì cứ nhìn vào mặt tôi thì bất kỳ ai cũng phải nảy sinh những nghi ngờ trong đầu họ về cái thành tích lái xe của tôi hẳn là không lấy gì làm đảm bảo cho nên mặt mũi tôi mới đến nông nổi này, nhưng cuối cùng thì ông cũng cho tôi toại nguyện. Những giọt mưa đầu tiên bắt đầu rơi khi tôi đánh xe ra khỏi gara, tôi dừng lại cạnh xe taxi cảnh sát để nhặt cái túi xách của Astrid và hai cái còng tay, rồi phóng xe đi.

Tôi đỗ chiếc Opel đen ở chỗ góc phố mà bây giờ đang trở thành quen thuộc đối với tôi, và đi bộ về phía sông đào. Tôi thò đầu ra nhìn quanh góc phố và phải vội vàng rút đầu lại ngay, một lần nữa tôi không thò đầu ra mà chỉ đưa mắt nhìn quanh.

Một chiếc Mercedes đen đang đỗ ở cạnh cửa nhà thờ Tin lành của Hội người Pháp theo đạo tin lành ở Mỹ. Khoang để hành lý to rộng của nó để mở và hai người đàn ông đang nâng một cái hộp rõ ràng là rất nặng đặt vào bên trong, đã có hai hay ba hộp tương tự nhưng sâu hơn được xếp vào trong khoang đó. Một trong những người đàn ông đó tôi có thể nhận ra ngay, đó là Reverend Goodbody, còn người kia thì gầy, chiều cao trung bình, mặc bộ comlê màu sẫm, mái tóc đen và mặt cũng rất đen, và tôi cũng chợt nhớ ra hẳn ngay: chính là tên mặc bộ comlê màu sẫm đã bắn chết Jimmy Duclos ở sân bay Schiphol. Có đến một hay hai phút tôi quên băng nỗi đau do các vết thương trên mặt. Tôi đã không cực kỳ vui mừng khi nhìn thấy lại tên giết người này, tuy tôi đã bị tra tấn nhiều, nhưng còn lâu tôi mới ngán, khi hẳn một mình và rất xa với suy nghĩ của tôi. Tôi cảm thấy, chiếc bánh xe, đang quay gần đủ một vòng tròn.

Chúng loạng choạng khiêng ra khỏi nhà thờ thêm một hộp nữa, xếp vào khoang cho gọn gàng rồi đóng nắp khoang hành lý. Tôi quay đầu chiếc Opel của mình và vào lúc đó tôi cho xe chạy thẳng đến phía sông đào mà Goodbody và tên đàn ông mặt ngăm đen đã cho xe Mercedes chạy được khoảng một trăm mét. Tôi bám theo chúng với một khoảng cách kín đáo.

Trời đang mưa và mưa khá to, lúc này chiếc Mercedes đang hướng về phía tây và nam vào thành phố. Mặc dù còn chưa đến giữa buổi chiều nhưng bầu trời đầy mây u ám trông như đã chạng vạng tối, thỉnh thoảng lại có sấm rền. Tuy nhiên tôi không quan tâm đến thời tiết, vì thời tiết như thế lại giống như một màn chắn, càng hay: nếu bạn ở Hà Lan thì bạn cần luôn luôn bật đèn pha cho sáng khi ô tô bạn

chạy dưới trời mưa, và trong những điều kiện đó, thì một chiếc xe ô tô trông rất giống với những chiếc xe không có hình dạng xác định chạy bên cạnh xe bạn, lúc đó bạn thật khó mà phân biệt.

Chúng tôi đã vượt qua con đường ngoại ô cuối cùng và đang hướng về nông thôn. Không có chiếc xe lạ đáng ngờ nào bám đuôi chúng tôi. Goodbody, dù đang lái một chiếc xe ô tô mạnh, vẫn giữ cho xe chạy với một tốc độ bình tĩnh, thật vậy. Và điều đó không có gì lạ, nếu xét theo gánh nặng trách nhiệm to lớn mà lão ta phải giữ gìn cái khối mà lão đang chở trong khoang hành lý. Tôi đang theo dõi tín hiệu giao thông trên đường rất chặt, và chẳng bao lâu, không nghi ngờ gì nữa, càng lúc càng rõ về cái địa danh nơi chúng tôi đang đến. Tôi chưa bao giờ thật sự ở đây.

Tôi nghĩ là mình nên đến một địa chỉ gần đây trước bọn chúng thì khôn ngoan hơn, do đó tôi giảm tốc độ cho đến khi còn cách xe Mercedes khoảng hai mươi mét. Tôi không lo lắng vì bị Goodbody nhận ra qua tấm gương chiếu hậu đặt chỗ người lái xe, vì lão đang còn bận tâm quan sát phía trước bởi mưa to hắt rất mạnh vào tấm kính chắn gió. Hiện nay lão chỉ có thể nhìn thấy ai theo dõi xe Mercedes là nhờ vào một cặp đèn pha cũng đang mờ đi rất nhiều trong trời mưa. Tôi chờ cho đến khi mình có thể nhìn thấy đằng trước có vẻ như là con đường thẳng mở rộng ra, lập tức tôi tăng tốc vượt qua xe Mercedes. Khi tôi phóng lên ngang bằng với Goodbody, tôi liếc nhìn nhanh hăn rồi với vẻ thờ ơ tôi nhìn vào xe hăn như muốn nói tôi đang vượt hăn, sau đó tôi lại dừng dừng nhìn đi nơi khác. Mặt lão ta không hơn gì một hình mờ mờ đối với tôi, trời thì vẫn mưa to, và nước mưa phun vào cả hai xe hết sức mù mịt đến mức tôi biết lão không thể nào nhận ra tôi. Tôi lại lao lên phía trước và lại chạy vào làn đường bên tay phải, không giảm tốc độ.

Chạy thêm ba kilômét nữa tôi nhìn thấy một biển chỉ đường, có mấy chữ “Kasteel Linden, 1 kilômet.” Tôi rẽ vào đường này và trong một phút sau tôi lao qua một cổng tò vò bằng đá trông rất đường bệ,

có chữ “Kasteel Linden” khắc và mạ vàng. Tôi còn tiếp tục có lẽ đến hai trăm mét nữa, sau đó tắt máy trước khi đỗ xe Opel ở một chỗ kín đáo.

Người tôi lại bị ướt đẫm, nhưng thật ra không có lựa chọn nào. Tôi khóa xe lại đẩy rồi chạy qua mấy bãi cỏ có nhiều cây nhỏ cho đến khi tôi đến được một vành đai trồng đầy những cây thông mà chắc là chúng được dùng như là màn chắn gió của khu dân cư: Kasteel Linden. Không cần biết đến mưa đang quất xuống cái lưng không được bảo vệ. Tôi duỗi dài người để giấu mình trong bãi cỏ mọc cao và những cái bụi để quan sát.

Ngay trước mặt tôi là con đường lái xe vào nhà, rải đầy sỏi tạo thành một hình tròn bắt đầu từ bên tay phải tôi đến cái cổng tò vò vừa đi qua. Phía bên kia con đường rải sỏi chính là Kasteel Linden, một tòa nhà bốn tầng hình chữ nhật, có cửa sổ ở hai tầng dưới, bên trên là ô cửa như lỗ châu mai, trên nóc nhà có tháp pháo và các lỗ châu mai, theo đúng kiểu thời Trung cổ. Bao quanh cái thành trì này là một đường hào liên tục, rộng đến trên bốn mét rưỡi và theo những sách hướng dẫn thì hào sâu lắm. Chỉ mỗi một thứ còn thiếu so với thành trì thời Trung cổ là cái cầu rút, tuy nhiên lại đã có những ròng rọc bằng xích đã được gắn vững chắc vào trong một công trình xây kiên cố của bức tường đây, ngoài ra còn có một tầng cầu thang khoảng hai mươi bậc đá rộng và nông bắc qua lâu đài dẫn đến hai cửa ra vào to và chắc nặng luôn đóng kín, mà có vẻ như làm bằng gỗ sồi. Về bên trái tôi, cách thành trì này khoảng ba mươi mét là một ngôi nhà một tầng hình chữ nhật xây bằng gạch và có thể nhận thấy rõ là mới xây dựng.

Chiếc Mercedes đen đã xuất hiện ở cổng ra vào, nó lăn bánh lạo xạo trên con đường rải sỏi và đỗ lại gần tòa nhà hình chữ nhật. Trong khi Goodbody vẫn còn ngồi trong xe thì người đàn ông da ngăm đen đã bước ra ngoài và tuần tra một vòng quanh lâu đài. Tôi có cảm giác là Goodbody không bao giờ tìm cách gây ấn tượng như là loại người hay lợi dụng cơ hội. Goodbody bước ra khỏi xe và cùng với tên thuộc

hạ khiêng các hòm trong khoang xe vào trong tòa nhà. Cánh cửa thì vẫn khóa nhưng chắc chắn là Goodbody có chìa khóa cửa, chứ không phải dùng chìa khóa vạn năng. Khi mang hết những hòm đó vào nhà thì cánh cửa được đóng lại sau lưng chúng.

Tôi thận trọng nhắc chân lên và khom người di chuyển sau những cái bụi cây cho đến khi đến được cạnh tòa nhà, và cũng rất thận trọng, tôi tiến đến chiếc Mercedes và nhìn vào bên trong. Nhưng không có gì đáng chú ý ở đây - dấu sao cũng không phải những gì tôi đang tìm. Và thậm chí với mức thận trọng đề phòng nhiều hơn, tôi đã nhón chân lên đi nhẹ nhàng đến một cửa sổ tường nhà và nhìn thăm soi vào bên trong.

Bên trong nhà này, có thể thấy nó như là sự kết hợp của một cái xưởng, một cửa hàng và một cửa hàng trưng bày. Trên các bức tường trang trí toàn những thứ kiểu cổ - những bản sao đúng như thật các thứ kiểu cổ như đồng hồ quả lắc các kiểu, khác nhau về hình dáng và thiết kế. Những đồng hồ khác và một đồng lớn các bộ phận và chi tiết của những chiếc đồng hồ đó đặt ngổn ngang trên bốn chiếc bàn làm việc lớn, đang trong quá trình sản xuất hoặc lắp ráp lại hay chế tạo lại. Ở cuối phòng có vài hòm gỗ, tương tự như những hòm mà Goodbody và tên da ngăm đen vừa mới mang vào bên trong, những hòm này trông giống như là được độn bằng rơm. Các giá bên trên những hòm này có rất nhiều những đồng hồ khác nhau và mỗi cái lại nằm cạnh quả lắc của bản thân nó, dây và quả nặng.

Goodbody và tên có nước da ngăm đen đang làm việc bên các giá đó. Lúc tôi nhìn vào nhà thì hai người đang moi từ một trong những chiếc hộp đã mở nắp và lôi ra ngoài một loạt những quả nặng con lắc. Goodbody ngừng tay như suy nghĩ điều gì, lấy ra một tờ giấy và chăm chú nghiên cứu nó. Một lúc sau, Goodbody chỉ vào một chỗ trên tờ giấy rồi nói gì đấy với tên da ngăm đen, tên này gật đầu và tiếp tục công việc của hắn. Goodbody vẫn nghiên cứu tờ giấy trên tay khi lão đi vào qua một cửa bên và tôi không nhìn thấy hắn nữa. Tên da ngăm

đen đã nghiên cứu một tờ giấy khác và bắt đầu sắp xếp từng cặp quả nặng y hệt nhau nằm bên cạnh nhau.

Tôi đang bắt đầu băn khoăn không biết Goodbody đã có chúng ở đâu, chúng làm ra hay lấy ở đâu? Bỗng nhiên, lão lên tiếng ngay sau lưng tôi.

“Tôi vui là ông đã không làm tôi thất vọng, ông Sherman.”

Tôi từ từ quay lại. Có thể đoán được là ông ta đang cười, nụ cười thánh thiện và cũng có thể đoán được là ông ta có khẩu súng trong tay.

“Tất nhiên, không ai là không thể bị hủy diệt,” ông ta tươi cười, “nhưng phải công nhận là ông có khả năng phục hồi thể chất nhanh và kiên cường thật. Không thể đánh giá thấp các ông cảnh sát, nhưng tôi có lẽ đã khá là cầu thả trong trường hợp của ông. Hai lần trong một ngày, tôi cứ nghĩ là tôi đã thủ tiêu được ông, đã cho ông biến khỏi cõi đời này, thế mà tôi phải thừa nhận ông đã làm cho tôi lúng túng và cản trở công việc của tôi. Tuy nhiên, tôi tin rằng lần thứ ba này dứt khoát sẽ ổn, ông không còn gặp may nữa. Ông đã giết chết Marcel, phải không?”

“Tôi không giết hẳn.”

“Nào, nào, thôi đi ông bạn, ông phải học cách che giấu cảm giác của mình và đừng có để cho người ta nhìn thấy cái tâm trạng thất vọng của mình. Marcel đã tỉnh lại được một thời gian ngắn nhưng không đủ lâu để thu hút sự chú ý của những người phụ nữ chất phác và tốt bụng đang làm việc trên cánh đồng. Nhưng tôi e rằng xương đầu hẳn đã bị vỡ và chảy máu não. Có thể anh ta không thể sống sót được.” Goodbody nhìn tôi chăm chăm. “Nhưng dường như anh ta đã gây được tiếng tốt cho mình.”

“Một cuộc chiến đấu đến chết.” Tôi đồng ý. “Nhưng, chả lẽ tôi và ông cứ đứng dưới mưa như thế này?”

“Dĩ nhiên, không.” Lão ta dẫn tôi vào nhà dưới họng súng chỉ đường trong tay. Tên da ngăm đen nhìn tôi không tỏ vẻ gì ngạc nhiên. Tôi tự hỏi thời gian đã trôi qua bao lâu kể từ khi chúng có tin báo đề phòng từ Huyler.

“Jacques,” Goodbody nói “Đây là ông Sherman - thiếu tá Sherman. Tôi tin là ông ta có liên hệ với Cảnh sát quốc tế hoặc một số tổ chức phù phiếm khác.”

“Chúng tôi đã gặp nhau rồi.” Jacques nói và cười nhe răng.

“Tất nhiên. Tôi làm sao đã quên được.” Goodbody chìa súng vào người tôi trong khi Jacques đến tước súng của tôi.

“Chỉ có một khẩu thôi,” hăn báo cáo với Goodbody. Sau đó hăn giật mấy cái băng vết thương trên má tôi vứt đi rồi lại cười nhản nở. “Ê, ta cuộc là ông thiếu tá đau lắm đấy, phải không?”

“Anh hãy kiểm chế mình đi, Jacques, kiểm chế bản thân.” Goodbody quở trách. Rồi lão quay sang nói với tôi, “May cho ông là Jacques còn có một người tốt bụng và rộng lượng ở bên cạnh, nếu không thì tôi chắc cậu ấy đã đánh ông vỡ sọ, không có đường sống đâu.” Lão vút khẩu súng xuống bàn bên và nói: “Tôi phải nói để ông biết là không bao giờ tôi quan tâm đến các loại vũ khí đó. Thô bạo, ầm ĩ, và hoàn toàn không tế nhị.”

“Trong khi đó ông cho treo cổ một cô gái trên một cái tời nâng thì tế nhị?” - Tôi hỏi - “Hoặc đánh đập người ta đến chết bằng những cái xĩa cỏ khô thì không thô bạo, phải không?”

“Nào, nào... đừng có làm cho chúng ta thêm đau buồn.” Hăn giả vờ thờ dài. “Thậm chí những người khá nhất của ông cũng tỏ ra không khéo léo. Tôi phải thú nhận, tôi đã trông đợi còn nhiều hơn ông. Người bạn thân mến của tôi, ông có một thanh danh mà đã để mất, bởi vì đã cư xử không xứng với thanh danh của mình. Ông mò mẫm và vấp vấp. Ông quật ngã người ta, và thích tưởng rằng, mình đang là người kích thích các phản ứng trong một quá trình diễn biến trong dây chuyền. Lẽ ra, nên tự mình nhìn vào tất cả những gì ông đã phạm sai

lầm. Ông đã đến căn hộ của Astrid Lemay, đến đây hai lần mà không có chút đề phòng. Sau đó đã lục và cuồn hết tất cả những giấy tờ và ông tưởng mình đã phát hiện được điều gì có ích, nhưng hóa ra vô ích,” - hăn nói thêm với vẻ trách móc - “ông đã giết anh phục vụ tầng sáu ở khách sạn Excelsior. Ngang nhiên đi đến Huyler giữa ban ngày. Ông bạn Sherman thân mến ạ, ông không biết rằng mỗi người dân ở Huyler đều là giáo dân, là con chiên ngoan đạo của tôi. Thậm chí ông còn để rơi cả danh thiếp của mình trong tầng trệt nhà thờ của tôi vào cái đêm hôm đó, và máu, máu loang ở tầng trệt nhà thờ. Thực ra, tôi đã có dự tính giũ bỏ tên Henri đó, vì hăn đã trở thành cái của nợ đối với tôi, nhưng chưa kịp làm thì ông đã giải quyết vấn đề đó hộ tôi khá gọn. Và những gì ông nghĩ về sự sắp xếp của chúng tôi ở đây - tất cả những cái này chỉ là sự tái sản xuất để bán.”

“Lạy Chúa tôi,” tôi nói “không có gì lạ là nhà thờ lại không người.”

“A..! Nhưng người ta phải thưởng thức các thời điểm đó, anh có nghĩ thế không? Những quả nặng đó ở đây. Chúng tôi cân, đo chúng và gửi trả lại vào thời gian thích hợp cùng với thay thế quả nặng - giống như tối nay chúng tôi đem những thứ đó đi. Không phải những quả nặng đó hoàn toàn giống nhau. Bên trong chúng có cái gì đấy. Sau đó chúng đã được đóng hộp. Có Hải quan kiểm tra, gắn xi niêm phong và gửi đi cho bạn bè chúng tôi ở nước ngoài, cũng có sự phê duyệt của cơ quan chính quyền - Đó là một trong những kế hoạch làm việc hay nhất của tôi, và tôi luôn luôn duy trì.”

Jacques hăng giọng một cách tôn kính “Cha nói là đang bận, phải không thưa Cha Goodbody?”

“Anh cứ luôn là người thực dụng, Jacques. Nhưng anh đúng đấy, tất nhiên. Tuy nhiên trước tiên ta hãy chăm lo đến mình đã - cha chà - anh xem xét điều tra chút xíu đi, sau đó đến công việc. Hãy xem thử bờ biển có quang đặng không?”

Goodbody lại cầm lấy cái khẩu súng mà lão coi là đáng kính tởm, trong khi Jacques lặng lẽ tiến hành trình sát. Một lúc sau hắn quay lại, gật đầu với Cha, rồi hai đứa hát hàm bảo tôi đi ra cửa, qua con đường rải sỏi và bước lên các bậc trên chiến hào bao quanh đến cửa ra vào đồ sộ bằng gỗ sồi. Goodbody rút túi lấy chìa khóa cửa, mở ra, và chúng tôi đi vào bên trong. Chúng dẫn tôi lên một tầng cầu thang dọc theo một lối đi rồi vào trong phòng.

Đó là một phòng rất lớn, xung quanh tường trang trí hầu như toàn là đồng hồ, hàng trăm đồng hồ. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một nơi nào có nhiều đồng hồ đến thế. Tôi biết chẳng bao giờ có một bộ sưu tập đồng hồ lại có giá trị lớn đến như vậy. Tất cả chúng, không có ngoại lệ đều là những đồng hồ quả lắc, một số có kích thước rất lớn, tất cả đều có vẻ đã sản xuất từ lâu năm. Trong đó chỉ có số rất ít dường như đang làm việc, nhưng, dẫu như vậy thì tiếng ồn của chúng cũng chỉ trong phạm vi của mức cho phép. Nhưng chắc chắn tôi không thể làm việc được trong phòng đó đến mười phút.

“Một trong những bộ sưu tập tinh tế nhất trên thế giới,” Goodbody nói một cách hãnh diện, như thể là nó thuộc sở hữu của ông ta. “nếu không phải tinh tế nhất. Và như anh sẽ thấy - hoặc nghe - *tất cả chúng đều làm việc.*”

Tôi nghe ông ta nói nhưng không chú ý ông ta nói những gì. Bởi tôi đang nhìn chăm chú xuống nền nhà, chỗ người đàn ông nằm đấy có mái tóc đen dài xõa xuống đến tận gáy, chỗ đôi vai gầy nhô xương ra ngoài qua chiếc áo vét rách xác xơ. Cạnh anh ta là một số đoạn dây cáp điện lõi đơn, cách điện bằng cao su. Ngay sát đầu anh là một cặp ống nghe phủ cao su và soocbiton.

Tôi không phải là một bác sĩ, nhưng tôi biết là George Lemay đã chết.

“Một tai nạn,” Goodbody nói với vẻ luyến tiếc “một tai nạn đích thực. Chúng tôi hoàn toàn không muốn để xảy ra như thế này. Tôi sợ

rằng cơ thể của anh chàng thật đáng thương này đã quá yếu, do anh ta đã phải chịu đựng thiếu thốn qua nhiều năm.”

“Ông đã giết anh ta,” tôi nói.

“Vâng, đó cũng là một cách phát biểu, nếu nói cho nghiêm túc.”

“Tại sao?”

“Vì chị anh ta có tính nguyên tắc cao - cô ta đã tin một cách sai lầm trong nhiều năm rằng chúng tôi có bằng chứng khẳng định George là một tên giết người - cuối cùng đã thuyết phục anh ta đến cảnh sát. Do đó chúng tôi phải tạm thời đưa họ đi khỏi Amsterdam - nhưng không, tất nhiên, vì làm như thế là phá vỡ kế hoạch của ông. Tôi lấy làm tiếc, ông Sherman, rằng ông phải chịu một phần trách nhiệm trong cái chết của chàng trai tội nghiệp này, và cũng chịu trách nhiệm một phần đối với cái chết của chị cậu ta. Và cũng rất đáng bị khiển trách trong cái chết của cô gái phụ tá xinh đẹp và là người yêu của anh, cô Maggie.” Đột nhiên hăn ngừng nói và vội vàng lùi lại sau, tay lăm lăm khẩu súng, dang thẳng tay chĩa vào tôi, “Đừng có buộc tôi phải nổ súng, tôi nhắc lại lần thứ ba này thì không bao giờ ông có thể tuột khỏi tay tôi. Tôi tin lắm. Và tôi lấy làm tiếc, một cô phụ tá khác của ông tên là Belinda cũng sẽ phải chết chiều hôm nay. A ha, cuộc chiến giữa chúng ta ngày càng quyết liệt. Tôi hiểu, ông muốn giết tôi, phải không Sherman.” Tuy rằng tên giả danh mục sư đang cười, nhưng đôi mắt long lên sòng sọc của hăn là mắt của một thằng điên.

“Phải,” tôi nói khẽ, “Tôi muốn giết ông.”

“Chúng tôi đã gửi cho cô ấy một lá thư,” Goodbody tỏ ra rất vui. “Mật mã của chữ ‘Birmingham’ tôi tin là... Cô ấy sẽ gặp anh ở nhà kho của hai ông bạn thân chúng tôi là Morgenstern & Muggenthaler, là những người mà mãi mãi không ai có thể nghi ngờ được. Và ai, nếu không phải sự điên cuồng mất trí từng dự tính gây ra hai tội ác ghê gớm trên cơ ngơi của bản thân họ? Anh có nghĩ như thế không? Một con rối khác trên dây. Giống như tất cả hàng nghìn con rối khác trên

khắp thế giới - móc chúng vào và cho chúng nhảy múa theo giai điệu của chúng tôi.”

Tôi nói, “Tất nhiên, ông có biết ông hoàn toàn mất trí không?”

“Trói hẳn lại,” Goodbody nói. Về lịch sử của hẳn cuối cùng đã biến mất. Sự thất bại bóc trần đã làm cho hẳn tổn thương.

Jacques buộc cổ tay tôi bằng một dây mềm bọc cao su dày. Hẳn cũng buộc chặt như vậy vào hai mắt cá chân tôi, rồi đẩy tôi vào một phía tường và lại buộc cổ tay tôi bằng một dây cáp cao su rất dài khác gắn vào đỉnh khuy trên tường.

“Bắt đầu đi!” Goodbody ra lệnh. Thực hiện một cách ngoan ngoãn, Jacques bắt đầu đi quanh phòng khởi động các quả lắc cho chúng đu đưa, nhưng tôi để ý thấy hẳn không đụng đến những đồng hồ nhỏ hơn.

“Tất cả chúng đều làm việc và tất cả đều đánh chuông, một số còn kêu to nhất.” Goodbody nói một cách thỏa mãn. Hẳn đã trở lại cân bằng, lịch sử, ngọt ngào như hẳn vẫn thế. “Những ống nghe này sẽ khuếch đại âm thanh lên khoảng mười lần. Có bộ khuếch đại ở đây và microphon ở đây, cả hai, như ông có thể nhìn thấy, quá sức hình dung của ông. Các ống nghe thì không gì có thể phá vỡ được. Trong mười lăm phút ông sẽ phát điên và mất trí, trong ba mươi phút thì ông hoàn toàn bất tỉnh. Kết quả là sự hôn mê của ông sẽ kéo dài từ tám đến mười giờ. Rồi ông sẽ tỉnh dậy, tuy nhiên vẫn còn trong tình trạng mất trí. Nhưng ông sẽ không dậy được. Đã bắt đầu có tiếng tích tắc và tiếng đánh chuông khá to, đúng không?”

“George đã bị chết theo cách này đây, đúng rồi. Và anh sẽ biết tất cả những gì xảy ra. Thông qua phần trên cửa kính đó, tất nhiên.”

“Đáng tiếc là không phải tất cả. Jacques và tôi còn có một số vấn đề công việc phải chăm lo. Nhưng chúng tôi sẽ trở lại thăm ông vào cái lúc thú vị nhất, phải không, Jacques.”

“Vâng, thưa Cha Goodbody,” Jacques nói nhưng vẫn cần cù đu đưa quả lắc.

“Nếu tôi biến mất...?”

“A, a, a... nhưng ông không thể nào biến mất được. Tôi đã dự tính cho ông biến đi từ đêm qua ở bến tàu, nhưng làm như thế có vẻ thô bạo quá, một biện pháp vội vàng và hốt hoảng thiếu sự xác nhận phẩm chất trình độ nghiệp vụ của tôi. Tôi đã có một ý tưởng tốt hơn nhiều, phải không, Jacques?”

“Vâng, quả là như vậy, thưa cha Goodbody.” Jacques bây giờ hầu như phải quát lên để bản thân hấn nghe.

“Vấn đề là ông sẽ không thể biến mất, không biến đi được, thưa ngài Sherman. Ôi ông bạn thân mến của tôi, không đâu. Thay vì, ông sẽ được người ta tìm thấy, chỉ vài phút thôi sau ông bị chết đuối.”

“Chết đuối?”

“Chính xác. Ôi chao... thế ông bạn nghĩ các nhà chức trách sẽ ngay lập tức nghi ngờ cái trò xấu chơi này? Một cuộc mổ xác để khám nghiệm tử thi. Và điều đầu tiên mà họ nhìn thấy là một cánh tay nhằng nhịt đầy những vết tiêm chích. Tôi có một hệ thống làm cho những vết tiêm chích mới qua hai giờ nhưng trông lâu như là đã tiêm được hai tháng. Họ sẽ tiếp tục thực hiện công việc và nhận thấy rằng người ông đầy những chất ma túy - rồi ông sẽ trở nên như thế. Ông sẽ được tiêm chích khi ông hoàn toàn bất tỉnh, khoảng hai giờ trước khi chúng tôi lôi ông vào trong xe ô tô của ông, đẩy nó xuống sông đào, sau đó gọi điện thoại cho cảnh sát. Điều này thì họ sẽ không tin đâu, ông Sherman, bởi vì ông là một nhà điều tra gan dạ chuyên chống ma túy của Interpol, phải không? Sau đó họ xem xét hành lý của ông. Nào là xơanh, kim tiêm, heroin tất cả đều có trong túi của ông, cả ma túy làm từ cây gai dầu. Thật đáng buồn, buồn quá. Và ai sẽ suy nghĩ về những chuyện này? Đó là những ai đó khác đang đối nghịch nhau và chơi với cả hai phe...”

“Tôi sẽ nói thêm điều này với ông,” - tôi nói - “ông là một thằng điên thông minh.”

Hắn ta cười mà chắc là không nghe đủ được ý nghĩa của lời tôi vì tiếng kêu vang của đồng hồ. Chúng kẹp ống nghe bọc cao su nhựa qua đầu tôi và làm cho chúng bất động ở tai tôi với một mét băng dính trong suốt. Tạm thời thì căn phòng hầu như im lặng - ống nghe đã hoạt động như là thiết bị cách âm tạm thời. Goodbody đi đến bộ khuếch đại, một lần nữa hắn mỉm cười lịch sự với tôi và bấm công tắc.

Tôi cảm thấy như là mình đang phải chịu những đòn rất mạnh đánh vào thân thể hoặc như người bị điện giật rất nặng. Toàn bộ cơ thể tôi bị cong lên và xoắn lại trong những cú giật mạnh thành linh và co giật liên tiếp và tôi biết những chỗ bị đau không thể nhìn thấy trên mặt tôi là những vết thương và lớp băng dính trong suốt chắc hẳn là đã bị co giật ghê gớm. Tôi phải chịu đựng một tình trạng đau đớn khủng khiếp, đau đớn gấp chục lần so với những gì Marcel đã đánh đập tôi. Hai tai tôi, cả đầu nữa, đầy những tiếng la hét inh tai, đầy những tạp âm lộn xộn chói tai vì kêu vang to hết cỡ. Như thế chúng cắt đầu tôi ra thành những miếng mỏng bằng một thanh gươm sắc như nước, lạnh dần dần tôi, nó xé não tôi ra từng phần. Tôi không thể hiểu tại sao màng tai của tôi lại không vỡ tan ra. Tôi đã luôn nghe và tin rằng một vụ nổ có âm thanh đủ lớn, gần bên tai anh, có thể làm cho anh điếc ngay lập tức và điếc suốt đời, nhưng nó cũng không đúng với trường hợp này. Và cũng không đúng với trường hợp của George. Trong nỗi đau thể xác bị dày vò, tôi mơ hồ nhớ rằng Goodbody đã quy cho cái chết của George là vì tình trạng cơ thể anh ta yếu quá.

Tôi lăn bên nọ sang bên kia, một phản ứng bản năng của con vật để tránh được phần nào những gì đang làm bạn đau, nhưng tôi không thể lăn đi xa. Jacques đã dùng đoạn cáp cao su ngắn để buộc chặt tôi vào đỉnh khuy trên tường, và tôi chỉ có thể lăn hơn vài chục centimet về các phía khác nhau. Ở cuối một vòng lăn tôi đã hướng đôi mắt mình nhìn đủ lâu vào Goodbody và Jacques, lúc này cả hai tên đó đang ở ngoài phòng, chăm chú nhìn tôi với vẻ quan tâm qua phần trên của cửa kính, sau một lúc, Jacques giơ cổ tay trái lên, và vỗ nhẹ vào

đồng hồ của nó. Goodbody gạt đầu đồng ý một cách miễn cưỡng, rồi cả hai tên vội vã đi khỏi. Tôi cho rằng trong nỗi đau đớn đến tột cùng và phản ứng của tôi trước những đòn tra tấn ngày càng yếu đi nên chúng vội vã trở lại để chứng kiến phần kết thúc cuối cùng rất quan trọng này.

Ba mươi phút trước khi tôi bị bất tỉnh, Goodbody đã nói. Tôi không tin một lời nào của nó, không ai có thể đứng ở đây cho đến hai hay ba phút mà không bị sụp đổ, không bị quy cả về tinh thần lẫn thể xác. Người tôi bị vịn đi một cách dữ dội từ phía này sang phía khác, tôi cố gắng muốn phá vỡ chiếc ống nghe ra từng mảnh bằng cách cọ nó trên nền nhà hoặc muốn được xé nó ra. Nhưng Goodbody nói đúng, ống nghe là không gì có thể phá vỡ và dải băng trong suốt đã dính rất chặt, rất tài, cho nên những cố gắng định xé ống nghe chỉ dẫn đến làm đau đớn thêm các vết thương trên mặt tôi.

Các quả lắc đung đưa, đồng hồ kêu tích tắc, tiếng đánh chuông vang to, vang rất to và hầu như liên tục. Không có dị đi, không có ngừng lại, và thậm chí không có chút nghỉ ngơi tạm thời của sự tấn công chết người lên hệ thần kinh đã gây ra chứng co giật động kinh không thể kiểm soát được. Đó thật sự là những cú tôi bị điện giật liên tục, dưới mức làm chết người và bây giờ tôi có thể quá dễ dàng để tin vào những câu chuyện tôi đã nghe về những bệnh nhân trải qua liệu pháp bị điện giật, cuối cùng đã kết thúc cuộc đời trên bàn mổ để nắn sửa các chi bị gãy, thông qua việc teo cơ bắp lại một cách bị bắt buộc.

Tôi có thể cảm thấy tâm trí mình đang còn sức sống, và trong một thời kỳ ngắn, tôi cố gắng để giúp cho cảm giác theo cùng. Sự lãng quên, bất cứ việc gì để quên lãng, tôi đều thất bại, tôi đã thất bại nặng nề, mọi thứ tôi đụng chạm vào đều đưa đến bị phá hủy và dẫn đến sự chết. Maggie đã chết, Duclos đã chết, Astrid cùng với người em trai của cô cũng đã chết. Chỉ còn lại Belinda, nhưng Belinda cũng sẽ bị chết vào đêm nay. Chúng nó đã thắng một cách vô địch tuyệt đối.

Và rồi sau đó tôi biết, tôi biết mình không thể để mặc cho Belinda bị chúng giết chết. Đó là những gì đã cứu tôi, tôi biết tôi không thể để cho cô ấy bị chết. Lòng tự hào hay tự trọng giờ đây không làm tôi quan tâm, thất bại của tôi không còn làm tôi lo âu, chiến thắng hoàn toàn của Goodbody và những bạn cùng hội cùng thuyền của hắn không còn làm tôi quan tâm. Chúng có thể làm cho thế giới này ngập chất ma túy ghê tởm, tôi cũng không quan tâm. Nhưng tôi không thể để cho Belinda chết oan uổng.

Tôi hơi nhích người cố đẩy cho lưng của mình dựa vào tường. Ngoài sự co giật thường xuyên, người tôi còn bị rung lên ở mỗi chi trong thân thể, không chỉ run lên như một người đang lên cơn sốt cao, vì nếu chỉ có thế thì đã hạnh phúc, mà nó rung lên như là một người bị trói chặt vào một máy khoan khổng lồ chạy bằng khí nén. Tôi không còn khả năng tập trung được một hay hai giây, nhưng đã làm cho mình có thể nhìn được mờ ảo, một cách tuyệt vọng và liều lĩnh ra xung quanh để xem liệu có vật gì đấy đưa lại cho tôi một hy vọng cứu giúp được mình. Nhưng không có gì. Sau đó, bỗng nhiên âm thanh trong đầu tôi đột ngột tăng lên và mạnh dần lên làm cho tôi hoa mắt chỉ thấy một màu vàng - hầu như chắc chắn đó là chiếc đồng hồ lớn gần microphon đánh chuông giờ - và tôi bị ngã về một bên như thể tôi bị đâm rất mạnh vào thái dương. Khi đầu tôi va vào nền nhà thì cũng va luôn vào chỗ nhô ra nhìn xuống những ván gỗ ghép sát chân tường của nền nhà.

Năng lực tập trung của tôi không còn nữa, hoàn toàn mất rồi, nhưng tôi có thể phân biệt được một cách mơ hồ những vật không xa quá mười centimet, còn vật này không xa quá bảy centimet. Bây giờ thì đầu óc tôi đã hoàn toàn bất lực và tôi phải mất đến vài giây để nhận ra đó là gì, nhưng rồi tôi lại ở tư thế ngồi như trước. Cái vật đó chính là cái ổ cắm điện ở tường.

Hai bàn tay tôi đã bị buộc ngoặt ra sau lưng và làm cho tôi phải rất lâu mới định vị được và giữ lấy hai đầu tự do của cáp điện đã cầm tù tôi. Tôi sờ vào các đầu của chúng bằng các đầu ngón tay, lõi dây đã phơi bày trong cả hai hộp. Một cách liêu lĩnh, tôi cố ép hai đầu dây đó vào trong ổ cắm điện - điều chẳng bao giờ xảy ra đối với tôi là lại có thể có một cái phích cắm, mặc dù là điều không thể có trong một ngôi nhà cũ như thế này - nhưng tay tôi không thực hiện được như ý định của mình, nên không thể cắm chúng vào được. Tôi có thể cảm thấy cái phích cắm chết tiệt ấy, có thể cái ổ cắm điện với các đầu ngón tay mình, nhưng không sao lựa đúng cho các đầu dây vào đúng lỗ. Tôi không thể nhìn được hơn nữa. Tôi cũng hầu như không còn cảm giác nào trên các đầu ngón tay, nỗi đau đớn thể xác đã vượt quá sức chịu đựng của con người. Và tôi nghĩ mình đã hét lên không thành được tiếng trong sự quẫn quại đau đớn cực độ về thể xác khi bỗng nhiên có một tia sáng lóe lên một màu xanh trắng rất chói mắt, sau đó tôi ngã vật xuống nền nhà.

Tôi nằm đấy, bất tỉnh đến bao lâu, tôi không biết, nhưng ít ra phải đến vài phút. Điều đầu tiên tôi nhận thức được là một sự im lặng thú vị không thể tưởng tượng được, không phải sự im lặng hoàn toàn, bởi vì tôi vẫn nghe được tiếng đánh chuông của đồng hồ, nhưng là tiếng đánh chuông đã làm cho không kêu, chính là vì tôi đã làm nổ được cầu chì và vì thế ống nghe đã trở thành vật cách điện. Tôi gắng gượng ngồi dậy, cảm thấy máu mình nhỏ giọt ở cằm xuống, mặt và người tôi đầm mồ hôi. Toàn bộ cơ thể tôi lâm vào cảnh đau đớn dữ dội. Tôi chỉ suy nghĩ mỗi một điều, là mình đã có niềm hạnh phúc tuyệt vời: được yên lặng.

Hậu quả của sự tra tấn hết sức man rợ này đã qua đi một cách nhanh chóng hơn là tôi mong đợi, nhưng còn lâu mới ổn: nỗi đau

trong đầu tôi, những tiếng trống đánh trong tai và sự nghiêm trọng do toàn cơ thể tôi bị thương sẽ cùng tồn tại với tôi rất lâu, tôi biết chắc như vậy. Nhưng hậu quả đã không hoàn toàn qua đi như tôi nghĩ, bởi vì phải mất đến một phút để nhận ra rằng nếu Goodbody và Jacques trở lại vào lúc đó và thấy tôi ngồi dựa vào tường, với những gì không thể nghi ngờ được là cái cảm giác hạnh phúc ngu ngốc biểu hiện trên mặt tôi, thì chúng sẽ không thích bất kỳ một biện pháp nửa vời nào nữa để trừng trị tôi. Tôi liếc nhìn nhanh lên phần trên của cánh cửa có lắp kính, nhưng không, không thấy con mắt nào theo dõi tôi.

Tôi lại đuổi người trên nền nhà và lăn lộn từ bên này sang bên kia. Tôi làm như thế hầu như không sớm hơn mười giây, bởi khi lăn lộn đến lần thứ ba hay thứ tư về phía cửa ra vào thì tôi nhìn thấy Goodbody và Jacques đang cúi đầu vào nhìn. Tôi phải tiếp tục màn kịch của mình, lăn lộn dữ dội hơn, cong người lại mà rên rỉ, gieo mình vật vã trên nền nhà, giống như cảnh thật mà tôi từng chịu đựng và đã trải qua. Mỗi lần tôi lăn về phía cửa. Cứ mỗi lần tôi lăn về phía cửa thì tôi lại để cho chúng nhìn thấy bộ mặt méo mó của tôi, đôi mắt hoặc là mở to nhìn trừng trừng hoặc là nhắm nghiền vì quá đau đớn, và tôi nghĩ rằng bộ mặt đầm đìa mồ hôi, và máu vẫn chảy từ môi tôi và từ các vết thương dài và sâu do Marcel đánh đập tôi đã bị toác ra và ứa máu đã là một hình ảnh thuyết phục, để bọn chúng tin rằng tôi sắp sang bên kia thế giới. Goodbody và Jacques nhìn nhau cười hả hê, mặc dù cảm giác của Jacques không có được cái vẻ nhân từ, bác ái như Goodbody.

Tôi quyết định như thế là đủ. Tôi nghi ngờ nếu thậm chí Goodbody thực sự biết và thừa nhận sự vật vã và quẫn quại của tôi đã trở nên nhàm với hắn cho đến khi cuối cùng, sau một cú sốc mạnh, tôi nằm im.

Goodbody và Jacques bước vào, bước vội đến để cắt điện bộ khuếch đại, mỉm cười rất tươi rồi lại bật công tắc: Goodbody đã quên mất là dự định của ông ta không chỉ làm cho tôi bất tỉnh mà còn phải

mất trí nữa. Tuy nhiên, Jacques đã nói gì đó với lão, và Goodbody gật đầu một cách miễn cưỡng và lại tắt điện bộ khuếch đại - có lẽ Jacques đã hành động không phải vì lòng thương đối với tôi, mà hẳn suy nghĩ rằng có thể làm khó khăn cho chúng, nếu tôi chết trước khi chúng tiêm chất ma túy, như chúng dự định tiến hành - trong khi Jacques đi quanh để cho ngừng các quả lắc của những đồng hồ lớn nhất. Sau đó cả hai đến bên tôi để xem xét. Jacques thúc mạnh vào mạng sườn tôi để thử nghiệm, nhưng tôi đâu có dễ bị lừa, tôi không hề có phản ứng mà cứ nằm trở ra.

“Nào, nào, anh bạn thân mến” - tôi có thể nghe một cách yếu ớt giọng đầy trách móc của Goodbody, “tôi đồng ý với ý kiến của anh, nhưng không dấu vết, không dấu vết. Cảnh sát sẽ không biết gì.”

“Nhưng, nhìn vào mặt nó xem.” - Jacques phản đối.

“Phải, phải,” Goodbody vui vẻ đồng ý “Dẫu sao chẳng nữa, nếu không cắt cổ tay hẳn thì sẽ không có những dấu vết lừa gạt thể hiện trên chúng, khi đội chữa cháy câu được hẳn từ dưới sông đào lên, bỏ các ống nghe đó ra rồi giấu kỹ đi.” Jacques đã tiến hành cả hai trong vòng mười giây, khi hẳn dứt bỏ các ống nghe, tôi cảm thấy mặt tôi như là bị dứt ra khỏi cổ cùng với chúng. Jacques có một thái độ rất thô lỗ khi dứt các băng dính trong suốt ra khỏi mặt tôi.

“Còn về thằng kia,” Goodbody gật đầu về phía George Lemay, “thì thủ tiêu hẳn đi. Anh biết phải làm như thế nào rồi. Tôi sẽ cho Maier đến giúp anh đem Sherman đi.” Sau đó im lặng hồi lâu. Tôi biết hẳn đang nhìn tôi, sau đó hẳn thở dài “Chao ôi, chao ôi. Nhưng đời là thế, cỗi trần ai luôn luôn tằm tối.”

Nói xong, Goodbody ra ngoài. Hẳn nói lúng búng điều gì đấy khi đi ra và cho đến chừng mực mà người ta có thể lúng búng trong mồm để biểu lộ một cảm xúc sâu sắc, thì lúc này Goodbody cũng đang thể hiện cảm xúc “Hãy ở lại với tôi” như tôi đã từng nghe. Jacques đi đến một cái hộp trong góc phòng, lôi ra đến nửa tá quả lắc lớn rồi xâu từng đoạn dây cáp cao su vào lỗ xâu của chúng sau đó buộc dây cáp vào

thất lũng George: Jacques đã để lại ít nghi ngờ bởi những gì hắn có trong đầu. Hắn kéo xềnh xệch xác George từ phòng ra ngoài hành lang, và tôi có thể nghe thấy tiếng động của gót chân người chết cọ xát dọc theo nền hành lang khi Jacques kéo xác George đến trước thành trì. Tôi đứng lên, gập cánh tay lại để bám theo.

Khi tôi đi đến gần ngưỡng cửa, tôi có thể nghe được tiếng khởi động máy của xe Mercedes. Tôi nhìn quanh góc nhà, Jacques đã đưa xác George vào trong xe ô tô, cửa xe để mở và hắn đang vẫy tay chào ai đó, chắc chắn người hắn chào chỉ là Goodbody.

Jacques chưa vào chỗ ngồi của người lái, mà hắn đứng đấy chờ cái nghi thức cuối cùng của Goodbody. Nhưng bỗng hắn bất động như hóa đá, mặt hắn như đóng băng lại trong một sự sững sốt hoàn toàn. Bởi vì tôi chỉ cách hắn có một mét rưỡi, và tôi có thể nói, thậm chí dù không choáng váng vì kinh ngạc thì hắn cũng chột hiệu rằng hắn đã đi đến cuối con đường tội ác, cuộc đời của hắn đã kết thúc. Nói cho đúng Jacques đã kịp rút khẩu súng đeo dưới nách ra, nhưng những gì hắn đã làm tốt ở sân bay Schiphol thì giờ đây đâu có dễ lặp lại, hắn đã bị chậm rồi. Tôi bình tĩnh bắn trúng vào bên dưới xương sườn khi hắn vừa rút súng ra. Tay hắn hai lần giật mạnh khẩu súng, nhưng bàn tay đó đã cứng đờ và tôi đã tặng thêm một phát nữa trúng vào thái dương hắn, một phát súng nhân đạo, Jacques bất tỉnh trên đôi chân, hắn lùi về sau theo bản năng một bước, ngưỡng cửa ô tô đỡ lấy hắn, và hắn bắt đầu đổ người ra đằng trước và đằng sau trong một chuyển động chậm một cách kỳ cục. Tôi cứ đứng đấy nhìn hắn đi vào cõi chết, và cho đến khi tôi nghe thấy có tiếng bắn tóe nước, và chỉ sau đó tôi mới đi đến cửa sổ và nhìn ra. Nước bị khuấy đục trong hào sâu bao quanh lâu đài đang vỗ sóng vào bờ và các bức tường của cái thành trì này và từ giữa chiến hào, một đám bọt nước nổi lên. Tôi nhìn sang bên trái thấy xe Mercedes của Goodbody đang lượn ở chỗ cổng vòm đi vào lâu đài. Lần này, tôi nghĩ hắn sẽ đọc một câu xướng thứ tư trong lúc hành lễ, “Hãy ở lại cùng tôi.”

Tôi rút khỏi cửa sổ và đi xuống cầu thang. Tôi đi ra, cứ để cửa mở toang sau lưng. Ngừng lại một lát trên các bậc bắc qua hào, nhìn xuống, và khi tôi thấy các bọt bong bóng từ đáy hào nổi lên, chúng cứ càng lúc càng ít hơn, càng lúc càng nhỏ hơn, và cuối cùng thì hoàn toàn không còn nữa.

13

Tôi ngồi vào xe Opel, nhìn khẩu súng tôi vừa lấy lại của Jacques và trầm ngâm suy nghĩ. Nếu có một điều nào tôi đã phát hiện về khẩu súng đó thì đấy là người đó dường như có khả năng lấy nó từ tôi bất cứ lúc nào họ cảm thấy có ý thích. Đó là một suy nghĩ kiếm ché, nhưng người ta đã mang theo nó với những kết luận dứt khoát rằng những gì tôi cần là một khẩu súng khác, một khẩu súng thứ hai, do đó tôi lôi cái túi của Astrid Lemay đang để dưới chỗ ngồi và lấy ra một vài thứ nhỏ bé mà tôi đã cho cô ta. Tôi nhấc ống quần bên trái lên độ hai mươi phân, ấn khẩu súng nhỏ đó xuống, bên trong chiếc tất, bên trong mũi giày rồi kéo tất lên và kéo ống quần xuống. Tôi định kéo khóa kéo túi lại, thì bỗng nhìn thấy hai đôi còng tay. Tôi do dự, bởi vì về hình thức thủ tục ngày tháng thì có thể đúng như thế, nếu tôi đem chúng theo mình, chúng đã kết thúc trên cổ tay tôi, nhưng có vẻ như đã quá muộn vào lúc này trong ngày để chặn những cơ hội mà tôi đã có suốt từ khi tôi đặt chân đến Amsterdam, tôi nhét cả hai chiếc còng tay đó vào trong túi bên trái áo vét, và các chìa khóa của chúng vào túi bên phải áo vét.

Khi tôi trở về khu phố cũ ở Amsterdam thì trời đã bắt đầu nhá nhem tối. Mưa đã ngừng rơi, nhưng gió thì vẫn thổi mạnh từng cơn làm xoáy nước và làm cho sóng gợn lăn tăn trên mặt nước sông đào.

Tôi rẽ sang phố, nơi có nhà kho. Chỉ còn lại một quang cảnh trống không, không có xe ô tô, không có người đi bộ. Đó là tôi nói như vậy, chứ thật ra trên tầng ba của Morgenstern và cơ ngơi nhà Muggenthaler, vẫn có một nhân vật lực lưỡng, mặc áo sơ mi dài tay,

đang tựa khuỷu tay trên ngưỡng cửa sổ mở rộng, và đầu người đó thường xuyên quay bên này quay bên kia, như thể là đang thưởng thức cái không khí buổi tối lạnh lẽo của Amsterdam, vốn không phải là mục đích chính của anh ta. Tôi cho xe chạy qua nhà kho và phóng xe từ từ qua những vùng lân cận của con đê, nơi tôi đã gọi cho Đại tá De Graaf từ một trạm điện thoại công cộng.

“Anh đang ở đâu?” - De Graaf hỏi - “Anh đã làm những gì?”

“Không có gì làm ông quan tâm đâu,” chắc chắn là không ai nghĩ đến cái việc tôi đã làm, “Bây giờ tôi đang sẵn sàng nói chuyện đây.”

“Nói đi.”

“Không phải ở đây. Không phải bây giờ. Không phải qua điện thoại. Ông và Van Gelder có thể đến chỗ nhà kho Morgenstern và Muggenthaler bây giờ không?”

“Anh sẽ nói chuyện ở đây à?”

“Tôi hứa với ông.”

“Được, chúng tôi chuẩn bị đi đây.” - De Graaf càu nhàu.

“Một lúc nữa. Một xe tải nhỏ sơn một màu, đỗ hơi xa dọc đường phố đó. Họ có đặt một lính gác ở một trong các cửa xe.”

“Họ là ai?”

“Đó là những gì tôi sẽ nói chuyện với anh.”

“Còn người gác?”

“Tôi sẽ đánh lạc hướng anh ta. Tôi sẽ nghĩ về một chiến thuật nghi binh hay một trò tiêu khiển nào đó.”

“Tôi hiểu.” De Graaf ngừng một lát rồi lại tiếp tục một cách nặng nề “cứ nghĩ đến hình thức chiến thuật nghi binh của anh sẽ đem ra áp dụng thì tôi lại rùng mình.” Ông gác máy.

Tôi đi vào một cửa hàng bán đồ sắt và mua một cuộn dây gai bện và cờ lê vặn đai ốc loại lớn nhất mà họ bày trên giá. Bốn phút sau, tôi đã đỗ xe Opel của mình cách nhà kho chưa đầy một trăm mét, nhưng không cùng một phố.

Tôi đi theo con đường rất hẹp có ánh đèn chiếu sáng yếu ớt trên đường, giữa cái phố trong đó có nhà kho và nhà kho nữa song song với nó. Nhà kho đầu tiên tôi đến ở phía bên trái tôi, có một cửa thoát hiểm khi hỏa hoạn bằng gỗ đã ọp ẹp mà chắc hẳn là nó sẽ là vật bốc cháy đầu tiên khi gặp hỏa hoạn, nhưng đó là cái đầu tiên và là cái cuối cùng. Tôi đã đi được ít ra là năm mươi mét qua ngôi nhà mà tôi cho là nhà kho Morgenstern & Muggenthaler, và một cửa thoát hiểm khi có hỏa hoạn khác nữa mà tôi đã đến.

Tôi đi trở lại cái cửa thoát hiểm, cái cửa duy nhất và tìm cách leo lên nóc. Tôi không ưa cái nóc nhà này, nhưng sau vài lần tìm đi tìm lại, thì tôi cũng chọn được cái nóc nhà mà mình vừa ý. Tất cả những nóc nhà đó được lợp theo những góc vuông đối với đường phố, bản thân các nóc nhà đều dốc và quét hắc ín, rất dễ tuột và khó nắm khi mưa trơn, và ghép tất những khó khăn đó lại là kiến trúc đã có từ nhiều năm trước, mà với những gì họ đã phạm sai lầm, như là dự định tạo ra sự đa dạng của phong cách hình dáng đáng tán dương, người ta đã sắp xếp theo kiểu rất lấu cá để cho không có hai nóc nhà nào giống nhau một cách chính xác cùng một thiết kế hoặc chiều cao. Trước hết, tôi leo trèo thận trọng, nhưng sự thận trọng không giúp tôi được mấy và tôi sớm phát triển một phương pháp duy nhất có lợi ích thực tế, đưa tôi dễ dàng từ nóc nhà này sang nóc nhà khác, tôi trượt nhẹ người theo sườn nóc nhà dốc quét hắc ín và tạm thời để cho nó mang tôi đi càng xa càng tốt sang một sườn nóc nhà khác trước khi rơi xuống và quờ quạng vài bước bằng tay và đầu gối. Thế rồi, tôi cũng đến được cái nóc nhà mà tôi nghĩ đúng là nóc nhà mà tôi cần phải đến, rồi dịch dần người ra phía đường phố, cúi người trên đầu hồi nhà và sẫm soi nhìn vào bên trong.

Lần đầu tiên tôi đã đúng, nhưng có một thay đổi đối với tôi. Tên đứng gác mặc áo sơ mi dài tay, hầu như chỉ cách có sáu mét ngay bên dưới tôi, hẳn vẫn đang tỉnh táo làm nhiệm vụ. Tôi buộc một đầu cuộn dây bện thật chắc vào cái lỗ trong móc quai bằng thép, đặt nằm phẳng

để cho cánh tay tôi và dây thừng bên sẽ thông trống với tời ròng rọc và hạ thấp móc quai khoảng hơn bốn mét trước khi bắt đầu đu đưa nó trong một cung con lắc nhẹ nhàng làm tăng lên theo mỗi chuyển động của tay tôi. Tôi tăng tốc độ đến mức có thể, vì chỉ ba mươi phân dưới tôi có vệt ánh sáng mặt trời chiếu qua vết rạn giữa hai cửa chất hàng ở tầng trên cùng và tôi không có cách nào biết được những cửa đó vẫn còn đóng bao lâu. Cái móc quai của tôi phải nặng ít ra là gần hai kilô, bây giờ đang đu đưa theo một cung 90 độ. Tôi hạ thấp nó thêm gần một mét và bản khoán không biết bao lâu nữa thì sẽ làm cho tên gác trở nên lúng túng trước tiếng sột soạt nhẹ mà chắc chắn là không thể tránh khỏi trong khi tôi đu qua, nhưng vào thời điểm đó, sự chú ý của hãn đã bị lơ đãng đi một cách thật may cho tôi. Một chiếc xe tải xanh vừa mới chạy vào phố và việc ô tô đến đã giúp được tôi theo hai cách, tên gác đã chú ý ở tầm xa hơn để tìm hiểu xem có chuyện gì từ chiếc xe đó, và đồng thời tiếng động cơ ô tô đã che lấp được điều nguy hiểm có thể xảy ra khi tôi đu lơ lửng bên trên.

Chiếc xe tải dừng lại cách kho khoảng ba mươi mét và tắt máy. Chiếc quai móc của tôi đã ở ngoài giới hạn đu đưa. Khi nó bắt đầu xuống thì tôi để cho dây thừng trượt thêm khoảng sáu mươi phân quanh ngón tay. Tên gác giật mình, nhưng đã quá muộn để nhận thấy rằng có cái gì đấy không ổn, đầu hãn quay hết bên nọ sang bên kia cốt sao chộp được cái quai móc trên trán. Nhưng hãn đã đổ sập như thể là một cây cầu bị sập đúng vào người hãn và hãn từ từ ngã vật ra đằng sau và không nhìn thấy nữa.

Cánh cửa xe tải đã mở và De Graaf bước ra. Tôi vẫy tay ông đến gần. Tôi phác hai cử chỉ gật đầu ra hiệu bằng tay phải, kiểm tra lại xem khẩu súng nhỏ vẫn nằm trong chiếc tất giày của tôi, cúi mình thật thấp trên cái cơ cấu nâng, sau đó chuyển vị trí cho đến khi tôi lơ lửng trên đôi tay mình. Tôi cầm lấy súng từ bao đeo dưới vai, găm súng giữa hai hàm răng rồi đu trở lại, ngay lập tức, khi đã tiến lên phía trước, chân trái tôi vừa đến ngưỡng cửa, còn chân phải tôi đập mạnh

vào cánh cửa sau đó đưa ngay tay ra để có được điểm tựa trên rầm cửa. Tôi cầm súng trong tay phải.

Có bốn người đang ở đấy, Belinda, Goodbody và hai tên cùng một hội với hắn. Belinda mặt trắng bệch, chống cự lại bọn chúng, nhưng không âm ỉ. Cô đã phải mặc quần áo theo truyền thống Huyler - một đầm báo sập bị treo cổ trên tời nâng - vạt trên của áo thêu thùa sắc sỡ, hai tay cô bị giữ chặt bởi Morgenstern & Muggenthaler, hai ông này lúc nào cũng tươi cười, vui vẻ, da dẻ hồng hào, vẻ mặt thì đôn hậu trông hiền lành như các bậc cha chú. Nhưng lúc này thì mặt hai ông đanh lại, rất lạnh lùng và cử chỉ chậm chạp một cách lố bịch: còn Goodbody thì, lưng hắn quay lại phía tôi đang sắp xếp việc buộc khăn trùm đầu cho Belinda theo cách thỏa mãn được khiêu thăm mỹ của hắn, sau đó hắn quay người lại rất chậm. Miệng hắn cũng há hốc ra rất chậm, mắt hắn mở to và mặt hắn đang hồng hào dần dần trở nên trắng bệch gần giống như màu tóc của hắn.

Tôi nhảy hai bước vào góc xép và nắm lấy cánh tay Belinda. Cô nhìn tôi chăm chú cứ như là không thể tin được, sau đó giằng khỏi những bàn tay vốn không mấy rắn chắc của Morgenstern & Muggenthaler rồi chạy đến với tôi. Tim Belinda đập mạnh như một con chim bị bắt giữ, nhưng dường như cô cũng không có gì tội tệ hơn, cô chưa phải trải qua những đòn tra tấn của Goodbody.

Tôi nhìn ba người đàn ông và cười thoải mái mà không làm mặt mình bị đau nhiều vì những vết thương. Tôi nói “Bây giờ thì *các ông* biết cái chết có vẻ như thế nào rồi chứ?”

Đúng là chúng đã biết. Mặt chúng như đông cứng lại. Chúng giơ tất cả hai tay lên. Tôi cứ để cho chúng giơ thẳng tay lên như thế, không nói lời nào, cho đến khi De Graaf và Van Gelder nhảy lên các bậc cầu thang vào. Trong thời gian đó không có gì xảy ra. Tôi cũng sẽ

không nguyên rủa một người nào trong bọn chúng. Belinda đã bắt đầu run lên vì những phản ứng không kìm nén được, nhưng cô cũng cố mỉm cười một cách thiếu não với tôi và tôi biết cô đã đúng.

De Graaf và Van Gelder, cả hai đều cầm súng trong tay, nhìn cảnh tượng trong phòng. De Graaf nói “Anh nghĩ thế nào về chuyện này, Sherman? Tại sao lại là ba người đàn ông đó?”

“Tôi có nhiệm vụ phải giải thích?” Tôi ngắt lời một cách nhẹ nhàng.

“Tôi sẽ yêu cầu một vài giải thích.” - Van Gelder nói có vẻ căng thẳng - “Ba vị này là những người có danh tiếng và là những công dân đáng kính của thành phố Amsterdam.”

“Xin ông đừng có làm cho tôi buồn cười,” - tôi nói - “Vì như vậy càng làm cho mặt tôi thêm đau.”

“Vậy sao?” De Graaf nói “Quái quỷ thế nào mà lại như thế?”

“Tôi cạo mặt không may bị xước. Đó là đường dây của Astrid, thật thế, nhưng tôi đã không có đầu óc sáng tạo. Tôi có thể nói chuyện này chứ?”

De Graaf gật đầu và thở dài.

“Theo cách của tôi chứ?”

Ông ta lại gật đầu.

Tôi nói với Belinda: “Em có biết chị Maggie bị giết chết chưa?”

“Em đã biết.” Giọng cô run lên thì thầm, cô vẫn còn chưa hết xúc động vì cái tin buồn ấy. “Hắn vừa nói với em, hắn đã tươi cười mà báo cho em biết.”

“Đó là lòng thương sáng ngời của một người chần dặt con chiên của Chúa. Hắn không thể. Hắn không thể nào làm khác được. Thế đấy.” Tôi nói với các vị chỉ huy cảnh sát: “Thưa các quý ngài, hãy nhìn ông Goodbody. Một tên giết người tàn bạo và điên khùng nhất mà tôi từng gặp. Ông ta đã treo cổ Astrid Lemay trên cái móc của cơ cấu nâng. Ông ta đã giết chết Maggie bằng những cái chĩa cò khô, đã

dùng những cái chĩa cỏ khô đâm cô ấy cho đến chết tại cánh đồng cỏ ở Huyler, Maggie đã bị giết rất dã man. Ông ta đã...”

“Anh nói là đâm chết Maggie bằng những cái chĩa cỏ khô?” De Graaf hỏi, “liệu bản thân anh có tin vào điều đó được không?”

“Ông sẽ tin tất cả. Goodbody đã làm cho George Lemay phát điên lên và giết chết anh ta. Ông ta đã cố sức giết tôi theo cùng một cách đó đến ba lần ngày hôm nay. Goodbody đã đặt một chai rượu gin vào tay người chết vì nghiện ma túy. Goodbody đã ném người xuống sông đào cùng với ống chì thắt quanh thắt lưng họ, sau khi chỉ có Chúa mới biết được họ đã phải chịu đựng tra tấn và đau đớn như thế nào. Ngoài những vụ giết người trực tiếp đó, ông ta còn thường xuyên gieo rắc sự suy đồi về tinh thần và làm bại hoại thể xác con người, gây nên hội chứng tâm thần phân liệt và cái chết do phát cuồng cho hàng nghìn người trên khắp thế giới. Ông ta đã cho những nghệ nhân chuyên làm những con rối đẹp nhất treo lủng lẳng một nghìn con rối, được móc vào đầu dây của nó và làm cho tất cả những con rối đó nhảy múa theo giai điệu của nó. Vũ điệu của sự chết.”

“Điều đó là không thể.” - Van Gelder nói. Anh ta có vẻ sững sốt - “Không thể như thế, tiến sĩ Goodbody? Vị mục sư của...”

“Tên thật ông ta là Ignatius Catanelli và hiện đang còn trong hồ sơ lưu của chúng tôi. Là một thành viên cũ của một băng tội ác vùng ven biển miền đông *Cosa Nostra*. Nhưng thậm chí một thành viên của băng đảng tội phạm Mafia cũng không thể sánh được với bản chất dã man của ông ta. Băng chân lý của họ thì chẳng bao giờ họ có một cách làm trái đạo đức, mà chỉ vì những lý do đúng đắn. Nhưng Catanelli giết người bởi vì ông ta rất yêu thích cái chết, thích nhìn thấy người ta bị chết. Khi còn là một trẻ nhỏ, ông ta đã tỏ ra có năng khiếu giết người bẩm sinh. Nhưng khi lớn lên thì thú giết người đơn giản là chưa đủ, bởi vậy ông ta rời đất nước, dành trọn đời cho hoạt động Mafia.”

“Đây, đây là chuyện không tưởng.” Nhưng không tưởng hay không thì nét mặt của Goodbody cũng cứ nhăng nháo nhìn De Graaf

và Van Gelder với vẻ cầu khẩn như ông ta đang bị vu khống. “Đây là ông ta đang xúc phạm tôi, đây là...”

“Im đi” - tôi nói - “Chúng tôi có những bức ảnh của ông và cả chỉ số đầu nũa (cephalic index). Tôi phải nói rằng, theo thành ngữ của Mỹ thì một ‘cuộc đấu ăn chắc, một việc làm ngon xơi’ đang mời gọi ông ta ở đây. Thâm nhập vào những tàu buôn dọc theo bờ biển, cho heroin vào trong thùng đựng hàng làm cho nặng thêm và gắn kín lại, thả xuống biển, chỗ phao hàng hải ngoài khơi. Chúng được kéo lên bởi những xà lan biển đến Huyler, sau đó được chế biến tại một xưởng thủ công ngay tại đó. Xưởng thủ công này làm những con rối, sau đó chuyển vào nhà kho ở đây. Còn gì tự nhiên hơn nữa - trừ những dịp đặc biệt, hoặc từng thời kỳ có những con rối được đánh dấu đặc biệt là có chứa heroin.”

Goodbody nói, “Vô lý hết sức, hoàn toàn trái với lý lẽ thường. Ông không thể nào chứng minh được điều này.”

“Khi tôi định giết ông trong một phút hoặc hai thì tôi không chứng tỏ điều gì hết. Chà chà... ông có tổ chức của ông, có bạn trong các băng mafia. Ông có một đội ngũ đông đảo từ các tay chơi đàn organ rong trên khắp các đường phố Amsterdam cho đến các vũ nữ chuyên trình diễn vũ thoát y, làm việc cho ông - một sự kết hợp vừa hăm dọa để tổng tiền, khuyến khích nghiện ma túy và đe dọa cuối cùng là cái chết làm cho tất cả bọn họ phải im lặng như những nấm mồ.”

“Làm việc cho ông ta?” - De Graaf vẫn là một liên minh phía sau tôi - “Theo cách nào?”

“Thúc đẩy và xúc tiến. Một số heroin - với số lượng tương đối nhỏ - để ở đây, trong các con rối, một số đưa đến các cửa hàng, một số để trong xe tải chở con rối trong công viên Vondel và những xe tải khác, tôi biết tất cả những cái đó. Các cô gái của Goodbody đi đến các cửa hàng và mua những con rối đó - được đánh dấu một cách kín đáo - những cửa hàng hợp pháp một cách hoàn hảo và đã gửi chúng đến cho

các nhà cung cấp heroin nhỏ hơn, hoặc những con nghiện ở nước ngoài. Những người bán ma túy trong công viên Vondel được phép bán rẻ, bán rất rẻ cho tất cả những tay chơi đàn organ rong ở các hè phố. Họ là những mối liên lạc đối với những người thất cơ lỡ vận, và trong một điều kiện như thế thì họ không thể được phép xuất hiện ở những nơi đáng kính - nếu như, nói cách khác, và gọi cho đúng tên thì là những nơi nhộp nhúa bản thủ, như hộp đêm Balinova là một trong những nơi đáng kính ấy.”

“Thế thì tại sao, *chúng ta* không bao giờ chộp được một trong bọn họ?” De Graaf hỏi.

“Tôi sẽ nói với ông sau. Tuy nhiên về vấn đề phân phối, một số lượng khá lớn heroin đi từ đây vào trong các thùng đóng ván thừa đựng sách Kinh thánh - những cái thùng mà ông bạn thánh thiện của chúng ta ở đây hết sức tốt bụng đã phân phối không lấy tiền đến toàn thành phố Amsterdam. Một số lớn quyển sách Kinh thánh có tâm rỗng được khoét sâu. Những lời ngọt ngào đầy lòng nhân ái mà Goodbody thốt ra hàng ngày, mỗi con chiên đều có một quyển Phúc âm mà tâm của nó được khoét rộng trong sự hào hiệp không thể nào tả được của con tim của người theo đạo Cơ đốc của Goodbody, kẻ đang cố gắng “cải tạo” “giáo dục” lại và cứu người ta khỏi một số phận tồi tệ hơn cái chết, xuất hiện tại các buổi lễ trong nhà thờ, thuyết giảng Phúc âm, các con chiên được nắm trong tay một chút heroin ngọt ngào đó. Còn một số quyển khác, đã có Chúa giúp, các cô gái non rất quyến rũ, trang phục nữ tu sĩ, mang trên tay các quyển Kinh thánh có chứa heroin đi, rồi sau đó bán rong cái chất làm chết người đó đến các hộp đêm. Số còn lại - và là phần lớn hơn cả - thì được đưa đến Kasteel Linden. Tôi nói như vậy liệu có bỏ sót điều gì không, Goodbody?”

Từ sự biểu lộ cảm xúc trên mặt ông ta, có thể thấy là tôi đã không bỏ sót điều gì quan trọng, nhưng ông ta không trả lời. Tôi hơi nâng súng lên và nói. “Nào, nói đi, Goodbody.”

“Không có ai xem thường pháp luật như ông ta ở đây cả.” - De Graaf nói một cách gay gắt.

“Ông có thể thấy là ngài Goodbody đang cố gắng chuồn đấy,” tôi nói. Goodbody đứng bất động: hẳn không thể nào chuyển động được các ngón tay đến một một milimet.

Nhưng rồi, lần thứ hai trong ngày hôm đó, một giọng nói đằng sau tôi cất lên: “Bỏ súng xuống, ông Sherman.”

Tôi từ từ quay người lại và vứt súng xuống. Không ai có thể lấy được súng của tôi. Lần này là Trudi, xuất hiện từ trong bóng tối, và chỉ cách tôi có một mét rưỡi với một khẩu Luger cầm rất chắc trong bàn tay phải.

“Trudi!” De Graaf nhìn chăm chăm vào cô gái tóc vàng hoe, ông sửng sốt vì không thể hiểu được tình huống đang diễn ra. “Chúa ơi” ông thốt lên với vẻ mặt đau đớn. Trong khi đó thì nòng súng của Van Gelder đã đập rất mạnh vào cổ tay ông. Súng của De Graaf văng trên nền nhà, và khi ông quay lại nhìn người đàn ông đã đánh ông văng súng thì mắt ông đờ ra trong một trạng thái hết sức kinh ngạc. Goodbody, Morgenstern, và Muggenthaler cùng lúc đã hạ tay của chúng xuống, hai ông chủ hãng bán ma túy đã rút súng từ trong túi áo vét của họ ra, mà bộ quần áo rộng thùng thình, che phủ cái thân hình to béo của hai ông chú, cũng khác với bản thân tôi, không đòi hỏi sự khéo léo của những người thợ may có tay nghề cao để che giấu hình dáng vũ khí của họ.

Goodbody rút ra một khăn tay, lau lông mày mà trong một nhu cầu khẩn cấp phải lau và cầu nhàu nói với Trudi: “Em đã mất thời gian đến đây, phải không?”

“Ôi, *em thích thú* những chuyện như thế này.” Cô ta cười rúc rích. Một giọng nói vô tư và hạnh phúc đã làm ấm lên đôi chút dòng máu của một tâm hồn tội lỗi đã đóng băng. “Em thích thú mỗi phút như thế này.”

“Họ là một đôi ý hợp tâm đầu, phải không?” Tôi nói với De Graaf. “Bản thân cô ta và sự thánh thiện của cô ta thể hiện ở đây.”

“Câm mồm đi!” - Van Gelder lạnh lùng nói. Hắn đến gần tôi, sờ tay để tìm vũ khí, nhưng không thấy gì. Và hắn quát, “Ngồi xuống nền nhà. Giơ tay lên ở nơi dễ nhìn để tôi có thể nhìn thấy. Ông cũng thế, De Graaf.”

Chúng tôi đã làm như hắn yêu cầu. Tôi ngồi chéo chân, hai cẳng tay tôi đặt trên đùi, tay tôi đung đưa gần đến mắt cá chân. De Graaf cứ nhìn tôi chăm chăm, mặt ông ta phản ánh sự sững sốt và hoàn toàn không hiểu.

Tôi nói với ông, “Đúng vào lúc tôi định nói với ông *tại sao* bản thân các ông có quá ít tiến bộ trong việc theo dõi nguồn ma túy đó. Người giúp việc tin cậy của ông, thanh tra Van Gelder là nhân vật chính đã thành công trong việc gây cản trở một cách có hiệu quả làm cho công việc chống ma túy của các ông trở nên bất lực.”

“Van Gelder.” De Graaf, thậm chí với tất cả những bằng chứng rất hiển nhiên ở ngay trước mắt ông, nhưng ông vẫn không thể tưởng tượng được sự phản bội của một sĩ quan cảnh sát lâu năm, một đại úy vẫn luôn được ông tin cậy. “Làm sao mà lại có thể như thế này được? *Không thể* như thế được.”

“Anh ta không là một nhân viên thừa hành, không phải là diễn viên phụ,” tôi ôn tồn nói, “Van Gelder là ông chủ, Van Gelder là bộ não. Tên thật hắn là Frankenstein, thế đấy! Goodbody thì đúng là một con quái vật cực kỳ tàn bạo, và hắn đã chạy ra ngoài vòng kiểm soát. Đúng không, Van Gelder?”

“Đúng!” Van Gelder liếc nhìn Goodbody một cách hiểm ác, đó là điềm báo trước chẳng tốt lành gì cho tương lai của Goodbody.

Tôi nhìn Trudi không một chút thiện cảm. “Còn về phần cô bé diu dàng này, Van Gelder, có phải tình nhân của anh không?”

“Tình nhân?” De Graaf lại có thêm một lần sững sốt bởi hết cái bất ngờ nọ đến cái bất ngờ kia.

“Nhưng tôi nghĩ anh đã yêu cô Trudi từ lâu rồi chứ, Van Gelder? Cô ta là người bạn tri kỷ của Reverend Goodbody ở đây.” Tôi quay sang De Graaf. “Cô gái luôn vui tươi đó của chúng ta không nghiện ma túy, hoàn toàn không nghiện. Nhưng Goodbody biết cách giả bộ làm những vết tiêm chích trên cánh tay cô ta trông như thật. Ông ta đã nói với tôi như vậy. Còn tuổi tinh thần của cô ta không phải là tám, điều dối trá đó, bản thân nó là một tội ác.”

“Tôi không biết.” De Graaf nghe chừng có vẻ mệt mỏi, “Tôi không hiểu.”

“Trudi đã phục vụ ba mục đích có lợi cho Van Gelder.” Tôi nói, “với Van Gelder thì là con gái nuôi cưng, nhưng thật ra không ít người hoài nghi sự loạn luân trong tình bố con của anh ta. Cô ta là người liên lạc hoàn hảo cho Van Gelder và Goodbody - hai người này không bao giờ gặp nhau, thậm chí cũng không gọi điện thoại cho nhau. Và điều quan trọng nhất, Trudi là một mắt xích sống còn trong đường dây cung cấp ma túy. Cô ta mang con rối của mình đến Huyler, tại đây heroin được nhét vào con rối, rồi lại đem đến cho xe tải chở con rối đến công viên Vondel rồi lại trở về Huyler lấy heroin đem đi và cứ thế. Tất nhiên xe tải chở nó đến đây, nhưng khi trở về thì đã có thêm nguồn cung cấp. Cô gái rất biết làm cho người ta mẫn chuộng, Trudi của các vị đáng kính có mặt ở đây là như thế. Nhưng cô đã không sử dụng đến cà độc dược để mắt cô phải có cái nhìn đờ đẫn của một người nghiện ma túy. Tôi đã không hiểu được sự thật vào lúc đó, nhưng cho tôi thời gian và đánh vào đầu tôi liên tục thì cuối cùng tôi cũng hiểu ra được điều gì đấy. Tôi đã không có được cái nhìn đúng. Nhưng đã nói chuyện với nhiều người nghiện ma túy có cái nhìn đúng đắn. Và sau đó tôi đã hiểu được cận kề.”

Trudi lại cười rúc rích và liếm môi, “Bây giờ tôi có thể bắn ông ta chưa? Vào chân chứ?”

“Cô là một con mồi duyên dáng và quyến rũ,” tôi nói “nhưng cô không biết sử dụng quyền ưu tiên của mình. Tại sao cô không nhìn

xung quanh cô?”

Cô ta nhìn quanh mình. Mọi người đều nhìn quanh mình. Tôi thì không. Nhưng tôi nhìn thẳng vào Belinda rồi gật đầu để sao cho Trudi không thể nhận thấy, lúc này Trudi đang đứng giữa Belinda và cửa ra vào. Đến lượt Belinda, liếc nhanh Trudi, và tôi biết là Belinda đã hiểu.

“Các ông ngu lắm! Một lũ ngu!” - Tôi nói một cách khinh khỉnh - “Làm sao mà các ông lại nghĩ rằng tôi có tất cả thông tin? Tôi đã được cấp thông tin! Có hai người sợ các ông đến chết và đã tố cáo các ông, nên đã cấp thông tin cho tôi - hoặc là chơi khăm hay phản bội các ông cũng vậy: Morgenstern & Muggenthaler.”

Có những hành động vô nhân đạo trong các thông tin đó, không nghi ngờ về điều này, nhưng tất cả chúng là nhân đạo trong những phản ứng của họ. Tất cả mọi người kinh hoàng nhìn trân trân vào Morgenstern & Muggenthaler, hai người đang đứng với đôi mắt hoài nghi và mồm thì há hốc ra vì kinh ngạc, nhưng đó là hai cái miệng há hốc do đã chết, và khẩu súng bây giờ đang trong tay tôi là khẩu súng rất nhỏ nên tôi không thể nào làm cho họ bị thương. Trong khi mọi người còn chưa hết sửng sốt vì cái chết đột ngột của hai ông chủ Morgenstern & Muggenthaler thì khi đó, Belinda lao rất nhanh đến Trudi trong khi cô này hoàn toàn không đề phòng, làm cho Trudi bị bất ngờ, loạng choạng trên ngưỡng cửa để chất hàng và rơi từ trên gác ba xuống.

Tiếng thét than vãn của Trudi còn chưa hết thì Van Gelder đã liều lĩnh xông thẳng đến De Graaf, dùng súng đập rất mạnh vào cổ tay đang cầm súng của ông, sau đó đánh thêm vào trán ông. Tuy nhiên tôi không có thời gian để nhìn xem De Graaf xoay sở ra sao mà tôi cần phải rút chân ra khỏi giày, song vẫn ở vị trí cúi mình tôi lao đầu rất mạnh vào người Goodbody trong khi hắn còn đang loay hoay rút khẩu súng của hắn ra. Goodbody bị ngã về phía sau nghe đến ạch trên nền nhà, tôi đã ghì chặt phía lưng hắn và siết chặt hai tay làm cho hắn rên

ri trong cổ họng, bởi vì tay tôi bóp quanh cổ hắn, móc vào cổ hắn, như thể tôi đang cố gắng làm cho đầu hắn quay về sau lưng.

De Graaf đang nằm trên nền nhà, máu chảy ròng ròng từ một vết chém trên trán, ông ta hơi rên lên một chút. Van Gelder đang đánh Belinda, và hắn đã tóm được cô, dùng cô như một tấm chắn, cũng giống như tôi đang dùng Goodbody như một lá chắn. Van Gelder cười. Cả hai khẩu súng của chúng tôi đều đang nhắm vào nhau.

“Ta biết Sherman của thế giới này,” giọng của Van Gelder đã bình tĩnh lại, “người ta không bao giờ muốn làm cho một người vô tội chịu đau đớn - nhất là với một cô gái đáng yêu như thế này. Còn về Goodbody mà ông đang dùng làm lá chắn thì tôi không quan tâm, dù ông có bắn thủng người hắn như cái lỗ tổ ong thì cũng thế thôi. Nhưng bây giờ, tôi muốn nêu ra một điểm, được chứ?”

Tôi nhìn vào bên phải mặt của Goodbody, mà thật ra tôi cũng chỉ có thể nhìn được phía đó thôi, sắc mặt hắn thay đổi từ màu tím tía cho đến màu hoa cà, không biết có phải là vì hắn đang bị tôi siết chặt cổ không, hay là vì phản ứng của hắn trước sự cố ý ruồng bỏ hắn của một ông bạn cùng hội cùng thuyền gắn bó với nhau đã lâu như hai thủ lĩnh, nay nữ nhẫn tâm phản lại hắn, thật khó nói là vì nguyên nhân gì. Tại sao tôi nhìn hắn thì tôi không biết, song điều suy nghĩ lúc này trong đầu óc tôi là cân nhắc giá trị tương ứng của Belinda và Goodbody như những con tin, với điều kiện là Van Gelder có Belinda làm con tin thì hắn được an toàn như một người trong nhà thờ. Thôi được, ở nhà thờ nào cũng được miễn là không phải nhà thờ của Goodbody.

“Anh nêu vấn đề?” - Tôi nói.

“Tôi nêu một vấn đề khác,” Van Gelder tiếp tục, “Anh đang có một khẩu súng của trẻ con chơi, còn tôi có khẩu Colt của cảnh sát.” Tôi gật đầu, “Do đó nó là giấy thông hành an toàn của tôi.” Hắn bắt đầu đi dần về phía đầu cầu thang, tay vẫn giữ Belinda giữa tôi và hắn, “Có một xe cảnh sát màu xanh ở đầu phố. Đó là xe của tôi. Tôi đi đến đây. Trên đường đi tôi sẽ đập tan điện thoại cơ quan cảnh sát. Nếu khi

tôi đi đến xe tải tôi không thấy anh đứng ở cạnh cửa chất hàng này, thì tôi không còn đòi hỏi gì ở cô ấy nữa. Anh hiểu chứ?”

“Tôi hiểu. Và nếu anh cố tình giết cô ấy thì anh sẽ không bao giờ còn có thể được ngủ trên giường nữa đâu. Anh cũng biết như vậy chứ?”

Hắn nói “Tôi biết” rồi nhanh chóng đi xuống cầu thang, kéo Belinda đằng sau hắn. Tôi không chú ý đến đường đi của hắn. Tôi nhìn thấy De Graaf đang ngồi, cầm chiếc khăn tay lau máu trên trán, có vẻ như ông vẫn có thể tự lo liệu lấy cho bản thân được. Tôi nói lỏng tay đang siết quanh cổ Goodbody, rồi với tay lấy khẩu súng của hắn, nhưng vẫn ngồi sau lưng hắn, tôi rút khăn tay và buộc cả hai cổ tay hắn lại, một với cổ tay của người đã chết Morgenstern và một với cổ tay của Muggenthaller cũng đã chết. Sau đó tôi đứng lên, đến trước Goodbody và giúp De Graaf còn đang yếu ngồi lên trên ghế. Tôi ngoái lại nhìn Goodbody đang trân trân nhìn tôi với cái vẻ mặt như được tạc ra trong một nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Khi hắn nói, cái chất giọng sâu lắng, âm vang và truyền cảm đã biến đâu mất, chỉ còn lại giọng the thé như người mất trí.

“Ông sẽ không để tôi lại đây một mình như thế này chứ?” - Hắn nói.

Tôi quan sát hai nhà buôn lớn mà tôi đã buộc cổ tay hắn vào với họ.

“Ông luôn luôn có thể buộc tay người nọ vào người kia và trốn thoát.”

“Tôi xin thề có Chúa, ông Sherman...”

“Ông đã treo cổ Astrid lên trên cái móc. Tôi đã nói với Astrid là tôi sẽ giúp cô ấy, nhưng ông đã treo cổ cô ấy lên. Ông đã dùng chĩa cò khô đánh Maggie đến chết. Maggie thân yêu của tôi. Ông đang định treo cổ Belinda lên trên cái móc của cơ cấu nâng. Belinda là người cộng tác gần gũi của tôi. Ông là con người đam mê cái thú giết chết người. Xử tử ông hăng còn là quá nhẹ, so với cái tội giết hàng nghìn

người của ông.” Tôi đi về phía cửa chất hàng, xem xét, rồi lại nhìn hẳn. “Và nếu như tôi không tìm thấy Belinda còn sống thì tôi không thềm quay lại đây.”

Goodbody than vãn như một con vật bị ông chủ đánh đập, và mắt hẳn trừng trừng nhìn hai người đã chết bằng nỗi khiếp sợ làm cho người hẳn cứ run bắn lên, vì Morgenstern và Muggenthaler chết, chắc hẳn sẽ bị ngồi tù. Tôi đi đến những cửa chất hàng và liếc mắt xuống.

Trudi đang nằm giang tay chân trên vỉa hè cứng. Tôi không thềm nhìn con quỷ cái ấy một lần thứ hai. Van Gelder đang dẫn Belinda qua phố về phía xe cảnh sát. Đứng cạnh cửa xe, hẳn quay người, nhìn lên, thấy tôi, hẳn gật đầu và mở cửa xe.

Tôi từ cửa chất hàng quay lại, thấy De Graaf đang chuyễn choạng muốn đứng lên mà không được, tôi giúp ông đứng thẳng dậy và đi đến cầu thang. Đến đấy tôi quay lại sau và nhìn Goodbody. Đôi mắt tên sát nhân đã man đội lốt mục sư vẫn trần trần trong bộ mặt chưa hết sợ hãi và hẳn đang kêu lên những tiếng khàn khàn lạ lùng từ sâu trong cổ họng. Trông hẳn như một người đang vĩnh viễn biến mất đi trong bóng đêm dày đặc của một cơn ác mộng bất tận, một người đã bị ma quỷ theo đuổi, và biết chắc không bao giờ có thể thoát khỏi tội chết.

14

Màn đêm hầu như đã trùm lên khắp tất cả phố phường Amsterdam. Trời mưa phùn nhẹ, nhưng cái lạnh đủ thấm vào người khi gió thổi mạnh từng cơn. Trong khoảng trống của những đám mây bị gió xé ra, đã xuất hiện những ngôi sao lấp lánh một cách yếu ớt, mặt trăng còn chưa lên.

Tôi ngồi chờ trên ghế sau tay lái chiếc xe Opel, đồ gần một kiốt điện thoại công cộng. Một lúc sau cửa mở và De Graaf đang chấm chấm nhẹ trán bằng chiếc khăn tay những chỗ máu rỉ ra từ vết thương bị chém dài và sâu. Ông đi đến chỗ tôi rồi bước vào xe. Tôi liếc nhìn ông có ý dò hỏi.

Ông nói: “Khu vực đó sẽ hoàn toàn bị bao vây bằng hàng rào cảnh sát trong phạm vi mười phút nữa. Và khi tôi nói là bao vây, thì không thể có ai thoát ra. Chắc chắn.” Ông lại lau trán rỉ máu bằng chiếc khăn tay trắng đã nhuộm thành màu đỏ. “Nhưng làm thế nào mà anh có thể chắc chắn như vậy?” De Graaf hỏi tôi.

“Hắn sẽ ở đây.” Tôi cho xe nổ máy và lái đi. “Ở chỗ đầu tiên mà Van Gelder tính đến, đó là chỗ cuối cùng ở Amsterdam mà chúng tôi nghĩ, cần tìm hắn ở đấy. Chỗ thứ hai là Goodbody, chỉ mới sáng nay, đã chuyển nơi cung cấp heroin cuối cùng ra khỏi Huyler. Ở trong ruột một trong những con rối lớn, chắc chắn không còn hồ nghi gì nữa. Con rối không phải ở trong xe ô tô của hắn đỗ bên ngoài lâu đài, như vậy thì nó phải ở trong nhà thờ. Hắn không có thời gian để kịp đem đi nơi khác. Ngoài ra, hầu như chắc chắn có một kho ma túy còn nằm quanh nhà thờ. Van Gelder không thích Goodbody và Trudi. Hắn không ưa trò chơi lấy việc giết nhiều người làm mục tiêu. Hắn chỉ vì

tiền, chỉ say mê tiền và hẳn sẽ không khi nào khước từ sự quyến rũ của đồng đôla.”

“Đôla?”

“Vâng. Đôla. Giá trị của heroin mà hẳn có trong tay, có thể là nhiều triệu đôla.”

“Van Gelder.” De Graaf từ từ lắc đầu. “Tôi không thể tin được. Một người như hẳn! Có một thành tích trong ngành cảnh sát tuyệt vời như vậy mà trở thành tên phản bội.”

“Hãy dành sự thông cảm đó của ông cho các nạn nhân của ông.” Tôi nói một cách cay nghiệt. Tôi không có ý nói như thế đối với một người ốm, nhưng bản thân tôi vẫn là một người ốm. Tôi nghi ngờ những vết bị đánh trên đầu mình, không biết nó có như trong tình trạng của De Graaf, hay là khác hơn. “Van Gelder còn tồi tệ hơn tất cả bọn chúng. Ít ra thì ông có thể thấy rằng đầu óc của Goodbody và Trudi là bệnh hoạn đã bị méo mó và đòi bại đến mức chúng không còn chịu trách nhiệm cho hành động của chúng. Nhưng Van Gelder thì hoàn toàn không bệnh hoạn theo cách đó. Hẳn làm tất cả những việc ấy một cách lạnh lùng và tàn bạo chỉ vì tiền. Hẳn biết những thực tế của hoàn cảnh. Hẳn biết những gì đang diễn ra, hẳn biết ông bạn thân kinh không ổn định của hẳn đang cư xử ra sao, và hẳn đã chịu đựng những sự lầm lạc chết người mãi mãi của Goodbody.” Tôi nhìn De Graaf để suy đoán. “Ông có biết chuyện người anh vợ và vợ hẳn bị chết trong một tai nạn ô tô ở Curacao không?”

De Graaf im lặng một lúc trước khi trả lời. “Đó không phải là một tai nạn bi thảm?”

“Không phải là một tai nạn bi thảm. Chúng ta sẽ chẳng bao giờ xác nhận như thế, nhưng tôi đánh cuộc, dám đánh cuộc một ăn mười rằng chuyện đã xảy ra là do một sự kết hợp của anh vợ hẳn là một sĩ quan an ninh tốt, được đào tạo chính quy, đang phát hiện quá nhiều điều về hẳn, và mong muốn của Van Gelder là trừ khử vợ hẳn, người đã biết nhiều điều trong quan hệ bất chính giữa hẳn và Trudi - trong

những ngày mà Trudi vẫn đang còn những phẩm chất của một con người lương thiện. Nhận xét của tôi là, chiếc máy tính trong cái đầu lạnh giá như băng của con người đó hoàn toàn nhẫn tâm, độc ác và vô cảm đối với những gì mà chúng ta coi như là những cảm xúc bình thường của con người.”

“Anh sẽ chẳng bao giờ còn sống cho đến khi thắng cuộc một ăn mười của anh đâu.” - De Graaf nói mà nét mặt sa sầm.

“Có thể là không. Nhưng tôi đã đúng về một vấn đề.”

Chúng tôi rẽ vào phố cạnh sông đào nơi có nhà thờ của Goodbody và từ đây, phóng xe thẳng lên phía trước đã thấy một xe tải màu xanh của cảnh sát. Và không dừng lại mà phóng qua xe tải, đỗ lại ở cửa nhà thờ rồi bước ra. Một thượng sĩ mặc sắc phục cảnh sát đang từ trên các bậc cấp đi nhanh xuống để chào chúng tôi, và thoáng một chút hoảng hốt trong phản ứng nào đó mà anh ta bộc lộ do nhìn thấy hai sếp bị thương ở mặt, mặc dù anh thượng sĩ đã cố không biểu lộ.

“Rõng không, thưa sếp,” anh ta nói. “Chúng tôi thậm chí đã leo cả lên tháp chuông.”

De Graaf quay đi và nhìn về chiếc xe tải xanh của cảnh sát.

“Nếu thượng sĩ Gropius nói là không có ai ở đây, thì tức là không có ai thật.” Ông ngừng một lúc sau đó nói chậm rãi: “Van Gelder là một con người tài giỏi. Bây giờ chúng tôi mới biết. Hẳn không ở trong nhà thờ. Cũng không có trong nhà Goodbody. Người của tôi đã phong tỏa cả hai bên bờ sông đào và phố này. Vì vậy đúng là Van Gelder không có đây. Hẳn đã ở nơi nào đó khác.”

“Anh ta ở nơi khác, nhưng là ở đây,” tôi nói.

“Nếu chúng ta không tìm được Van Gelder thì anh sẽ duy trì cái hàng rào cảnh sát ở quanh đây đến bao lâu?” - De Graaf hỏi.

“Cho đến khi chúng ta tìm được hẳn và sau đó kiểm tra lục soát kỹ từng nhà trên phố. Phải đến hai giờ. Có thể là ba.”

“Và sau đó thì Van Gelder có thể đi khỏi.”

“Có thể như vậy, nếu như hấn ở đây.”

“Hấn ở đây.” Tôi nói một cách chắc chắn. “Hôm nay là tối thứ bảy, liệu những công nhân xây dựng có làm việc ngày chủ nhật?”

“Không.”

“Cho anh ta ba mươi sáu giờ. Đêm nay, thậm chí đêm mai. Anh ta bước xuống và đi ra.”

“Cái đầu tôi.” De Graaf lại chầm nhè nhẹ lên trán chỗ vết thương. “Súng của Van Gelder rất nặng, hấn đã thẳng tay bổ xuống đầu tôi. Tôi hoàn toàn không ngờ...”

“Anh ta không xuống đây.” Tôi vẫn kiên nhẫn nói. “Tìm kiếm trong các nhà là lãng phí thời gian. Và tôi tin chắc là anh ta không ở dưới đáy con sông đào để thở cho dễ. Thế thì có thể ở đâu?”

Tôi trầm ngâm nhìn vào trong bóng đêm và nhìn lên bầu trời thỉnh thoảng lại có gió giật từng cơn. De Graaf nhìn theo tôi. Hình dáng trong bóng tối của chiếc cần cầu tháp hầu như đã vươn tới những tầng mây. Đỉnh của cần máy trục rất đồ sộ nằm ngang đã mất hút trong đêm tối bao quanh. Chiếc cần cầu lớn luôn đập vào mắt tôi như có một bầu không khí đe dọa huyền bí, không bình thường về nó, và đêm nay - có lẽ là vì những gì mà tôi nghĩ trong đầu nên trông nó có vẻ đáng kinh sợ, gớm guốc và ở một mức độ nào đó còn như ẩn chứa một điềm gở gì đó nữa.

“Tất nhiên.” De Graaf thì thào. “Tất nhiên.”

Tôi nói, “Thôi được. Tốt hơn cả là tôi sẽ đi.”

“Anh điên rồi, điên rồi! Hãy nhìn lại mặt anh xem. Anh đang còn yếu lắm.”

“Tôi đủ khỏe rồi.”

“Thế thì tôi đi cùng với anh.” De Graaf nói dứt khoát.

“Không.”

“Tôi còn trẻ, cũng như những cảnh sát có năng lực khác. Tôi không có quyền để yêu cầu bất kỳ người nào của ông, đừng tranh cãi

nữa, tôi từ chối. Ngoài ra đây không phải là một vụ cần phải tấn công đối đầu. Mà thực tế đòi hỏi bí mật, nhẹ nhàng - hoặc không có kết quả gì.”

Ông mở to mắt nhìn tôi. Miễn cưỡng hay không thì De Graaf cũng đang đến gần với quan điểm của tôi.

“Đừng đặt ra giới hạn như thế. Theo quan điểm của ông thì mọi thứ ở bên dưới chắc chắn là phải ám muội, đen tối.”

“Chúng ta có thể chờ,” De Graaf cố thuyết phục tôi. “Có thể một lúc nào đó anh ta xuống, theo tôi anh ta xuống trước sáng thứ hai. Van Gelder không thích thú gì chết chóc. Nhưng anh ta hoàn toàn dừng dừng với cái chết. Chúng ta cũng biết điều đó. Còn cuộc sống - khác với cuộc sống của nhiều người khác - không có nghĩa gì với anh ta.”

“Vậy sao?”

“Van Gelder không xuống đây, và Belinda cũng không. Vì thế cô đang ở trên ấy với anh ta - và khi anh ta xuống, anh ta sẽ dùng Belinda làm tấm khiên sống. Tôi sẽ không chờ lâu nữa.”

De Graaf không còn muốn cố gắng thuyết phục tôi nữa. Tôi để ông đứng ở cạnh cửa Nhà thờ, rồi đi vào trong lô đất của công trường xây dựng, tìm cách leo lên thân cần cầu rồi bắt đầu nhảy lên vô số những chiếc thang đặt chéo nhau trong cái khung làm bằng sắt bắt chéo nhau của cần cầu. Đó là sự leo trèo dài và lên cao, trong điều kiện thể chất bị thương của tôi hiện nay. Thật ra tôi có thể làm việc này tốt, nếu như không có gì làm tôi phải kiệt sức mới đây hoặc bản thân việc này là rất nguy hiểm. Đứng vào lúc gặp một bước nhảy dài và rất mệt nhọc thì mối nguy hiểm vẫn còn ở đằng trước. Được khoảng ba phần tư đoạn đường đã leo, thì tôi ngừng một lúc để lấy lại nhịp thở và nhìn xuống.

Không có cảm giác gì đặc biệt về độ cao trong đêm tối và những ánh đèn yếu ớt trên đường phố dọc theo con sông đào chỉ là những điểm sáng rất nhỏ, và bản thân con sông đào, chỉ là một dải trắng lơ mờ. Tất cả dường như xa xôi lắm và hư ảo. Tôi không thể phân biệt

được hình dạng của những ngôi nhà riêng nào cả. Những gì tôi có thể phân biệt là cái chong chóng gió trên đỉnh gác chuông nhà thờ và thậm chí đó chỉ là bên dưới tôi hơn ba mươi mét.

Tôi nhìn lên cabin điều khiển cần cầu, vẫn còn một khoảng cách đến gần năm mét. Tôi ngờ ngợ nhìn thấy một hình chữ nhật tối om trên một nền trời hầu như cũng tối đen như mực. Tôi lại tiếp tục leo lên.

Chỉ còn ba mét là khoảng cách giữa tôi và chiếc cửa sập của cabin thì một khoảng không gian sáng ló ra khỏi đám mây đen và ánh trắng lười liềm chiếu sáng lờ mờ, tuy là yếu ớt, nhưng sự tương phản đã làm cho một khoảng không gian nhỏ bé đó như ngập trong ánh sáng, thấy rõ chiếc cần cầu sơn màu vàng và chiếc cần khổng lồ của máy trục cũng ngập trong ánh sáng lòe loẹt đến kỳ lạ, nâng cao thêm lên những cái rầm cầu và từng bộ phận của thiết bị cầu đồ sộ này. Nó cũng nâng cao tôi thêm lên và có một hiệu ứng khác thường làm cho tôi cảm thấy, như là các phi công máy bay thường cảm thấy khi có đèn pha rọi vào chói mắt, như đang bị ghìm chặt vào một bức tường. Tôi lại nhìn lên và có thể thấy rõ từng cái đinh tán trên cửa sập và thoáng nghĩ đến cái điều có thể xảy đến là có ai đó trong cabin đã nhìn thấy tôi leo lên gần đến nơi và người đó đủ bình tĩnh để quan sát tôi rút súng từ trong bao ra rồi cầm trong tay và im lặng trong vài bước cuối cùng trước khi đến cabin. Lúc này tôi còn cách cabin một mét thì bỗng cửa sập nâng lên một chút và một nòng súng dài, trông rất gớm guốc qua một tiếng kêu cách. Một cảm giác chán ngán lẫn buồn bã cùng với nỗi thất vọng vì biết rằng cuối cùng mình đã thất bại, nhưng có điều, tôi đã trải qua quá nhiều rủi ro trong ngày hôm đó. Tôi đã dùng cho đến kiệt cạn hết mọi cảm xúc của mình và tôi chấp nhận cái điều không tránh khỏi này như một định mệnh thậm chí đã làm cho chính bản thân tôi cũng ngạc nhiên. Đã không có bất cứ câu hỏi nào để sẵn sàng khuất phục. Cho tôi một nửa cơ hội và tôi sẽ bắn nó. Nhưng tôi hoàn toàn không có cơ hội và tôi phải chấp nhận... thất bại.

“Đây là loại súng đặc biệt, bắn được hai mươi bốn phát liền mới hết đạn.” Van Gelder nói. Giọng hần vang lên như đang nói trong một cái hang bằng kim loại với một bội âm sâu thẳm mà dường như không đúng chỗ chút nào. “Anh biết điều đó có nghĩa là gì rồi chứ?”

“Tôi biết.”

“Đưa súng của anh cho tôi, đưa báng ra trước.”

Tôi đưa súng của mình với một vẻ tự nguyện và thành thạo, xuất phát từ kinh nghiệm đã có từ lâu trong việc giao nộp súng.

“Còn bây giờ đưa nốt khẩu súng nhỏ trong bí tất của anh.”

Tôi lại làm theo lời hăn yêu cầu. Cánh cửa sập mở ra, và tôi có thể nhìn thấy Van Gelder rất rõ dưới ánh trăng chiếu sáng qua cửa cabin.

“Vào đi,” - hăn nói - “trong này còn rất nhiều chỗ.”

Tôi nhảy vào trong cabin. Như Van Gelder đã nói, còn rất nhiều chỗ. Cabin của chiếc cần cẩu khổng lồ này có đủ chỗ cho trên mười người ngồi. Van Gelder với sự bình tĩnh vốn có và không mấy may xúc động, mang một dây đeo súng qua vai và một khẩu súng tự động trông rất khó chịu. Belinda ngồi ở một góc cabin, trông mặt cô xanh xao và mệt mỏi, cùng với một con rối Huyler lớn nằm bên cạnh. Belinda cố mỉm cười với tôi, nhưng trái tim cô đau xót. Một vẻ tuyệt vọng hiện trên khuôn mặt do buộc phải nghe theo Van Gelder. Có súng hay không súng, nhưng sự minh mẫn và ước lượng nhanh khoảng cách làm cho tôi quyết định hạ thấp cửa sập xuống một cách nhẹ nhàng và đứng thẳng lên theo cách cũng rất thận trọng. Tôi nhìn khẩu súng.

“Tôi cho rằng anh lấy cái đó từ xe ô tô cảnh sát?” - Tôi hỏi.

“Phải, đúng đấy.”

Van Gelder thở dài. - “Tôi biết anh sẽ đến, nhưng anh vất vả cả một chặng đường dài cũng chẳng để làm gì. Tình hình đã thay đổi hoàn toàn rồi. Quay mặt lại.”

Tôi quay mặt lại. Một cú đánh xuống đầu tôi mạnh như búa giáng, tựa tựa như Marcel đã thể hiện với tôi, nhưng đủ làm cho tôi choáng váng một lúc và tôi ngã quỵ xuống. Tôi ý thức một cách mơ hồ rằng nó là cái gì đó lạnh, bằng kim loại bao quanh cổ tay trái tôi và khi tôi bắt đầu nghĩ đến điều gì vừa diễn ra quanh mình thì tôi lại thấy mình đang ngồi vai sát vai cùng với Belinda, mà tay phải cô đã bị còng vào một dây xích luồn qua một tay nắm bằng kim loại bên trên cửa sập. Tôi cọ sau đầu mình một cách nhẹ nhàng mà với những gì cố gắng kết hợp giữa Marcel và Goodbody và bây giờ là Van Gelder, một chuyến đi đầy khó khăn trong ngày hôm đó và làm tôi đau đớn một cách khác thường, đau ở bất cứ chỗ nào mà một cái đầu có thể đau.

“Xin lỗi về cái đầu của ông.” - Van Gelder nói - “Nhưng tôi phải sớm còng tay vị đối thủ đáng gờm nhất và có ý thức nhất trong cuộc chơi này. Thôi được, ánh trăng đã khuất sau đám mây đen. Một phút nữa, tôi sẽ đi. Và anh biết không, chỉ ba phút nữa tôi sẽ ở trên đất liền.”

Tôi nhìn hẩn trăn trăn mà lòng không tin. “Anh sẽ xuống?”

“Dĩ nhiên - tôi còn có thể làm gì khác được nữa? Nhưng không hoàn toàn theo cách anh tưởng tượng đâu. Tôi đã nhìn thấy hàng rào cảnh sát dưới đó, nhưng chắc là không ai nắm được sự thật là đỉnh cần câu vươn qua con sông đào và ít ra cũng là mười tám mét bên trên hàng rào đó. Tôi đã hạ thấp đầu của nó xuống đến mức có thể.”

Đầu tôi đau quá nên không thể nào đưa ra một bình luận thích hợp: trong những hoàn cảnh thế này thì chắc là không... Van Gelder đã đeo súng lên vai và đeo con rối bằng một sợi dây trên vai khác. Sau đó hẩn nói nhẹ nhàng. “Thôi... mặt trăng đã khuất sau mây rồi.”

Van Gelder chỉ nhìn đêm tối một cách lơ đãng không cần quan tâm khi hẩn đi qua cửa để vào mặt trước cabin gần bàn điều khiển, mở ra rồi bước ra ngoài.

“Chào, Van Gelder.” Tôi nói. Nhưng hẩn không đáp lời. Cánh cửa đóng lại và chúng tôi còn lại một mình. Belinda ngay khi đó đã

nắm lấy cánh tay bị còng của tôi.

“Em biết anh sẽ đến,” cô thì thào nói, “nhưng anh đã mất thời gian về việc này, phải không?”

“Thì cũng giống như anh đã nói với em - các sếp luôn luôn có những công việc chờ đợi họ.”

“Và anh thì thế nào? - anh đã phải nói tạm biệt với một tên phản bội như vừa rồi?”

“Anh nghĩ như thế thì tốt hơn - vì anh sẽ chẳng bao giờ còn gặp lại hắn nữa. Hắn sẽ không còn sống được bao lâu.” Tôi sờ soạng trong túi áo vét bên phải. “Ai đã nghĩ đến điều đó? Phải chăng Van Gelder, là đao phủ của chính bản thân hắn.”

“Anh nói sao?”

“Ý của hắn là cho anh mượn một chiếc ô tô cảnh sát để anh có thể được nhận ra ngay và được theo dõi một cách dễ dàng ở bất cứ nơi nào anh đi đến. Anh có một đôi còng tay - Anh đã dùng nó để còng tay Goodbody. Và chìa khóa cho còng tay đó là đây.”

Tôi mở khóa chiếc còng tay, đứng lên rồi đi đến mặt trước của cabin. Ánh trăng đang đằng sau một đám mây, tốt lắm, nhưng Van Gelder đã đánh giá quá cao độ dày đặc của đám mây. Phải thừa nhận là không có hơn một lớp ánh sáng yếu ớt nào trên bầu trời, nhưng cũng đủ cho tôi nhìn thấy Van Gelder giờ đây đã cách chỗ cabin chúng tôi mười hai mét, vạt sau chiếc áo vét của hắn và áo dài của con rối đang phần phật trong gió to, khi hắn bước xuống rất gấp cứ như một con cua khổng lồ bước qua khung là những thanh kim loại bắt chéo nhau của cần máy trục.

Chiếc đèn nháy bút chì là một trong vài thứ ít ỏi mà tôi mang theo mình trong ngày hôm đó. Tôi đã dùng nó để định vị một người vi phạm pháp luật ở trên cao và lôi nó xuống. Đèn được bật sáng trên bảng điều khiển và tôi nghiên cứu nó một lúc. Tôi nhận thấy lúc này Belinda cũng đang đứng cạnh tôi.

“Anh đang làm gì đấy?” Cô quay lại và thì thầm điều gì đấy.

“Anh có phải giải thích?”

“Không, không! Anh không cần giải thích cho em.”

Tôi không nghĩ là cô đã biết chính xác những gì tôi đang dự định, nhưng từ những gì đấy chắc phải là một thành tố nào đó dứt khoát không thay đổi được trong giọng nói của tôi, nên rõ ràng là cô đã đoán được kết quả của hành động tôi sắp thực hiện lúc này là rất tự nhiên. Tôi lại nhìn Van Gelder bây giờ đã đi được ba phần tư đoạn đường đến đỉnh của cần máy trục, sau đó tôi quay sang Belinda và đặt tay tôi lên vai cô.

“Em xem, em biết là chúng ta chẳng bao giờ tỏ ra có điều gì đấy chống lại Van Gelder, phải không? Em biết là hắn có thể đã hủy hoại hàng nghìn mạng sống. Và em cũng biết hắn đã mang theo người đủ lượng heroin để phá hủy hàng nghìn người khác, phải không?”

“Anh có thể điều khiển đổi hướng cần máy trục. Để hắn sẽ rơi vào đúng vòng vây của cảnh sát?”

“Nhưng họ sẽ không bao giờ tóm được Van Gelder còn sống. Anh biết điều đó, em cũng biết như thế. Và hắn mang theo người một khẩu súng của bọn khủng bố. Vậy em muốn có thêm bao nhiêu người tốt chết nữa, Belinda?”

Cô không nói gì và quay đi. Tôi nhìn xuống một lần nữa. Van Gelder đã đến đỉnh của cần máy trục và không lãng phí một phút, ngay lập tức hắn nhảy chỗ này chỗ kia che phủ chân và tay hắn quanh dây cáp và đã bắt đầu trượt dịch chuyển trong sự vội vàng và có vẻ như hắn đã hấp tấp một cách quá đáng, trên khoảng không bao la những đám mây đang thưa đi một cách nhanh chóng, và cường độ ánh sáng trên bầu trời lúc này đang tăng lên.

Tôi nhìn xuống và lần đầu tiên mới nhìn thấy rõ các đường phố Amsterdam, nhưng chúng không còn là Amsterdam nữa, mà nó giống như một đô thị đồ chơi trẻ em với những đường phố nhỏ, con sông đào bé tí và những ngôi nhà nhỏ xíu, trông chẳng khác chi các mô hình

đường sắt có tỷ lệ thu nhỏ mà người ta có thể nhìn thấy chúng trong các cửa hàng lớn ngày lễ Giáng sinh.

Tôi nhìn lại sau. Belinda đang ngồi trên sàn cabin, hai tay ôm mặt. Cô đang chứng tỏ rằng cô không thể nhìn những gì sắp xảy ra. Tôi lại nhìn về phía dây cáp, và lần này thì không khó khăn chút nào để trông thấy Van Gelder một cách rõ ràng, nhất là ánh trăng lúc này đã ló ra khỏi đám mây.

Bây giờ hắn đã xuống đến nửa đường, đang bắt đầu đu đưa từ phía này sang phía khác khi gió thổi mạnh, làm tăng cái hình cung quả lắc của hắn. Tôi sờ vào một bánh xe và vận sang bên trái.

Dây cáp bắt đầu cao lên và Van Gelder cũng như trèo lên cao cùng với nó, hắn là hắn phải ngạc nhiên mà cứng người lại trên dây cáp. Nhưng sau đó, hắn đã nhận ra những gì đang xảy ra rồi bắt đầu trượt xuống dưới và tăng tốc độ trượt lên rất nhiều, ít ra là gấp ba lần so với dây cáp nâng lên.

Tôi có thể nhìn thấy cái móc khổng lồ ở cuối dây cáp, không phải là mười hai mét bên dưới Van Gelder. Tôi tập trung điều chỉnh và điều chỉnh, Van Gelder bám chặt lấy dây cáp bất động. Tôi biết tôi phải làm những gì mình cần làm, nhưng tôi muốn nó kết thúc nhanh lên và kết thúc càng nhanh càng nhân đạo. Tôi vận bánh xe sang bên phải, dây cáp bắt đầu hạ xuống với tốc độ nhanh nhất của nó, sau đó tôi lại đột ngột chình vào giữa. Tôi có thể cảm thấy người tôi thỉnh thoảng bị giật mạnh khi dây cáp nâng lên cho đến khi nó đột ngột đứng khựng lại. Hai tay chân Van Gelder không còn kẹp chặt lấy cáp được nữa mà đã buông ra, và vào thời điểm đó tôi nhắm mắt lại. Một hai giây sau tôi mở mắt ra trông đợi nhìn thấy dây cáp không và không còn nhìn thấy Van Gelder nữa, nhưng lạ thay hắn vẫn còn đó, không còn bám vào cáp nữa, hắn nằm, mặt úp xuống, xuyên qua cái móc khổng lồ đang đu đưa đi tới đi lui trong cái hình cung nặng, mười sáu mét bên trên các ngôi nhà của thủ đô Amsterdam. Tôi quay đi, bước đến chỗ Belinda ngồi, cúi xuống và cầm lấy tay cô đang che mặt. Cô ngược nhìn tôi, và

tôi đã trông đợi nhìn thấy sự khiếp sợ trên mặt Belinda, nhưng không, mà chỉ có nỗi buồn, sự mệt mỏi, dường như cô gái đó đã không còn cảm giác sợ hãi trên mặt mình nữa.

“Tất cả đã kết thúc?” - Cô thì thầm.

“Đã kết thúc.”

“Và chị Maggie đã chết.”

Tôi không nói gì.

“Tại sao chị Maggie phải chết mà không phải là em?”

“Anh không biết, Belinda.”

“Maggie rất hiểu công việc của chị ấy, phải không?”

“Maggie tốt lắm.”

“Thế còn em?”

Tôi không nói gì.

“Anh không phải nói với em.” Cô nói một cách buồn tẻ. “Lẽ ra anh nên đẩy Van Gelder xuống từ cầu thang trong nhà kho, hoặc đẩy hẳn xuống sông đào hay đánh bật hẳn khỏi các bậc trên cầu cầu, hoặc ... hoặc...” Cô nói một cách ngạc nhiên, “Hắn đã không bắn vào em bất cứ lúc nào.”

“Hắn không làm như thế được, Belinda.”

“Anh biết ư?”

“Anh biết.”

“Nữ điệp viên, cấp bậc hạng nhất.” Cô nói một cách cay đắng. “Công việc hạng nhất trong chống ma túy...”

“Và là công việc cuối cùng trong ma túy.”

“Em biết.” - Cô cười một cách thiếu não. “Em đã bị thải hồi.”

“Đó là người cộng tác thân mến của tôi,” tôi nói với vẻ hài lòng. “Ít ra thì em cũng biết những điều lệ hoặc là các điều lệ có liên quan đến em.” Belinda trăn trăn mắt nhìn tôi hồi lâu, sau đó một nụ cười nở chậm chậm trên đôi môi cô đêm hôm đó. “Đó là một vấn đề,” tôi nói, “Đã lấy vợ thì không được phép để cho người phụ nữ đó vẫn ở lại

trong mặt vụn nữa.” Cô đã gục mặt vào vai tôi, nước nỡ, mặt cô méo đi và buồn rầu vô hạn.

Tôi nhìn qua đầu có mái tóc vàng hoe của Belinda, rồi nhìn khoảng không gian bên trên và dưới. Cái móc khổng lồ với vật nặng ghê tởm của nó vẫn đang đu đưa và tại một đầu cáp có khẩu súng và con rối đã trượt khỏi vai Van Gelder và rơi xuống. Chúng rơi xuống những đồng sỏi rải đường ở phía xa của phố cạnh sông đào lúc này không có người, khẩu súng dữ dằn và con rối xinh đẹp từ Huyler, giống như một quả lắc khổng lồ của cái đồng hồ khổng lồ, của dây cáp, cái móc to lớn và đu đưa xác con người từng được De Graaf hết sức tin cẩn thành những hình cung cứ tăng mãi lên trong bầu trời đêm của thủ đô Amsterdam.

HẾT

^[1] pas de deux: không phải nhảy đôi.

[2] faux: tõi.

[3] au fait: không thích hợp.

[4] au revoir: tạm biệt.

Mục Lục

1. [Lời giới thiệu](#)
2. [1](#)
3. [2](#)
4. [3](#)
5. [4](#)
6. [5](#)
7. [6](#)
8. [7](#)
9. [8](#)
10. [9](#)
11. [10](#)
12. [11](#)
13. [12](#)
14. [13](#)
15. [14](#)

Table of Contents

Lời giới thiệu

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14